DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG

Học kỳ 1 Năm học 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 475 /QĐ-HVTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc HVTC)

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1	Trần Tiến Đạt	63.14.01.01	Cơ bản	26/09/2007	3.00	83	Khá	
2	Bùi Quốc Kiên	63.14.01.01	Cơ bản	01/11/2007	2.73	88	Khá	
3	Phạm Gia Bình	63.14.01.02	Cơ bản	31/10/2007	3.15	87	Khá	
4	Phạm Minh Thu	63.14.01.02	Cơ bản	11/09/2007	3.12	83	Khá	
5	Nguyễn Lê Ngọc Vy	63.14.01.02	Cơ bản	18/08/2007	3.04	86	Khá	
6	Trần Thị Ngọc Ánh	63.18.01.01	Cơ bản	20/07/2007	3.12	84	Khá	
7	Đỗ Thu Trà	63.18.01.01	Cơ bản	08/02/2007	3.00	82	Khá	
8	Ngô Khánh Chi	63.18.01.01	Cơ bản	26/02/2007	2.92	84	Khá	
9	Lã Tiến Thành	63.18.01.01	Cơ bản	18/05/2007	3.19	82	Khá	
10	Phạm Thị Thùy Trang	63.18.01.01	Cơ bản	02/12/2007	2.85	84	Khá	
11	Đặng Thị Thanh Tâm	63.18.01.01	Cơ bản	03/10/2007	3.15	88	Khá	
12	Đinh Thị Nhung	63.18.01.02	Cơ bản	16/02/2007	3.15	82	Khá	
13	Nguyễn Lê Minh Hương	63.18.01.02	Cơ bản	05/03/2007	2.85	82	Khá	
14	Đinh Vũ Long	63.18.01.02	Cơ bản	01/05/2007	3.19	86	Khá	
15	Ngô Gia Hân	63.18.01.02	Cơ bản	02/01/2007	3.00	84	Khá	
16	Trương Thúy Hằng	63.18.01.02	Cơ bản	08/09/2007	2.73	83	Khá	
17	Nguyễn Tuấn Tú	63.18.01.02	Cơ bản	26/02/2007	3.19	83	Khá	
18	Nguyễn Đại Dương	63.18.01.02	Cơ bản	13/06/2007	3.15	82	Khá	
19	Nguyễn Thị Thanh Phượng	63.18.01.02	Cơ bản	25/12/2007	3.19	83	Khá	
20	Nguyễn Hương Giang	63.18.01.02	Cơ bản	29/09/2007	3.00	86	Khá	
21	Nguyễn Đình Minh Hiếu	63.18.01.02	Cơ bản	28/02/2007	3.04	85	Khá	
22	Lê Như Thu Nguyệt	63.18.01.02	Cơ bản	05/12/2007	2.77	85	Khá	
23	Trần Văn Định	60/41.01	HTTTKT	10/01/2004	2.53	85	Khá	
24	Nguyễn Thành Tâm	60/41.01	HTTTKT	29/07/2004	3.19	85	Khá	
25	Vũ Tuấn Huy	60/41.01	HTTTKT	14/11/2004	2.94	83	Khá	
26	Đào Trung Thành	60/41.01	HTTTKT	15/05/2004	3.06	77	Khá	
27	Nguyễn Khắc Mạnh	60/41.01	HTTTKT	16/12/2004	3.19	86	Khá	
28	Phan Thị Ngọc	60/41.01	HTTTKT	02/02/2004	2.78	84	Khá	
29	Trịnh Thị Minh Thư	60/41.01	HTTTKT	25/08/2004	2.69	85	Khá	
30	Nguyễn Minh Quân	60/41.01	HTTTKT	01/12/2004	2.58	85	Khá	
31	Nguyễn Thành Hưng	60/41.01	HTTTKT	12/11/2004	3.03	85	Khá	
32	Trần Thị Bình	60/41.01	HTTTKT	14/04/2003	2.97	83	Khá	
33	Trần Phạm Thái Vũ	60/41.02	HTTTKT	05/01/2004	2.89	82	Khá	
34	Nguyễn Phúc Mạnh	60/41.02	HTTTKT	03/05/2004	3.06	83	Khá	
35	Hà Nhật Anh	60/41.02	HTTTKT	05/08/2004	2.94	82	Khá	
36	Nhữ Đình Thắng	60/41.02	HTTTKT	18/05/2004	3.03	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
37	Thiều Lê Dũng	60/41.02	HTTTKT	15/08/2004	3.08	82	Khá	
38	Nguyễn Thị Hồng Liên	60/41.02	HTTTKT	02/08/2004	3.11	84	Khá	
39	Hoàng Thị Thu Hà	60/41.03	HTTTKT	23/09/2004	2.97	83	Khá	
40	Nguyễn Hồng Anh	60/41.03	HTTTKT	24/09/2004	2.92	82	Khá	
41	Vũ Ngọc Anh	60/41.03	HTTTKT	16/10/2004	2.86	82	Khá	
42	Tạ Vân Khánh	60/41.03	HTTTKT	20/12/2004	2.86	82	Khá	
43	Trần Hoàng Bảo Linh	60/41.03	HTTTKT	30/11/2004	3.17	83	Khá	
44	Nguyễn Đức Tuấn	60/41.03	HTTTKT	12/06/2004	3.08	82	Khá	
45	Bùi Thị Phương Linh	60/41.03	HTTTKT	19/09/2004	3.17	86	Khá	
46	Trần Quang Bảo	60/41.03	HTTTKT	17/08/2004	2.83	83	Khá	
47	Nguyễn Cảnh Công	60/41.03	HTTTKT	02/09/2004	3.17	87	Khá	
48	Cao Thị Phương Thanh	60/41.04	HTTTKT	25/04/2004	3.00	82	Khá	
49	Trần Thu Trang	60/41.04	HTTTKT	01/05/2004	3.11	86	Khá	
50	Vũ Hoàng Cúc	60/41.04	HTTTKT	11/02/2004	3.08	83	Khá	
51	Bùi Thị Thùy	60/41.04	HTTTKT	17/04/2003	2.97	82	Khá	
52	Nguyễn Hiền Minh	60/41.04	HTTTKT	01/01/2004	3.19	87	Khá	
53	Phan Hà An	60/41.04	HTTTKT	25/04/2003	2.50	82	Khá	
54	Trần Thị Cẩm Ly	61/41.01	HTTTKT	08/08/2005	2.95	82	Khá	
55	Đỗ Thế Anh	61/41.01	HTTTKT	03/10/2005	2.85	83	Khá	
56	Nguyễn Khánh Linh	61/41.01	HTTTKT	03/09/2005	2.95	82	Khá	
57	Bùi Kim Ngân	61/41.01	HTTTKT	15/01/2005	3.15	87	Khá	
58	Vương Tường Vân	61/41.01	HTTTKT	26/01/2005	2.65	84	Khá	
59	Lê Huyền Trang	61/41.01	HTTTKT	18/01/2005	2.60	85	Khá	
60	Phạm Đức Anh	61/41.01	HTTTKT	06/02/2005	2.68	83	Khá	
61	Lê Quang Hiếu	61/41.01	HTTTKT	01/10/2005	2.80	89	Khá	
62	Nguyễn Phú Thái	61/41.01	HTTTKT	04/11/2005	3.03	84	Khá	
63	Trần Nhật Anh	61/41.01	HTTTKT	16/07/2005	2.65	85	Khá	
64	Hà Ngọc Thảo	61/41.02	HTTTKT	24/01/2005	2.50	89	Khá	
65	Phùng Thị Thảo Linh	61/41.02	HTTTKT	14/02/2005	3.10	89	Khá	
66	Trần Ngọc Khánh	61/41.02	HTTTKT	02/09/2005	2.83	85	Khá	
67	Nguyễn Hương Thảo Ly	61/41.02	HTTTKT	29/03/2005	3.05	86	Khá	
68	Nguyễn Đình Tú	61/41.02	HTTTKT	11/12/2005	2.53	89	Khá	
69	Lê Đức Bình An	61/41.02	HTTTKT	06/12/2005	3.00	83	Khá	
70	Nguyễn Thị Huyền	61/41.03	HTTTKT	13/02/2004	3.18	85	Khá	
71	Trần Anh Tuấn	61/41.03	HTTTKT	19/05/2005	2.93	89	Khá	
72	Phạm Thị Tuyến	61/41.03	HTTTKT	19/02/2005	2.53	82	Khá	
73	Nguyễn Hà Phương Anh	61/41.03	HTTTKT	25/10/2005	3.15	83	Khá	
74	Nguyễn Minh Tùng	61/41.04	HTTTKT	11/03/2001	2.70	82	Khá	
75	Nguyễn Minh Dung	61/41.04	HTTTKT	15/03/2005	3.03	88	Khá	
76	Nguyễn Phương Anh	61/41.04	HTTTKT	20/09/2005	2.58	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
77	Nguyễn Đức Mạnh	61/41.04	HTTTKT	18/10/2005	2.93	84	Khá	
78	Hoàng Xuân Phúc	61/41.04	HTTTKT	23/08/2005	2.78	86	Khá	
79	Nguyễn Quang Huy	61/41.04	HTTTKT	22/02/2005	3.08	83	Khá	
80	Nguyễn Tiến Đạt	61/41.04	HTTTKT	27/03/2005	2.63	81	Khá	
81	Lê Thị Quỳnh Chi	61/41.04	HTTTKT	18/04/2005	3.10	88	Khá	
82	Nguyễn Văn Quang	62/41.01	HTTTKT	06/11/2006	2.93	82	Khá	
83	Đoàn Thu Phương	62/41.01	HTTTKT	03/12/2006	3.08	83	Khá	
84	Nguyễn Thị Kim Dung	62/41.01	HTTTKT	21/10/2006	3.18	83	Khá	
85	Trần Hoàng Việt	62/41.01	HTTTKT	01/11/2006	2.60	82	Khá	
86	Nguyễn Thị Yến Nhi	62/41.01	HTTTKT	10/01/2006	2.85	83	Khá	
87	Trần Thị Hương Giang	62/41.01	HTTTKT	03/12/2006	2.58	82	Khá	
88	Cao Văn Hiếu	62/41.01	HTTTKT	18/09/2006	2.78	82	Khá	
89	Trần Thảo Nguyên	62/41.01	HTTTKT	10/02/2006	3.00	87	Khá	
90	Trần Trung Kiên	62/41.01	HTTTKT	14/06/2005	2.85	87	Khá	
91	Phạm Gia Bảo	62/41.01	HTTTKT	19/11/2006	2.75	83	Khá	
92	Phạm Mai Hương	62/41.01	HTTTKT	27/04/2006	3.15	88	Khá	
93	Phan Ngọc Hưng	62/41.01	HTTTKT	14/11/2006	2.98	82	Khá	
94	Bùi Ngọc Khánh	62/41.02	HTTTKT	16/02/2006	3.10	82	Khá	
95	Nguyễn Đức Vinh	62/41.02	HTTTKT	25/02/2006	3.13	84	Khá	
96	Nguyễn Văn Tiến	62/41.02	HTTTKT	15/09/2006	2.70	87	Khá	
97	Nguyễn Mai Tâm	62/41.02	HTTTKT	02/12/2006	2.78	82	Khá	
98	Đặng Giang Gia Bảo	62/41.02	HTTTKT	07/06/2006	3.03	84	Khá	
99	Lã Trang Linh	62/41.03	HTTTKT	03/12/2006	3.13	83	Khá	
100	Đặng Ngọc Quân	62/41.03	HTTTKT	15/01/2006	2.68	82	Khá	
101	Đỗ Thị Ngọc Ánh	62/41.03	HTTTKT	10/02/2006	2.90	82	Khá	
102	Trần Mạnh Thắng	62/41.03	HTTTKT	26/09/2006	2.50	83	Khá	
103	Trần Anh Tuấn	62/41.03	HTTTKT	30/03/2006	3.10	83	Khá	
104	Nguyễn Thảo Ly	62/41.03	HTTTKT	03/11/2006	2.75	82	Khá	
105	Trần Trung Nhật	62/41.03	HTTTKT	22/09/2005	2.98	82	Khá	
106	Phạm Phương Mai	62/41.03	HTTTKT	30/04/2006	2.55	83	Khá	
107	Nguyễn Ngọc Nam Phương	62/41.03	HTTTKT	05/08/2006	2.98	83	Khá	
108	Nguyễn Huyền Trang	62/41.04	HTTTKT	16/10/2006	3.13	86	Khá	
109	Nguyễn Như Thảo	62/41.04	HTTTKT	09/02/2006	2.93	85	Khá	
110	Nguyễn Hoàng Thùy Dương	62/41.04	HTTTKT	27/01/2006	3.08	88	Khá	
111	Ngô Yến Nhi	62/41.04	HTTTKT	07/12/2006	2.73	84	Khá	
112	Trần Thị Lan Anh	62/41.04	HTTTKT	23/07/2005	3.13	82	Khá	
113	Ngô Gia Phú	62/41.04	HTTTKT	20/01/2006	3.15	83	Khá	
114	Phan Khánh Hoài	62/41.04	HTTTKT	27/11/2005	3.13	84	Khá	
115	Nguyễn Thu Phương	62/41.04	HTTTKT	23/07/2006	2.95	86	Khá	
116	Nguyễn Văn Quân	63.04.01.01	HTTTKT	19/05/2007	2.97	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
117	Trần Minh Anh	63.04.01.01	HTTTKT	17/09/2007	2.66	83	Khá	
118	Trần Quỳnh Anh	63.04.01.01	HTTTKT	12/12/2007	2.94	82	Khá	
119	Nguyễn Nhật Duy	63.04.01.01	HTTTKT	23/04/2007	3.13	82	Khá	
120	Nguyễn Phan Huyền Trang	63.04.01.01	HTTTKT	15/06/2007	3.03	83	Khá	
121	Nguyễn Phùng Thiên Phúc	63.04.01.02	HTTTKT	18/01/2007	2.72	83	Khá	
122	Nguyễn Đình Luân	63.04.01.02	HTTTKT	29/12/2006	2.72	83	Khá	
123	Triệu Trung Quốc	63.04.01.02	HTTTKT	21/01/2006	2.59	83	Khá	
124	Trương Thị Nguyên Phương	63.04.01.02	HTTTKT	31/05/2006	3.16	83	Khá	
125	Nguyễn Tùng Lâm	63.04.01.02	HTTTKT	15/10/2006	3.16	83	Khá	
126	Nông Như Quỳnh	63.04.01.02	HTTTKT	16/07/2006	2.91	83	Khá	
127	Phạm Gia Huy	63.04.01.02	HTTTKT	09/07/2007	3.16	82	Khá	
128	Lê Thị Thảo Ly	63.04.01.02	HTTTKT	21/05/2007	3.16	85	Khá	
129	Nguyễn Thị Anh Thư	63.04.01.02	HTTTKT	17/09/2007	3.00	82	Khá	
130	Phạm Thị Tú Anh	63.04.01.02	HTTTKT	19/06/2006	3.19	83	Khá	
131	Nguyễn Nam Sơn	63.13.01.01	HTTTKT	22/09/2007	3.15	85	Khá	
132	Hoàng Đức Lượng	63.13.01.01	HTTTKT	13/11/2007	2.80	84	Khá	
133	Hoàng Tấn Minh	63.13.01.01	HTTTKT	24/11/2007	2.90	83	Khá	
134	Đỗ Bùi Thế Dương	63.13.01.01	HTTTKT	25/04/2007	2.95	83	Khá	
135	Nguyễn Quang Trung	63.13.01.01	HTTTKT	02/02/2007	3.15	84	Khá	
136	Lê Phương Dung	63.13.01.02	HTTTKT	11/08/2007	3.05	86	Khá	
137	Phan Huy Hoàng	63.13.01.02	HTTTKT	21/07/2007	3.05	82	Khá	
138	Đỗ Thị Thu Trang	63.13.01.02	HTTTKT	01/10/2007	3.10	84	Khá	
139	Nguyễn Quốc Việt	63.13.01.02	HTTTKT	01/10/2007	3.10	83	Khá	
140	Phan Trọng Nghĩa	63.13.01.02	HTTTKT	22/03/2007	2.95	83	Khá	
141	Trần Hương Giang	60/21.01	Kế toán	07/03/2004	2.72	83	Khá	
142	Nguyễn Vân Anh	60/21.01	Kế toán	23/10/2004	3.06	86	Khá	
143	Phan Thị Thùy Trang	60/21.01	Kế toán	20/02/2004	2.92	89	Khá	
144	Vũ Phương Anh	60/21.01	Kế toán	21/11/2004	2.92	84	Khá	
145	Nguyễn Bảo Ninh	60/21.01	Kế toán	13/06/2004	3.06	86	Khá	
146	Phạm Thúy Hiền	60/21.01	Kế toán	24/05/2004	3.14	84	Khá	
147	Vương Thu Hoài	60/21.01	Kế toán	28/08/2003	2.58	84	Khá	
148	Quản Xuân An	60/21.01CLC	Kế toán	01/05/2004	3.18	84	Khá	
149	Đỗ Hoàng Lâm	60/21.01CLC	Kế toán	22/12/2003	2.50	85	Khá	
150	Chu Quang Minh	60/21.01CLC	Kế toán	24/11/2003	3.16	84	Khá	
151	Nguyễn Minh Hiếu	60/21.01CLC	Kế toán	16/01/2004	2.66	88	Khá	
152	Nguyễn Đức Dũng	60/21.02	Kế toán	21/01/2004	3.19	84	Khá	
153	Nguyễn Thị Hảo	60/21.02	Kế toán	19/02/2004	2.56	84	Khá	
154	Nông Thị Thanh Trà	60/21.02	Kế toán	27/01/2003	2.50	84	Khá	
155	Nguyễn Thị Lan	60/21.02	Kế toán	23/03/2004	3.06	84	Khá	
156	Nguyễn Khánh Chi	60/21.02	Kế toán	24/09/2004	2.94	88	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
157	Trần Lê Huyền Trang	60/21.02	Kế toán	22/06/2004	2.86	88	Khá	
158	Bùi Thị Thu Huyền	60/21.02	Kế toán	31/10/2004	3.14	84	Khá	
159	Mai Ái Linh	60/21.02CLC	Kế toán	31/10/2004	3.00	84	Khá	
160	Nguyễn Ngọc Nhi	60/21.02CLC	Kế toán	03/11/2004	3.13	84	Khá	
161	Trần Lan Hương	60/21.03	Kế toán	16/06/2004	3.17	84	Khá	
162	Nguyễn Phương Anh	60/21.03	Kế toán	16/11/2003	3.19	84	Khá	
163	Bá Phương Anh	60/21.03	Kế toán	08/10/2004	3.11	90	Khá	
164	Đỗ Minh Ngọc	60/21.03	Kế toán	22/11/2004	3.19	83	Khá	
165	Vũ Thảo Nguyên	60/21.03	Kế toán	18/05/2004	2.94	86	Khá	
166	Vũ Hương Giang	60/21.03	Kế toán	16/12/2004	3.14	84	Khá	
167	Phan Công Đạt	60/21.03	Kế toán	27/12/2004	3.17	84	Khá	
168	Ngô Hiền Trang	60/21.03	Kế toán	03/03/2003	3.03	84	Khá	
169	Nguyễn Quế Hưng	60/21.03	Kế toán	13/06/2004	3.17	84	Khá	
170	Hoàng Diệu Minh	60/21.03	Kế toán	22/06/2004	2.83	89	Khá	
171	Trần Thị Ngọc Linh	60/21.03	Kế toán	16/11/2004	2.56	88	Khá	
172	Lê Nguyễn Quang Huy	60/21.03CLC	Kế toán	20/01/2004	2.84	84	Khá	
173	Bùi Phương Linh	60/21.03CLC	Kế toán	23/05/2004	3.18	88	Khá	
174	Nguyễn Lan Phương	60/21.03CLC	Kế toán	23/02/2004	3.05	88	Khá	
175	Trần Nam Quốc	60/21.03CLC	Kế toán	06/05/2004	3.00	84	Khá	
176	Phạm Văn Hoàn	60/21.03CLC	Kế toán	07/11/2003	3.08	88	Khá	
177	Phạm Thị Ngọc Lương	60/21.03CLC	Kế toán	06/04/2004	3.05	88	Khá	
178	Nguyễn Hà Phương	60/21.04	Kế toán	26/10/2004	3.00	83	Khá	
179	Phạm Hải Linh	60/21.04	Kế toán	21/03/2004	2.97	83	Khá	
180	Nguyễn Ngọc Khánh Chi	60/21.04	Kế toán	30/11/2004	2.94	83	Khá	
181	Lê Thị Veo	60/21.04	Kế toán	27/05/2002	3.14	92	Khá	
182	Vũ Thị Hằng Nga	60/21.04	Kế toán	10/05/2004	3.06	84	Khá	
183	Nguyễn Thị Hằng	60/21.04	Kế toán	25/09/2004	3.08	83	Khá	
184	Nguyễn Thành Anh	60/21.04	Kế toán	06/08/2004	2.64	84	Khá	
185	Đặng Thị Thu Mai	60/21.04	Kế toán	05/10/2004	3.19	84	Khá	
186	Lại Ngọc Châm	60/21.04	Kế toán	15/07/2004	2.97	84	Khá	
187	Hoàng Tố Quyên	60/21.04	Kế toán	27/01/2004	3.06	83	Khá	
188	Vũ Thị Anh Thư	60/21.04	Kế toán	24/05/2004	2.94	84	Khá	
189	Chu Mai Thảo	60/21.04CLC	Kế toán	01/09/2004	3.11	88	Khá	
190	Nguyễn Hoàng Hải An	60/21.04CLC	Kế toán	22/06/2004	2.92	84	Khá	
191	Nguyễn Hải Linh	60/21.05	Kế toán	30/09/2003	3.11	83	Khá	
192	Nguyễn Thảo Anh	60/21.05	Kế toán	02/11/2004	2.81	83	Khá	
193	Trần Thu Hương	60/21.05	Kế toán	24/04/2004	3.14	83	Khá	
194	Đoàn Bảo Linh	60/21.05CLC	Kế toán	14/01/2004	3.16	84	Khá	
195	Nguyễn Yến Nhi	60/21.05CLC	Kế toán	10/02/2004	3.16	88	Khá	
196	Hà Hồng Nhung	60/21.06	Kế toán	11/11/2004	2.83	88	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
197	Vũ Thị Huyền	60/21.06	Kế toán	26/08/2004	3.00	84	Khá	
198	Vũ Thị Huyền Trang	60/21.06	Kế toán	31/07/2004	3.19	84	Khá	
199	Nguyễn Phương Thúy	60/21.06	Kế toán	01/08/2004	3.14	84	Khá	
200	Ma Thị Tú Uyên	60/21.06	Kế toán	24/02/2004	3.17	84	Khá	
201	Lê Khôi Nguyên	60/21.06CLC	Kế toán	29/02/2004	2.84	83	Khá	
202	Nguyễn Kỳ Duyên	60/21.06CLC	Kế toán	07/07/2003	3.16	88	Khá	
203	Hoàng Khánh Hưng	60/21.06CLC	Kế toán	06/06/2004	2.87	88	Khá	
204	Nguyễn Ngọc Ánh	60/21.06CLC	Kế toán	30/09/2004	3.18	83	Khá	
205	Hà Thị Thu Lý	60/21.06CLC	Kế toán	20/08/2004	2.89	88	Khá	
206	Nguyễn Hải Huyền	60/21.06CLC	Kế toán	13/11/2004	2.95	83	Khá	
207	Vũ Đức Minh	60/21.07	Kế toán	17/06/2004	2.64	88	Khá	
208	Bùi Thị Lan Phương	60/21.07	Kế toán	02/07/2004	2.94	83	Khá	
209	Nguyễn Ánh Dương	60/21.07	Kế toán	11/12/2004	2.97	83	Khá	
210	Lo Thị Như Quỳnh	60/21.07	Kế toán	25/10/2004	3.17	84	Khá	
211	Ngô Ngọc Dung	60/21.07	Kế toán	15/09/2004	2.53	84	Khá	
212	Nguyễn Khắc Tiến	60/21.07	Kế toán	22/07/2004	2.67	83	Khá	
213	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	60/21.07	Kế toán	10/11/2004	2.53	84	Khá	
214	Đinh Thị Ngọc Vân	60/21.08	Kế toán	22/04/2004	2.75	89	Khá	
215	Nguyễn Thị Nhung	60/21.08	Kế toán	14/08/2004	2.72	85	Khá	
216	Hoàng Mỹ Hoa	60/21.08	Kế toán	20/09/2003	2.75	83	Khá	
217	Hoàng Thị Huệ	60/21.08	Kế toán	30/09/2004	3.19	85	Khá	
218	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	60/21.08	Kế toán	21/12/2004	3.06	88	Khá	
219	Đào Xuân Bách	60/21.08	Kế toán	08/05/2004	2.58	85	Khá	
220	Phạm Thanh Ngân	60/21.08	Kế toán	02/10/2004	2.86	84	Khá	
221	Nguyễn Thị Lan Anh	60/21.08	Kế toán	20/05/2004	3.00	88	Khá	
222	Lại Thị Trang	60/21.08CLC	Kế toán	21/11/2004	3.11	86	Khá	
223	Đỗ Thị Biên Thùy	60/21.08CLC	Kế toán	06/04/2004	3.13	84	Khá	
224	Đinh Thị Xuân Mai	60/21.08CLC	Kế toán	14/06/2004	3.08	83	Khá	
225	Đỗ Mai Chi	60/21.09	Kế toán	19/10/2004	2.50	88	Khá	
226	Phạm Thị Thu Hà	60/21.09	Kế toán	21/06/2004	2.56	85	Khá	
227	Mai Quỳnh Hương	60/21.09	Kế toán	06/02/2004	2.97	85	Khá	
228	Phạm Phương Dung	60/21.09	Kế toán	14/05/2004	3.19	87	Khá	
229	Hoàng Thị Thanh Chúc	60/21.09	Kế toán	10/02/2004	2.97	85	Khá	
230	Nguyễn Thùy Dương	60/21.09	Kế toán	16/03/2004	3.11	86	Khá	
231	Nguyễn Phương Thảo	60/21.09	Kế toán	26/06/2004	3.00	86	Khá	
232	Ma Thị Thêu	60/21.09	Kế toán	28/02/2003	2.75	84	Khá	
233	Hoàng Thanh Hoa	60/21.09	Kế toán	24/03/2003	2.72	85	Khá	
234	Đỗ Quang Huy	60/21.09	Kế toán	10/09/2004	2.69	85	Khá	
235	Trần Thị Lan Anh	60/21.09	Kế toán	15/08/2004	3.17	86	Khá	
236	Võ Khánh Khương	60/21.09	Kế toán	06/02/2004	2.86	86	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
237	Nguyễn Như Sơn	60/21.09CLC	Kế toán	22/10/2004	2.82	84	Khá	
238	Trần Thị Thảo	60/21.09CLC	Kế toán	14/01/2004	2.82	84	Khá	
239	Đinh Vũ Bích Ngọc	60/21.09CLC	Kế toán	22/02/2004	3.05	84	Khá	
240	Trần Yến Nhi	60/21.09CLC	Kế toán	18/10/2003	2.78	84	Khá	
241	Vũ Quang Minh	60/21.09CLC	Kế toán	15/12/2004	3.18	84	Khá	
242	Nguyễn Thị Ngọc	60/21.10	Kế toán	04/12/2004	3.08	90	Khá	
243	Quách Thị Hồng Nhung	60/21.10	Kế toán	25/12/2004	3.17	86	Khá	
244	Lã Thị Thu Phương	60/21.10	Kế toán	04/10/2004	3.17	86	Khá	
245	Cao Thị Hồng Chuyên	60/21.10	Kế toán	06/09/2004	3.19	85	Khá	
246	Dương Diệu Ly	60/21.10	Kế toán	17/10/2004	3.19	86	Khá	
247	Đào Thị Huyền Diệu	60/21.10	Kế toán	25/09/2004	3.00	88	Khá	
248	Nguyễn Minh Huệ	60/21.10	Kế toán	24/01/2003	2.92	84	Khá	
249	Phương Thị Diệu Hoa	60/21.10	Kế toán	25/10/2003	2.53	85	Khá	
250	Lê Nguyễn Diệu Linh	60/21.10	Kế toán	22/11/2004	2.64	89	Khá	
251	Triệu Quang Thiện	60/21.10CLC	Kế toán	29/08/2003	3.11	84	Khá	
252	Nguyễn Thùy Dương	60/21.11	Kế toán	24/07/2004	3.17	83	Khá	
253	Trần Thị Hoa	60/21.11	Kế toán	07/08/2004	3.03	83	Khá	
254	Nguyễn Thu Hiền	60/21.11	Kế toán	29/11/2004	2.50	83	Khá	
255	Trần Thị Thu Hà	60/21.11	Kế toán	26/02/2004	3.19	86	Khá	
256	Vũ Việt Thắng	60/21.11	Kế toán	04/02/2004	3.08	85	Khá	
257	Vũ Thị Ngọc Bích	60/21.11	Kế toán	28/02/2004	3.03	90	Khá	
258	Lê Thị Đài Trang	60/21.11	Kế toán	22/11/2003	3.19	83	Khá	
259	Trương Thị Vân Anh	60/21.12	Kế toán	27/03/2004	2.72	88	Khá	
260	Nguyễn Thị Ngọc Hương	60/21.12	Kế toán	26/12/2004	2.97	84	Khá	
261	Hà Trần Khánh Đan	60/21.12	Kế toán	17/11/2004	2.67	83	Khá	
262	Cao Thị Quỳnh Thơm	60/21.12	Kế toán	12/02/2003	2.83	83	Khá	
263	Nguyễn Bích Thủy	60/21.12	Kế toán	07/02/2004	2.86	84	Khá	
264	Nguyễn Thị Thùy Linh	60/21.12	Kế toán	06/05/2004	2.72	85	Khá	
265	Nguyễn Thị Hòa	60/21.12	Kế toán	06/11/2004	3.17	84	Khá	
266	Ngô Minh Đức	60/21.12	Kế toán	09/03/2004	3.06	88	Khá	
267	Nguyễn Thị Vân Anh	60/21.12	Kế toán	24/08/2004	3.19	90	Khá	
268	Vy Thủy Tiên	60/22.01	Kế toán	03/09/2003	2.93	91	Khá	
269	Trần Ngọc Trâm Anh	60/22.01	Kế toán	23/11/2003	2.58	83	Khá	
270	Trần Phương Thảo	60/22.01	Kế toán	21/12/2004	2.88	89	Khá	
271	Nguyễn Vũ Việt Anh	60/22.01CLC	Kế toán	25/02/2004	3.00	84	Khá	
272	Lê Hữu Công	60/22.01CLC	Kế toán	08/12/2004	2.50	84	Khá	
273	Ngô Đức Toàn	60/22.02	Kế toán	02/01/2003	2.63	84	Khá	
274	Nguyễn Quỳnh Châu	60/22.02	Kế toán	24/01/2004	3.08	91	Khá	
275	Phạm Thu Huyền	60/22.02	Kế toán	14/09/2004	2.85	84	Khá	
276	Trần Đặng Đan Khuê	60/22.02	Kế toán	20/10/2004	3.18	88	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
277	Trần Thị Hà Linh	60/22.02	Kế toán	13/07/2004	2.63	84	Khá	
278	Bùi Thị Thùy Linh	60/22.02	Kế toán	08/11/2004	3.10	88	Khá	
279	Nguyễn Thị Tâm	60/22.02	Kế toán	14/10/2003	2.98	84	Khá	
280	Bùi Trọng Dũng	60/22.02	Kế toán	13/09/2004	2.83	91	Khá	
281	Trần Minh Quang	60/22.03	Kế toán	31/12/2004	2.88	88	Khá	
282	Hoàng Ngọc Diệp	60/22.03	Kế toán	16/10/2004	2.88	83	Khá	
283	Lê Thị Ngọc Yến	60/22.03	Kế toán	28/02/2004	3.08	84	Khá	
284	Nguyễn Khánh Linh	60/22.03	Kế toán	17/09/2003	3.18	84	Khá	
285	Nguyễn Hữu Nghĩa	60/22.03	Kế toán	18/02/2004	3.10	88	Khá	
286	Đặng Ngọc Hà	60/22.03	Kế toán	27/02/2004	3.05	83	Khá	
287	Đào Trọng Ân	60/22.03	Kế toán	16/02/2004	3.15	89	Khá	
288	Đỗ Duy Mạnh	60/22.03	Kế toán	06/01/2004	2.83	92	Khá	
289	Đoàn Diệu Linh	60/22.03	Kế toán	30/05/2004	3.08	90	Khá	
290	Nguyễn Phương Anh	60/22.03	Kế toán	05/10/2004	3.13	88	Khá	
291	Phạm Quân Thụy	60/22.03CLC	Kế toán	14/07/2004	2.55	83	Khá	
292	Mai Nhật Vũ	60/22.03CLC	Kế toán	08/08/2004	3.08	87	Khá	
293	Nguyễn Đức Mạnh	60/22.04	Kế toán	23/11/2004	2.53	83	Khá	
294	Vi Thị Yến Chi	60/22.04	Kế toán	23/10/2003	3.10	83	Khá	
295	Cao Ngọc Bích	60/22.04	Kế toán	07/07/2004	3.08	88	Khá	
296	Nguyễn Thị Hải Yến	60/22.04	Kế toán	13/10/2004	2.78	88	Khá	
297	Phạm Đông Đô	60/22.04	Kế toán	08/10/2004	2.75	85	Khá	
298	Vũ Khánh Linh	60/22.04	Kế toán	15/05/2004	2.93	84	Khá	
299	Nguyễn Hoàng Hiệp	60/22.04CLC	Kế toán	25/09/2002	3.18	93	Khá	
300	Vũ Việt Dũng	60/22.05	Kế toán	07/01/2004	2.70	84	Khá	
301	Nguyễn Nhật Lâm	60/22.05	Kế toán	27/09/2004	3.08	88	Khá	
302	Trương Thị Hoa	60/22.05	Kế toán	10/02/2004	3.15	88	Khá	
303	Mạc Kim Phượng	60/22.05	Kế toán	14/10/2004	3.03	91	Khá	
304	Nguyễn Thị Lan Vi	60/22.06	Kế toán	31/05/2004	2.83	84	Khá	
305	Ngô Phú Cường	60/22.06	Kế toán	12/12/2003	2.73	86	Khá	
306	Nguyễn Lê Việt Hoàng	60/22.06	Kế toán	03/02/2004	2.95	86	Khá	
307	Lại Thị Khánh Huyền	60/22.06	Kế toán	24/07/2003	3.18	84	Khá	
308	Nguyễn Thị Thủy	60/22.06	Kế toán	18/11/2004	3.00	85	Khá	
309	Tô Thành Long	60/22.06	Kế toán	30/11/2004	2.80	86	Khá	
310	Chu Văn Hưng	60/22.06	Kế toán	07/04/2004	3.00	88	Khá	
311	Lê Ngọc Ân	60/22.06CLC	Kế toán	22/02/2003	3.66	79	Khá	
312	Vũ Hoàng Long	60/22.07CLC	Kế toán	18/07/2004	3.16	84	Khá	
313	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	61/21.01	Kế toán	07/10/2005	2.65	83	Khá	
314	Vũ Vũ Thịnh	61/21.01CLC	Kế toán	29/03/2005	3.05	82	Khá	
315	Vũ Dương Bình	61/21.01CLC	Kế toán	31/03/2005	3.18	83	Khá	
316	Tống Mỹ Linh	61/21.01CLC	Kế toán	18/12/2005	2.61	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
317	Nguyễn Bảo Anh	61/21.01CLC	Kế toán	06/05/2005	3.13	88	Khá	
318	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	61/21.01CLC	Kế toán	06/07/2005	2.95	88	Khá	
319	Võ Thị Trang	61/21.01CLC	Kế toán	09/10/2005	2.73	83	Khá	
320	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	61/21.02	Kế toán	28/09/2005	3.10	86	Khá	
321	Hà Kiều Anh	61/21.02	Kế toán	21/11/2005	2.88	84	Khá	
322	Nông Hồng Nhung	61/21.02	Kế toán	21/04/2004	3.08	83	Khá	
323	Lê Thu Hương	61/21.02	Kế toán	20/10/2005	2.85	91	Khá	
324	Ngô Quỳnh Trang	61/21.02	Kế toán	07/08/2005	2.93	82	Khá	
325	Trương Lan Nhi	61/21.02	Kế toán	01/03/2004	2.53	85	Khá	
326	Vũ Bích Phương	61/21.02	Kế toán	16/01/2005	2.70	85	Khá	
327	Nguyễn Lê Ánh Dương	61/21.02CLC	Kế toán	19/07/2005	3.05	85	Khá	
328	Nguyễn Minh Phương	61/21.02CLC	Kế toán	15/04/2005	2.84	88	Khá	
329	Nguyễn Tiến Đạt	61/21.02CLC	Kế toán	08/07/2005	3.05	84	Khá	
330	Phạm Hải Yến	61/21.02CLC	Kế toán	13/11/2005	2.97	82	Khá	
331	Mai Thị Vân	61/21.02CLC	Kế toán	14/01/2005	3.00	84	Khá	
332	Nguyễn Diệu Linh	61/21.03	Kế toán	21/07/2005	2.58	86	Khá	
333	Phạm Thùy Dung	61/21.03	Kế toán	18/07/2005	2.95	85	Khá	
334	Bùi Thu Hà	61/21.03	Kế toán	15/01/2005	2.78	89	Khá	
335	Đinh Thị Trúc Quỳnh	61/21.03	Kế toán	15/03/2005	3.08	85	Khá	
336	Phạm Thị Hồng Duyên	61/21.03	Kế toán	18/08/2005	3.03	83	Khá	
337	Đoàn Vũ Mai Phương	61/21.03	Kế toán	23/08/2005	3.13	84	Khá	
338	Nguyễn Hoàng Trang	61/21.03	Kế toán	13/10/2005	2.58	82	Khá	
339	Nguyễn Phương Thảo	61/21.03	Kế toán	22/11/2004	3.15	84	Khá	
340	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	61/21.03	Kế toán	27/12/2005	2.50	83	Khá	
341	Tạ Hiền Anh	61/21.03	Kế toán	21/09/2005	3.08	87	Khá	
342	Nguyễn Thị Bích Ngọc	61/21.03CLC	Kế toán	08/03/2005	3.16	85	Khá	
343	Đỗ Quang Nhật	61/21.03CLC	Kế toán	01/08/2005	3.16	83	Khá	
344	Vũ Mai Vy	61/21.03CLC	Kế toán	16/08/2005	2.84	92	Khá	
345	Bùi Phương Anh	61/21.03CLC	Kế toán	29/08/2005	2.58	87	Khá	
346	Đỗ Nam Anh	61/21.03CLC	Kế toán	18/03/2005	3.11	85	Khá	
347	Dương Trà My	61/21.03CLC	Kế toán	15/02/2005	3.11	88	Khá	
348	Hoàng Thúy Quỳnh	61/21.04	Kế toán	02/01/2004	2.55	83	Khá	
349	Nguyễn Phương Anh	61/21.04	Kế toán	24/10/2005	3.15	86	Khá	
350	Lưu Thu Uyên	61/21.04	Kế toán	23/11/2005	2.60	84	Khá	
351	Trần Đinh Hồng Nga	61/21.04	Kế toán	01/12/2005	2.73	83	Khá	
352	Nguyễn Ngọc Khánh Trâm	61/21.04	Kế toán	02/09/2005	2.95	83	Khá	
353	Hoàng Lan Phương	61/21.04	Kế toán	01/06/2005	3.08	85	Khá	
354	Lê Ngọc Mai	61/21.04	Kế toán	29/11/2005	3.13	82	Khá	
355	Nông Thị Bích Ngọc	61/21.04	Kế toán	19/08/2004	2.93	83	Khá	
356	Phạm Nhật Anh	61/21.04CLC	Kế toán	23/11/2005	3.18	88	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
357	Vũ Anh Hào	61/21.04CLC	Kế toán	14/10/2005	3.11	88	Khá	
358	Đặng Thị Diệu Linh	61/21.04CLC	Kế toán	06/07/2005	3.18	81	Khá	
359	Hà Kim Ngọc Khánh	61/21.04CLC	Kế toán	28/09/2005	3.16	84	Khá	
360	Nguyễn Trọng Phúc	61/21.04CLC	Kế toán	05/10/2005	3.03	82	Khá	
361	Mông Hoài Anh	61/21.05	Kế toán	18/01/2004	2.78	84	Khá	
362	Nguyễn Kim Phượng	61/21.05	Kế toán	29/03/2004	3.13	83	Khá	
363	Kiều Thị Hoài Thu	61/21.05	Kế toán	26/09/2005	3.10	86	Khá	
364	Vũ Huyền Trang	61/21.05	Kế toán	13/02/2005	2.53	88	Khá	
365	Lê Bá Phụng Anh	61/21.05CLC	Kế toán	26/01/2005	2.58	84	Khá	
366	Nguyễn Phương Thảo	61/21.05CLC	Kế toán	15/12/2005	3.13	84	Khá	
367	Trịnh Ngọc Hà	61/21.05CLC	Kế toán	23/09/2005	2.79	88	Khá	
368	Vũ Quỳnh Nga	61/21.05CLC	Kế toán	18/09/2005	3.00	84	Khá	
369	Vũ Thùy Trang	61/21.05CLC	Kế toán	28/08/2005	3.05	82	Khá	
370	Nguyễn Thanh Vân	61/21.05CLC	Kế toán	03/06/2005	3.05	83	Khá	
371	Nguyễn Anh Sơn	61/21.05CLC	Kế toán	31/01/2005	2.92	85	Khá	
372	Vũ Thị Thu Trang	61/21.06	Kế toán	23/01/2005	3.13	83	Khá	
373	Lê Minh Quân	61/21.06	Kế toán	13/10/2005	3.08	83	Khá	
374	Hoàng Văn Bắc	61/21.06	Kế toán	15/05/2005	3.00	84	Khá	
375	Văn Thùy Dung	61/21.06	Kế toán	31/12/2005	2.83	83	Khá	
376	Hà Quang Minh	61/21.06	Kế toán	02/04/2005	3.15	85	Khá	
377	Trịnh Minh Nguyệt	61/21.06	Kế toán	01/12/2005	2.80	86	Khá	
378	Trần Hoài Anh	61/21.06	Kế toán	28/03/2005	2.85	84	Khá	
379	Trần Thị Ngọc Linh	61/21.06	Kế toán	26/02/2005	3.10	86	Khá	
380	Hà Việt Hoàng	61/21.06CLC	Kế toán	15/10/2005	3.00	84	Khá	
381	Lê Duy Hưng	61/21.06CLC	Kế toán	09/10/2005	3.11	85	Khá	
382	Nguyễn Mai Trang	61/21.07	Kế toán	10/01/2005	3.05	83	Khá	
383	Lý Thị Thu Hà	61/21.07	Kế toán	30/09/2005	3.03	85	Khá	
384	Mã Hải Quân	61/21.07	Kế toán	15/08/2005	2.63	82	Khá	
385	Đỗ Khánh Ly	61/21.07	Kế toán	27/04/2005	3.18	88	Khá	
386	Hoàng Ngân Giang	61/21.07	Kế toán	20/06/2005	3.18	91	Khá	
387	Đỗ Trang Nhung	61/21.07	Kế toán	04/11/2005	2.60	83	Khá	
388	Hoa Ngọc Yến Chi	61/21.07	Kế toán	28/02/2005	2.98	81	Khá	
389	Nguyễn Hà Phương	61/21.07	Kế toán	14/07/2005	3.15	88	Khá	
390	Vũ Duy Lân	61/21.07	Kế toán	01/09/2005	3.08	83	Khá	
391	Nguyễn Hồng Sơn	61/21.07	Kế toán	09/03/2005	2.95	91	Khá	
392	Nguyễn Huy Hoàng	61/21.07CLC	Kế toán	11/12/2005	3.13	88	Khá	
393	Nguyễn Đức Hoàng Doanh	61/21.07CLC	Kế toán	21/04/2005	2.97	90	Khá	
394	Nguyễn Thị Thanh Vân	61/21.08	Kế toán	11/02/2005	2.88	83	Khá	
395	Đặng Thị Hồng Dương	61/21.08	Kế toán	25/02/2005	3.18	84	Khá	
396	Nguyễn Anh Trúc	61/21.08	Kế toán	12/01/2005	3.08	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
397	Đỗ Vân Ly	61/21.08	Kế toán	24/10/2005	2.88	83	Khá	
398	Nguyễn Thị Mai Trang	61/21.08	Kế toán	27/07/2005	2.88	84	Khá	
399	Vũ Thị Ngọc Anh	61/21.09	Kế toán	28/06/2005	3.18	89	Khá	
400	Hoàng Bích Thủy	61/21.09	Kế toán	22/12/2005	3.15	89	Khá	
401	Lê Tùng Chi	61/21.09	Kế toán	13/06/2005	2.90	88	Khá	
402	Bế Thị Thu Hằng	61/21.09	Kế toán	18/01/2004	2.75	85	Khá	
403	Nguyễn Thị Phương Anh	61/21.09	Kế toán	26/06/2005	3.13	88	Khá	
404	Nguyễn Yến Linh	61/21.09	Kế toán	02/11/2005	3.03	85	Khá	
405	Đinh Phương Trang	61/21.09	Kế toán	15/01/2005	3.00	89	Khá	
406	Nguyễn Yến Vân	61/21.09	Kế toán	15/08/2005	2.55	88	Khá	
407	Triệu Thùy Linh	61/21.09	Kế toán	16/05/2005	3.11	85	Khá	
408	Nguyễn Hồng Phúc	61/21.09	Kế toán	30/11/2005	2.80	85	Khá	
409	Đặng Quang Anh	61/21.10	Kế toán	01/09/2005	2.53	92	Khá	
410	Trịnh Minh Thư	61/21.10	Kế toán	01/12/2005	3.08	89	Khá	
411	Nguyễn Thanh Ngân	61/21.10	Kế toán	12/09/2005	3.13	88	Khá	
412	Nguyễn Thùy Dương	61/21.10	Kế toán	26/04/2005	2.88	91	Khá	
413	Trần Thị Thảo	61/21.10	Kế toán	03/09/2005	2.73	84	Khá	
414	Nguyễn Xuân Phúc	61/21.10	Kế toán	08/10/2005	2.60	88	Khá	
415	Nguyễn Đào Yến Nhi	61/21.11	Kế toán	08/07/2005	2.75	89	Khá	
416	Đoàn Bá Vinh	61/21.11	Kế toán	22/07/2005	3.03	84	Khá	
417	Đỗ Thị Diệu Linh	61/21.11	Kế toán	12/04/2005	3.13	86	Khá	
418	Nguyễn Minh Đức	61/21.11	Kế toán	11/03/2004	3.00	88	Khá	
419	Trương Thị Khánh Linh	61/21.11	Kế toán	26/09/2005	3.18	84	Khá	
420	Đỗ Trọng Khải	61/21.11	Kế toán	22/08/2005	2.63	83	Khá	
421	Phan Nhật Quyên	61/21.12	Kế toán	12/09/2005	2.88	83	Khá	
422	Lê Vũ Phương Thảo	61/21.12	Kế toán	27/01/2005	3.05	83	Khá	
423	Hoàng Phương Nga	61/21.12	Kế toán	15/05/2005	2.93	86	Khá	
424	Vũ Thùy Dương	61/21.12	Kế toán	23/02/2005	2.85	88	Khá	
425	Chu Lệ Thuyên	61/21.12	Kế toán	25/11/2004	2.83	83	Khá	
426	Trương Thùy Linh	61/21.12	Kế toán	07/03/2005	3.13	84	Khá	
427	Nguyễn Ngọc Ánh	61/21.12	Kế toán	17/12/2005	2.93	89	Khá	
428	Trần Thị Minh Tâm	61/21.12	Kế toán	01/12/2005	2.95	84	Khá	
429	Mai Ngọc Quỳnh Anh	61/22.01	Kế toán	13/04/2005	3.15	88	Khá	
430	Vương Thanh Huyền	61/22.01	Kế toán	07/03/2005	3.10	86	Khá	
431	Vũ Ngọc Khánh	61/22.01	Kế toán	22/11/2004	3.18	88	Khá	
432	Nguyễn Tuấn Minh	61/22.01	Kế toán	20/12/2005	3.08	88	Khá	
433	Hà Thu Liên	61/22.01	Kế toán	22/02/2005	2.90	84	Khá	
434	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	61/22.01	Kế toán	14/01/2005	3.00	85	Khá	
435	Nguyễn Quang Minh	61/22.01CLC	Kế toán	13/02/2005	2.90	86	Khá	
436	Bùi Minh Anh	61/22.01CLC	Kế toán	01/06/2005	2.98	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
437	Nguyễn Hoàng Nhật Huy	61/22.01CLC	Kế toán	10/12/2005	2.93	83	Khá	
438	Phan Đàm Diệu Linh	61/22.01CLC	Kế toán	30/11/2005	3.14	83	Khá	
439	Nguyễn Thị Xuân Mai	61/22.02	Kế toán	27/11/2004	3.13	86	Khá	
440	Nguyễn Thị Phương Dung	61/22.02	Kế toán	27/09/2005	2.73	88	Khá	
441	Nguyễn Xuân Long	61/22.02	Kế toán	28/07/2005	2.75	88	Khá	
442	Trần Minh Phương	61/22.02	Kế toán	03/05/2005	2.85	82	Khá	
443	Trương Tuấn Minh	61/22.02	Kế toán	07/01/2005	2.83	82	Khá	
444	Nguyễn Quang Huy	61/22.02CLC	Kế toán	13/06/2005	2.79	83	Khá	
445	Hoàng Thế Hùng	61/22.02CLC	Kế toán	27/12/2005	3.02	88	Khá	
446	Lục Ngọc Anh	61/22.02CLC	Kế toán	16/04/2005	2.98	91	Khá	
447	Trần Thái Sơn	61/22.02CLC	Kế toán	04/11/2005	3.17	83	Khá	
448	Đặng Trịnh Mai Anh	61/22.02CLC	Kế toán	06/09/2005	2.95	86	Khá	
449	Lê Viết Duy	61/22.02CLC	Kế toán	01/09/2005	3.02	89	Khá	
450	Đỗ Huyền Trang	61/22.03	Kế toán	15/11/2005	3.10	90	Khá	
451	Nguyễn Tiến Anh	61/22.03	Kế toán	04/09/2005	2.95	82	Khá	
452	Dương Chí Thắng	61/22.03	Kế toán	11/12/2005	2.78	83	Khá	
453	Vũ Hải Nam	61/22.03	Kế toán	31/08/2004	2.90	86	Khá	
454	Đỗ Xuân Anh	61/22.03CLC	Kế toán	08/04/2005	2.67	84	Khá	
455	Vũ Hoàng Long	61/22.03CLC	Kế toán	08/09/2005	2.95	83	Khá	
456	Trịnh Phương Chi	61/22.03CLC	Kế toán	01/05/2005	2.50	84	Khá	
457	Nguyễn Hồ Hùng Cường	61/22.03CLC	Kế toán	04/10/2005	3.14	86	Khá	
458	Nguyễn Quang Mạnh	61/22.03CLC	Kế toán	25/01/2005	3.07	88	Khá	
459	Lê Ngọc Phương Linh	61/22.03CLC	Kế toán	22/12/2005	2.81	84	Khá	
460	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	61/22.03CLC	Kế toán	04/06/2005	3.19	89	Khá	
461	Nguyễn Quang Huy	61/22.03CLC	Kế toán	01/10/2005	3.00	85	Khá	
462	Nguyễn Khánh Huyền	61/22.04	Kế toán	01/09/2005	3.08	88	Khá	
463	Nguyễn Minh Anh	61/22.04	Kế toán	03/01/2001	2.88	81	Khá	
464	Cù Thị Hoài Thương	61/22.04	Kế toán	28/01/2005	2.80	87	Khá	
465	Nguyễn Hạnh Nguyên	61/22.04	Kế toán	28/08/2005	3.00	85	Khá	
466	Lưu Thị Minh Ngọc	61/22.04	Kế toán	04/12/2005	3.18	84	Khá	
467	Lê Huy Mạnh	61/22.04	Kế toán	22/03/2005	3.18	86	Khá	
468	Nguyễn Vũ Phương Uyên	61/22.04	Kế toán	10/10/2005	3.17	82	Khá	
469	Ngô Bích Hạnh	61/22.04	Kế toán	30/04/2005	2.65	88	Khá	
470	Nguyễn Ngọc Ánh	61/22.04	Kế toán	11/12/2005	3.08	87	Khá	
471	Lê Quang Thảo	61/22.04CLC	Kế toán	17/01/2005	3.14	82	Khá	
472	Lê Hồng Hạnh	61/22.04CLC	Kế toán	09/02/2005	2.74	83	Khá	
473	Lê Công Tuấn Anh	61/22.04CLC	Kế toán	24/03/2005	3.19	88	Khá	
474	Nguyễn Ngọc Thư Anh	61/22.04CLC	Kế toán	11/11/2005	2.71	89	Khá	
475	Vũ Nguyễn Anh Thư	61/22.05CLC	Kế toán	17/11/2005	3.12	91	Khá	
476	Lê Duy Hải	61/22.05CLC	Kế toán	06/08/2005	2.81	91	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
477	Trần Thanh Tùng	61/22.05CLC	Kế toán	28/08/2005	2.67	83	Khá	
478	Ngô Thùy Linh	61/22.05CLC	Kế toán	23/11/2005	2.95	91	Khá	
479	Trần Vũ Linh Nhi	61/22.05CLC	Kế toán	05/02/2005	3.14	87	Khá	
480	Trần Thị Phương Linh	61/22.05CLC	Kế toán	17/06/2005	3.05	85	Khá	
481	Lê Thanh Tâm	61/22.05CLC	Kế toán	22/03/2005	3.05	88	Khá	
482	Phạm Ngọc Ánh	61/22.05CLC	Kế toán	27/12/2005	2.69	83	Khá	
483	Nguyễn Thùy Dương	61/22.05CLC	Kế toán	24/10/2005	3.05	85	Khá	
484	Nguyễn Tiến Dũng	61/22.05CLC	Kế toán	05/09/2005	3.14	86	Khá	
485	Đoàn Vũ Hồng Phúc	61/22.05CLC	Kế toán	10/08/2005	3.19	91	Khá	
486	Nguyễn Đức Anh	61/22.06CLC	Kế toán	17/10/2005	3.02	83	Khá	
487	Nguyễn Hải Phong	61/22.06CLC	Kế toán	25/12/2005	2.83	86	Khá	
488	Lê Gia Bách	61/22.06CLC	Kế toán	18/10/2005	3.12	91	Khá	
489	Nguyễn Ngọc Hải Đăng	61/22.06CLC	Kế toán	02/08/2005	3.05	91	Khá	
490	Nguyễn Phương Linh	61/22.06CLC	Kế toán	21/03/2005	2.81	84	Khá	
491	Trần Nam Khánh	61/22.06CLC	Kế toán	01/02/2005	3.07	87	Khá	
492	Nguyễn Thiệu Khoa	61/22.06CLC	Kế toán	16/09/2005	3.10	88	Khá	
493	Hoàng Nguyễn Quỳnh Như	61/22.06CLC	Kế toán	04/04/2005	2.74	84	Khá	
494	Dương Thị Huyền Trang	61/22.06CLC	Kế toán	24/10/2005	3.05	82	Khá	
495	Đinh Mỹ Hạnh	61/22.06CLC	Kế toán	03/04/2005	2.88	90	Khá	
496	Nguyễn Thành Nam	61/22.07CLC	Kế toán	02/12/2005	2.83	92	Khá	
497	Lại Thùy Trang	61/22.07CLC	Kế toán	28/03/2005	3.19	93	Khá	
498	Nguyễn Tiến Hà	61/22.07CLC	Kế toán	30/12/2005	3.14	83	Khá	
499	Đào Thị Thảo Anh	61/22.07CLC	Kế toán	25/11/2005	2.79	83	Khá	
500	Đặng Gia Minh	61/22.07CLC	Kế toán	28/01/2005	2.88	89	Khá	
501	Trần Quốc Khánh	61/22.07CLC	Kế toán	02/09/2005	3.12	86	Khá	
502	Nguyễn Thùy Linh	61/22.07CLC	Kế toán	14/02/2005	2.81	89	Khá	
503	Nguyễn Thùy Trang	61/22.08CLC	Kế toán	06/09/2005	3.17	83	Khá	
504	Đỗ Hoàng Minh	61/22.08CLC	Kế toán	16/05/2005	3.17	91	Khá	
505	Nguyễn Hồng Quang	61/22.08CLC	Kế toán	19/07/2005	3.19	88	Khá	
506	Mai Thanh Vân	61/22.08CLC	Kế toán	15/02/2004	2.74	94	Khá	
507	Đinh Thị Kim Ngân	61/22.08CLC	Kế toán	12/10/2005	2.83	91	Khá	
508	Ngô Đại Dương	61/22.09CLC	Kế toán	09/05/2005	2.88	87	Khá	
509	Ngô Thị Thanh Hằng	61/22.09CLC	Kế toán	27/08/2005	3.19	87	Khá	
510	Nguyễn Quốc Bình	61/22.09CLC	Kế toán	21/01/2005	3.02	84	Khá	
511	Nguyễn Khắc Hải Nam	61/22.09CLC	Kế toán	25/04/2005	3.14	92	Khá	
512	Phạm Minh Thư	61/22.09CLC	Kế toán	19/10/2005	3.17	87	Khá	
513	Nguyễn Vi Hà Phương	61/22.09CLC	Kế toán	07/09/2005	2.69	87	Khá	
514	Phạm Thanh Lâm	61/22.10CLC	Kế toán	12/06/2005	2.90	81	Khá	
515	Trần Công Minh	61/22.10CLC	Kế toán	07/04/2005	3.12	83	Khá	
516	Triệu Yến Vy	61/22.10CLC	Kế toán	25/02/2004	3.05	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
517	Trần Việt Nam	61/22.10CLC	Kế toán	27/09/2005	3.12	83	Khá	
518	Trần Hữu Đức	61/22.10CLC	Kế toán	23/11/2005	3.12	89	Khá	
519	Đinh Nữ Mai Anh	61/22.10CLC	Kế toán	08/04/2005	3.00	87	Khá	
520	Nguyễn Ngọc Dung	61/22.11CLC	Kế toán	28/09/2005	3.12	86	Khá	
521	Phạm Đặng Đan Chi	61/22.11CLC	Kế toán	01/02/2005	2.98	85	Khá	
522	Nguyễn Huyền Trang	61/22.11CLC	Kế toán	21/01/2005	3.10	91	Khá	
523	Dương Thanh Vân	61/22.11CLC	Kế toán	04/06/2005	3.17	85	Khá	
524	Hồ Quỳnh Anh	61/22.11CLC	Kế toán	22/04/2005	2.79	85	Khá	
525	Nguyễn Thị Hương	61/22.11CLC	Kế toán	25/01/2005	3.14	86	Khá	
526	Đinh Thiên Ân	61/22.12CLC	Kế toán	11/08/2005	2.60	86	Khá	
527	Nguyễn Thu Phương	61/22.12CLC	Kế toán	11/03/2005	3.17	87	Khá	
528	Nguyễn Đức Toàn	61/22.12CLC	Kế toán	30/08/2005	2.83	83	Khá	
529	Lê Thị Vinh	61/22.12CLC	Kế toán	13/02/2005	2.86	81	Khá	
530	Nguyễn Diệu Linh	62/21.01	Kế toán	23/12/2006	2.85	82	Khá	
531	Hà Xuân Nguyên	62/21.01	Kế toán	31/08/2006	2.80	88	Khá	
532	Mai Hoàng Yến	62/21.01	Kế toán	27/08/2006	2.83	85	Khá	
533	Nguyễn Quỳnh Trang	62/21.01	Kế toán	21/08/2006	2.68	89	Khá	
534	Nguyễn Thị Quỳnh	62/21.01	Kế toán	03/10/2006	3.10	83	Khá	
535	Đặng Khiếu My	62/21.01	Kế toán	01/12/2006	2.50	87	Khá	
536	Phan Đoạn Ngọc Hà	62/21.01	Kế toán	22/12/2005	2.60	83	Khá	
537	Đồng Thị Thùy Linh	62/21.01	Kế toán	13/08/2006	3.05	84	Khá	
538	Nguyễn Phương Linh	62/21.01	Kế toán	26/11/2006	2.73	85	Khá	
539	Tô Diễm Hằng	62/21.01QT	Kế toán	23/09/2006	3.09	87	Khá	
540	Nguyễn Anh Thái	62/21.01QT	Kế toán	04/10/2006	3.17	83	Khá	
541	Ngô Ngọc Nhi	62/21.01QT	Kế toán	21/04/2006	2.91	89	Khá	
542	Nguyễn Lưu Thanh Bình	62/21.01QT	Kế toán	19/06/2006	2.70	83	Khá	
543	Nguyễn Đoàn Châu Anh	62/21.01QT	Kế toán	02/10/2006	2.89	83	Khá	
544	Nguyễn Vũ Tiến Minh	62/21.01QT	Kế toán	25/11/2006	2.70	84	Khá	
545	Nguyễn Tố Uyên	62/21.01QT	Kế toán	16/12/2006	2.80	88	Khá	
546	Phạm Ngọc Dũng	62/21.01QT	Kế toán	14/08/2006	2.70	89	Khá	
547	Trần Hải Anh	62/21.01QT	Kế toán	15/09/2006	3.09	82	Khá	
548	Lê Thị Thu Huyền	62/21.01QT	Kế toán	13/05/2006	3.17	88	Khá	
549	Nguyễn Quang Anh	62/21.01QT	Kế toán	23/11/2006	2.78	82	Khá	
550	Nguyễn Thảo Linh	62/21.02	Kế toán	12/09/2006	2.95	84	Khá	
551	Hoàng Thảo Nguyên	62/21.02	Kế toán	27/11/2006	2.58	89	Khá	
552	Nguyễn Hà My	62/21.02	Kế toán	10/11/2006	2.55	86	Khá	
553	Vũ Kim Cúc	62/21.02	Kế toán	03/04/2005	2.79	84	Khá	
554	Nguyễn Quỳnh Trang	62/21.02	Kế toán	01/05/2006	2.93	83	Khá	
555	Nguyễn Thị Như Quỳnh	62/21.02	Kế toán	25/10/2006	2.93	83	Khá	
556	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	62/21.02	Kế toán	13/01/2006	3.00	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
557	Nguyễn Đỗ Hương Linh	62/21.02	Kế toán	06/01/2006	2.73	85	Khá	
558	Trần Ngọc Hà	62/21.02	Kế toán	20/11/2006	2.90	85	Khá	
559	Phan Nguyễn Phương Dung	62/21.02	Kế toán	10/11/2006	2.75	89	Khá	
560	Hà Mai Phương	62/21.02	Kế toán	02/10/2006	2.80	84	Khá	
561	Thân Ngọc Khánh Ly	62/21.02	Kế toán	20/11/2006	3.10	87	Khá	
562	Vũ Phương Linh	62/21.02QT	Kế toán	03/01/2006	2.72	86	Khá	
563	Nguyễn Quỳnh Anh	62/21.02QT	Kế toán	13/02/2003	2.72	85	Khá	
564	Nguyễn Hoàng Lan	62/21.02QT	Kế toán	11/07/2006	2.52	87	Khá	
565	Hoàng Hà Anh	62/21.02QT	Kế toán	22/08/2006	2.67	88	Khá	
566	Nguyễn Huy Phú	62/21.02QT	Kế toán	08/11/2006	2.93	89	Khá	
567	Lương Bảo Châu	62/21.02QT	Kế toán	13/04/2006	3.04	90	Khá	
568	Hoàng Thu Hương	62/21.02QT	Kế toán	09/12/2006	3.13	82	Khá	
569	Bùi Khánh Linh	62/21.02QT	Kế toán	27/09/2006	2.50	89	Khá	
570	Phan Khánh Chi	62/21.02QT	Kế toán	09/08/2006	3.07	88	Khá	
571	Đỗ Trần Ngọc Linh	62/21.02QT	Kế toán	19/06/2006	2.72	88	Khá	
572	Dương Minh Khuê	62/21.02QT	Kế toán	25/05/2006	2.52	87	Khá	
573	Nguyễn Quỳnh Trang	62/21.03	Kế toán	21/10/2006	2.60	88	Khá	
574	Trần Thị Tuyết Mai	62/21.03	Kế toán	22/10/2006	2.70	84	Khá	
575	Hoàng Phương Linh	62/21.03	Kế toán	26/11/2005	3.03	83	Khá	
576	Đào Mai Ngân	62/21.03	Kế toán	31/07/2006	2.65	84	Khá	
577	Ngọc Thị Lan Hương	62/21.03	Kế toán	14/05/2006	3.00	83	Khá	
578	Nguyễn Hương Nguyên	62/21.03	Kế toán	23/01/2006	2.85	82	Khá	
579	Trần Khánh Ly	62/21.03	Kế toán	28/10/2006	3.05	82	Khá	
580	Nguyễn Trọng Minh Quân	62/21.03	Kế toán	25/03/2006	3.15	88	Khá	
581	Nguyễn Hoàng Thanh Tú	62/21.03	Kế toán	12/12/2006	2.85	84	Khá	
582	Nguyễn Khánh Ngọc	62/21.03	Kế toán	26/09/2006	3.03	82	Khá	
583	Ngô Ngọc Khải Huyền	62/21.03	Kế toán	09/08/2006	3.18	83	Khá	
584	Lê Đỗ Hồng Phúc	62/21.03QT	Kế toán	26/04/2004	2.93	85	Khá	
585	Nguyễn Thành Nghĩa	62/21.03QT	Kế toán	13/09/2006	2.74	83	Khá	
586	Nguyễn Thị Thùy Dương	62/21.03QT	Kế toán	25/11/2006	2.83	82	Khá	
587	Nguyễn Ngọc Lan	62/21.03QT	Kế toán	03/01/2006	2.57	88	Khá	
588	Trần Quỳnh Anh	62/21.03QT	Kế toán	21/07/2006	2.54	85	Khá	
589	Bùi Thị Lan Anh	62/21.03QT	Kế toán	09/12/2006	2.63	83	Khá	
590	Nguyễn Như Quỳnh Hương	62/21.04	Kế toán	13/10/2006	3.05	84	Khá	
591	Đỗ Bảo Ngân	62/21.04	Kế toán	17/10/2006	3.05	84	Khá	
592	Nguyễn Thị Khánh Linh	62/21.04	Kế toán	25/06/2006	3.03	84	Khá	
593	Nguyễn Quốc An	62/21.04	Kế toán	27/01/2006	2.75	89	Khá	
594	Nguyễn Hoàng Việt Tú	62/21.04	Kế toán	03/05/2006	2.83	82	Khá	
595	Trần Như Hoa	62/21.04	Kế toán	09/05/2006	3.03	87	Khá	
596	Ngô Ngọc Ánh	62/21.04	Kế toán	10/07/2006	3.13	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
597	Nguyễn Thanh Thảo	62/21.04	Kế toán	13/08/2006	3.05	84	Khá	
598	Lô Thị Quỳnh Giao	62/21.04	Kế toán	14/12/2006	2.83	84	Khá	
599	Phan Đăng Dũng	62/21.04	Kế toán	29/11/2006	2.98	86	Khá	
600	Nguyễn Thị Linh Chi	62/21.04QT	Kế toán	10/08/2006	2.70	89	Khá	
601	Ngô Ngọc Anh	62/21.04QT	Kế toán	25/07/2005	2.72	85	Khá	
602	Phạm Đình Hiếu	62/21.04QT	Kế toán	04/09/2006	2.59	89	Khá	
603	Nguyễn Minh Anh	62/21.04QT	Kế toán	10/07/2006	2.67	84	Khá	
604	Đinh Ngọc Linh	62/21.04QT	Kế toán	12/01/2006	2.78	83	Khá	
605	Tạ Thị Thiên Lý	62/21.05	Kế toán	09/11/2006	2.70	84	Khá	
606	Nguyễn Khánh Huyền	62/21.05	Kế toán	24/10/2006	2.88	83	Khá	
607	Vũ Hà My	62/21.05	Kế toán	27/01/2006	2.83	84	Khá	
608	Nguyễn Thị Nguyệt	62/21.05	Kế toán	07/12/2006	2.65	84	Khá	
609	Phạm Phương Thảo	62/21.05	Kế toán	27/08/2006	2.68	88	Khá	
610	Nguyễn Thị Hồng Mây	62/21.05	Kế toán	25/08/2006	2.90	83	Khá	
611	Nguyễn Thị Hồng Đạo	62/21.05	Kế toán	27/07/2006	3.18	90	Khá	
612	Lương Thu Hoài	62/21.05	Kế toán	07/10/2006	3.05	86	Khá	
613	Nguyễn Thị Kiều Linh	62/21.05	Kế toán	18/09/2005	2.80	85	Khá	
614	Nguyễn Bích Ngọc	62/21.05	Kế toán	27/12/2005	2.50	83	Khá	
615	Đỗ Bảo Hà	62/21.05	Kế toán	05/02/2006	2.95	83	Khá	
616	Thái Thùy An	62/21.05	Kế toán	26/03/2006	2.70	83	Khá	
617	Ngô Phương Uyên	62/21.05QT	Kế toán	01/01/2006	2.74	83	Khá	
618	Đinh Phương Khanh	62/21.05QT	Kế toán	11/07/2006	3.00	83	Khá	
619	Phan Thu Hiền	62/21.05QT	Kế toán	06/04/2006	3.11	83	Khá	
620	Phan Hương Trà	62/21.05QT	Kế toán	08/07/2006	3.09	90	Khá	
621	Vương Đình Minh	62/21.05QT	Kế toán	05/01/2005	2.91	83	Khá	
622	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	62/21.06	Kế toán	26/09/2006	2.90	83	Khá	
623	Đinh Minh Hoàng	62/21.06	Kế toán	01/08/2006	2.63	82	Khá	
624	Hoàng Thiện Mỹ	62/21.06	Kế toán	06/05/2005	2.73	84	Khá	
625	Trần Huyền Linh	62/21.06	Kế toán	08/09/2006	2.90	83	Khá	
626	Nguyễn Như Ngọc	62/21.06	Kế toán	16/03/2006	3.10	89	Khá	
627	Ngô Thị Nhung	62/21.06	Kế toán	20/12/2006	3.10	90	Khá	
628	Nguyễn Quỳnh Anh	62/21.06	Kế toán	08/09/2006	2.88	83	Khá	
629	Ngô Bảo Dung	62/21.06QT	Kế toán	28/10/2006	3.09	84	Khá	
630	Đào Tú An	62/21.06QT	Kế toán	13/06/2006	2.70	87	Khá	
631	Đào Khánh Linh	62/21.06QT	Kế toán	02/02/2006	2.50	83	Khá	
632	Nguyễn Thị Hương Giang	62/21.06QT	Kế toán	22/06/2006	2.87	88	Khá	
633	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	62/21.07	Kế toán	16/10/2006	2.68	83	Khá	
634	Nguyễn Tâm Ngọc	62/21.07	Kế toán	14/01/2006	3.13	85	Khá	
635	Trần Khánh Linh	62/21.07	Kế toán	26/10/2006	3.10	86	Khá	
636	Trần Lê Na	62/21.07	Kế toán	04/03/2006	2.65	88	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
637	Lưu Ngọc Quyên	62/21.07	Kế toán	05/08/2006	3.00	88	Khá	
638	Nguyễn Thị Quỳnh Dương	62/21.07	Kế toán	14/02/2006	2.78	84	Khá	
639	Phan Trang Anh	62/21.07QT	Kế toán	05/11/2005	3.17	88	Khá	
640	Nguyễn Cẩm Tú	62/21.07QT	Kế toán	18/07/2006	2.67	83	Khá	
641	Vương Thanh Ngân	62/21.07QT	Kế toán	29/07/2006	2.80	87	Khá	
642	Vũ Phương Linh	62/21.07QT	Kế toán	25/06/2006	2.54	88	Khá	
643	Đỗ Hoài An	62/21.07QT	Kế toán	25/11/2006	2.67	85	Khá	
644	Đặng Thị Kim Chi	62/21.07QT	Kế toán	15/03/2006	2.83	91	Khá	
645	Lê Thị Quỳnh Thương	62/21.07QT	Kế toán	03/10/2006	2.98	85	Khá	
646	Nguyễn Lê Phương Thảo	62/21.07QT	Kế toán	08/09/2006	2.54	86	Khá	
647	Đỗ Minh Quân	62/21.07QT	Kế toán	15/10/2006	2.98	89	Khá	
648	Nguyễn Phạm Bảo Trâm	62/21.07QT	Kế toán	06/02/2006	2.96	85	Khá	
649	Nguyễn Hà Thùy Anh	62/21.08	Kế toán	04/10/2006	3.18	83	Khá	
650	Lê Huy Thái Hà	62/21.08	Kế toán	22/11/2006	2.58	84	Khá	
651	Lành Thị Ánh Tuyết	62/21.08	Kế toán	09/01/2006	2.50	84	Khá	
652	Trần Khánh Linh	62/21.08	Kế toán	22/10/2006	3.00	83	Khá	
653	Phạm Khánh Huyền	62/21.08	Kế toán	30/07/2006	3.05	91	Khá	
654	Bùi Trung Tuấn Anh	62/21.08	Kế toán	09/12/2006	2.98	87	Khá	
655	Nguyễn Thanh Tâm	62/21.08	Kế toán	10/07/2006	3.08	86	Khá	
656	Vũ Thị Mai Ngân	62/21.08	Kế toán	26/08/2006	2.98	87	Khá	
657	Nguyễn Thị Kim Anh	62/21.08	Kế toán	20/01/2006	2.68	83	Khá	
658	Lê Đức Huy	62/21.08QT	Kế toán	28/12/2006	2.87	83	Khá	
659	Nguyễn Mai Hương	62/21.08QT	Kế toán	01/04/2005	3.13	84	Khá	
660	Thái Thị Thùy Trâm	62/21.08QT	Kế toán	12/06/2006	2.59	89	Khá	
661	Vũ Đỗ Minh Ngọc	62/21.08QT	Kế toán	29/10/2006	2.78	85	Khá	
662	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	62/21.08QT	Kế toán	27/09/2006	2.91	85	Khá	
663	Trần Quang Dũng	62/21.08QT	Kế toán	19/02/2006	3.15	89	Khá	
664	Đỗ Khánh Linh	62/21.08QT	Kế toán	25/09/2006	3.17	87	Khá	
665	Nguyễn Minh Anh	62/21.08QT	Kế toán	15/04/2006	2.54	88	Khá	
666	Đỗ Thúy Quỳnh	62/21.08QT	Kế toán	02/03/2006	2.72	85	Khá	
667	Trịnh Minh Nghĩa	62/21.08QT	Kế toán	13/06/2005	2.83	85	Khá	
668	Nguyễn Vi Thảo Nhung	62/21.08QT	Kế toán	24/12/2006	2.67	87	Khá	
669	Nguyễn Phương Thảo	62/21.08QT	Kế toán	25/03/2006	2.54	87	Khá	
670	Nguyễn Phương Mỹ	62/21.08QT	Kế toán	20/06/2006	2.96	89	Khá	
671	Phan Hồng Phúc	62/21.08QT	Kế toán	21/08/2006	2.63	89	Khá	
672	Vũ Đặng Anh Tuấn	62/21.08QT	Kế toán	28/03/2006	2.83	83	Khá	
673	Trần Ngọc Mai Anh	62/21.08QT	Kế toán	14/09/2006	2.96	88	Khá	
674	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	62/21.09	Kế toán	08/01/2006	2.98	85	Khá	
675	Lê Hoàng Khánh Linh	62/21.09	Kế toán	16/12/2006	2.68	83	Khá	
676	Nguyễn Hải Ninh	62/21.09	Kế toán	03/12/2006	3.03	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
677	Lê Quang Minh	62/21.09	Kế toán	17/09/2006	3.18	88	Khá	
678	Nguyễn Thị Minh Ngọc	62/21.09	Kế toán	24/06/2006	3.00	83	Khá	
679	Trần Ngọc Linh	62/21.09	Kế toán	30/07/2005	3.00	83	Khá	
680	Nguyễn Thảo Quyên	62/21.09	Kế toán	17/05/2006	3.00	83	Khá	
681	Lương Thị Quỳnh Giang	62/21.09	Kế toán	30/06/2006	3.08	83	Khá	
682	Phạm Thị Mỹ Huyền	62/21.09	Kế toán	20/08/2006	3.05	88	Khá	
683	Nguyễn Ngọc Mai	62/21.09QT	Kế toán	05/07/2006	2.96	87	Khá	
684	Nguyễn Ly Na	62/21.09QT	Kế toán	11/02/2006	3.02	85	Khá	
685	Tạ Yến Nhi	62/21.09QT	Kế toán	11/09/2006	2.72	84	Khá	
686	Nguyễn Phương Anh	62/21.09QT	Kế toán	12/03/2006	2.54	86	Khá	
687	Nguyễn Thị Hà Phương	62/21.09QT	Kế toán	15/01/2006	2.96	90	Khá	
688	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	62/21.09QT	Kế toán	28/04/2006	3.17	88	Khá	
689	Nguyễn Thị Phương Thảo	62/21.09QT	Kế toán	02/06/2006	2.63	85	Khá	
690	Phí Văn Đồng	62/21.10	Kế toán	26/11/2006	3.13	85	Khá	
691	Nguyễn Thanh Hải	62/21.10	Kế toán	25/03/2006	2.83	89	Khá	
692	Bùi Thị Thúy	62/21.10	Kế toán	11/03/2006	3.00	90	Khá	
693	Nguyễn Tú Quyên	62/21.10	Kế toán	30/05/2006	2.98	86	Khá	
694	Cầm Thị Nhật Kiều	62/21.10	Kế toán	10/03/2004	2.78	88	Khá	
695	Nguyễn Hữu Thúy Hồng	62/21.10	Kế toán	18/11/2006	2.93	83	Khá	
696	Trần Thu Trang	62/21.10	Kế toán	17/07/2006	2.65	85	Khá	
697	Lê Thuỳ Trang	62/21.10	Kế toán	14/01/2005	2.88	84	Khá	
698	Hứa Khánh Vy	62/21.10QT	Kế toán	03/02/2006	2.78	85	Khá	
699	Đoàn Thị Uyên Trang	62/21.10QT	Kế toán	17/09/2006	2.65	84	Khá	
700	Nguyễn Thu Trà	62/21.10QT	Kế toán	24/09/2006	2.72	85	Khá	
701	Phan Thị Loan	62/21.10QT	Kế toán	19/05/2006	3.09	82	Khá	
702	Nguyễn Xuân Mai	62/21.10QT	Kế toán	18/01/2006	3.13	87	Khá	
703	Lê Nguyễn Thanh Hằng	62/21.10QT	Kế toán	16/06/2006	2.67	85	Khá	
704	Nguyễn Đăng Dương	62/21.10QT	Kế toán	27/07/2006	2.70	87	Khá	
705	Nguyễn Thị Kim Oanh	62/21.11	Kế toán	12/09/2006	2.93	82	Khá	
706	Phạm Thanh Trà	62/21.11	Kế toán	03/05/2006	2.86	82	Khá	
707	Đặng Trần Hiếu	62/21.11	Kế toán	11/09/2006	2.88	84	Khá	
708	Trương Thùy Trang	62/21.11	Kế toán	13/01/2006	3.10	83	Khá	
709	Vũ Phương Anh	62/21.11	Kế toán	01/11/2006	3.10	84	Khá	
710	Nguyễn Ngọc Linh	62/21.11	Kế toán	19/09/2006	3.03	84	Khá	
711	Nguyễn Phương Thúy	62/21.11	Kế toán	02/10/2006	3.05	83	Khá	
712	Nguyễn Thị Thúy Kiều	62/21.11	Kế toán	20/08/2006	3.05	82	Khá	
713	Đoàn Thị Thanh Huyền	62/21.11QT	Kế toán	21/02/2006	2.78	91	Khá	
714	Trần Thị Hạ Lan	62/21.11QT	Kế toán	01/06/2006	2.63	84	Khá	
715	Dương Mai Hương	62/21.11QT	Kế toán	18/12/2005	2.65	88	Khá	
716	Nguyễn Thị Duyên	62/21.11QT	Kế toán	11/09/2006	2.91	89	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
717	Nguyễn Thủy Vy	62/21.11QT	Kế toán	17/10/2006	3.07	82	Khá	
718	Nguyễn Bích Ngọc	62/21.11QT	Kế toán	29/10/2006	3.13	91	Khá	
719	Trần Thị Loan	62/21.11QT	Kế toán	27/01/2006	2.59	83	Khá	
720	Vũ Hoàng Thùy Trang	62/21.12	Kế toán	13/04/2006	2.60	84	Khá	
721	Đặng Ngọc Trâm	62/21.12	Kế toán	19/11/2006	3.15	84	Khá	
722	Nguyễn Thị Phương Anh	62/21.12	Kế toán	13/02/2006	2.88	88	Khá	
723	Trần Thu Quyên	62/21.12	Kế toán	10/05/2006	2.93	82	Khá	
724	Phạm Thế Duy	62/21.12	Kế toán	19/05/2001	2.70	82	Khá	
725	Nguyễn Thị Hồng	62/21.12	Kế toán	28/03/2006	2.95	86	Khá	
726	Nguyễn Đức Hiếu	62/21.12	Kế toán	16/03/2006	2.63	86	Khá	
727	Nguyễn Mạnh Minh Giang	62/21.12	Kế toán	21/06/2006	2.58	82	Khá	
728	Lưu Vương Khánh Ly	62/21.12	Kế toán	02/02/2006	3.18	89	Khá	
729	Phạm Yến Vy	62/21.12	Kế toán	15/08/2006	3.08	83	Khá	
730	Nông Thị Kiều	62/21.12	Kế toán	06/01/2006	3.18	83	Khá	
731	Vũ Mai Chi	62/21.12QT	Kế toán	02/01/2006	2.96	83	Khá	
732	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	62/21.12QT	Kế toán	26/08/2006	2.61	85	Khá	
733	Bùi Ngọc Hiếu	62/21.12QT	Kế toán	09/03/2006	2.61	83	Khá	
734	Phan Thu Hương	62/21.12QT	Kế toán	19/10/2006	2.74	84	Khá	
735	Vũ Trần Tuệ Anh	62/21.12QT	Kế toán	08/06/2006	3.04	83	Khá	
736	Lê Thục Anh	62/21.12QT	Kế toán	26/10/2006	3.00	88	Khá	
737	Giang Đức Thanh	62/21.13	Kế toán	24/09/2006	2.58	88	Khá	
738	Nguyễn Thu Hà	62/21.13	Kế toán	27/08/2005	3.03	83	Khá	
739	Lương Thị Thùy Linh	62/21.13	Kế toán	20/12/2006	2.68	89	Khá	
740	Vũ Đức Hiếu	62/21.13	Kế toán	23/10/2006	3.05	83	Khá	
741	Nguyễn Thùy Linh	62/21.13	Kế toán	31/10/2006	2.78	85	Khá	
742	Bùi Thị Khánh Linh	62/21.13	Kế toán	19/08/2006	2.98	83	Khá	
743	Trần Thị Khánh Linh	62/21.13	Kế toán	05/01/2006	3.08	83	Khá	
744	Ngô Hoàng Bảo Trâm	62/21.13	Kế toán	25/03/2006	2.78	83	Khá	
745	Đỗ Như Quỳnh	62/21.13	Kế toán	05/12/2006	2.98	82	Khá	
746	Vũ Thị Huyền Trang	62/21.13	Kế toán	18/02/2006	3.18	93	Khá	
747	Đặng Mai Duyên	62/21.13	Kế toán	16/01/2006	2.50	88	Khá	
748	Tô Hoàng Bảo Vy	62/21.13	Kế toán	09/11/2006	2.95	90	Khá	
749	Hoàng Ánh Ngọc	62/21.13	Kế toán	18/08/2006	3.05	84	Khá	
750	Hoàng Thị Giang Quỳnh	62/21.14	Kế toán	05/08/2006	3.15	86	Khá	
751	Nguyễn Tường Linh	62/21.14	Kế toán	24/04/2006	3.03	84	Khá	
752	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	62/21.14	Kế toán	25/09/2006	3.15	84	Khá	
753	Nguyễn Thị Thu Phương	62/21.14	Kế toán	14/01/2006	2.95	83	Khá	
754	Nguyễn Phương Ly	62/21.14	Kế toán	02/04/2006	2.78	86	Khá	
755	Nguyễn Thị Phương Anh	62/21.14	Kế toán	19/02/2006	3.18	84	Khá	
756	Đỗ Thị Mai Hoa	62/21.14	Kế toán	26/03/2006	2.75	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
757	Đinh Mỹ Linh	62/21.15	Kế toán	17/05/2006	2.58	84	Khá	
758	Nguyễn Bảo Phúc	62/21.15	Kế toán	22/05/2006	3.18	88	Khá	
759	Nguyễn Kỳ Duyên	62/21.15	Kế toán	18/06/2006	2.83	83	Khá	
760	Triệu Quỳnh Trâm	62/21.15	Kế toán	30/04/2006	3.08	82	Khá	
761	Trần Minh Phương	62/21.15	Kế toán	08/04/2006	2.53	88	Khá	
762	Hoàng Minh Hằng	62/21.15	Kế toán	21/11/2006	2.83	83	Khá	
763	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	62/21.15	Kế toán	27/07/2006	2.90	83	Khá	
764	Ngô Thị Mai Linh	62/21.15	Kế toán	08/04/2006	3.18	87	Khá	
765	Nguyễn Ngọc Anh	62/21.15	Kế toán	18/07/2005	3.03	85	Khá	
766	Ngô Thị Hồng Ngọc	62/21.15	Kế toán	11/03/2006	2.65	86	Khá	
767	Nguyễn Thị Ly	62/21.15	Kế toán	14/01/2006	2.88	84	Khá	
768	Nguyễn Thị Quỳnh	62/21.15	Kế toán	18/02/2006	3.03	83	Khá	
769	Đỗ Phương Anh	62/21.15	Kế toán	28/03/2006	2.85	89	Khá	
770	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	62/21.15	Kế toán	25/09/2006	3.08	84	Khá	
771	Phạm Thu Hà	62/21.16	Kế toán	14/12/2006	3.18	83	Khá	
772	Phạm Hà Chi	62/21.16	Kế toán	07/11/2006	2.93	83	Khá	
773	Nguyễn Diệu Linh	62/21.16	Kế toán	09/06/2005	2.88	84	Khá	
774	Nguyễn Bảo Ngọc	62/21.16	Kế toán	09/02/2006	2.83	90	Khá	
775	Nguyễn Ngọc Anh	62/21.16	Kế toán	10/09/2006	3.13	86	Khá	
776	Nguyễn Huyền Trang	62/22.01	Kế toán	17/07/2006	2.95	83	Khá	
777	Vũ Thị Phương Uyên	62/22.01	Kế toán	05/03/2006	2.50	82	Khá	
778	Phạm Công Tiến	62/22.01	Kế toán	06/03/2006	3.10	85	Khá	
779	Vũ Thị Thanh Huyền	62/22.01	Kế toán	08/12/2006	3.00	91	Khá	
780	Bùi Ngọc Hiển	62/22.01	Kế toán	15/06/2006	2.93	88	Khá	
781	Nghiêm Lan Phương	62/22.01	Kế toán	07/06/2006	2.67	87	Khá	
782	Trịnh Phương Nga	62/22.01	Kế toán	03/06/2006	3.14	82	Khá	
783	Trịnh Khắc Hiếu	62/22.01	Kế toán	20/08/2006	2.71	91	Khá	
784	Nguyễn Toàn Thắng	62/22.01	Kế toán	08/06/2006	3.10	88	Khá	
785	Đào Ngọc Thủy Linh	62/22.01	Kế toán	08/03/2006	2.79	88	Khá	
786	Ngô Thị Bình Duyên	62/22.01	Kế toán	27/01/2006	3.14	85	Khá	
787	Tăng Ngọc Anh	62/22.01QT	Kế toán	10/09/2006	2.50	84	Khá	
788	Lê Bảo Linh	62/22.01QT	Kế toán	18/08/2006	3.17	87	Khá	
789	Nguyễn Thị Vân Anh	62/22.01QT	Kế toán	04/10/2005	2.50	84	Khá	
790	Trịnh Kim Ngân	62/22.01QT	Kế toán	21/11/2006	3.09	91	Khá	
791	Phạm Khắc Lâm	62/22.02	Kế toán	27/04/2006	3.10	87	Khá	
792	Phạm Quỳnh Trang	62/22.02	Kế toán	03/10/2006	2.98	84	Khá	
793	Trịnh Quang Huy	62/22.02	Kế toán	10/10/2006	3.14	88	Khá	
794	Phan Minh Giang	62/22.02	Kế toán	29/09/2006	2.55	83	Khá	
795	Nguyễn Yến Nhi	62/22.02	Kế toán	13/12/2006	3.19	84	Khá	
796	Nguyễn Khánh Ngân	62/22.02	Kế toán	08/09/2006	2.93	86	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
797	Tạ Phú Hào	62/22.02	Kế toán	18/12/2006	2.50	83	Khá	
798	Phạm Nam Thái	62/22.02QT	Kế toán	14/02/2006	3.11	87	Khá	
799	Nguyễn Minh Đức	62/22.02QT	Kế toán	30/10/2006	3.02	83	Khá	
800	Nguyễn Bảo Trâm	62/22.02QT	Kế toán	19/10/2006	3.13	85	Khá	
801	Phạm Mai Chi	62/22.02QT	Kế toán	23/06/2006	3.11	87	Khá	
802	Ngô Hùng Hiệp	62/22.02QT	Kế toán	05/10/2006	3.11	87	Khá	
803	Trần Gia Bách	62/22.02QT	Kế toán	02/05/2006	3.05	84	Khá	
804	Lê Hoàng Dũng	62/22.02QT	Kế toán	08/09/2006	2.80	83	Khá	
805	Nguyễn Gia Bảo	62/22.02QT	Kế toán	29/10/2006	2.80	83	Khá	
806	Phạm Phương Linh	62/22.02QT	Kế toán	22/12/2006	2.63	85	Khá	
807	Bùi Thị Mỹ Nương	62/22.03	Kế toán	04/06/2006	2.76	88	Khá	
808	Trần Thị Thùy Dung	62/22.03	Kế toán	18/04/2006	2.88	86	Khá	
809	Lương Thị Loan	62/22.03	Kế toán	30/08/2006	3.00	88	Khá	
810	Vũ Thị Thanh Thủy	62/22.03	Kế toán	30/12/2006	3.05	82	Khá	
811	Trần Ngọc Hà	62/22.03	Kế toán	24/04/2006	2.86	84	Khá	
812	Trịnh Minh Hằng	62/22.03	Kế toán	11/04/2006	3.19	85	Khá	
813	Lê Hạnh Dương	62/22.03	Kế toán	22/09/2006	3.02	83	Khá	
814	Lê Quỳnh Hương	62/22.03	Kế toán	31/01/2006	2.86	88	Khá	
815	Trần Phương Anh	62/22.03QT	Kế toán	13/11/2006	3.13	82	Khá	
816	Võ Sỹ Văn Phương	62/22.03QT	Kế toán	10/12/2006	2.96	84	Khá	
817	Vũ Tiến Hưng	62/22.03QT	Kế toán	12/04/2006	3.15	90	Khá	
818	Nguyễn Thu Hằng	62/22.03QT	Kế toán	03/05/2006	3.15	87	Khá	
819	Nguyễn Quế Trân	62/22.03QT	Kế toán	08/09/2006	2.89	85	Khá	
820	Cao Tiến Thành	62/22.03QT	Kế toán	14/10/2006	3.07	84	Khá	
821	Phạm Hương Giang	62/22.04	Kế toán	27/08/2006	2.52	83	Khá	
822	Nguyễn Tấn Dũng	62/22.04	Kế toán	10/12/2006	3.10	84	Khá	
823	Nguyễn Hồng Quân	62/22.04	Kế toán	20/09/2006	2.64	82	Khá	
824	Mai Ngọc Khánh Huyền	62/22.04	Kế toán	10/01/2006	2.79	82	Khá	
825	Phan Thị Ngọc Linh	62/22.04	Kế toán	07/09/2006	2.71	84	Khá	
826	Lê Mai Nga	62/22.04	Kế toán	07/12/2006	3.14	83	Khá	
827	Bùi Hoàng Việt Tiến	62/22.04	Kế toán	25/04/2006	2.83	89	Khá	
828	Đặng Minh Khánh Linh	62/22.04	Kế toán	17/11/2006	2.67	89	Khá	
829	Nguyễn Xuân Nghĩa	62/22.04	Kế toán	25/05/2006	2.74	83	Khá	
830	Đinh Thị Như Hà	62/22.04QT	Kế toán	18/07/2006	2.88	86	Khá	
831	Nguyễn Hữu Khôi	62/22.04QT	Kế toán	22/08/2006	3.00	89	Khá	
832	Nguyễn Ngọc Linh	62/22.04QT	Kế toán	28/02/2006	2.61	83	Khá	
833	Phạm Thị Mỹ Hương	62/22.04QT	Kế toán	13/06/2006	3.02	87	Khá	
834	Võ Thế Anh	62/22.04QT	Kế toán	25/03/2006	2.93	83	Khá	
835	Phí Thành Nam	62/22.05QT	Kế toán	26/12/2005	3.04	83	Khá	
836	Chu Thanh Ngà	62/22.05QT	Kế toán	29/06/2005	3.00	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
837	Hà Thị Hoài Thương	62/22.05QT	Kế toán	10/03/2006	2.96	85	Khá	
838	Ngô Thị Như Quỳnh	62/22.05QT	Kế toán	02/08/2006	3.04	83	Khá	
839	Nguyễn Minh Phương	62/22.05QT	Kế toán	07/12/2006	2.52	83	Khá	
840	Đỗ Lê Hà Phương	62/22.05QT	Kế toán	07/10/2006	2.91	84	Khá	
841	Nguyễn Châu Anh	62/22.06QT	Kế toán	25/10/2006	3.07	91	Khá	
842	Nguyễn Diệu Thảo	62/22.06QT	Kế toán	21/12/2006	2.58	85	Khá	
843	Vũ Thị Hương Trà	62/22.06QT	Kế toán	01/04/2006	2.96	83	Khá	
844	Hoàng Ngọc Linh	62/22.06QT	Kế toán	08/09/2006	3.04	84	Khá	
845	Phạm Trâm Anh	62/22.06QT	Kế toán	25/04/2006	2.80	88	Khá	
846	Trần Thu Trang	62/22.07QT	Kế toán	19/12/2006	3.02	86	Khá	
847	Chu Ngọc Ánh	62/22.07QT	Kế toán	12/10/2006	2.89	87	Khá	
848	Dương Thị Thùy Linh	62/22.07QT	Kế toán	18/08/2006	2.80	89	Khá	
849	Tạ Hoàng Anh	62/22.07QT	Kế toán	12/08/2006	2.61	89	Khá	
850	Hoàng Ngọc Linh	62/22.07QT	Kế toán	22/04/2006	3.02	89	Khá	
851	Đỗ Xuân Thanh	62/22.07QT	Kế toán	23/04/2006	2.91	87	Khá	
852	Phạm Thảo Hương	62/22.07QT	Kế toán	20/03/2006	2.91	88	Khá	
853	Trần Thu Phương	62/22.07QT	Kế toán	08/11/2006	3.07	88	Khá	
854	Vũ Hoàng Bảo Anh	62/22.07QT	Kế toán	03/03/2006	3.17	86	Khá	
855	Nguyễn Hoàng Yến	62/22.07QT	Kế toán	15/06/2006	2.85	89	Khá	
856	Nguyễn Kim Anh	62/22.07QT	Kế toán	23/06/2006	3.07	89	Khá	
857	Hoàng Việt Trung	62/22.07QT	Kế toán	20/04/2006	2.50	88	Khá	
858	Nguyễn Thị Kim Chi	62/22.08QT	Kế toán	17/05/2006	2.61	89	Khá	
859	Nguyễn Tuấn Minh	62/22.08QT	Kế toán	05/04/2006	2.76	88	Khá	
860	Nguyễn Như Minh Tuấn	62/22.08QT	Kế toán	01/02/2006	3.15	83	Khá	
861	Dương Thị Diệu Linh	62/22.08QT	Kế toán	23/03/2006	2.65	86	Khá	
862	Nguyễn Phúc Thành	62/22.08QT	Kế toán	30/10/2006	2.96	85	Khá	
863	Hoàng Hải Hà	62/22.09QT	Kế toán	13/02/2006	2.96	84	Khá	
864	Nguyễn Thị Kim Vân	62/22.09QT	Kế toán	08/12/2006	3.07	90	Khá	
865	Dương Thanh Bình	62/22.09QT	Kế toán	05/11/2006	2.85	82	Khá	
866	Phan Ngọc Trâm	62/22.09QT	Kế toán	19/10/2006	2.93	84	Khá	
867	Vũ Thị Quỳnh Mai	62/22.10QT	Kế toán	21/06/2006	3.09	88	Khá	
868	Đoàn Thị Thu Phương	62/22.10QT	Kế toán	03/09/2006	2.93	84	Khá	
869	Phạm Kiều Trang	62/22.10QT	Kế toán	22/06/2006	2.80	86	Khá	
870	Bế Trọng Nhân	62/22.10QT	Kế toán	03/09/2006	2.93	83	Khá	
871	Lê Hồng Quang Huy	62/22.10QT	Kế toán	22/10/2006	2.93	88	Khá	
872	Phan Thu Trang	62/22.10QT	Kế toán	12/09/2006	3.04	83	Khá	
873	Bùi Thanh Tâm	62/22.10QT	Kế toán	08/06/2006	2.89	83	Khá	
874	Nguyễn Minh Thảo	63.02.01	Kế toán	04/02/2007	2.85	82	Khá	
875	Trần Ngọc Hương Linh	63.02.01	Kế toán	02/06/2007	3.19	82	Khá	
876	Vì Thị Diệu Linh	63.02.01	Kế toán	01/07/2007	2.96	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
877	Đinh Thị Hà Linh	63.02.01	Kế toán	12/09/2007	3.08	88	Khá	
878	Đinh Nhật Linh	63.02.01	Kế toán	04/02/2007	2.81	82	Khá	
879	Vũ Hà Thương	63.02.01	Kế toán	24/11/2007	3.00	83	Khá	
880	Vũ Thị Diệu Linh	63.02.01	Kế toán	13/06/2007	2.92	83	Khá	
881	Nguyễn Ngọc Trâm	63.02.01	Kế toán	06/09/2007	3.19	83	Khá	
882	Đỗ Thế Ngọc	63.02.01	Kế toán	22/02/2007	3.12	82	Khá	
883	Trần Hà Trang	63.02.01	Kế toán	01/07/2007	2.77	83	Khá	
884	Nguyễn Ngọc Anh	63.02.01	Kế toán	16/06/2007	2.92	82	Khá	
885	Nguyễn Kim Ngọc	63.02.01	Kế toán	02/01/2007	2.88	87	Khá	
886	Lê Trọng Tấn	63.02.01	Kế toán	04/08/2007	2.65	82	Khá	
887	Đỗ Nguyễn Anh Thư	63.02.01	Kế toán	16/09/2007	3.15	82	Khá	
888	Nguyễn Phương Anh	63.02.01	Kế toán	04/12/2007	2.81	82	Khá	
889	Võ Thị Quỳnh Hương	63.02.01	Kế toán	01/08/2007	2.73	82	Khá	
890	Đoàn Quốc An	63.02.01QT.01	Kế toán	30/11/2007	3.08	85	Khá	
891	Nguyễn Thảo Uyên	63.02.01QT.01	Kế toán	28/11/2007	2.79	83	Khá	
892	Nguyễn Văn Tuệ	63.02.01QT.01	Kế toán	12/02/2007	2.83	82	Khá	
893	Bùi Xuân Bách	63.02.01QT.01	Kế toán	27/04/2007	2.79	82	Khá	
894	Nguyễn Mai Anh	63.02.01QT.01	Kế toán	09/04/2007	2.83	83	Khá	
895	Nguyễn Ngân Giang	63.02.01QT.02	Kế toán	10/08/2007	3.04	88	Khá	
896	Triệu Nguyễn Phương Anh	63.02.01QT.02	Kế toán	21/02/2007	2.96	83	Khá	
897	Hoàng Thị Thu Hà	63.02.01QT.02	Kế toán	08/11/2007	3.00	84	Khá	
898	Hoàng Minh Anh	63.02.01QT.03	Kế toán	22/11/2007	2.83	84	Khá	
899	Đặng Thị Thanh Thảo	63.02.01QT.03	Kế toán	12/06/2007	3.08	82	Khá	
900	Vũ Ngọc Gia Hân	63.02.01QT.03	Kế toán	14/08/2007	3.17	83	Khá	
901	Nguyễn Minh Hoàng	63.02.01QT.03	Kế toán	21/08/2007	3.08	83	Khá	
902	Hà Ngọc Vũ	63.02.01QT.04	Kế toán	27/11/2007	3.13	88	Khá	
903	Phạm Hương Ly	63.02.01QT.04	Kế toán	30/12/2007	2.75	82	Khá	
904	Nguyễn Thị Hoài Phương	63.02.01QT.04	Kế toán	09/01/2007	3.08	83	Khá	
905	Vũ Anh Thư	63.02.01QT.04	Kế toán	20/10/2007	3.00	84	Khá	
906	Nguyễn Thị Phương Linh	63.02.01QT.04	Kế toán	26/05/2007	3.08	88	Khá	
907	Hoa Chí Dũng	63.02.01QT.04	Kế toán	06/12/2006	2.96	85	Khá	
908	Đào Thị Hương Lan	63.02.01QT.05	Kế toán	10/11/2007	3.04	82	Khá	
909	Trần Huyền Trang	63.02.01QT.05	Kế toán	13/09/2007	3.08	82	Khá	
910	Hà Ngọc Quỳnh	63.02.01QT.05	Kế toán	08/02/2007	2.75	84	Khá	
911	Nguyễn Thị Thu Huyền	63.02.01QT.05	Kế toán	09/12/2007	3.08	83	Khá	
912	Trần Thị Diệu Châu	63.02.01QT.05	Kế toán	14/07/2007	2.92	88	Khá	
913	Trần Thị Ngọc Anh	63.02.01QT.05	Kế toán	16/02/2007	2.54	88	Khá	
914	Lê Quỳnh Hương	63.02.01QT.05	Kế toán	19/02/2007	3.17	83	Khá	
915	Nguyễn Minh Hiển	63.02.01QT.05	Kế toán	14/09/2007	2.58	82	Khá	
916	Nguyễn Hải Yến	63.02.01QT.05	Kế toán	30/11/2005	2.63	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
917	Nguyễn Thùy Trang	63.02.01QT.06	Kế toán	10/03/2007	2.58	82	Khá	
918	Bùi Hiền Minh	63.02.01QT.06	Kế toán	26/10/2007	2.63	83	Khá	
919	Cao Thị Kim Ngân	63.02.01QT.06	Kế toán	08/12/2007	2.83	83	Khá	
920	Nguyễn Thị Yến Nhi	63.02.01QT.06	Kế toán	04/01/2007	2.63	82	Khá	
921	Đào Duy Anh	63.02.01QT.06	Kế toán	26/10/2007	2.75	82	Khá	
922	Nguyễn Hoàng Bách	63.02.01QT.06	Kế toán	02/11/2007	2.50	83	Khá	
923	Nguyễn Cẩm Tú	63.02.01QT.06	Kế toán	12/09/2007	3.17	88	Khá	
924	Tống Phạm Lan Anh	63.02.01QT.06	Kế toán	04/01/2007	2.96	83	Khá	
925	Nguyễn Thị Hồng	63.02.01QT.06	Kế toán	17/02/2007	2.75	84	Khá	
926	Nguyễn Thị Thu Hiền	63.02.01QT.06	Kế toán	13/02/2007	3.04	83	Khá	
927	Lê Minh Quân	63.02.01QT.07	Kế toán	23/06/2007	2.75	92	Khá	
928	Ke Bảo Phúc	63.02.01QT.07	Kế toán	10/11/2007	3.17	83	Khá	
929	Đỗ Thuỳ Dung	63.02.01QT.07	Kế toán	02/03/2007	2.54	83	Khá	
930	Nguyễn Thị Thu Hương	63.02.01QT.07	Kế toán	07/07/2007	2.67	84	Khá	
931	Phạm Tuấn Hưng	63.02.01QT.07	Kế toán	31/08/2007	2.63	83	Khá	
932	Phạm Quang Huy	63.02.01QT.07	Kế toán	17/11/2007	3.00	84	Khá	
933	Nguyễn Hoàng Sơn	63.02.01QT.07	Kế toán	27/10/2007	3.00	88	Khá	
934	Nguyễn Tiến Dũng	63.02.01QT.07	Kế toán	21/10/2007	2.58	83	Khá	
935	Nguyễn Thị Lan Hương	63.02.01QT.07	Kế toán	25/02/2007	2.50	84	Khá	
936	Bùi Xuân Trường	63.02.01QT.07	Kế toán	01/02/2007	3.17	85	Khá	
937	Lê Bảo Châu	63.02.01QT.07	Kế toán	29/07/2007	3.17	86	Khá	
938	Nguyễn Thị Tuyết Mai	63.02.01QT.07	Kế toán	04/11/2007	3.04	88	Khá	
939	Phùng Thu Hiền	63.02.01QT.07	Kế toán	21/12/2007	3.00	84	Khá	
940	Nguyễn Phương Anh	63.02.01QT.07	Kế toán	19/09/2007	2.83	83	Khá	
941	Lê Thị Thanh Hiền	63.02.01QT.08	Kế toán	08/11/2007	2.54	83	Khá	
942	Nguyễn Minh Châu	63.02.01QT.08	Kế toán	05/08/2007	3.00	83	Khá	
943	Nguyễn Ngọc Anh	63.02.01QT.08	Kế toán	07/01/2007	2.92	84	Khá	
944	Phạm Minh Hiếu	63.02.01QT.08	Kế toán	07/01/2007	2.54	85	Khá	
945	Trần Ngọc Mai	63.02.01QT.08	Kế toán	24/06/2007	2.50	83	Khá	
946	Vũ Phương Anh	63.02.01QT.08	Kế toán	22/02/2007	2.79	88	Khá	
947	Lưu Trà My	63.02.01QT.08	Kế toán	24/11/2007	2.83	88	Khá	
948	Trần Phương Linh	63.02.01QT.08	Kế toán	16/09/2007	2.67	84	Khá	
949	Phan Thanh Hà	63.02.01QT.08	Kế toán	08/01/2007	2.92	84	Khá	
950	Lương Thị Huyền My	63.02.01QT.08	Kế toán	16/04/2007	2.92	84	Khá	
951	Nguyễn Anh Tú	63.02.01QT.08	Kế toán	01/02/2007	2.92	89	Khá	
952	Đinh Thị Bích Thủy	63.02.01QT.08	Kế toán	13/06/2007	2.88	90	Khá	
953	Vũ Đỗ Phúc Thành	63.02.01QT.08	Kế toán	11/10/2007	3.13	89	Khá	
954	Lê Minh Anh	63.02.01QT.08	Kế toán	03/11/2007	2.92	86	Khá	
955	Nguyễn Hồng Nhung	63.02.01QT.08	Kế toán	21/01/2007	3.00	84	Khá	
956	Lê Thị Bích	63.02.02	Kế toán	03/02/2007	3.15	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
957	Vũ Thị Thanh Trúc	63.02.02	Kế toán	21/12/2007	3.08	82	Khá	
958	Đỗ Ngọc Huyền Diệu	63.02.02	Kế toán	13/05/2007	3.15	82	Khá	
959	Nguyễn Hà Phương	63.02.02	Kế toán	26/11/2007	3.12	83	Khá	
960	Nguyễn Thảo Nhi	63.02.02	Kế toán	29/01/2007	2.77	83	Khá	
961	Đặng Minh Hiền	63.02.02	Kế toán	11/05/2007	3.15	82	Khá	
962	Lê Thị Ngọc Huyền	63.02.02	Kế toán	13/03/2007	2.77	82	Khá	
963	Nguyễn Quỳnh Chi	63.02.02	Kế toán	25/09/2007	3.00	83	Khá	
964	Lê Anh Thư	63.02.02	Kế toán	02/04/2007	3.19	82	Khá	
965	Bùi Khánh Ly	63.02.02	Kế toán	05/10/2007	3.12	82	Khá	
966	Nguyễn Hạnh Nguyên	63.02.02	Kế toán	09/11/2007	2.54	82	Khá	
967	Đặng Duy Hiếu	63.02.02	Kế toán	18/09/2007	2.73	82	Khá	
968	Cao Phương Linh	63.02.02	Kế toán	05/02/2007	2.81	83	Khá	
969	Đặng Hiền Anh	63.02.02	Kế toán	24/03/2007	2.85	88	Khá	
970	Nguyễn Trâm Anh	63.02.02	Kế toán	14/10/2007	2.58	83	Khá	
971	Nguyễn Phạm Thùy Dương	63.02.02	Kế toán	15/10/2007	3.15	83	Khá	
972	Nguyễn Phương Anh	63.02.02	Kế toán	28/07/2007	2.88	83	Khá	
973	Ngô Thiên Kim	63.02.02	Kế toán	15/11/2007	3.08	82	Khá	
974	Nguyễn Thị Anh Thơ	63.02.02	Kế toán	10/07/2007	3.19	83	Khá	
975	Kiều Thu Huyền	63.02.02	Kế toán	01/08/2007	2.96	87	Khá	
976	Nguyễn Thùy Linh	63.02.02QT.01	Kế toán	28/11/2007	2.79	88	Khá	
977	Trần Thanh Trúc	63.02.02QT.01	Kế toán	22/01/2007	2.58	83	Khá	
978	Nguyễn Thị Yến Nga	63.02.02QT.01	Kế toán	18/09/2007	2.63	85	Khá	
979	Nguyễn Thị Thùy Dương	63.02.02QT.01	Kế toán	15/11/2007	3.04	84	Khá	
980	Phạm Thị Khánh Huyền	63.02.02QT.01	Kế toán	16/02/2007	2.92	88	Khá	
981	Nguyễn Thị Phương Nhi	63.02.02QT.01	Kế toán	29/12/2007	2.58	88	Khá	
982	Chảo Yến Nhi	63.02.02QT.01	Kế toán	01/09/2007	3.17	83	Khá	
983	Vũ Hồng Anh	63.02.02QT.01	Kế toán	14/10/2007	3.04	84	Khá	
984	Lâm Nhật Minh	63.02.02QT.01	Kế toán	01/10/2006	2.96	88	Khá	
985	Lã Thành Đạt	63.02.03	Kế toán	06/08/2007	3.19	83	Khá	
986	Lại Thị Phương Anh	63.02.03	Kế toán	17/04/2007	3.19	89	Khá	
987	Phạm Khánh Thư	63.02.03	Kế toán	06/12/2007	2.96	82	Khá	
988	Đặng Minh Thảo	63.02.03	Kế toán	06/01/2007	3.12	82	Khá	
989	Hoàng Phương Uyên	63.02.03	Kế toán	25/12/2007	3.12	83	Khá	
990	Chu Minh Ngọc	63.02.03	Kế toán	01/11/2007	2.92	82	Khá	
991	Nguyễn Thị Khánh Linh	63.02.03	Kế toán	05/11/2007	3.12	83	Khá	
992	Đinh Quang Nghị	63.02.03	Kế toán	31/08/2007	3.08	83	Khá	
993	Dương Minh Châu	63.02.03	Kế toán	27/04/2007	3.08	81	Khá	
994	Nguyễn Minh Châu	63.02.04	Kế toán	31/01/2007	2.88	83	Khá	
995	Nguyễn Ngọc Diệu Thảo	63.02.04	Kế toán	08/12/2007	3.12	83	Khá	
996	Thạch Dương Như Ý	63.02.04	Kế toán	11/10/2007	2.69	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
997	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	63.02.04	Kế toán	17/12/2007	3.04	83	Khá	
998	Vũ Bảo Châu	63.02.04	Kế toán	10/12/2007	2.96	83	Khá	
999	Phạm Thị Thùy Linh	63.02.04	Kế toán	09/01/2007	2.73	82	Khá	
1000	Ngô Thị Mai Linh	63.02.04	Kế toán	25/03/2007	3.15	84	Khá	
1001	Khương Thị Kim Ngân	63.02.04	Kế toán	16/11/2007	3.04	84	Khá	
1002	Lại Thùy Linh	63.02.05	Kế toán	08/01/2007	2.88	85	Khá	
1003	Hoàng Gia Bảo	63.02.05	Kế toán	03/02/2007	3.15	82	Khá	
1004	Lê Thị Thùy Dung	63.02.05	Kế toán	11/09/2007	3.19	82	Khá	
1005	Võ Uyên Chi	63.02.06	Kế toán	22/11/2007	3.19	82	Khá	
1006	Bùi Gia Linh	63.02.06	Kế toán	25/12/2007	3.19	82	Khá	
1007	Nguyễn Thùy Dương	63.02.06	Kế toán	19/08/2007	2.88	82	Khá	
1008	Đỗ Thị Khánh Thương	63.02.06	Kế toán	16/10/2007	3.15	82	Khá	
1009	Lê Vân Khánh	63.02.07	Kế toán	04/11/2006	2.96	82	Khá	
1010	Lê Bá Hoàng Phúc	63.02.07	Kế toán	27/09/2007	3.19	83	Khá	
1011	Nguyễn Đoàn Anh Đức	63.02.07	Kế toán	14/09/2007	2.85	82	Khá	
1012	Trần Đức Lương	63.02.07	Kế toán	22/12/2007	3.04	89	Khá	
1013	Vũ Thị Phương Anh	63.02.07	Kế toán	09/05/2007	3.04	83	Khá	
1014	Vũ Thị Lan Anh	63.02.08	Kế toán	22/07/2007	3.08	85	Khá	
1015	Đinh Thị Hoàng Ngân	63.02.08	Kế toán	23/12/2007	3.15	84	Khá	
1016	Vũ Tuấn Anh	63.02.08	Kế toán	18/03/2007	3.19	82	Khá	
1017	Nguyễn Thị Hương Giang	63.02.08	Kế toán	29/11/2007	3.19	84	Khá	
1018	Trần Thị Thanh Thảo	63.02.09	Kế toán	10/03/2007	3.00	82	Khá	
1019	Phạm Tiến Thăng	63.02.09	Kế toán	31/03/2007	3.00	83	Khá	
1020	Vũ Anh Tuấn	63.02.09	Kế toán	09/08/2007	3.15	82	Khá	
1021	Tăng Hồng Liên	63.02.09	Kế toán	18/09/2007	3.15	83	Khá	
1022	Hoàng Thu Hoài	63.02.09	Kế toán	25/12/2007	3.12	83	Khá	
1023	Lê Thảo Linh	63.02.10	Kế toán	26/09/2007	3.19	82	Khá	
1024	Nguyễn Thanh Thủy	63.02.10	Kế toán	13/03/2007	3.00	83	Khá	
1025	Phùng Thị Lan	63.02.10	Kế toán	01/09/2007	2.88	82	Khá	
1026	Nguyễn Thúy Nga	63.02.10	Kế toán	25/04/2007	3.08	82	Khá	
1027	Trần Minh Hiếu	63.02.10	Kế toán	03/09/2007	3.04	82	Khá	
1028	Võ Hoàng Bách	63.02.10	Kế toán	20/06/2007	3.04	82	Khá	
1029	Nguyễn Hồng Anh	63.02.11	Kế toán	07/08/2007	2.85	83	Khá	
1030	Nguyễn Thị Ngọc Linh	63.02.11	Kế toán	11/10/2007	2.50	84	Khá	
1031	Nguyễn Thảo Phương	63.02.11	Kế toán	11/11/2007	3.12	82	Khá	
1032	Lê Thái Thảo Hiền	63.02.11	Kế toán	28/10/2007	2.81	84	Khá	
1033	Ngô Linh Chi	63.02.11	Kế toán	21/11/2007	2.96	85	Khá	
1034	Chu Quỳnh Anh	63.02.11	Kế toán	16/09/2007	3.19	82	Khá	
1035	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	63.02.11	Kế toán	02/05/2007	2.88	83	Khá	
1036	Nguyễn Thục Anh	63.02.12	Kế toán	22/11/2007	2.92	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1037	Hoàng Thị Hòa	63.02.12	Kế toán	15/09/2007	2.77	83	Khá	
1038	Nguyễn Trần Bảo Anh	63.02.12	Kế toán	28/09/2007	2.54	85	Khá	
1039	Nguyễn Thanh Tuyền	63.02.12	Kế toán	06/04/2007	3.19	83	Khá	
1040	Lưu Tùng Lâm	63.10.01.01	Kế toán	30/09/2007	2.62	82	Khá	
1041	Dương Thị Phương Linh	63.10.01.01	Kế toán	25/07/2007	3.00	83	Khá	
1042	Nguyễn Tuấn Minh	63.10.01.01	Kế toán	03/05/2007	2.65	84	Khá	
1043	Đào Tấn Dũng	63.10.01.01	Kế toán	05/11/2007	2.54	82	Khá	
1044	Nguyễn Thùy Linh	63.10.01.01	Kế toán	25/08/2007	3.04	83	Khá	
1045	Phạm Trâm Anh	63.10.01.01	Kế toán	16/09/2007	3.19	83	Khá	
1046	Đào Đăng Minh	63.10.01.01	Kế toán	01/09/2007	2.88	82	Khá	
1047	Lê Việt Hương	63.10.01.02	Kế toán	09/11/2007	3.12	82	Khá	
1048	Bùi Phan Hà Vy	63.10.01.02	Kế toán	05/07/2007	3.15	83	Khá	
1049	Trần Đức Thảo	63.10.01.02	Kế toán	21/02/2007	2.62	82	Khá	
1050	Đoàn Minh Tuấn	63.10.01.02	Kế toán	11/01/2007	2.62	83	Khá	
1051	Hoàng Hải Yến Nhi	63.10.01.02	Kế toán	12/09/2007	3.15	82	Khá	
1052	Lê Thúy Hiền	63.10.01.02	Kế toán	16/12/2007	2.77	84	Khá	
1053	Nguyễn Quốc Việt	63.10.01.02	Kế toán	10/09/2007	3.08	84	Khá	
1054	Bùi Nguyễn Khánh Vy	63.10.01.02	Kế toán	19/12/2007	2.85	82	Khá	
1055	Hoàng Mỹ Duyên	63.10.01.03	Kế toán	04/04/2007	3.19	83	Khá	
1056	Trần Khánh Linh	63.10.01.03	Kế toán	05/11/2007	3.15	84	Khá	
1057	Lê Mai Chi	63.10.01.03	Kế toán	03/09/2007	2.96	83	Khá	
1058	Lê Phạm Diệu Trang	63.10.01.03	Kế toán	10/07/2007	3.19	82	Khá	
1059	Trần Đức Mạnh	63.10.01.03	Kế toán	03/01/2007	2.96	83	Khá	
1060	Lại Đàm Thái Vinh	63.10.01.04	Kế toán	15/11/2006	2.73	82	Khá	
1061	Lưu Tiến Hưng	63.10.01.04	Kế toán	05/06/2005	3.04	83	Khá	
1062	Trần Đức Trọng	63.10.01.04	Kế toán	12/04/2007	3.12	84	Khá	
1063	Đỗ Thị Liên	63.10.01.04	Kế toán	17/01/2007	2.81	82	Khá	
1064	Phạm Quang Long	63.10.01.04	Kế toán	02/09/2007	2.73	82	Khá	
1065	Trần Nam Khánh	63.10.01QT.01	Kế toán	24/11/2007	3.08	83	Khá	
1066	Phan Nguyễn Anh Hà	63.10.01QT.01	Kế toán	16/11/2007	3.00	85	Khá	
1067	Vũ Mạnh Dũng	63.10.01QT.01	Kế toán	21/06/2007	3.13	85	Khá	
1068	Lê Nguyễn Hải Linh	63.10.01QT.02	Kế toán	10/03/2007	3.04	84	Khá	
1069	Trần Đức Tuấn	63.10.01QT.03	Kế toán	27/01/2007	2.96	81	Khá	
1070	Lê Mai Phương	63.10.01QT.03	Kế toán	20/10/2007	3.13	86	Khá	
1071	Nguyễn Mạnh Dũng	63.10.01QT.03	Kế toán	25/09/2007	3.04	84	Khá	
1072	Nguyễn Gia Hưng	63.10.01QT.03	Kế toán	11/06/2007	3.00	83	Khá	
1073	Trịnh Việt Anh	63.10.01QT.03	Kế toán	07/06/2007	3.00	84	Khá	
1074	Hà Thị Ngọc Hoa	63.10.01QT.03	Kế toán	29/05/2007	3.17	89	Khá	
1075	Nguyễn Đức Cường	63.10.01QT.03	Kế toán	25/10/2007	3.13	81	Khá	
1076	Đỗ Sơn Bách	63.10.01QT.04	Kế toán	10/12/2007	3.04	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1077	Nguyễn Cẩm Tú	63.10.01QT.04	Kế toán	10/04/2007	3.13	83	Khá	
1078	Trần Đức Nhật	63.10.01QT.04	Kế toán	29/09/2007	3.08	84	Khá	
1079	Vương Đình Gia Bảo	63.10.01QT.04	Kế toán	28/02/2007	3.04	83	Khá	
1080	Nguyễn Hà Thủy Lam	63.10.01QT.05	Kế toán	28/01/2007	3.13	83	Khá	
1081	Phạm Lê Phương Thảo	63.10.01QT.05	Kế toán	30/01/2006	2.83	84	Khá	
1082	Phạm Nguyễn Minh Hải	63.10.01QT.05	Kế toán	04/11/2007	3.00	84	Khá	
1083	Trịnh Mai Phương	63.10.01QT.06	Kế toán	22/05/2007	3.08	88	Khá	
1084	Nguyễn Thanh An	63.10.01QT.06	Kế toán	15/03/2007	3.13	82	Khá	
1085	Trần Quang Minh	63.10.01QT.06	Kế toán	29/03/2007	2.79	83	Khá	
1086	Cao Đức Phát	63.10.01QT.06	Kế toán	25/12/2006	2.71	83	Khá	
1087	Ngô Thị Hồng Phương	63.10.01QT.06	Kế toán	07/01/2007	3.13	85	Khá	
1088	Trần Ngọc Vũ	63.10.01QT.06	Kế toán	07/03/2007	2.79	84	Khá	
1089	Cao Minh Hiếu	63.10.01QT.06	Kế toán	28/10/2007	2.58	83	Khá	
1090	Lê Minh Thành	63.10.01QT.06	Kế toán	08/08/2007	3.17	82	Khá	
1091	Hoàng Thạch Anh	63.10.01QT.06	Kế toán	27/08/2007	2.92	84	Khá	
1092	Nguyễn Việt Hoàng	63.10.01QT.07	Kế toán	03/11/2007	3.04	83	Khá	
1093	Trần Thu Trang	63.10.01QT.07	Kế toán	26/10/2007	2.71	83	Khá	
1094	Nguyễn Hải Đăng	63.10.01QT.07	Kế toán	17/10/2007	2.83	83	Khá	
1095	Trịnh Phúc Long	63.10.01QT.07	Kế toán	22/05/2007	3.08	82	Khá	
1096	Trần Thu Hà	63.10.01QT.07	Kế toán	30/03/2007	3.08	85	Khá	
1097	Từ Thị Thu Trang	63.10.01QT.07	Kế toán	15/05/2006	3.08	85	Khá	
1098	Bùi Thị Bích	63.10.01QT.07	Kế toán	20/08/2007	2.54	84	Khá	
1099	Trần Văn Đoàn	63.10.01QT.07	Kế toán	12/12/2007	2.50	83	Khá	
1100	Nguyễn Trần Minh Hiếu	63.10.01QT.07	Kế toán	07/11/2007	2.83	83	Khá	
1101	Phùng Diệu Thảo	63.10.01QT.07	Kế toán	31/08/2007	2.96	87	Khá	
1102	Nguyễn Bình An	63.10.01QT.07	Kế toán	05/11/2007	2.96	82	Khá	
1103	Hà Quỳnh Anh	63.10.01QT.07	Kế toán	07/12/2004	3.17	82	Khá	
1104	Nguyễn Khánh Ngọc	63.10.01QT.07	Kế toán	14/03/2007	3.00	89	Khá	
1105	Vũ Ngọc Hà	63.10.01QT.07	Kế toán	29/12/2007	3.00	82	Khá	
1106	Lê Anh Quân	63.10.01QT.07	Kế toán	13/04/2007	2.92	88	Khá	
1107	Đặng Ngọc An	63.10.01QT.08	Kế toán	07/04/2007	2.54	84	Khá	
1108	Bùi Gia Nghĩa	63.10.01QT.08	Kế toán	14/08/2007	2.75	86	Khá	
1109	Nguyễn Thuỳ Dương	63.10.01QT.08	Kế toán	11/09/2007	2.75	82	Khá	
1110	Phạm Huyền Anh	63.10.01QT.08	Kế toán	01/10/2007	2.54	82	Khá	
1111	Vũ Diệu Hoa	63.10.01QT.08	Kế toán	02/05/2007	3.58	79	Khá	
1112	Hà Anh Thư	63.10.01QT.08	Kế toán	08/02/2007	2.71	90	Khá	
1113	Lê Thu Huyền	63.10.01QT.08	Kế toán	05/10/2007	3.17	84	Khá	
1114	Uông Quỳnh Chi	63.10.01QT.08	Kế toán	16/09/2007	2.71	83	Khá	
1115	Nguyễn Linh Trà	63.10.01QT.08	Kế toán	09/09/2007	2.63	87	Khá	
1116	Nguyễn Thị Diệu Châu	63.10.01QT.08	Kế toán	29/05/2007	3.04	89	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1117	Đoàn Quỳnh Chi	63.10.01QT.08	Kế toán	18/06/2007	3.08	84	Khá	
1118	Tôn Thị Thuỳ Dung	63.10.01QT.08	Kế toán	23/01/2007	3.00	84	Khá	
1119	Nguyễn Hải Yến	63.10.01QT.08	Kế toán	11/01/2007	3.13	82	Khá	
1120	Trần Thị Huyên	60/61.01	Kinh tế	27/04/2004	3.08	88	Khá	
1121	Nguyễn Việt Hoàng	60/61.01	Kinh tế	19/03/2004	2.69	82	Khá	
1122	Nguyễn Quang Vinh	60/61.01	Kinh tế	25/12/2004	2.94	82	Khá	
1123	Trần Minh Nhật	60/61.01	Kinh tế	21/05/2004	2.92	82	Khá	
1124	Trần Thị Hương Quỳnh	60/61.01	Kinh tế	06/07/2004	2.58	82	Khá	
1125	Quách Thị Oanh	60/61.01	Kinh tế	14/12/2003	3.00	82	Khá	
1126	Nguyễn Hằng Mai	60/61.02	Kinh tế	06/05/2003	3.17	84	Khá	
1127	Ma Bích Ngọc	60/61.02	Kinh tế	30/10/2004	3.03	82	Khá	
1128	Kiều Thu Hà	60/61.02	Kinh tế	17/10/2004	3.03	82	Khá	
1129	Nguyễn Đức Hưng	60/61.02	Kinh tế	09/02/2004	3.14	87	Khá	
1130	Lê Thùy Linh	60/61.02	Kinh tế	09/10/2004	2.94	82	Khá	
1131	Trần Minh Đức	60/61.02	Kinh tế	24/11/2004	2.50	82	Khá	
1132	Lê Thị Thu	60/61.02	Kinh tế	10/05/2004	2.75	82	Khá	
1133	Phan Thị Lộc	60/61.02	Kinh tế	19/10/2003	3.14	82	Khá	
1134	Trịnh Ngọc Lan	60/61.02	Kinh tế	29/10/2004	2.58	83	Khá	
1135	Lê Phương Nam	60/61.02	Kinh tế	12/12/2004	2.50	82	Khá	
1136	Đặng Phương Linh	60/62.01	Kinh tế	13/07/2004	3.08	85	Khá	
1137	Nguyễn Thị Tuyết Mai	60/62.01	Kinh tế	09/05/2004	3.11	85	Khá	
1138	Nguyễn Thị Thùy Trang	60/62.01	Kinh tế	14/09/2004	3.03	82	Khá	
1139	Lê Khánh Linh	60/62.01	Kinh tế	02/04/2004	2.83	82	Khá	
1140	Nguyễn Tiến Thành	60/62.01	Kinh tế	30/08/2004	2.58	82	Khá	
1141	Phạm Quỳnh Trang	60/62.01	Kinh tế	15/04/2003	2.67	83	Khá	
1142	Trịnh Văn Hoàng	60/62.01	Kinh tế	12/04/2003	2.69	82	Khá	
1143	Đình Bình Nhi	60/62.01	Kinh tế	24/09/2004	3.08	82	Khá	
1144	Nguyễn Văn Kiệt	60/62.01	Kinh tế	01/11/2004	2.67	82	Khá	
1145	Nguyễn Vũ Vân Anh	60/62.02	Kinh tế	09/02/2003	3.06	85	Khá	
1146	Lê Tú Linh	60/62.02	Kinh tế	27/12/2004	3.08	82	Khá	
1147	Đỗ Minh Tâm	60/62.02	Kinh tế	06/12/2004	3.03	85	Khá	
1148	Trần Nguyễn Thuỳ Dương	60/62.02	Kinh tế	09/12/2004	3.00	85	Khá	
1149	Cao Duy Long	60/62.02	Kinh tế	05/12/2004	3.03	82	Khá	
1150	Lê Đức Anh	60/62.02	Kinh tế	30/10/2004	2.89	82	Khá	
1151	Đỗ Thị Thu Hiền	60/62.02	Kinh tế	06/08/2004	3.19	82	Khá	
1152	Bùi Thị Huyền Linh	60/62.02	Kinh tế	16/08/2004	2.58	83	Khá	
1153	Lê Quang Hải	60/62.02	Kinh tế	01/03/2004	3.19	82	Khá	
1154	Nguyễn Thu Thùy	60/62.02	Kinh tế	10/08/2004	2.64	83	Khá	
1155	Trịnh Kim Ngân	60/62.02	Kinh tế	07/07/2004	3.19	83	Khá	
1156	Đặng Trần Phú	60/62.02	Kinh tế	10/12/2004	2.67	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1157	Bùi Tuyết Nhi	60/62.02	Kinh tế	11/11/2003	3.08	85	Khá	
1158	Nguyễn Phương Linh	60/63.01	Kinh tế	25/07/2004	3.10	84	Khá	
1159	Nguyễn Thị Minh Thuỳ	60/63.01	Kinh tế	13/11/2004	2.75	81	Khá	
1160	Lý Hữu Lâm Giang	60/63.02	Kinh tế	20/10/2003	2.75	83	Khá	
1161	Dương Ngọc Phương Ly	61/61.01	Kinh tế	19/12/2005	2.78	83	Khá	
1162	Nguyễn Minh Ánh	61/61.01	Kinh tế	28/04/2005	3.15	87	Khá	
1163	Nguyễn Ngọc Ánh	61/61.01	Kinh tế	19/01/2005	3.08	82	Khá	
1164	Nguyễn Khánh Linh	61/61.01	Kinh tế	01/10/2005	2.75	83	Khá	
1165	Tăng Kim Liên	61/61.02	Kinh tế	23/07/2005	2.93	86	Khá	
1166	Phạm Việt Dũng	61/61.02	Kinh tế	12/10/2005	2.68	82	Khá	
1167	Trần Mai Chi	61/61.02	Kinh tế	29/08/2005	3.15	85	Khá	
1168	Trần Thị Ngọc Linh	61/61.02	Kinh tế	10/06/2005	2.98	84	Khá	
1169	Nguyễn Tài Trà My	61/62.01	Kinh tế	23/06/2005	3.10	82	Khá	
1170	Phạm Thủy Linh	61/62.01	Kinh tế	04/07/2005	3.18	83	Khá	
1171	Trần Quang Hưng	61/62.02	Kinh tế	05/08/2005	3.05	83	Khá	
1172	Hoàng Đức Anh	61/62.02	Kinh tế	05/11/2004	2.85	82	Khá	
1173	Hà Huy Đà	61/62.02	Kinh tế	03/12/2005	3.08	84	Khá	
1174	Đỗ Văn Long	61/62.03	Kinh tế	12/03/2005	2.88	83	Khá	
1175	Đinh Thùy Anh	61/62.03	Kinh tế	04/12/2005	3.15	83	Khá	
1176	Trần Quang Huy	61/62.04	Kinh tế	30/01/2005	3.18	83	Khá	
1177	Nguyễn Thiên	61/63.01	Kinh tế	26/03/2005	3.05	87	Khá	
1178	Lăng Minh Khiêm	61/63.01	Kinh tế	25/11/2005	2.79	82	Khá	
1179	Nguyễn Thúy Ngân	61/63.01	Kinh tế	24/07/2005	2.69	83	Khá	
1180	Chử Nguyễn Thảo Chi	61/63.02	Kinh tế	09/06/2005	2.76	89	Khá	
1181	Lê Thị Thùy Linh	61/63.02	Kinh tế	20/05/2005	2.98	83	Khá	
1182	Nguyễn Hiếu Trung	61/63.02	Kinh tế	05/04/2003	3.02	88	Khá	
1183	Nguyễn Như Quỳnh	61/63.02	Kinh tế	25/04/2005	2.55	85	Khá	
1184	Ngô Thị Kim Chi	62/61.01	Kinh tế	22/08/2006	3.03	84	Khá	
1185	Đỗ Thị Hải Yến	62/61.01	Kinh tế	13/08/2006	3.03	82	Khá	
1186	Đào Phương Linh	62/61.01	Kinh tế	22/12/2006	2.65	82	Khá	
1187	Lý Thị Nhọt	62/61.01	Kinh tế	17/01/2005	2.80	83	Khá	
1188	Phạm Đức Anh	62/61.01	Kinh tế	17/08/2006	2.78	84	Khá	
1189	Phạm Trường An	62/61.01	Kinh tế	21/11/2006	3.13	83	Khá	
1190	Ngô Hà Phương	62/61.01	Kinh tế	21/03/2006	2.93	82	Khá	
1191	Bùi Hoàng Minh	62/61.01	Kinh tế	17/02/2006	3.15	84	Khá	
1192	Đào Thị Ngọc Huế	62/61.01	Kinh tế	01/09/2006	2.88	83	Khá	
1193	Đinh Phú Toàn	62/61.01	Kinh tế	02/12/2006	2.80	84	Khá	
1194	Bùi Thị Trang Nhung	62/61.02	Kinh tế	27/02/2005	2.63	83	Khá	
1195	Nguyễn Thị Thu Hà	62/61.02	Kinh tế	22/05/2006	2.93	82	Khá	
1196	Phương Thế Huy	62/61.02	Kinh tế	08/04/2005	3.08	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1197	Cao Thị Quỳnh Anh	62/61.02	Kinh tế	12/06/2006	2.75	83	Khá	
1198	Đào Thùy Linh	62/61.02	Kinh tế	18/03/2006	2.65	83	Khá	
1199	Tống Ngọc Khánh Linh	62/61.02	Kinh tế	20/03/2006	2.53	83	Khá	
1200	Lê Quang Nhật Anh	62/61.02	Kinh tế	18/08/2006	3.08	82	Khá	
1201	Nguyễn Ngọc Quỳnh	62/61.02	Kinh tế	13/01/2006	2.95	83	Khá	
1202	Tô Nguyễn Huyền My	62/61.02	Kinh tế	30/07/2006	2.95	85	Khá	
1203	Trịnh Tuấn Hùng	62/61.02	Kinh tế	03/06/2006	2.85	84	Khá	
1204	Nguyễn Thị Phương Loan	62/61.02	Kinh tế	27/08/2006	2.58	87	Khá	
1205	Trần Quang Minh	62/61.02	Kinh tế	28/06/2006	2.60	83	Khá	
1206	Nguyễn Phương Giang	62/61.02	Kinh tế	18/07/2006	3.10	84	Khá	
1207	Trần Quốc Vượng	62/62.01	Kinh tế	24/09/2006	2.80	82	Khá	
1208	Nguyễn Thùy Dương	62/62.01	Kinh tế	13/02/2006	2.93	82	Khá	
1209	Lưu Ngọc Linh	62/62.01	Kinh tế	15/12/2006	2.83	85	Khá	
1210	Hà Thu Trang	62/62.01	Kinh tế	13/11/2006	3.00	88	Khá	
1211	Nguyễn Duy Khánh	62/62.01	Kinh tế	28/03/2006	3.15	83	Khá	
1212	Nguyễn Hồng Ngọc Ánh	62/62.01	Kinh tế	08/12/2006	3.15	84	Khá	
1213	Vũ Nam Sơn	62/62.01	Kinh tế	24/01/2006	2.98	82	Khá	
1214	Nguyễn Bảo Nhi	62/62.02	Kinh tế	08/11/2006	2.98	82	Khá	
1215	Nguyễn Xuân Hoàng	62/62.02	Kinh tế	06/01/2006	3.13	82	Khá	
1216	Bùi Mai Trang	62/62.02	Kinh tế	23/05/2006	3.00	83	Khá	
1217	Trịnh Anh Đức	62/62.02	Kinh tế	06/12/2006	2.63	81	Khá	
1218	Dương Thị Minh Anh	62/62.02	Kinh tế	29/07/2006	2.83	83	Khá	
1219	Mai Triệu Vũ	62/62.03	Kinh tế	02/01/2006	3.03	86	Khá	
1220	Đặng Lê Thùy Trang	62/62.03	Kinh tế	13/05/2006	2.78	85	Khá	
1221	Mai Thị Hà Trang	62/62.03	Kinh tế	14/08/2006	2.98	86	Khá	
1222	Lộc Thúy Nga	62/62.03	Kinh tế	08/07/2006	3.05	85	Khá	
1223	Trần Phương Hà	62/62.03	Kinh tế	25/08/2006	3.18	85	Khá	
1224	Nguyễn Minh Tú	62/62.03	Kinh tế	12/04/2006	2.70	83	Khá	
1225	Phạm Thanh Hùng	62/62.04	Kinh tế	06/07/2006	2.95	84	Khá	
1226	Nguyễn Thị Thanh Mai	62/62.04	Kinh tế	08/03/2006	3.13	90	Khá	
1227	Đỗ Hoàng Trang	62/62.04	Kinh tế	13/12/2006	2.98	83	Khá	
1228	Lê Minh Bảo Sơn	62/62.04	Kinh tế	22/08/2006	3.05	83	Khá	
1229	Đỗ Thị Lan Anh	62/63.01	Kinh tế	04/10/2006	2.55	83	Khá	
1230	Đặng Hoàng Trang	62/63.01	Kinh tế	02/08/2006	2.85	87	Khá	
1231	Vũ Thùy Linh	62/63.01	Kinh tế	14/07/2006	2.93	82	Khá	
1232	Cao Bảo Quyên	62/63.02	Kinh tế	26/11/2006	2.90	82	Khá	
1233	Bùi Phương Trang	62/63.02	Kinh tế	24/08/2006	3.08	82	Khá	
1234	Lê Ngọc Minh Tâm	62/63.02	Kinh tế	04/01/2006	2.58	84	Khá	
1235	Trịnh Tiến Anh	62/63.02	Kinh tế	30/09/2006	3.18	82	Khá	
1236	Mai Thanh Ngân	62/63.02	Kinh tế	15/07/2006	2.93	88	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1237	Ngô Lan Phương	62/63.02	Kinh tế	09/11/2006	3.18	83	Khá	
1238	Nguyễn Phương Linh	62/63.02	Kinh tế	09/01/2006	2.80	82	Khá	
1239	Phùng Nhật Thiện	63.06.01.01	Kinh tế	14/10/2007	2.77	82	Khá	
1240	Nguyễn Trung Thắng	63.06.01.01	Kinh tế	29/11/2007	3.03	83	Khá	
1241	Hoàng Xuân Bách	63.06.01.01	Kinh tế	03/08/2007	3.00	84	Khá	
1242	Ngô Sỹ Trọng	63.06.01.01	Kinh tế	10/11/2007	3.00	84	Khá	
1243	Bùi Khánh Linh	63.06.01.01	Kinh tế	13/09/2007	3.10	83	Khá	
1244	Quách Trí An	63.06.01.01	Kinh tế	05/04/2007	3.13	85	Khá	
1245	Phạm Thị Phương Linh	63.06.01.01	Kinh tế	22/10/2007	3.17	86	Khá	
1246	Nguyễn Khánh Vinh	63.06.01.01	Kinh tế	01/08/2007	2.97	84	Khá	
1247	Phạm Đình Tín	63.06.01.02	Kinh tế	09/03/2007	3.03	83	Khá	
1248	Nguyễn Phương Linh	63.06.01.02	Kinh tế	30/08/2007	2.93	83	Khá	
1249	Nguyễn Minh Hằng	63.06.01.02	Kinh tế	09/04/2006	3.03	84	Khá	
1250	Nguyễn Quang Tú	63.06.01.02	Kinh tế	20/11/2007	3.17	83	Khá	
1251	Hà Doãn Sơn	63.06.01.02	Kinh tế	13/10/2006	2.97	82	Khá	
1252	Phạm Anh Đức	63.06.01.02	Kinh tế	10/07/2006	2.97	84	Khá	
1253	Thân Thị Thùy Trang	63.06.01.02	Kinh tế	08/10/2006	2.83	83	Khá	
1254	Nguyễn Ngọc Linh	63.12.01.01	Kinh tế	04/12/2007	2.85	83	Khá	
1255	Nguyễn Tuấn Minh	63.12.01.01	Kinh tế	20/03/2007	3.04	83	Khá	
1256	Phùng Thị Lam Quỳnh	63.12.01.01	Kinh tế	11/08/2007	2.96	86	Khá	
1257	Nguyễn Thị Trà My	63.12.01.01	Kinh tế	08/10/2007	3.08	86	Khá	
1258	Nguyễn Thị Thu Hà	63.12.01.01	Kinh tế	29/01/2007	3.04	85	Khá	
1259	Phạm Hà My	63.12.01.01	Kinh tế	04/04/2007	2.77	85	Khá	
1260	Phạm Đức Anh	63.12.01.01	Kinh tế	19/10/2007	2.62	83	Khá	
1261	Nguyễn Việt Khang	63.12.01.01	Kinh tế	01/01/2007	3.19	86	Khá	
1262	Đỗ Phạm Hoàng Anh	63.12.01.01	Kinh tế	21/06/2007	3.15	84	Khá	
1263	Lâm Thị Mỹ Linh	63.12.01.02	Kinh tế	09/10/2007	3.15	82	Khá	
1264	Nguyễn Trung Kiên	63.12.01.02	Kinh tế	20/04/2007	2.81	85	Khá	
1265	Lê Thị Thủy Tiên	63.12.01.02	Kinh tế	28/11/2007	3.08	85	Khá	
1266	Nguyễn Gia Thái	63.12.01.02	Kinh tế	25/06/2007	2.96	82	Khá	
1267	Vũ Minh Nhất	63.12.01.02	Kinh tế	13/11/2007	3.04	83	Khá	
1268	Vũ Tiến Dũng	63.12.01.02	Kinh tế	29/09/2007	3.08	84	Khá	
1269	Vũ Thị Ngọc Ánh	63.12.01.03	Kinh tế	15/06/2007	3.19	85	Khá	
1270	Nguyễn Trịnh Phương Anh	63.12.01.03	Kinh tế	10/08/2007	2.77	84	Khá	
1271	Đinh Xuân Hợi	63.12.01.03	Kinh tế	18/02/2007	2.96	82	Khá	
1272	Đặng Thị Minh Trang	63.12.01.03	Kinh tế	24/01/2007	2.62	82	Khá	
1273	Dương Minh Chiến	63.12.01.04	Kinh tế	30/12/2006	2.81	84	Khá	
1274	Lê Hà Chi	63.12.01.04	Kinh tế	20/12/2007	3.15	85	Khá	
1275	Nguyễn Huy Thị Tuyến	63.12.01.04	Kinh tế	16/12/2007	2.81	89	Khá	
1276	Ngân Thị Hoài Anh	63.12.01.04	Kinh tế	07/06/2006	3.00	86	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1277	Vũ Phương Dung	63.12.01.04	Kinh tế	28/07/2007	3.15	85	Khá	
1278	Nguyễn Minh Ngọc	63.12.01.04	Kinh tế	25/03/2007	2.81	86	Khá	
1279	Nguyễn Đức An	63.12.01.04	Kinh tế	03/03/2007	3.19	83	Khá	
1280	Phạm Thanh Tâm	63.12.01QT.01	Kinh tế	26/12/2007	3.04	83	Khá	
1281	Muộn Hoàng Ngọc	63.12.01QT.01	Kinh tế	14/04/2007	3.13	88	Khá	
1282	Đinh Văn Tiến Hưng	63.12.01QT.01	Kinh tế	06/11/2007	3.13	83	Khá	
1283	Nguyễn Hữu Thắng	63.12.01QT.01	Kinh tế	10/10/2007	2.96	82	Khá	
1284	Phạm Minh Hiếu	63.12.01QT.01	Kinh tế	29/12/2007	3.08	83	Khá	
1285	Đoàn Minh Tuấn	63.12.01QT.01	Kinh tế	19/02/2007	3.00	83	Khá	
1286	Nguyễn Văn Chính	63.12.01QT.02	Kinh tế	17/09/2007	3.00	84	Khá	
1287	Nguyễn Hồng Đăng	63.12.01QT.02	Kinh tế	20/01/2007	2.67	82	Khá	
1288	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	63.12.01QT.02	Kinh tế	24/08/2007	3.04	82	Khá	
1289	Lê Ngọc Long	63.12.01QT.02	Kinh tế	19/11/2007	3.08	83	Khá	
1290	Nguyễn Đức Phúc Khang	63.12.01QT.02	Kinh tế	29/11/2007	2.88	84	Khá	
1291	Nguyễn Vũ Hiếu	63.12.01QT.02	Kinh tế	14/05/2007	2.79	85	Khá	
1292	Vũ Nam Duy	63.12.01QT.02	Kinh tế	21/02/2007	2.92	82	Khá	
1293	Mai Thị Anh Thư	63.12.01QT.02	Kinh tế	30/04/2007	3.04	83	Khá	
1294	Chu Hà Phương	63.12.01QT.02	Kinh tế	13/02/2007	3.08	83	Khá	
1295	Phạm Nhật Quỳnh	63.12.01QT.02	Kinh tế	18/04/2007	2.75	85	Khá	
1296	Hồ Quỳnh Anh	63.12.01QT.02	Kinh tế	15/08/2007	3.13	85	Khá	
1297	Vũ Lâm Bách	63.12.01QT.03	Kinh tế	19/05/2007	2.96	86	Khá	
1298	Trần Nguyên Khánh	63.12.01QT.03	Kinh tế	18/08/2007	2.96	83	Khá	
1299	Đặng Ngọc Linh	63.12.01QT.03	Kinh tế	11/08/2007	3.17	84	Khá	
1300	Thiều Lê Phương Anh	63.12.01QT.03	Kinh tế	07/01/2007	3.17	86	Khá	
1301	Trịnh Phương Thảo	63.12.01QT.03	Kinh tế	20/11/2007	3.08	87	Khá	
1302	Phùng Thị Huyền Trang	63.12.01QT.03	Kinh tế	24/07/2007	2.71	85	Khá	
1303	Nguyễn Lê Trà My	63.12.01QT.03	Kinh tế	11/06/2007	2.83	84	Khá	
1304	Nguyễn Thu Hương	63.12.01QT.03	Kinh tế	02/04/2007	2.92	86	Khá	
1305	Uông Đức Phát	63.12.01QT.03	Kinh tế	19/06/2007	2.67	90	Khá	
1306	Nguyễn Tuấn Anh	63.12.01QT.03	Kinh tế	29/08/2007	2.58	83	Khá	
1307	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	63.12.01QT.03	Kinh tế	04/04/2007	3.17	85	Khá	
1308	Mai Danh Khánh	63.12.01QT.04	Kinh tế	23/02/2007	2.92	82	Khá	
1309	Đinh Diệu Xuân	63.12.01QT.04	Kinh tế	26/08/2007	3.04	83	Khá	
1310	Dương Thùy Bảo Ngân	63.12.01QT.04	Kinh tế	21/11/2007	2.92	85	Khá	
1311	Cao Trường Thịnh	63.12.01QT.04	Kinh tế	05/05/2007	2.50	83	Khá	
1312	Hoàng Thái Sơn	63.12.01QT.04	Kinh tế	10/03/2007	2.75	84	Khá	
1313	Vương Đình Bảo Đan	63.12.01QT.04	Kinh tế	28/07/2007	2.71	82	Khá	
1314	Trương Hải Nguyên	63.12.01QT.04	Kinh tế	05/05/2007	2.58	86	Khá	
1315	Nguyễn Tường Vy	63.12.01QT.04	Kinh tế	25/05/2007	3.17	85	Khá	
1316	Trịnh Thế Toàn	63.12.01QT.04	Kinh tế	08/01/2007	3.13	89	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1317	Nguyễn Lê Gia Huy	63.17.01.01	Kinh tế	10/07/2007	2.96	85	Khá	
1318	Phạm Như Ngọc	63.17.01.01	Kinh tế	24/08/2007	2.81	86	Khá	
1319	Hồ Quỳnh Anh	63.17.01.01	Kinh tế	18/11/2007	3.08	87	Khá	
1320	Nguyễn Tuấn Vượng	63.17.01.01	Kinh tế	28/08/2007	2.62	83	Khá	
1321	Hoàng Hữu Quyết	63.17.01.01	Kinh tế	13/09/2007	2.96	82	Khá	
1322	Trần Thị Hoài Thu	63.17.01.01	Kinh tế	25/01/2007	2.92	86	Khá	
1323	Đặng Thị Lê Na	63.17.01.01	Kinh tế	03/04/2007	2.77	83	Khá	
1324	Nguyễn Đỗ Thuỳ Trâm	63.17.01.01	Kinh tế	08/02/2007	3.00	89	Khá	
1325	Nguyễn Viết Thành Trung	63.17.01.02	Kinh tế	18/11/2007	3.00	82	Khá	
1326	Thái Nguyễn Minh Trang	63.17.01.02	Kinh tế	23/12/2007	3.08	84	Khá	
1327	Nguyễn Khánh Huyền	63.17.01.02	Kinh tế	26/05/2007	2.92	87	Khá	
1328	Bùi Hải Ngọc	63.17.01.02	Kinh tế	25/01/2007	2.92	82	Khá	
1329	Nguyễn Quỳnh Chi	63.17.01.02	Kinh tế	30/10/2007	2.73	88	Khá	
1330	Trần Duy Anh	63.17.01.02	Kinh tế	07/11/2007	3.00	83	Khá	
1331	Nguyễn Thị Huyền Trang	63.17.01.02	Kinh tế	04/01/2007	3.08	85	Khá	
1332	Ngô Phương Thảo	63.17.01.02	Kinh tế	27/06/2007	2.62	83	Khá	
1333	Phạm Lư Anh Tùng	63.17.01.02	Kinh tế	11/10/2007	3.15	86	Khá	
1334	Nguyễn Hải Đăng	63.17.01.02	Kinh tế	02/11/2007	3.12	86	Khá	
1335	Tống Mạnh Trường	63.17.01.02	Kinh tế	29/08/2007	2.92	86	Khá	
1336	Hoàng Gia Linh	63.16.01.01	LLCT	16/06/2007	2.83	82	Khá	
1337	Nguyễn Phượng Linh	63.16.01.02	LLCT	11/01/2007	3.43	79	Khá	
1338	Phạm Hằng Linh	63.16.01.02	LLCT	16/12/2007	2.93	83	Khá	
1339	Trương Bảo Linh	63.16.01.02	LLCT	15/11/2007	3.17	82	Khá	
1340	Phạm Tiến Đạt	60/03.01	NHBH	11/12/2004	2.81	84	Khá	
1341	Phan Việt Cường	60/03.01	NHBH	22/08/2004	2.50	88	Khá	
1342	Trần Thị Châu Minh	60/03.02	NHBH	28/04/2004	3.14	89	Khá	
1343	Cù Mỹ Linh	60/03.02	NHBH	26/02/2003	3.17	89	Khá	
1344	Dương Tố Như	60/03.02	NHBH	11/02/2004	2.74	83	Khá	
1345	Đỗ Nguyễn Hiếu	60/03.02	NHBH	01/03/2004	3.12	82	Khá	
1346	Hoàng Văn Dũng	60/15.01	NHBH	30/10/2004	3.08	83	Khá	
1347	Đinh Xuân Hải Đăng	60/15.01	NHBH	07/11/2004	2.88	84	Khá	
1348	Lương Quỳnh Chi	60/15.01	NHBH	28/07/2003	2.83	82	Khá	
1349	Cao Vũ Phương Thảo	60/15.01	NHBH	12/07/2004	3.10	85	Khá	
1350	Hồ Thị Phương	60/15.01	NHBH	14/01/2003	3.13	83	Khá	
1351	Đinh Khang Duy	60/15.01	NHBH	22/01/2003	2.58	81	Khá	
1352	Vũ Thị Nhật Hoa	60/15.01	NHBH	22/04/2004	3.18	83	Khá	
1353	Trần Thị Diệu Uyên	60/15.01	NHBH	25/08/2004	3.18	83	Khá	
1354	Trần Thị Kim Anh	60/15.01	NHBH	21/11/2004	3.10	88	Khá	
1355	Đỗ Như Quỳnh	60/15.02	NHBH	23/02/2004	2.85	83	Khá	
1356	Hoàng Quốc Đức	60/15.02	NHBH	01/07/2004	3.00	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1357	Thái Ngọc Nguyên	60/15.02	NHBH	12/10/2004	3.15	88	Khá	
1358	Nguyễn Gia Bảo	60/15.02	NHBH	24/03/2004	2.68	82	Khá	
1359	Trần Thị Thùy Trang	60/15.02	NHBH	04/05/2004	3.03	84	Khá	
1360	Nguyễn Thị Thúy Ngân	60/15.02	NHBH	27/10/2004	3.00	82	Khá	
1361	Nguyễn Lê Ngọc Thúy	60/15.02	NHBH	26/02/2004	3.10	82	Khá	
1362	Lô Thị Khánh Vân	60/15.02	NHBH	25/10/2003	2.73	82	Khá	
1363	Vương Sỹ Thị Hương	60/15.03	NHBH	23/07/2004	3.13	82	Khá	
1364	Hoàng Thị Thủy	60/15.03	NHBH	20/08/2004	3.23	79	Khá	
1365	Nguyễn Phương Thanh	60/15.03	NHBH	02/01/2004	2.65	89	Khá	
1366	Nguyễn Thùy Dung	60/15.03	NHBH	03/01/2004	3.15	89	Khá	
1367	Nguyễn Vũ Diễm Quỳnh	60/15.03	NHBH	03/01/2004	3.10	82	Khá	
1368	Lương Thị Mỹ Lệ	60/15.03	NHBH	23/01/2004	2.75	82	Khá	
1369	Lê Minh Hoàng	60/15.03	NHBH	08/10/2004	2.88	82	Khá	
1370	Nguyễn Nguyệt Anh	60/15.03	NHBH	14/08/2004	3.03	82	Khá	
1371	Đỗ Thị Mai	60/15.03	NHBH	14/03/2004	2.93	82	Khá	
1372	Phạm Hải Anh Thư	60/15.03	NHBH	17/01/2004	2.85	82	Khá	
1373	Ma Hồng Thái	60/15.04	NHBH	12/08/2003	2.68	85	Khá	
1374	Bùi Việt Dũng	60/15.04	NHBH	26/08/2003	2.83	83	Khá	
1375	Trịnh Thu Hằng	60/15.04	NHBH	24/11/2004	3.05	85	Khá	
1376	Nguyễn Quốc Việt	60/15.04	NHBH	17/01/2004	2.53	86	Khá	
1377	Dương Thị Hiền Mai	60/15.04	NHBH	04/01/2004	3.03	88	Khá	
1378	Nguyễn Trần Nam Phương	60/15.04	NHBH	16/11/2004	3.18	88	Khá	
1379	Nông Hoàng Thúy Lệ	60/15.04	NHBH	16/11/2003	2.70	83	Khá	
1380	Nguyễn Hà An	60/15.04	NHBH	25/02/2004	3.00	83	Khá	
1381	Lê Thị Thu Hiền	60/15.04	NHBH	22/06/2004	3.18	90	Khá	
1382	Phan Văn Minh	60/15.04	NHBH	19/06/2003	3.00	88	Khá	
1383	Tạ Thu Thanh	60/15.04	NHBH	30/06/2004	3.15	83	Khá	
1384	Trần Hoài Nam	60/15.04	NHBH	24/06/2004	3.18	84	Khá	
1385	Vi Đức Chí Dũng	60/15.04	NHBH	17/06/2003	3.00	82	Khá	
1386	Nông Như Quỳnh	60/15.04	NHBH	13/01/2004	3.15	83	Khá	
1387	Vũ Hoàng Yến Nhi	60/15.04	NHBH	25/08/2004	2.93	88	Khá	
1388	Nguyễn Nhân Anh	60/15.04	NHBH	15/04/2004	3.15	88	Khá	
1389	Lý Anh Đức	60/15.04	NHBH	08/03/2003	2.90	83	Khá	
1390	Bùi Thị Bích Phượng	60/19.01	NHBH	28/10/2003	3.13	82	Khá	
1391	Nguyễn Thành Đạt	60/19.01	NHBH	07/08/2003	3.00	82	Khá	
1392	Hà Phương Linh	60/19.01	NHBH	20/12/2004	2.78	82	Khá	
1393	Nguyễn Thị Kim Chi	60/19.01	NHBH	04/11/2004	2.65	82	Khá	
1394	Mạc Bích Huyền	60/19.01	NHBH	12/12/2004	2.78	82	Khá	
1395	Sầm Thanh Bắc	60/19.01	NHBH	26/03/2003	2.70	82	Khá	
1396	Nguyễn Hoàng Ngọc Ánh	60/19.01	NHBH	15/11/2004	2.70	81	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1397	Hoàng Diệu Phương	60/19.01	NHBH	16/01/2004	3.10	82	Khá	
1398	Nguyễn Thị Thùy Dương	60/19.01	NHBH	17/09/2004	2.68	89	Khá	
1399	Trần Vũ Hoàng Quân	60/19.02	NHBH	16/09/2004	3.18	90	Khá	
1400	Phạm Quốc Mạnh	60/19.02	NHBH	31/10/2002	3.11	89	Khá	
1401	Nguyễn Ngọc Quỳnh	60/19.02	NHBH	02/11/2004	2.90	83	Khá	
1402	Nguyễn Thị Liễu	60/19.02	NHBH	09/06/2004	2.80	85	Khá	
1403	Đoàn Hà Trang	60/19.02	NHBH	14/11/2004	2.98	82	Khá	
1404	Nguyễn Thị Huyền	60/19.02	NHBH	20/04/2004	3.00	82	Khá	
1405	Đinh Công Thạch	60/19.02	NHBH	23/11/2003	2.90	84	Khá	
1406	Tạ Gia Long	60/19.02	NHBH	12/03/2003	3.13	82	Khá	
1407	Trần Thị Lan Hương	60/19.02	NHBH	06/08/2004	2.75	82	Khá	
1408	Công Minh Đức	60/19.02	NHBH	24/07/2004	3.10	82	Khá	
1409	Nguyễn Lân Dũng	61/03.01	NHBH	08/10/2005	2.53	88	Khá	
1410	Nguyễn Bảo Ngọc	61/03.01	NHBH	02/01/2005	3.10	83	Khá	
1411	Nguyễn Phương Hà	61/03.01	NHBH	31/10/2005	2.98	84	Khá	
1412	Lưu Ngọc Linh	61/03.01	NHBH	29/08/2005	3.13	88	Khá	
1413	Lê Văn Trung	61/03.01	NHBH	25/05/2005	2.65	86	Khá	
1414	Nguyễn Khánh Vy	61/03.01	NHBH	20/04/2005	2.93	88	Khá	
1415	Phạm Trang Nhung	61/03.01	NHBH	15/12/2005	2.83	87	Khá	
1416	Nguyễn Thị Phương Thảo	61/03.01	NHBH	10/09/2005	3.13	89	Khá	
1417	Đặng Đình Huy	61/03.01	NHBH	05/09/2005	2.93	85	Khá	
1418	Vũ Sơn Tùng	61/03.02	NHBH	15/02/2005	3.08	87	Khá	
1419	Nguyễn Quang Huy	61/03.02	NHBH	11/12/2005	3.05	85	Khá	
1420	Mai Đình Đông	61/03.02	NHBH	17/07/2005	2.95	84	Khá	
1421	Nguyễn Ngọc Nhi	61/03.02	NHBH	18/08/2005	2.83	84	Khá	
1422	Đinh Ngọc Quý	61/03.02	NHBH	05/10/2005	2.90	85	Khá	
1423	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	61/03.02	NHBH	01/02/2004	3.18	88	Khá	
1424	Nguyễn Hà Quang Dũng	61/03.02	NHBH	16/10/2005	2.63	84	Khá	
1425	Tạ Thu Hà	61/03.02	NHBH	01/04/2005	3.08	87	Khá	
1426	Mai Trung Kiên	61/03.02	NHBH	27/06/2005	2.98	87	Khá	
1427	Nguyễn Thị Minh Ngọc	61/03.02	NHBH	19/12/2005	2.93	87	Khá	
1428	Lê Thị Thu Phương	61/15.01	NHBH	13/12/2005	2.85	83	Khá	
1429	Nguyễn Võ Thái Bình	61/15.01	NHBH	17/08/2005	3.03	86	Khá	
1430	Nguyễn Thị Thanh Thùy	61/15.01	NHBH	21/02/2005	2.88	86	Khá	
1431	Lê Kim Chi	61/15.01	NHBH	08/02/2005	2.65	86	Khá	
1432	Bùi Nguyễn Hà Linh	61/15.01	NHBH	02/08/2005	2.83	87	Khá	
1433	Đinh Thị Thu Hoài	61/15.01	NHBH	17/09/2005	3.13	88	Khá	
1434	Vũ Thị Mỹ Duyên	61/15.01	NHBH	01/01/2005	3.18	88	Khá	
1435	Hoàng Thị Thu Trang	61/15.01	NHBH	16/08/2005	2.83	84	Khá	
1436	Đỗ Trần Quốc An	61/15.01	NHBH	17/07/2005	3.08	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1437	Nguyễn Phương Thảo	61/15.01	NHBH	19/02/2005	2.60	84	Khá	
1438	Hoàng Thị Ngọc Trâm	61/15.01	NHBH	20/09/2005	2.75	88	Khá	
1439	Lò Thị Hạnh	61/15.02	NHBH	25/11/2004	3.18	82	Khá	
1440	Lê Thu Phương	61/15.02	NHBH	24/06/2005	2.75	82	Khá	
1441	Hồ Khắc Đạt	61/15.02	NHBH	06/12/2005	2.50	84	Khá	
1442	Lê Thị Hương	61/15.02	NHBH	13/03/2005	2.93	82	Khá	
1443	Phan Bảo Trâm	61/15.02	NHBH	30/11/2005	3.05	82	Khá	
1444	Nguyễn Khánh Huyền	61/15.02	NHBH	14/10/2005	3.03	82	Khá	
1445	Nguyễn Thị Khánh Linh	61/15.02	NHBH	04/08/2005	2.98	82	Khá	
1446	Tạ Thanh Bình	61/15.02	NHBH	11/06/2005	2.65	82	Khá	
1447	Nguyễn Hà Chi	61/15.02	NHBH	29/12/2005	2.88	82	Khá	
1448	Hoàng Kiều Anh	61/15.02	NHBH	21/07/2005	2.88	81	Khá	
1449	Hoàng Vũ Mạnh Hoàng	61/15.02	NHBH	07/08/2005	2.68	83	Khá	
1450	Võ Trường Giang	61/15.02	NHBH	05/08/2004	2.57	82	Khá	
1451	Nguyễn Phương Anh	61/15.02	NHBH	11/09/2005	3.18	82	Khá	
1452	Đặng Minh Quân	61/15.03	NHBH	10/07/2005	2.65	87	Khá	
1453	Phan Thị Kim Ngân	61/15.03	NHBH	26/09/2005	2.70	87	Khá	
1454	Nguyễn Việt Linh	61/15.03	NHBH	16/11/2005	3.13	83	Khá	
1455	Võ Lê Khánh Linh	61/15.03	NHBH	08/05/2005	3.15	90	Khá	
1456	Ngô Thu Hương	61/15.03	NHBH	03/07/2005	2.88	86	Khá	
1457	Đặng Thị Thúy Linh	61/15.03	NHBH	25/05/2005	3.00	88	Khá	
1458	Vũ Đình Tuấn Hưng	61/15.03	NHBH	13/08/2005	2.95	83	Khá	
1459	Trần Bảo Chúc	61/15.03	NHBH	09/10/2005	2.85	87	Khá	
1460	Đào Thị Thu Trang	61/15.03	NHBH	01/10/2005	3.10	84	Khá	
1461	Hoàng Thị Lan Anh	61/15.03	NHBH	10/12/2005	2.75	88	Khá	
1462	Nguyễn Hà Trang	61/15.03	NHBH	14/02/2005	3.18	82	Khá	
1463	Văn Tiến Đạt	61/15.03	NHBH	19/05/2005	2.85	83	Khá	
1464	Nguyễn Ánh Quỳnh	61/15.03	NHBH	24/09/2005	3.10	88	Khá	
1465	Phạm Tiến Luận	61/15.03	NHBH	29/06/2005	3.10	84	Khá	
1466	Nguyễn Thái Dương	61/15.04	NHBH	16/10/2005	2.63	89	Khá	
1467	Vũ Hà Hương	61/15.04	NHBH	19/08/2004	3.08	84	Khá	
1468	Nguyễn Phương Linh	61/15.04	NHBH	06/01/2004	3.10	88	Khá	
1469	Hà Mạnh Cường	61/15.04	NHBH	21/08/2005	2.88	83	Khá	
1470	Lưu Thị Khánh Ly	61/15.04	NHBH	22/03/2005	2.58	84	Khá	
1471	Lục Thị Thanh Thư	61/15.04	NHBH	31/05/2004	3.00	82	Khá	
1472	Trịnh Thị Thuỳ Dung	61/15.04	NHBH	10/06/2005	3.08	82	Khá	
1473	Đỗ Quỳnh Trang	61/15.04	NHBH	05/10/2005	3.18	82	Khá	
1474	Đào Bích Phương	61/15.04	NHBH	29/09/2005	3.15	88	Khá	
1475	Trần Phương Anh	61/19.01	NHBH	05/01/2005	2.68	83	Khá	
1476	Trần Tiến Đạt	61/19.01	NHBH	22/04/2005	2.78	86	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1477	Nguyễn Thanh Huyền	61/19.01	NHBH	14/10/2005	3.05	85	Khá	
1478	Đỗ Thị Ngọc Linh	61/19.01	NHBH	09/07/2005	2.68	86	Khá	
1479	Tạ Linh Hương	61/19.01	NHBH	12/03/2005	2.58	86	Khá	
1480	Phạm Hải Minh	61/19.01	NHBH	14/07/2005	2.78	82	Khá	
1481	Đỗ Hoàng Thái	61/19.01	NHBH	01/10/2005	3.08	83	Khá	
1482	Nguyễn Văn Toại	61/19.01	NHBH	02/01/2005	2.50	82	Khá	
1483	Lê Minh Hằng	61/19.01	NHBH	08/12/2005	2.80	83	Khá	
1484	Nguyễn Kim Hồng	61/19.01	NHBH	09/01/2005	2.90	83	Khá	
1485	Nguyễn Việt Cường	61/19.01	NHBH	12/12/2003	2.90	82	Khá	
1486	Đặng Thu Phương	61/19.01	NHBH	04/10/2005	2.93	83	Khá	
1487	Trần Đặng Phương Linh	61/19.01	NHBH	08/11/2005	2.88	83	Khá	
1488	Đặng Tuấn Đạt	61/19.02	NHBH	03/11/2005	2.68	81	Khá	
1489	Ngô Quang Phát	61/19.02	NHBH	17/05/2005	2.53	77	Khá	
1490	Lê Minh Thành	61/19.02	NHBH	20/01/2005	2.90	79	Khá	
1491	Nguyễn Minh Tùng	61/19.02	NHBH	02/05/2005	2.93	79	Khá	
1492	Trần Thanh Nhàn	61/19.02	NHBH	12/07/2005	2.65	88	Khá	
1493	Trịnh Phương Thảo	61/19.02	NHBH	11/11/2005	2.75	82	Khá	
1494	Nguyễn Đăng Hoàng Nam	61/19.02	NHBH	03/04/2005	2.53	82	Khá	
1495	Phạm Hoàng Mai	61/19.02	NHBH	15/09/2005	2.80	82	Khá	
1496	Đặng Châu Anh	61/19.02	NHBH	22/07/2005	2.95	88	Khá	
1497	Phạm Đức Duẩn	61/19.02	NHBH	05/05/2005	3.05	88	Khá	
1498	Trịnh Việt Hoàng	61/19.02	NHBH	16/04/2005	3.15	82	Khá	
1499	Nguyễn Thùy Linh	61/19.02	NHBH	05/06/2005	2.65	82	Khá	
1500	Nguyễn Vĩnh Hưng	61/19.02	NHBH	13/12/2005	3.18	82	Khá	
1501	Nguyễn Thành Vinh	61/19.02	NHBH	19/09/2005	2.63	85	Khá	
1502	Phan Trọng Gia Bảo	61/19.02	NHBH	30/01/2004	2.63	80	Khá	
1503	Vũ Lệ Quyên	61/19.02	NHBH	10/04/2005	3.03	82	Khá	
1504	Phạm Vũ Vy Thảo	62/03.01	NHBH	28/08/2006	2.71	89	Khá	
1505	Trần Hưng	62/03.01	NHBH	06/09/2006	2.55	82	Khá	
1506	Đỗ Khánh Linh	62/03.01	NHBH	31/08/2006	2.86	85	Khá	
1507	Đặng Hà Mai Trang	62/03.01	NHBH	07/11/2006	2.86	85	Khá	
1508	Vũ Quang Huy	62/03.01	NHBH	20/01/2004	2.93	83	Khá	
1509	Bùi Hoàng Anh	62/03.01	NHBH	31/07/2006	2.90	83	Khá	
1510	Nguyễn Bảo Minh	62/03.01	NHBH	28/06/2006	2.95	83	Khá	
1511	Nhữ Gia Linh	62/03.01	NHBH	02/08/2006	3.14	86	Khá	
1512	Nguyễn Việt Tiến	62/03.01	NHBH	23/08/2006	3.19	88	Khá	
1513	Nguyễn Thùy Trang	62/03.01	NHBH	31/12/2006	2.88	83	Khá	
1514	Nguyễn Ngọc Hà	62/03.01	NHBH	29/01/2006	2.55	83	Khá	
1515	Nguyễn Hoàng Đức	62/03.02	NHBH	23/09/2006	2.67	88	Khá	
1516	Vũ Như Hoàng	62/03.02	NHBH	22/09/2006	2.60	86	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1517	Triệu Hương Lý	62/03.02	NHBH	01/09/2006	2.79	86	Khá	
1518	Nguyễn Minh Duy	62/03.02	NHBH	16/04/2006	2.74	83	Khá	
1519	Lê Thị Thương	62/03.02	NHBH	17/10/2006	3.10	87	Khá	
1520	Nông Hà Vy	62/03.02	NHBH	20/06/2006	3.05	87	Khá	
1521	Nguyễn Thị Kiều Trinh	62/03.02	NHBH	25/01/2006	3.02	89	Khá	
1522	Nguyễn Mai Phương	62/15.01	NHBH	25/01/2006	2.69	89	Khá	
1523	Lưu Đức Hùng	62/15.01	NHBH	19/02/2006	2.83	83	Khá	
1524	Lương Xuân Mai	62/15.01	NHBH	18/08/2006	2.98	82	Khá	
1525	Trần Thanh Huyền	62/15.01	NHBH	05/11/2006	2.60	82	Khá	
1526	Đỗ Thị Ngọc Anh	62/15.01	NHBH	03/02/2006	2.52	82	Khá	
1527	Nghiêm Hoàng Đăng	62/15.01	NHBH	06/10/2006	2.98	82	Khá	
1528	Ngô Gia Bách	62/15.01	NHBH	30/01/2006	3.07	88	Khá	
1529	Lê Như Khánh Huyền	62/15.01	NHBH	02/07/2006	3.19	88	Khá	
1530	Nguyễn Hà My	62/15.01	NHBH	29/07/2006	2.57	82	Khá	
1531	Lê Ngọc Anh	62/15.02	NHBH	26/11/2006	3.10	81	Khá	
1532	Nguyễn Diệu Linh	62/15.02	NHBH	01/09/2006	2.76	82	Khá	
1533	Nguyễn Thị Hoàng An	62/15.02	NHBH	21/12/2006	3.19	82	Khá	
1534	Đào Tiến Cường	62/15.02	NHBH	26/11/2006	2.81	82	Khá	
1535	Phạm Quang Mạnh	62/15.02	NHBH	09/10/2006	3.12	82	Khá	
1536	Nguyễn Thị Xuân Phương	62/15.02	NHBH	11/12/2006	3.17	81	Khá	
1537	Lê Duy Khang	62/15.02	NHBH	07/09/2006	2.76	88	Khá	
1538	Đinh Vũ Diệu Linh	62/15.02	NHBH	02/07/2006	3.12	83	Khá	
1539	Nguyễn Thị Thu Hường	62/15.02	NHBH	09/10/2006	2.90	82	Khá	
1540	Trịnh Đức Anh	62/15.02	NHBH	06/12/2006	2.76	81	Khá	
1541	Nguyễn Vi Linh	62/15.02	NHBH	17/10/2006	3.00	82	Khá	
1542	Lê Thị Lan Anh	62/15.03	NHBH	23/11/2006	3.17	85	Khá	
1543	Chu Vân Hà	62/15.03	NHBH	26/09/2006	2.71	89	Khá	
1544	Nguyễn Mai Hiếu	62/15.03	NHBH	09/10/2006	2.69	82	Khá	
1545	Dương Duy Nam	62/15.03	NHBH	13/12/2005	2.88	82	Khá	
1546	Trịnh Tuấn Anh	62/15.03	NHBH	21/09/2006	2.71	86	Khá	
1547	Nguyễn Hà Anh	62/15.03	NHBH	02/01/2006	2.86	83	Khá	
1548	Nghiêm Huyền Mây	62/15.03	NHBH	17/08/2006	2.79	86	Khá	
1549	Lê Nam Khánh	62/15.03	NHBH	26/01/2006	3.00	83	Khá	
1550	Ngô Đức Dũng	62/15.03	NHBH	20/04/2006	2.95	81	Khá	
1551	Hoàng Thu Uyên	62/15.03	NHBH	26/11/2006	3.10	85	Khá	
1552	Đinh Thị Mỹ Duyên	62/15.03	NHBH	24/11/2006	3.02	88	Khá	
1553	Phạm Minh Hạnh	62/15.03	NHBH	01/09/2006	2.76	84	Khá	
1554	Trần Thị Ngọc Thúy	62/15.04	NHBH	01/06/2005	2.90	86	Khá	
1555	Võ Ngọc Kim Khánh	62/15.04	NHBH	04/09/2006	2.69	85	Khá	
1556	Văn Quỳnh Anh	62/15.04	NHBH	24/10/2006	2.74	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1557	Phạm Phương Linh	62/15.04	NHBH	21/02/2006	3.12	83	Khá	
1558	Nguyễn Văn Anh	62/15.04	NHBH	08/07/2006	3.07	89	Khá	
1559	Nguyễn Bảo Anh	62/15.04	NHBH	30/11/2006	3.12	83	Khá	
1560	Nguyễn Thị Thảo Uyên	62/15.04	NHBH	23/03/2006	2.67	88	Khá	
1561	Lưu Minh Hân	62/15.04	NHBH	04/02/2005	2.71	82	Khá	
1562	Trần Thị Thanh Nhàn	62/15.04	NHBH	25/01/2006	3.07	83	Khá	
1563	Nguyễn Thị Ngọc Hà	62/15.04	NHBH	20/11/2006	2.62	81	Khá	
1564	Lê Minh Quân	62/19.01	NHBH	15/10/2006	3.00	83	Khá	
1565	Nguyễn Thanh Tú	62/19.01	NHBH	04/11/2006	3.19	82	Khá	
1566	Trần Nguyễn Quốc Trung	62/19.01	NHBH	26/08/2006	3.14	86	Khá	
1567	Hoàng Minh Đức	62/19.01	NHBH	08/09/2006	3.19	88	Khá	
1568	Trần Khôi Nguyên	62/19.01	NHBH	12/06/2006	3.19	88	Khá	
1569	Diêm Ngọc Linh	62/19.01	NHBH	29/08/2006	3.10	88	Khá	
1570	Nguyễn Thuỳ Dương	62/19.01	NHBH	16/02/2006	2.57	88	Khá	
1571	Hoàng Ngọc Nga	62/19.01	NHBH	26/03/2006	3.19	88	Khá	
1572	Ngô Cao Minh Tùng	62/19.01	NHBH	19/07/2006	2.90	78	Khá	
1573	Ngô Thanh Thảo	62/19.01	NHBH	26/06/2006	3.12	86	Khá	
1574	Nguyễn Ngọc Mai	62/19.01	NHBH	22/12/2005	2.55	83	Khá	
1575	Đoàn Thảo Nhi	62/19.01	NHBH	07/01/2006	3.19	88	Khá	
1576	Trần Kim Ngân	62/19.02	NHBH	12/02/2006	3.17	84	Khá	
1577	Kiều Phương Ngân	62/19.02	NHBH	30/10/2006	3.15	85	Khá	
1578	Nguyễn Ngọc Nhi	62/19.02	NHBH	28/08/2006	2.95	84	Khá	
1579	Trần Lan Nhi	62/19.02	NHBH	05/03/2006	2.76	82	Khá	
1580	Cao Thu Huyền	62/19.02	NHBH	06/05/2005	3.17	84	Khá	
1581	Dương Hồng Hạnh	62/19.02	NHBH	19/06/2006	3.19	83	Khá	
1582	Trịnh Khánh Huyền	62/19.02	NHBH	18/08/2006	2.95	83	Khá	
1583	Trần Anh Thơ	62/19.02	NHBH	07/11/2006	2.81	85	Khá	
1584	Lục Thị Ngọc Mai	62/19.02	NHBH	02/01/2006	3.12	83	Khá	
1585	Trần Ngọc Hải My	62/19.02	NHBH	19/02/2006	2.92	82	Khá	
1586	Phan Lê Hoàng	62/19.02	NHBH	25/10/2006	3.05	84	Khá	
1587	Hồ Quỳnh Anh	62/19.02	NHBH	01/03/2006	3.17	84	Khá	
1588	Nguyễn Huy Tú	62/19.02	NHBH	05/03/2005	3.00	82	Khá	
1589	Nguyễn Phan Diễm Hằng	63.01.15QT.01	NHBH	21/08/2007	2.83	82	Khá	
1590	Bùi Đức Duy	63.01.15QT.01	NHBH	15/12/2007	3.17	82	Khá	
1591	Bùi Nguyên Anh	63.01.15QT.01	NHBH	20/07/2007	3.04	90	Khá	
1592	Nguyễn Thái Bảo	63.01.15QT.01	NHBH	22/10/2007	3.04	82	Khá	
1593	Vũ Hoàng Ngân	63.01.15QT.01	NHBH	06/12/2007	2.88	82	Khá	
1594	Nguyễn Trần Hiền Mai	63.01.15QT.01	NHBH	20/11/2007	3.17	82	Khá	
1595	Đỗ Phương Linh	63.01.15QT.01	NHBH	01/02/2007	2.83	82	Khá	
1596	Hà Thùy Linh	63.01.15QT.01	NHBH	15/11/2007	2.63	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1597	Lê Phương Anh	63.01.15QT.01	NHBH	06/05/2007	2.63	82	Khá	
1598	Vũ Quang Sơn Dũng	63.01.15QT.01	NHBH	23/09/2007	3.00	82	Khá	
1599	Phạm Thị Lê	63.01.15QT.01	NHBH	22/11/2007	2.63	82	Khá	
1600	Lê Hà Chi	63.01.15QT.01	NHBH	08/05/2007	3.13	88	Khá	
1601	Nguyễn Thị Huyền Trang	63.01.15QT.02	NHBH	14/10/2007	2.50	83	Khá	
1602	Tạ Bảo Chi	63.01.15QT.02	NHBH	17/10/2007	2.67	89	Khá	
1603	Nguyễn Thị Bảo Yến	63.01.15QT.02	NHBH	24/04/2007	2.58	83	Khá	
1604	Ngô Đặng Phương Anh	63.01.15QT.02	NHBH	09/07/2007	3.04	84	Khá	
1605	Lương Bích Linh	63.01.15QT.02	NHBH	20/02/2007	2.71	84	Khá	
1606	Nguyễn Thị Hiền	63.01.15QT.02	NHBH	19/09/2007	3.00	84	Khá	
1607	Nguyễn Trần Hiền Anh	63.01.15QT.02	NHBH	23/01/2007	2.67	89	Khá	
1608	Phạm Vũ Tuấn Kiệt	63.01.15QT.02	NHBH	13/05/2007	2.96	83	Khá	
1609	Phạm Mai An	63.01.15QT.02	NHBH	18/08/2006	2.71	83	Khá	
1610	Hạ An Hiếu	63.01.15QT.02	NHBH	23/08/2007	3.17	89	Khá	
1611	Trương Đoàn Yến Nhi	63.01.15QT.02	NHBH	14/06/2007	2.67	83	Khá	
1612	Đặng Hà Linh	63.01.15QT.02	NHBH	07/11/2007	2.50	89	Khá	
1613	Nguyễn Thái Bình	63.01.15QT.02	NHBH	26/08/2007	3.17	82	Khá	
1614	Lê Trần Tuấn Minh	63.01.15QT.02	NHBH	04/10/2007	3.08	82	Khá	
1615	Nguyễn Thu Hiền	63.01.15QT.02	NHBH	03/03/2007	2.92	83	Khá	
1616	Nguyễn Trà My	63.01.17	NHBH	27/01/2007	3.15	82	Khá	
1617	Bùi Mai Anh	63.01.17	NHBH	28/04/2007	3.00	84	Khá	
1618	Vũ Huy Tuấn	63.01.17	NHBH	08/11/2007	2.96	82	Khá	
1619	Lý Bảo Hân	63.01.17	NHBH	13/12/2007	3.04	84	Khá	
1620	Nguyễn Nhật Linh	63.01.17	NHBH	24/03/2007	3.19	82	Khá	
1621	Nguyễn Thu Hương	63.01.17	NHBH	10/10/2007	2.81	83	Khá	
1622	Hồ Văn Phúc	63.01.17	NHBH	29/04/2007	3.12	82	Khá	
1623	Trương Hồng Đạt	63.01.17	NHBH	18/05/2007	3.00	82	Khá	
1624	Đặng Hiền Anh	63.01.17	NHBH	13/12/2007	3.12	82	Khá	
1625	Trần Đức Quang Hưng	63.01.17	NHBH	28/12/2007	3.08	82	Khá	
1626	Ngô Thùy Dương	63.01.18	NHBH	15/10/2007	3.04	81	Khá	
1627	Nguyễn Thị Thu Phương	63.01.18	NHBH	17/09/2007	2.96	84	Khá	
1628	Trần Đức Kiên	63.01.18	NHBH	20/11/2007	2.73	81	Khá	
1629	Nguyễn Anh Đức Phát	63.01.18	NHBH	22/09/2007	2.96	82	Khá	
1630	Nguyễn Chu Hải Anh	63.01.18	NHBH	24/03/2007	3.04	81	Khá	
1631	Bùi Huy Quang	63.01.18	NHBH	21/02/2007	2.96	82	Khá	
1632	Nguyễn Nhật Hồng	63.01.18	NHBH	17/09/2007	3.08	82	Khá	
1633	Trần Gia Bảo	63.01.18	NHBH	06/11/2007	2.54	81	Khá	
1634	Nguyễn Thị Thu Trang	63.01.19	NHBH	29/07/2007	3.12	82	Khá	
1635	Nguyễn Hữu Cương	63.01.19	NHBH	25/07/2007	3.00	82	Khá	
1636	Trần Thị Cẩm Ly	63.01.19	NHBH	13/04/2007	3.12	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1637	Hà Văn Thành	63.01.19	NHBH	20/11/2007	3.17	82	Khá	
1638	Nguyễn Thế Minh Khoa	63.01.19QT.01	NHBH	17/01/2007	3.13	82	Khá	
1639	Nhữ Quỳnh Anh	63.01.19QT.01	NHBH	10/02/2007	2.92	82	Khá	
1640	Phạm Đình Nguyên	63.01.19QT.01	NHBH	13/08/2007	2.71	82	Khá	
1641	Vũ Minh Đức	63.01.19QT.01	NHBH	24/08/2007	2.92	82	Khá	
1642	Phạm Gia Hiếu	63.01.19QT.01	NHBH	04/04/2007	2.96	86	Khá	
1643	Phạm Thị Minh Ngọc	63.01.19QT.01	NHBH	13/10/2007	3.04	88	Khá	
1644	Nguyễn Bá Anh	63.01.19QT.01	NHBH	08/07/2007	2.96	82	Khá	
1645	Phạm Thùy Trang	63.01.19QT.01	NHBH	09/09/2007	2.83	84	Khá	
1646	Đỗ Việt Anh	63.01.19QT.01	NHBH	29/09/2007	2.63	82	Khá	
1647	Nguyễn Hoàng Nguyên	63.01.19QT.01	NHBH	17/12/2007	2.88	82	Khá	
1648	Phạm Huyền Trang	63.01.19QT.01	NHBH	12/08/2007	2.96	88	Khá	
1649	Nguyễn Hữu Thọ	63.01.19QT.01	NHBH	14/08/2007	2.96	84	Khá	
1650	Trần Khánh Linh	63.01.19QT.01	NHBH	22/09/2007	2.58	82	Khá	
1651	Nguyễn Bích Ngọc	63.01.19QT.01	NHBH	30/04/2007	2.67	88	Khá	
1652	Hoàng Tuấn Minh	63.01.20	NHBH	28/08/2007	2.62	82	Khá	
1653	Phạm Thủy Hà	63.01.20	NHBH	15/07/2007	2.69	82	Khá	
1654	Nguyễn Diệu Huyền	63.01.20	NHBH	02/11/2007	2.96	82	Khá	
1655	Phạm Khánh Linh	63.01.20	NHBH	22/06/2007	2.50	82	Khá	
1656	Phan Quang Minh	63.01.20	NHBH	02/01/2007	3.15	81	Khá	
1657	Trần Linh Nga	63.01.21	NHBH	01/05/2007	2.85	84	Khá	
1658	Đặng Phương Linh	63.01.21	NHBH	13/02/2006	2.69	83	Khá	
1659	Đào Diệu Linh	63.01.21	NHBH	18/10/2007	3.00	82	Khá	
1660	Đinh Thị Quỳnh Như	63.01.22	NHBH	24/10/2006	2.77	82	Khá	
1661	Đặng Thanh Huyền	63.01.22	NHBH	19/03/2007	2.77	81	Khá	
1662	Nguyễn Đăng Quang	63.01.22	NHBH	13/12/2007	2.77	82	Khá	
1663	Lê Bảo Minh	63.01.22	NHBH	18/10/2007	2.65	84	Khá	
1664	Trần Anh Quân	63.01.22	NHBH	17/04/2007	2.62	82	Khá	
1665	Hà Ngọc Phương Anh	63.01.22	NHBH	01/03/2006	2.65	82	Khá	
1666	Phạm Gia Hân	63.01.22	NHBH	24/02/2007	2.58	83	Khá	
1667	Trần Hương Giang	63.01.22	NHBH	18/03/2007	2.96	88	Khá	
1668	Lê Thùy Linh	63.08.01.01	NHBH	06/12/2007	2.65	83	Khá	
1669	Nguyễn Huy Hoàng	63.08.01.01	NHBH	24/08/2007	3.19	82	Khá	
1670	Trần Nam Sơn	63.08.01.01	NHBH	21/04/2007	2.81	84	Khá	
1671	Nguyễn Hà Linh	63.08.01.01	NHBH	13/04/2007	2.92	82	Khá	
1672	Nguyễn Hoàng Hà Linh	63.08.01.01	NHBH	04/10/2007	2.62	82	Khá	
1673	Phạm Hải Đăng	63.08.01.01	NHBH	28/12/2007	2.77	82	Khá	
1674	Nguyễn Ngọc Mai	63.08.01.01	NHBH	20/02/2007	2.65	84	Khá	
1675	Nguyễn Ngọc Bảo Khánh	63.08.01.01	NHBH	20/03/2007	2.62	88	Khá	
1676	Trương Triệu Vi	63.08.01.01	NHBH	09/09/2007	3.12	88	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1677	Lê Khánh Linh	63.08.01.01	NHBH	05/10/2007	2.88	84	Khá	
1678	Hoàng Mạnh Hùng	63.08.01.01	NHBH	10/05/2007	2.96	83	Khá	
1679	Cao Thị Trang Anh	63.08.01.01	NHBH	18/07/2007	2.77	84	Khá	
1680	Nguyễn Viên Nhi	63.08.01.01	NHBH	01/08/2007	3.15	85	Khá	
1681	Lê Đức Huy	63.08.01.01	NHBH	06/07/2007	2.73	83	Khá	
1682	Hoàng Thuỳ Linh	63.08.01.01	NHBH	20/05/2007	3.08	87	Khá	
1683	Trương Thị Ngọc Huyền	63.08.01.01	NHBH	21/08/2007	2.88	82	Khá	
1684	Bùi Phương Linh	63.08.01.01	NHBH	16/10/2007	3.04	82	Khá	
1685	Hoàng Mai Phương	63.08.01.01	NHBH	16/11/2006	2.58	83	Khá	
1686	Phạm Huỳnh Lê Anh	63.08.01.01	NHBH	31/05/2007	3.04	82	Khá	
1687	Nguyễn Trần Hiền Thương	63.08.01.01	NHBH	21/08/2007	2.92	83	Khá	
1688	Nguyễn Mai Anh	63.08.01.02	NHBH	10/10/2007	2.77	83	Khá	
1689	Nguyễn Phương Nhi	63.08.01.02	NHBH	09/09/2007	3.19	82	Khá	
1690	Nguyễn Thị Ngọc Anh	63.08.01.02	NHBH	21/07/2007	2.69	88	Khá	
1691	Nguyễn Hoàng Gia Khánh	63.08.01.02	NHBH	11/12/2007	3.08	85	Khá	
1692	Nguyễn Văn Đạt	63.08.01.02	NHBH	22/12/2007	2.54	82	Khá	
1693	Nguyễn Đức Minh	63.08.01.02	NHBH	11/07/2007	2.65	83	Khá	
1694	Đỗ Hà Phương	63.08.01.02	NHBH	30/11/2007	2.85	82	Khá	
1695	Dương Khánh Huyền	63.08.01.02	NHBH	28/01/2006	2.88	84	Khá	
1696	Trần Lê Tuệ Anh	63.08.01.02	NHBH	27/10/2007	2.88	84	Khá	
1697	Nguyễn Thiên Lý	63.08.01.02	NHBH	12/06/2007	2.50	86	Khá	
1698	Trịnh Thị Dung	63.08.01.02	NHBH	11/09/2007	3.04	88	Khá	
1699	Đào Trúc Quỳnh	63.08.01.02	NHBH	03/03/2007	2.88	83	Khá	
1700	Hà Ngọc Ánh	63.08.01.02	NHBH	25/01/2007	3.19	84	Khá	
1701	Nguyễn Kim Hảo	63.08.01.02	NHBH	24/04/2007	3.00	88	Khá	
1702	Nguyễn Minh Đức	63.08.01.02	NHBH	14/09/2007	2.92	88	Khá	
1703	Nguyễn Thị Thu Phương	63.08.01.02	NHBH	20/01/2007	2.73	84	Khá	
1704	Phạm Hồng Ngọc	63.08.01.02	NHBH	19/11/2007	3.00	86	Khá	
1705	Trần Phương Thảo	63.08.01.02	NHBH	11/10/2007	2.77	86	Khá	
1706	Nguyễn Thành Huy	63.08.01.02	NHBH	08/03/2007	2.85	85	Khá	
1707	Nguyễn Anh Thư	63.08.01.02	NHBH	11/12/2007	2.50	88	Khá	
1708	Nguyễn Vũ Quốc Anh	63.08.01.02	NHBH	20/09/2007	3.12	83	Khá	
1709	Bùi Lan Khánh	63.08.01.02	NHBH	14/08/2007	3.19	88	Khá	
1710	Vũ Lương Quốc Bảo	63.08.01.02	NHBH	25/10/2007	2.77	86	Khá	
1711	Nguyễn Thị Hiền Lương	60/51.01	Ngoại ngữ	14/01/2004	2.74	84	Khá	
1712	Trần Thị Cẩm Vân	60/51.01	Ngoại ngữ	12/03/2003	2.85	84	Khá	
1713	Lê Thị Hạnh	60/51.01	Ngoại ngữ	09/04/2004	2.91	82	Khá	
1714	Trần Thị Kim Oanh	60/51.01	Ngoại ngữ	03/07/2004	3.15	82	Khá	
1715	Lê Ngọc Dương	60/51.01	Ngoại ngữ	08/03/2003	3.06	84	Khá	
1716	Nguyễn Bảo Yến	60/51.01	Ngoại ngữ	31/10/2004	3.18	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1717	Ngô Bá Quý	60/51.01	Ngoại ngữ	25/01/2004	3.06	85	Khá	
1718	Mạc Tuấn Trường	60/51.01	Ngoại ngữ	27/01/2004	3.15	82	Khá	
1719	Vũ Thảo Nhi	60/51.02	Ngoại ngữ	15/09/2004	3.12	81	Khá	
1720	Phạm Minh Huyền	60/51.02	Ngoại ngữ	10/12/2004	3.15	82	Khá	
1721	Đào Thị Thư Lê	60/51.02	Ngoại ngữ	12/05/2004	2.59	83	Khá	
1722	Lê Ngân Hà	60/51.02	Ngoại ngữ	04/12/2004	3.09	82	Khá	
1723	Mai Hồng Hạnh	60/51.02	Ngoại ngữ	25/01/2004	2.79	82	Khá	
1724	Lê Thị Hường	60/51.02	Ngoại ngữ	10/02/2004	3.00	83	Khá	
1725	Phạm Thị Thu An	60/51.02	Ngoại ngữ	27/08/2004	3.06	83	Khá	
1726	Hoàng Thị Thùy Anh	60/51.02	Ngoại ngữ	22/10/2004	2.91	84	Khá	
1727	Nguyễn Thuỳ Trang	60/51.02	Ngoại ngữ	09/06/2004	2.88	82	Khá	
1728	Nguyễn Thị Linh	60/51.02	Ngoại ngữ	10/07/2003	2.85	82	Khá	
1729	Hoàng Thùy Linh	60/51.03	Ngoại ngữ	19/12/2004	3.18	84	Khá	
1730	Bùi Hoàng Anh	60/51.03	Ngoại ngữ	04/01/2004	2.85	85	Khá	
1731	Lê Thị H'Ban	60/51.03	Ngoại ngữ	18/09/2004	3.00	82	Khá	
1732	Lê Trọng Hoàng	60/51.03	Ngoại ngữ	30/11/2004	2.74	85	Khá	
1733	Lê Yến Chi	60/51.03	Ngoại ngữ	22/08/2004	2.85	84	Khá	
1734	Trần Thị Hằng Mai	60/51.04	Ngoại ngữ	17/08/2004	3.06	82	Khá	
1735	Phạm Như Quỳnh	60/51.04	Ngoại ngữ	26/02/2004	3.03	85	Khá	
1736	Phạm Gia Hoàng	60/51.04	Ngoại ngữ	13/08/2004	3.00	82	Khá	
1737	Lê Thị Khánh Linh	60/51.04	Ngoại ngữ	25/05/2004	3.03	86	Khá	
1738	Nguyễn Thị Giang	60/51.04	Ngoại ngữ	15/05/2004	2.65	84	Khá	
1739	Nguyễn Thị Minh Thu	60/51.04	Ngoại ngữ	28/03/2004	2.76	82	Khá	
1740	Nguyễn Thị Hiên	60/51.04	Ngoại ngữ	02/01/2004	2.94	82	Khá	
1741	Vũ Thanh Tùng	60/51.04	Ngoại ngữ	06/01/2004	2.53	82	Khá	
1742	Nguyễn Thị Thanh Chúc	60/51.04	Ngoại ngữ	25/08/2004	3.03	82	Khá	
1743	Lý Hải Anh	60/51.04	Ngoại ngữ	13/01/2004	2.97	83	Khá	
1744	Lưu Bảo Trân	60/51.04	Ngoại ngữ	09/12/2004	2.76	82	Khá	
1745	Lê Trang Nhung	60/51.04	Ngoại ngữ	29/11/2004	2.88	82	Khá	
1746	Bùi Kiều Anh	60/51.04	Ngoại ngữ	24/02/2004	2.82	86	Khá	
1747	Nguyễn Quỳnh Chi	60/51.04	Ngoại ngữ	20/04/2004	2.53	82	Khá	
1748	Phạm Ngọc Linh	60/51.04	Ngoại ngữ	30/10/2004	2.59	83	Khá	
1749	Đoàn Thúy Mai	60/51.05	Ngoại ngữ	03/05/2004	2.59	82	Khá	
1750	Nguyễn Đỗ Quỳnh Anh	60/51.05	Ngoại ngữ	25/10/2004	3.06	85	Khá	
1751	Lê Thị Ngọc Châm	60/51.05	Ngoại ngữ	06/11/2004	3.09	83	Khá	
1752	Nguyễn Thị Huế	60/51.05	Ngoại ngữ	10/10/2004	2.85	82	Khá	
1753	Đào Hùng Dũng	60/51.05	Ngoại ngữ	14/05/2004	2.53	85	Khá	
1754	Nguyễn Thị Giang	60/51.05	Ngoại ngữ	10/10/2004	2.85	81	Khá	
1755	Phùng Thị Quỳnh Anh	60/51.05	Ngoại ngữ	15/07/2004	2.82	84	Khá	
1756	Nguyễn Văn Kiên	60/51.05	Ngoại ngữ	04/12/2004	2.74	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1757	Phạm Thị Thanh Trúc	60/51.05	Ngoại ngữ	04/07/2004	2.91	82	Khá	
1758	Phạm Lê Trang Nhung	60/51.05	Ngoại ngữ	21/10/2004	2.79	82	Khá	
1759	Bùi Diệu Hân	60/51.05	Ngoại ngữ	12/02/2004	3.18	83	Khá	
1760	Kiều Thị Ngọc Lương	60/51.06	Ngoại ngữ	05/04/2004	2.65	85	Khá	
1761	Vũ Thanh Xuân	60/51.06	Ngoại ngữ	21/01/2004	2.91	86	Khá	
1762	Trần Danh Kiên	60/51.06	Ngoại ngữ	24/06/2004	2.91	83	Khá	
1763	Đào Đức Mạnh	60/51.06	Ngoại ngữ	23/02/2004	3.18	84	Khá	
1764	Đào Thị Phương Anh	60/51.06	Ngoại ngữ	16/03/2004	2.97	86	Khá	
1765	Nguyễn Thị Phương Oanh	60/51.06	Ngoại ngữ	28/09/2004	2.94	84	Khá	
1766	Hoàng Vũ Hiền Mai	60/51.06	Ngoại ngữ	28/11/2004	3.03	83	Khá	
1767	Trần Thị Huế	60/51.06	Ngoại ngữ	10/04/2004	2.97	83	Khá	
1768	Hoàng Xuân Đăng	61/51.01	Ngoại ngữ	01/05/2005	2.97	83	Khá	
1769	Dương Thu Hà	61/51.01	Ngoại ngữ	03/09/2005	3.19	83	Khá	
1770	Lương Ngọc Ánh	61/51.01	Ngoại ngữ	04/10/2005	3.00	82	Khá	
1771	Nguyễn Hoàng Minh Châu	61/51.01	Ngoại ngữ	20/09/2005	2.75	84	Khá	
1772	Nguyễn Đình Luyện	61/51.01	Ngoại ngữ	03/12/2005	2.78	82	Khá	
1773	Đào Lê Tiến Anh	61/51.01	Ngoại ngữ	04/11/2005	2.86	86	Khá	
1774	Trần Mai Loan	61/51.01	Ngoại ngữ	26/08/2005	2.50	85	Khá	
1775	Vũ Thanh Mai	61/51.01	Ngoại ngữ	15/07/2005	3.11	86	Khá	
1776	Phạm Thị Ngọc Ánh	61/51.01	Ngoại ngữ	16/09/2005	2.64	83	Khá	
1777	Nguyễn Thùy Dương	61/51.01	Ngoại ngữ	20/12/2005	2.67	88	Khá	
1778	Đinh Vân Linh	61/51.01	Ngoại ngữ	06/12/2005	2.64	83	Khá	
1779	Lê Nguyễn Phương An	61/51.01	Ngoại ngữ	12/05/2005	2.97	82	Khá	
1780	Nguyễn Hải Linh	61/51.01	Ngoại ngữ	28/07/2005	2.75	84	Khá	
1781	Đoàn Đại Dũng	61/51.01	Ngoại ngữ	03/02/2005	2.83	80	Khá	
1782	Phạm Ngọc Anh	61/51.01	Ngoại ngữ	09/02/2005	2.53	82	Khá	
1783	Hoàng Thị Khánh Vi	61/51.01	Ngoại ngữ	25/10/2005	2.78	82	Khá	
1784	Cao Quỳnh Anh	61/51.02	Ngoại ngữ	10/02/2005	2.89	82	Khá	
1785	Nguyễn Duy Long	61/51.02	Ngoại ngữ	13/09/2005	3.11	82	Khá	
1786	Đinh Thị Thu Hường	61/51.02	Ngoại ngữ	09/09/2005	2.53	85	Khá	
1787	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	61/51.02	Ngoại ngữ	12/03/2005	2.67	82	Khá	
1788	Phạm Thanh Hằng	61/51.02	Ngoại ngữ	21/02/2005	2.81	86	Khá	
1789	Lê Thị Thu Mai	61/51.03	Ngoại ngữ	31/07/2005	3.17	88	Khá	
1790	Vũ Thị Hồng Anh	61/51.03	Ngoại ngữ	08/12/2005	2.97	83	Khá	
1791	Lê Hà Trang	61/51.03	Ngoại ngữ	23/06/2005	2.50	83	Khá	
1792	Lê Bình Dương	61/51.03	Ngoại ngữ	12/09/2005	3.03	85	Khá	
1793	Đinh Xuân Đạt	61/51.03	Ngoại ngữ	19/04/2005	3.11	83	Khá	
1794	Đỗ Thị Lệ	61/51.03	Ngoại ngữ	15/08/2004	3.00	86	Khá	
1795	Bùi Hữu Minh	61/51.03	Ngoại ngữ	18/02/2005	2.53	85	Khá	
1796	Vũ Phương Quỳnh	61/51.03	Ngoại ngữ	17/10/2005	2.67	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1797	Lương Thị Thương	61/51.03	Ngoại ngữ	07/05/2005	3.08	83	Khá	
1798	Trần Khánh Linh	61/51.03	Ngoại ngữ	21/12/2005	2.94	89	Khá	
1799	Nguyễn Thị Minh Hà	61/51.03	Ngoại ngữ	13/11/2005	3.03	83	Khá	
1800	Phạm Thu Hằng	61/51.03	Ngoại ngữ	21/01/2005	3.19	82	Khá	
1801	Hoa Thị Hương Giang	61/51.04	Ngoại ngữ	18/05/2005	3.14	83	Khá	
1802	Nguyễn Yến Vy	61/51.04	Ngoại ngữ	16/04/2005	2.72	82	Khá	
1803	Phạm Thị Minh Anh	61/51.04	Ngoại ngữ	03/10/2004	3.17	82	Khá	
1804	Đặng Kim Dung	61/51.04	Ngoại ngữ	27/08/2004	2.65	80	Khá	
1805	Nguyễn Thị Minh Thư	61/51.04	Ngoại ngữ	02/08/2005	2.61	82	Khá	
1806	Vũ Thị Thúy	61/51.04	Ngoại ngữ	24/04/2005	2.94	86	Khá	
1807	Hồ Thị Quỳnh Nga	61/51.04	Ngoại ngữ	21/09/2005	2.86	83	Khá	
1808	Lê Đình Phú	61/51.04	Ngoại ngữ	15/08/2005	3.06	88	Khá	
1809	Đặng Phương Uyên	61/51.04	Ngoại ngữ	21/05/2005	2.56	83	Khá	
1810	Nguyễn Phương Mai	61/51.04	Ngoại ngữ	12/08/2005	2.89	84	Khá	
1811	Nguyễn Phương Linh	61/51.05	Ngoại ngữ	14/10/2003	2.97	82	Khá	
1812	Lê Thị Phương Nam	61/51.05	Ngoại ngữ	05/05/2005	2.97	84	Khá	
1813	Lê Huyền Chi	61/51.05	Ngoại ngữ	20/06/2005	2.89	86	Khá	
1814	Phạm Thị Ngọc Thơm	61/51.05	Ngoại ngữ	15/12/2005	2.86	82	Khá	
1815	Nguyễn Ngọc Ánh	61/51.05	Ngoại ngữ	03/09/2005	2.50	82	Khá	
1816	Nguyễn Thị Thu Uyên	61/51.05	Ngoại ngữ	09/09/2005	2.61	88	Khá	
1817	Hoàng Như Quỳnh	61/51.05	Ngoại ngữ	13/10/2005	2.97	87	Khá	
1818	Nguyễn Trần Vân Hà	61/51.05	Ngoại ngữ	03/11/2005	2.81	87	Khá	
1819	Nguyễn Thị Ngà	61/51.05	Ngoại ngữ	31/03/2005	2.61	84	Khá	
1820	Phạm Huyền Trang	61/51.05	Ngoại ngữ	08/06/2005	3.06	88	Khá	
1821	Nguyễn Hà Phương	61/51.05	Ngoại ngữ	06/04/2005	2.89	84	Khá	
1822	Dương Thị Cẩm Ly	61/51.05	Ngoại ngữ	05/06/2005	3.00	84	Khá	
1823	Nguyễn Minh Ngân Hà	61/51.06	Ngoại ngữ	05/02/2005	3.19	82	Khá	
1824	Phạm Thị Thu Trang	61/51.06	Ngoại ngữ	20/01/2005	3.14	83	Khá	
1825	Nguyễn Thị Thanh Trà	61/51.06	Ngoại ngữ	15/08/2005	3.03	86	Khá	
1826	Nguyễn Thị Nhàn	61/51.06	Ngoại ngữ	13/08/2005	3.06	84	Khá	
1827	Hoàng Thị Mai Thương	61/51.06	Ngoại ngữ	20/07/2005	2.94	82	Khá	
1828	Nguyễn Khánh Ly	61/51.06	Ngoại ngữ	02/04/2005	2.64	82	Khá	
1829	Lê Thanh Hằng	61/51.06	Ngoại ngữ	16/10/2005	2.58	82	Khá	
1830	Bùi Thị Thanh Huyền	61/51.06	Ngoại ngữ	13/11/2005	2.81	82	Khá	
1831	Nguyễn Ngọc Ánh	61/51.06	Ngoại ngữ	20/04/2005	2.67	87	Khá	
1832	Nguyễn Phương Thảo	61/51.06	Ngoại ngữ	13/10/2005	3.17	87	Khá	
1833	Trần Trúc Anh	61/51.06	Ngoại ngữ	28/04/2005	3.14	87	Khá	
1834	Khúc Ngọc Hạ Linh	61/51.06	Ngoại ngữ	10/10/2005	3.00	83	Khá	
1835	Đặng Thị Thảo Nguyên	62/51.01	Ngoại ngữ	26/08/2006	3.05	83	Khá	
1836	Nguyễn Minh Phương	62/51.01	Ngoại ngữ	30/01/2006	2.93	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1837	Vũ Thị Mai Hương	62/51.01	Ngoại ngữ	20/08/2006	2.73	83	Khá	
1838	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	62/51.01	Ngoại ngữ	02/01/2006	3.08	84	Khá	
1839	Tô Diệu Hiền	62/51.01	Ngoại ngữ	21/09/2006	3.10	87	Khá	
1840	Đặng Minh Thư	62/51.01	Ngoại ngữ	29/10/2006	2.55	84	Khá	
1841	Nguyễn Duy Mạnh	62/51.01	Ngoại ngữ	12/08/2006	2.63	81	Khá	
1842	Nguyễn Lê Minh Vũ	62/51.01	Ngoại ngữ	18/10/2006	3.03	83	Khá	
1843	Hoàng Thị Minh Anh	62/51.01	Ngoại ngữ	31/12/2006	2.85	82	Khá	
1844	Đặng Quốc Cường	62/51.02	Ngoại ngữ	05/11/2006	2.93	82	Khá	
1845	Bùi Minh Phương	62/51.02	Ngoại ngữ	08/09/2006	3.05	82	Khá	
1846	Trần Quốc Vương	62/51.02	Ngoại ngữ	16/01/2006	2.83	82	Khá	
1847	Nguyễn Ngọc Ánh	62/51.02	Ngoại ngữ	08/01/2006	2.65	82	Khá	
1848	Lê Vũ Huyền Phương	62/51.02	Ngoại ngữ	01/03/2006	3.10	82	Khá	
1849	Hoàng Tuấn Anh	62/51.02	Ngoại ngữ	15/01/2006	3.15	86	Khá	
1850	Nguyễn Trần Phương Linh	62/51.02	Ngoại ngữ	02/11/2006	3.03	82	Khá	
1851	Bùi Khánh Huyền	62/51.02	Ngoại ngữ	27/07/2006	2.65	82	Khá	
1852	Đồng Diệu Linh	62/51.02	Ngoại ngữ	21/08/2006	3.00	85	Khá	
1853	Nguyễn Thị Minh Tâm	62/51.02	Ngoại ngữ	12/08/2006	2.50	82	Khá	
1854	Lưu Thuỳ Dương	62/51.02	Ngoại ngữ	28/08/2006	2.78	87	Khá	
1855	Mai Quốc Khánh	62/51.02	Ngoại ngữ	08/12/2005	2.75	82	Khá	
1856	Nguyễn Ngọc Ánh	62/51.03	Ngoại ngữ	07/07/2005	3.03	83	Khá	
1857	Cao Hà Vy	62/51.03	Ngoại ngữ	11/07/2006	2.95	84	Khá	
1858	Hoàng Ngân Giang	62/51.03	Ngoại ngữ	13/09/2006	2.50	84	Khá	
1859	Nguyễn Mai Khánh	62/51.03	Ngoại ngữ	22/03/2006	2.78	83	Khá	
1860	Vũ Đắc Hiệp	62/51.03	Ngoại ngữ	27/09/2006	2.63	83	Khá	
1861	Bùi Thị Ngọc Anh	62/51.03	Ngoại ngữ	04/10/2006	2.60	84	Khá	
1862	Lê Thị Tuyết Nhi	62/51.03	Ngoại ngữ	30/01/2006	2.60	76	Khá	
1863	Hoàng Thị Oanh	62/51.03	Ngoại ngữ	28/03/2006	2.85	83	Khá	
1864	Lê Hà Vi	62/51.03	Ngoại ngữ	03/01/2006	2.88	80	Khá	
1865	Phạm Quỳnh Anh	62/51.03	Ngoại ngữ	14/10/2006	3.05	84	Khá	
1866	Đào Phương Minh	62/51.03	Ngoại ngữ	04/12/2006	3.10	82	Khá	
1867	Lê Thùy Trâm	62/51.03	Ngoại ngữ	09/10/2006	3.10	87	Khá	
1868	Phạm Thị Phương Thảo	62/51.03	Ngoại ngữ	03/02/2006	3.00	84	Khá	
1869	Chu Thị Lan Phương	62/51.03	Ngoại ngữ	31/10/2006	2.68	84	Khá	
1870	Nhữ Ngọc Khánh	62/51.04	Ngoại ngữ	12/09/2006	3.13	82	Khá	
1871	Hoàng Bảo Ngọc	62/51.04	Ngoại ngữ	28/01/2006	3.13	88	Khá	
1872	Lê Quỳnh Anh	62/51.04	Ngoại ngữ	12/09/2006	2.85	87	Khá	
1873	Nguyễn Thuỳ Dương	62/51.04	Ngoại ngữ	27/12/2006	2.70	82	Khá	
1874	Hoàng Ngọc Minh	62/51.04	Ngoại ngữ	21/11/2006	2.88	81	Khá	
1875	Mai Ngân Trang	62/51.04	Ngoại ngữ	26/12/2006	2.90	82	Khá	
1876	Lê Hương Giang	62/51.04	Ngoại ngữ	05/10/2005	2.95	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1877	Nguyễn Đức Anh	62/51.04	Ngoại ngữ	26/01/2006	2.75	86	Khá	
1878	Vũ Thị Minh Thư	62/51.04	Ngoại ngữ	16/12/2006	2.58	83	Khá	
1879	Đỗ Ngọc Diệp	62/51.04	Ngoại ngữ	23/10/2006	2.83	81	Khá	
1880	Lê Quốc Việt	62/51.04	Ngoại ngữ	20/06/2006	2.90	87	Khá	
1881	Phan Hương Ly	62/51.05	Ngoại ngữ	31/12/2005	3.00	83	Khá	
1882	Đoàn Tú Châu	62/51.05	Ngoại ngữ	31/08/2006	2.50	83	Khá	
1883	Nguyễn Ngọc Minh Anh	62/51.05	Ngoại ngữ	18/10/2006	2.65	82	Khá	
1884	Lê Minh Quang	62/51.05	Ngoại ngữ	16/06/2006	2.68	81	Khá	
1885	Nguyễn Huy Hoàng	62/51.05	Ngoại ngữ	02/11/2006	2.93	86	Khá	
1886	Phùng Diệu Hà	62/51.05	Ngoại ngữ	26/04/2006	3.08	83	Khá	
1887	Khổng Thị Bích Ngọc	62/51.05	Ngoại ngữ	08/03/2006	2.93	84	Khá	
1888	Hoàng Nguyễn Hiểu Phong	62/51.05	Ngoại ngữ	29/08/2006	2.68	82	Khá	
1889	Nguyễn Yến Vy	62/51.05	Ngoại ngữ	13/08/2006	3.05	84	Khá	
1890	Phan Anh Tú	62/51.05	Ngoại ngữ	01/01/2006	2.53	85	Khá	
1891	Nguyễn Thị Hoài Trang	62/51.06	Ngoại ngữ	13/09/2006	3.18	86	Khá	
1892	Đỗ Mai Gia Linh	62/51.06	Ngoại ngữ	13/01/2006	2.95	83	Khá	
1893	Nguyễn Minh Ngọc	62/51.06	Ngoại ngữ	10/10/2006	2.98	85	Khá	
1894	Trần Dương Việt	62/51.06	Ngoại ngữ	28/03/2006	2.80	81	Khá	
1895	Nguyễn Minh Quang	62/51.06	Ngoại ngữ	30/08/2005	3.23	79	Khá	
1896	Văn Đức Anh	62/51.06	Ngoại ngữ	01/06/2006	2.55	82	Khá	
1897	Trần Hà Phương Linh	62/51.06	Ngoại ngữ	30/10/2006	3.00	87	Khá	
1898	Bùi Thị Hải Chuyền	62/51.06	Ngoại ngữ	28/02/2006	3.15	85	Khá	
1899	Nguyễn Thị Linh	62/51.06	Ngoại ngữ	17/02/2006	3.18	86	Khá	
1900	Đào Phương Anh	62/51.06	Ngoại ngữ	27/08/2006	2.78	85	Khá	
1901	Vũ Vũ Duy	62/51.06	Ngoại ngữ	12/06/2006	3.28	79	Khá	
1902	Hoàng Mạnh Hải	62/51.06	Ngoại ngữ	24/09/2006	2.78	81	Khá	
1903	Nguyễn Ngọc Thiện	63.05.01.01	Ngoại ngữ	29/10/2007	3.00	82	Khá	
1904	Vũ Đình Minh Thiện	63.05.01.01	Ngoại ngữ	02/02/2007	2.50	84	Khá	
1905	Tống Quỳnh Chi	63.05.01.01	Ngoại ngữ	28/12/2007	2.75	84	Khá	
1906	Dương Thành Long	63.05.01.01	Ngoại ngữ	11/03/2007	2.92	82	Khá	
1907	Bùi Quang Minh	63.05.01.01	Ngoại ngữ	26/08/2007	2.75	83	Khá	
1908	Đinh Xuân Khải	63.05.01.01	Ngoại ngữ	30/06/2007	2.96	84	Khá	
1909	Đinh Quỳnh Anh	63.05.01.01	Ngoại ngữ	23/10/2007	2.83	82	Khá	
1910	Trần Gia Khánh	63.05.01.01	Ngoại ngữ	25/12/2007	2.96	83	Khá	
1911	Dương Thị Phương Thảo	63.05.01.01	Ngoại ngữ	25/07/2007	2.63	83	Khá	
1912	Nguyễn Quang Trường	63.05.01.01	Ngoại ngữ	09/07/2007	2.67	87	Khá	
1913	Nguyễn Đặng Minh Ngọc	63.05.01.01	Ngoại ngữ	21/05/2007	2.71	83	Khá	
1914	Nguyễn Tiến Đạt	63.05.01.01	Ngoại ngữ	18/08/2007	2.83	82	Khá	
1915	Phạm Hạnh Nguyên	63.05.01.02	Ngoại ngữ	05/08/2007	2.96	83	Khá	
1916	Nguyễn Anh Thơ	63.05.01.02	Ngoại ngữ	20/10/2007	3.13	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1917	Đoàn Hồng Hạnh	63.05.01.02	Ngoại ngữ	26/06/2007	3.08	85	Khá	
1918	Bùi Thùy Chinh	63.05.01.02	Ngoại ngữ	15/03/2007	2.71	84	Khá	
1919	Trần Bích Phương	63.05.01.02	Ngoại ngữ	26/02/2007	2.71	86	Khá	
1920	Triệu Nguyệt Nga	63.05.01.02	Ngoại ngữ	09/04/2007	3.04	85	Khá	
1921	Bùi Nguyễn Hoàng Linh	63.05.01.02	Ngoại ngữ	27/01/2007	3.04	83	Khá	
1922	Chu Hà Linh	63.05.01.02	Ngoại ngữ	21/07/2007	2.88	82	Khá	
1923	Kiều Bảo Ngọc	63.05.01.02	Ngoại ngữ	21/11/2007	2.67	86	Khá	
1924	Lê Thị Vân	63.05.01.03	Ngoại ngữ	28/05/2007	2.92	82	Khá	
1925	Tô Minh Phương	63.05.01.03	Ngoại ngữ	15/10/2007	2.83	84	Khá	
1926	Phạm Minh Hiếu	63.05.01.03	Ngoại ngữ	12/05/2007	2.75	83	Khá	
1927	Mai Lê Ngọc Tú	63.05.01.03	Ngoại ngữ	21/12/2007	2.75	84	Khá	
1928	Nguyễn Minh Thư	63.05.01.04	Ngoại ngữ	16/01/2007	2.88	83	Khá	
1929	Vũ Hoàng Phương Anh	63.05.01.04	Ngoại ngữ	06/12/2007	3.13	88	Khá	
1930	Nguyễn Thuỳ Linh	63.05.01.05	Ngoại ngữ	26/04/2007	2.83	84	Khá	
1931	Lê Tuấn Hưng	63.05.01.05	Ngoại ngữ	26/10/2007	3.00	82	Khá	
1932	Nguyễn Thị Thúy Hằng	63.05.01.05	Ngoại ngữ	04/02/2007	3.08	83	Khá	
1933	Đỗ Quỳnh Thư	63.05.01.05	Ngoại ngữ	11/06/2007	2.96	82	Khá	
1934	Nguyễn Mạnh Đức	63.05.01.05	Ngoại ngữ	23/10/2007	3.13	82	Khá	
1935	Nguyễn Minh Tuấn	63.05.01.05	Ngoại ngữ	26/06/2007	3.17	82	Khá	
1936	Lê Minh Nguyệt	63.05.01.05	Ngoại ngữ	31/05/2007	3.17	84	Khá	
1937	Đỗ Minh Quang	63.05.01.05	Ngoại ngữ	21/05/2007	2.96	82	Khá	
1938	Nguyễn Thùy Linh	63.05.01.05	Ngoại ngữ	17/12/2007	3.13	85	Khá	
1939	Trịnh Thị Minh Anh	63.05.01.06	Ngoại ngữ	11/01/2007	3.04	86	Khá	
1940	Lê Văn Minh	63.05.01.06	Ngoại ngữ	24/11/2007	3.13	84	Khá	
1941	Lã Thanh Hoa	63.05.01.06	Ngoại ngữ	28/04/2006	3.17	84	Khá	
1942	Bùi Minh Quý	60/31.01	QTKD	19/05/2003	2.58	83	Khá	
1943	Nguyễn Tùng Dương	60/31.01	QTKD	21/10/2004	3.11	82	Khá	
1944	Đỗ Đức Duy	60/31.01	QTKD	24/02/2004	3.08	82	Khá	
1945	Vũ Minh Nguyệt	60/31.01	QTKD	14/10/2004	2.75	84	Khá	
1946	Nguyễn Minh Đức	60/31.01	QTKD	07/01/2004	2.86	88	Khá	
1947	Đỗ Quang Huy	60/31.02	QTKD	12/09/2004	3.03	92	Khá	
1948	Nguyễn Duy Tuấn Anh	60/31.02	QTKD	07/12/2004	3.03	83	Khá	
1949	Triệu Hoàng Thái Bảo	60/31.02	QTKD	06/09/2003	2.56	83	Khá	
1950	Trần Thế Phong	60/31.02	QTKD	24/03/2004	3.08	83	Khá	
1951	Đỗ Minh Đức	60/31.02	QTKD	09/05/2004	2.97	85	Khá	
1952	Trần Gia Khánh	60/31.02	QTKD	30/04/2004	2.89	86	Khá	
1953	Bùi Tiến Dũng	60/31.02	QTKD	26/06/2004	2.86	82	Khá	
1954	Nguyễn Nhật Minh	60/31.02	QTKD	13/03/2004	3.00	83	Khá	
1955	Đỗ Quốc Thái Hà	60/32.01	QTKD	17/10/2004	3.14	83	Khá	
1956	Dương Văn Chiến	60/32.01	QTKD	25/04/2004	2.92	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1957	Nguyễn Như Nghiêm	60/32.01	QTKD	15/02/2004	2.83	82	Khá	
1958	Nguyễn Thành Nam	60/32.01	QTKD	20/06/2003	2.92	82	Khá	
1959	Nguyễn Mạnh Tuấn	60/32.01	QTKD	11/07/2004	3.00	83	Khá	
1960	Nguyễn Lê Quốc Bảo	60/32.01	QTKD	23/03/2004	3.08	84	Khá	
1961	Bùi Khôi Nguyên	60/32.01	QTKD	11/05/2004	3.06	84	Khá	
1962	Nguyễn Tiến Tài	60/32.01	QTKD	13/01/2004	3.14	84	Khá	
1963	Quách Thị Ánh Dương	60/32.01	QTKD	29/08/2003	3.08	84	Khá	
1964	Phạm Đức Tài	60/32.02	QTKD	08/03/2004	2.50	86	Khá	
1965	Phương Quốc Luân	60/32.02	QTKD	04/07/2003	2.94	83	Khá	
1966	Vũ Phương Nhung	60/32.02	QTKD	27/02/2004	2.94	84	Khá	
1967	Vũ Đăng Khoa	60/32.02	QTKD	09/06/2004	2.89	86	Khá	
1968	Cao Thảo Vy	60/32.02	QTKD	31/08/2004	3.14	82	Khá	
1969	Nguyễn Minh Hằng	60/32.02	QTKD	24/10/2003	2.60	82	Khá	
1970	Hồ Thu Trà	60/32.02	QTKD	20/09/2004	3.19	83	Khá	
1971	Quách Thanh Bình	60/32.03	QTKD	02/10/2003	2.75	84	Khá	
1972	Hoàng Văn Thưởng	60/32.03	QTKD	15/02/2003	2.92	83	Khá	
1973	Nguyễn Hoàng Dương	60/32.04	QTKD	11/08/2004	3.14	83	Khá	
1974	Đỗ Trung Nghĩa	60/32.04	QTKD	02/08/2004	2.78	82	Khá	
1975	Nguyễn Anh Thư	61/31.01	QTKD	02/10/2005	3.07	89	Khá	
1976	Đặng Thị Hà Anh	61/31.01	QTKD	19/08/2005	2.86	87	Khá	
1977	Nguyễn Danh Thành Đạt	61/31.01	QTKD	18/06/2005	2.69	86	Khá	
1978	Hà Thanh Huyền	61/31.01	QTKD	29/12/2005	2.81	83	Khá	
1979	Mai Văn An	61/31.01	QTKD	21/07/2005	3.00	85	Khá	
1980	Lê Trần Trà Giang	61/31.01	QTKD	19/11/2005	3.05	86	Khá	
1981	Đàm Trọng Thắng	61/31.01	QTKD	22/08/2005	2.71	83	Khá	
1982	Lê Nguyên Phương	61/31.01	QTKD	07/02/2005	3.05	91	Khá	
1983	Vương Xuân Toàn	61/31.01	QTKD	21/07/2005	2.83	88	Khá	
1984	Hoàng Tuấn Phú	61/31.01	QTKD	18/01/2005	2.57	88	Khá	
1985	Triệu Mai Loan	61/31.01	QTKD	26/08/2005	2.64	88	Khá	
1986	Hồ Quốc Việt	61/31.01	QTKD	28/06/2005	3.14	88	Khá	
1987	Phạm Thị Châu Anh	61/31.01	QTKD	09/02/2005	2.69	82	Khá	
1988	Hà Ngọc Minh	61/31.02	QTKD	30/10/2005	3.12	86	Khá	
1989	Lâm Anh Thư	61/31.02	QTKD	10/08/2005	2.95	84	Khá	
1990	Kim Minh Thế	61/31.02	QTKD	03/04/2004	3.10	88	Khá	
1991	Lê Như Đức	61/31.02	QTKD	20/09/2005	2.81	84	Khá	
1992	Bùi Phương Linh	61/31.02	QTKD	02/12/2005	3.14	91	Khá	
1993	Đinh Thị Minh Ngọc	61/31.02	QTKD	22/04/2005	3.07	89	Khá	
1994	Nguyễn Mạnh Kiên	61/31.02	QTKD	31/12/2005	3.12	84	Khá	
1995	Nguyễn Văn Việt	61/31.02	QTKD	11/01/2005	3.14	84	Khá	
1996	Vũ Ái Nhi	61/31.02	QTKD	23/06/2005	2.83	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
1997	Nguyễn Phương Anh	61/31.02	QTKD	24/04/2005	2.95	88	Khá	
1998	Dương Khôi Nguyên	61/31.02	QTKD	04/11/2005	2.50	82	Khá	
1999	Nguyễn Tùng Dương	61/31.02	QTKD	20/09/2005	2.86	88	Khá	
2000	Nguyễn Minh Vân	61/31.02	QTKD	07/11/2003	2.62	83	Khá	
2001	Vũ Trọng Thức	61/31.02	QTKD	02/10/2005	2.93	85	Khá	
2002	Phạm Quang Vinh	61/31.02	QTKD	11/03/2004	2.57	83	Khá	
2003	Nguyễn Hữu Khang Duy	61/32.01	QTKD	25/07/2005	3.12	88	Khá	
2004	Nguyễn Xuân Bảo	61/32.01	QTKD	25/02/2005	2.67	84	Khá	
2005	Đỗ Đăng Hải	61/32.01	QTKD	26/07/2005	3.19	87	Khá	
2006	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	61/32.02	QTKD	05/02/2005	3.07	88	Khá	
2007	Lê Thị Minh Hằng	61/32.02	QTKD	04/08/2004	2.90	88	Khá	
2008	Hoàng Minh Tuấn	61/32.02	QTKD	01/10/2005	3.02	84	Khá	
2009	Phạm Bảo Khánh	61/32.02	QTKD	20/08/2005	3.05	84	Khá	
2010	Vũ Thị Mỵ	61/32.02	QTKD	22/06/2005	3.00	83	Khá	
2011	Hoàng Thùy Trang	61/32.03	QTKD	04/04/2005	3.12	83	Khá	
2012	Vũ Đức Nam	61/32.03	QTKD	04/08/2005	2.90	84	Khá	
2013	Đặng Thu Hà	61/32.03	QTKD	13/02/2005	3.17	85	Khá	
2014	Phạm Nhật Minh	61/32.03	QTKD	06/05/2005	3.19	82	Khá	
2015	Trần Nhật Minh	61/32.04	QTKD	09/09/2005	3.07	82	Khá	
2016	Lương Huyền Anh	61/32.04	QTKD	26/08/2004	3.00	84	Khá	
2017	Nguyễn Việt Hoàng	61/32.04	QTKD	25/08/2005	2.95	82	Khá	
2018	Hà Thị Hương	61/32.04	QTKD	10/08/2004	3.07	83	Khá	
2019	Đỗ Kim Ngân	61/32.04	QTKD	15/10/2005	2.95	84	Khá	
2020	Hứa Hải Yến	61/32.04	QTKD	22/07/2005	3.10	83	Khá	
2021	Trần Thị Thúy Hiền	61/32.04	QTKD	08/09/2005	2.60	82	Khá	
2022	Phạm Bích Loan	61/32.04	QTKD	01/04/2005	3.07	85	Khá	
2023	Lê Đức Duy	61/32.04	QTKD	03/08/2004	2.69	81	Khá	
2024	Đoàn Minh Nguyệt	61/32.04	QTKD	05/11/2005	2.95	83	Khá	
2025	Trần Việt Hưng	62/31.01	QTKD	17/10/2006	2.62	82	Khá	
2026	Đỗ Hữu Bách	62/31.01	QTKD	06/06/2006	3.00	83	Khá	
2027	Đào Duy Quang	62/31.01	QTKD	28/01/2006	2.95	83	Khá	
2028	Trương Khánh An	62/31.01	QTKD	30/07/2006	3.05	83	Khá	
2029	Nguyễn Công Khánh Duy	62/31.01	QTKD	15/10/2006	3.17	83	Khá	
2030	Lã Linh Nhi	62/31.01	QTKD	23/02/2006	2.83	83	Khá	
2031	Nguyễn Xuân Nam	62/31.01	QTKD	17/04/2006	3.00	83	Khá	
2032	Lê Huy Hoàng	62/31.01	QTKD	15/10/2006	3.05	84	Khá	
2033	Vy Phương Thảo	62/31.01	QTKD	26/10/2005	3.05	87	Khá	
2034	Vũ Dương Khánh Linh	62/31.01	QTKD	16/06/2006	2.86	83	Khá	
2035	Nguyễn Minh Quang	62/31.02	QTKD	19/10/2006	2.62	88	Khá	
2036	Ngô Khánh Bình	62/31.02	QTKD	30/04/2006	2.57	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2037	Lê Nguyễn Huyền Như	62/31.02	QTKD	26/08/2006	3.10	86	Khá	
2038	Bùi Thị Na Na	62/31.02	QTKD	17/10/2006	3.05	82	Khá	
2039	Phạm Thu Hà	62/31.02	QTKD	11/04/2006	3.05	85	Khá	
2040	Nguyễn Vũ Minh Anh	62/31.02	QTKD	29/09/2006	3.12	86	Khá	
2041	Phan Phương Anh	62/31.02	QTKD	25/12/2006	3.19	82	Khá	
2042	Phạm Huy Hoàng	62/31.02	QTKD	28/12/2006	2.98	82	Khá	
2043	Bùi Hải Anh	62/31.02	QTKD	22/01/2006	3.07	85	Khá	
2044	Nguyễn Thị Diệu Linh	62/31.02	QTKD	06/03/2006	3.14	84	Khá	
2045	Đoàn Quỳnh Trang	62/31.03	QTKD	23/02/2006	2.93	84	Khá	
2046	Vương Hồng Ngọc	62/31.03	QTKD	10/12/2006	3.07	85	Khá	
2047	Phan Thanh Thư	62/31.03	QTKD	23/01/2006	3.17	82	Khá	
2048	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	62/31.03	QTKD	13/10/2006	3.17	83	Khá	
2049	Nguyễn Anh Tuấn	62/31.03	QTKD	06/08/2006	3.05	82	Khá	
2050	Nguyễn Thị Thanh Nhuyên	62/31.03	QTKD	18/07/2006	3.00	83	Khá	
2051	Trần Thu Hà	62/31.03	QTKD	27/04/2006	3.10	84	Khá	
2052	Đào Yến Nhi	62/31.04	QTKD	26/05/2006	3.14	83	Khá	
2053	Vũ Duy Anh	62/31.04	QTKD	27/09/2006	2.86	83	Khá	
2054	Vũ Hoàng Phát	62/31.04	QTKD	12/04/2006	2.74	82	Khá	
2055	Đỗ Khải Hưng	62/31.04	QTKD	15/07/2006	2.93	86	Khá	
2056	Nguyễn Hoài Ly	62/31.04	QTKD	14/04/2006	2.95	85	Khá	
2057	Dương Mai Hoa	62/31.04	QTKD	16/01/2006	2.90	87	Khá	
2058	Hoàng Anh	62/32.01	QTKD	24/02/2006	2.71	83	Khá	
2059	Hoàng Trung Kiên	62/32.01	QTKD	24/06/2006	3.05	87	Khá	
2060	Đàm Thanh Bình	62/32.01	QTKD	22/08/2006	3.19	82	Khá	
2061	Quách Thuý Nga	62/32.01	QTKD	11/08/2006	3.10	85	Khá	
2062	Nguyễn Văn Phước	62/32.01	QTKD	24/03/2006	2.71	85	Khá	
2063	Ngô Hải Đăng	62/32.01	QTKD	16/03/2006	2.60	86	Khá	
2064	Nguyễn Trọng Đức	62/32.01	QTKD	16/05/2006	2.95	85	Khá	
2065	Trần Vũ Khánh Linh	62/32.01	QTKD	14/09/2006	3.10	83	Khá	
2066	Nguyễn Minh Ngọc	62/32.01	QTKD	13/12/2006	2.88	84	Khá	
2067	Nguyễn Đại Phúc	62/32.01	QTKD	30/11/2005	2.83	82	Khá	
2068	Vũ Ngọc Bảo Nhi	62/32.01	QTKD	10/03/2006	3.19	83	Khá	
2069	Nguyễn Thu Thảo	62/32.01	QTKD	15/03/2006	2.83	88	Khá	
2070	Nguyễn Minh Quân	62/32.01	QTKD	04/06/2006	2.74	83	Khá	
2071	Vi Anh Quân	62/32.02	QTKD	29/10/2006	2.69	82	Khá	
2072	Lê Thanh Bình	62/32.02	QTKD	24/09/2006	2.60	83	Khá	
2073	Phạm Thị Thanh Thư	62/32.02	QTKD	07/05/2006	2.88	87	Khá	
2074	Khuất Đình Lượng	62/32.02	QTKD	09/11/2006	3.05	86	Khá	
2075	Kim Nhật Thành	62/32.02	QTKD	11/04/2006	2.88	83	Khá	
2076	Vũ Nhật Linh	62/32.02	QTKD	11/05/2006	2.98	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2077	Nguyễn Ngọc Anh	62/32.02	QTKD	30/08/2006	2.86	83	Khá	
2078	Nguyễn Phương Anh	62/32.02	QTKD	19/08/2006	3.02	84	Khá	
2079	Hồ Sỹ Anh Tuấn	62/33.01	QTKD	24/03/2006	2.90	82	Khá	
2080	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	62/33.01	QTKD	11/09/2006	2.86	83	Khá	
2081	Nguyễn Ngọc Ánh	62/33.01	QTKD	11/05/2006	2.64	85	Khá	
2082	Hoàng Tùng Lâm	62/33.01	QTKD	12/10/2006	2.79	88	Khá	
2083	Nguyễn Hà Anh	62/33.01	QTKD	29/06/2006	3.00	83	Khá	
2084	Đào Hiền Trang	62/33.01	QTKD	18/10/2006	2.79	82	Khá	
2085	Đỗ Hương Giang	62/33.02	QTKD	19/12/2006	2.79	89	Khá	
2086	Phạm Hải Đăng	62/33.02	QTKD	11/03/2006	3.10	83	Khá	
2087	Nguyễn Minh Ánh	62/33.02	QTKD	05/04/2006	3.05	83	Khá	
2088	Lê Như Khánh	62/33.02	QTKD	13/01/2006	3.12	85	Khá	
2089	Nguyễn Thị Thu Thủy	62/33.02	QTKD	10/06/2006	3.17	83	Khá	
2090	Nguyễn Hải Anh	62/33.02	QTKD	26/12/2006	2.90	84	Khá	
2091	Ngô Minh Tuấn	62/33.02	QTKD	24/08/2006	3.00	87	Khá	
2092	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	62/33.02	QTKD	25/05/2006	3.14	86	Khá	
2093	Vũ Thị Mỹ Tâm	62/33.02	QTKD	09/01/2006	2.98	89	Khá	
2094	Đinh Thị Vân Thư	62/35.01QT	QTKD	13/01/2006	2.80	85	Khá	
2095	Nguyễn Hà Anh	62/35.01QT	QTKD	19/09/2006	3.02	83	Khá	
2096	Hoàng Thị Huyền Nhi	62/35.01QT	QTKD	10/02/2006	2.66	88	Khá	
2097	Vũ Minh Đức	62/35.01QT	QTKD	07/08/2006	3.18	88	Khá	
2098	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	62/35.01QT	QTKD	13/01/2006	3.14	85	Khá	
2099	Vũ Hoàng Hải	62/35.01QT	QTKD	15/07/2006	2.59	82	Khá	
2100	Nguyễn Quang Minh	62/35.01QT	QTKD	25/06/2006	2.57	88	Khá	
2101	Nguyễn Ngọc Ánh	62/35.01QT	QTKD	30/10/2006	2.55	82	Khá	
2102	Ngô Phương Tú	62/35.02QT	QTKD	15/03/2006	2.77	85	Khá	
2103	Trịnh Khánh Nam	62/35.02QT	QTKD	13/09/2006	3.00	86	Khá	
2104	Phạm Quỳnh Trang	62/35.02QT	QTKD	29/07/2006	2.84	88	Khá	
2105	Vũ Huyền Trang	62/35.02QT	QTKD	07/08/2006	3.07	89	Khá	
2106	Vũ Khánh Huyền	62/35.02QT	QTKD	25/09/2006	3.14	89	Khá	
2107	Hồ Thị Thùy Linh	62/35.02QT	QTKD	10/06/2006	3.00	89	Khá	
2108	Nguyễn Việt Khánh	62/35.02QT	QTKD	02/12/2006	3.18	88	Khá	
2109	Phạm Hải Quỳnh	62/35.02QT	QTKD	24/10/2006	2.55	87	Khá	
2110	Nguyễn Anh Thư	63.03.01	QTKD	19/11/2007	2.62	84	Khá	
2111	Ngô Minh Huyền	63.03.01	QTKD	08/04/2007	2.77	85	Khá	
2112	Chu Phương Anh	63.03.01	QTKD	20/10/2007	3.00	82	Khá	
2113	Nguyễn Thị Lan Anh	63.03.01	QTKD	26/03/2007	2.69	82	Khá	
2114	Phùng Diệu Linh	63.03.01	QTKD	03/07/2007	2.88	85	Khá	
2115	Vũ Hà Trang	63.03.01	QTKD	02/03/2007	3.04	83	Khá	
2116	Trần Nhật Đức	63.03.01	QTKD	23/11/2007	2.92	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2117	Bùi Đức Thuận	63.03.01	QTKD	06/11/2007	2.85	85	Khá	
2118	Võ Lê Vi Thảo	63.03.01	QTKD	25/02/2007	2.50	83	Khá	
2119	Lê Huy Sơn	63.03.01	QTKD	11/01/2007	2.77	83	Khá	
2120	Nguyễn Huyền Trang	63.03.01	QTKD	16/09/2007	2.50	82	Khá	
2121	Đào Nguyễn Hà Vy	63.03.01	QTKD	13/11/2007	2.92	83	Khá	
2122	Nguyễn Minh Anh	63.03.01	QTKD	03/02/2007	2.88	85	Khá	
2123	Mai Huyền Trang	63.03.01	QTKD	04/12/2007	3.15	82	Khá	
2124	Nguyễn Minh Quang	63.03.01	QTKD	26/02/2007	3.12	82	Khá	
2125	Phạm Thái Thịnh	63.03.01	QTKD	25/07/2007	2.62	82	Khá	
2126	Nguyễn Phú Thanh	63.03.01	QTKD	20/06/2007	2.50	82	Khá	
2127	Chu Đoàn Diệp Linh	63.03.01	QTKD	02/01/2007	3.12	84	Khá	
2128	Vương Huyền Mai	63.03.01	QTKD	24/06/2007	2.69	85	Khá	
2129	Đặng Duệ Trí	63.03.01	QTKD	28/06/2007	2.81	88	Khá	
2130	Trần Anh Vũ	63.03.01	QTKD	01/07/2007	3.04	83	Khá	
2131	Nguyễn Hoàng Gia Linh	63.03.01	QTKD	28/08/2007	3.27	78	Khá	
2132	Đào Ngọc Hà	63.03.01	QTKD	29/12/2007	2.92	82	Khá	
2133	Trần Quang Thanh	63.03.01QT.01	QTKD	02/06/2007	3.08	82	Khá	
2134	Phạm Tuấn Anh	63.03.01QT.01	QTKD	04/08/2007	3.13	82	Khá	
2135	Phạm Hữu Phúc	63.03.01QT.01	QTKD	30/11/2007	2.92	82	Khá	
2136	Lê Minh Đức	63.03.01QT.02	QTKD	30/11/2007	3.08	83	Khá	
2137	Đinh Đức Anh	63.03.01QT.02	QTKD	07/10/2007	3.13	88	Khá	
2138	Nguyễn Thành Trung	63.03.01QT.02	QTKD	01/11/2007	3.08	83	Khá	
2139	Đào Ánh Dương	63.03.01QT.02	QTKD	01/07/2007	3.04	86	Khá	
2140	Nguyễn Bảo Hân	63.03.01QT.02	QTKD	15/03/2007	2.54	85	Khá	
2141	Nguyễn Đức Duy	63.03.01QT.02	QTKD	02/12/2007	3.00	82	Khá	
2142	Phạm Thị Khánh Chi	63.03.01QT.03	QTKD	02/11/2007	3.04	88	Khá	
2143	Lê Uyên Nhi	63.03.01QT.03	QTKD	04/02/2007	2.83	82	Khá	
2144	Lê Thị Ngọc Trâm	63.03.01QT.03	QTKD	17/01/2007	2.54	82	Khá	
2145	Nguyễn Thị Đan Lê	63.03.01QT.03	QTKD	06/07/2007	2.71	84	Khá	
2146	Hà Thuỳ Linh	63.03.01QT.03	QTKD	02/07/2007	3.04	82	Khá	
2147	Kim Ngọc Diệu	63.03.01QT.03	QTKD	10/12/2007	3.04	82	Khá	
2148	Dương Bá Đăng	63.03.01QT.03	QTKD	04/05/2007	2.83	83	Khá	
2149	Đỗ Thị Ngọc Nhi	63.03.01QT.03	QTKD	23/06/2007	2.63	83	Khá	
2150	Nguyễn Đăng Huy	63.03.01QT.04	QTKD	26/02/2007	2.79	84	Khá	
2151	Phạm Tuấn Hưng	63.03.01QT.04	QTKD	04/06/2007	2.83	84	Khá	
2152	Ngô Bảo Châu	63.03.01QT.04	QTKD	20/08/2007	2.67	86	Khá	
2153	Lê Ngọc Bích	63.03.01QT.04	QTKD	10/03/2007	2.67	86	Khá	
2154	Bùi Thị Mai Anh	63.03.01QT.04	QTKD	14/01/2007	3.17	86	Khá	
2155	Nguyễn Đức Mạnh	63.03.01QT.04	QTKD	04/09/2007	2.50	84	Khá	
2156	Phạm Thị Vân Anh	63.03.01QT.04	QTKD	15/09/2007	2.58	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2157	Trần Hải Đăng	63.03.01QT.04	QTKD	25/10/2007	2.50	83	Khá	
2158	Hà Văn Phong	63.03.01QT.04	QTKD	22/01/2007	3.08	89	Khá	
2159	Hoàng Thị Khánh Linh	63.03.01QT.04	QTKD	26/04/2007	2.58	83	Khá	
2160	Lê Bảo Ngân	63.03.01QT.04	QTKD	09/12/2007	3.04	83	Khá	
2161	Vũ Thị Như Quỳnh	63.03.01QT.04	QTKD	19/04/2007	2.75	83	Khá	
2162	Đặng Như Quỳnh	63.03.01QT.04	QTKD	15/11/2007	2.58	84	Khá	
2163	Vũ Mai Anh	63.03.02	QTKD	25/12/2007	2.85	82	Khá	
2164	Vũ Thị Minh Thư	63.03.02	QTKD	23/09/2007	3.15	85	Khá	
2165	Phạm Trà My	63.03.02	QTKD	13/12/2007	2.81	85	Khá	
2166	Nguyễn Thị Thùy Linh	63.03.02	QTKD	04/07/2007	3.12	83	Khá	
2167	Nguyễn Hoàng Dung	63.03.02	QTKD	12/03/2007	2.50	86	Khá	
2168	Nguyễn Văn Duy Anh	63.03.02	QTKD	09/12/2007	2.88	83	Khá	
2169	Lương Tuấn Nghĩa	63.03.02	QTKD	10/03/2007	2.92	82	Khá	
2170	Phạm Phương Thảo	63.03.02	QTKD	25/07/2007	2.92	85	Khá	
2171	Nguyễn Đặng Bảo Ngọc	63.03.02	QTKD	10/12/2007	2.88	82	Khá	
2172	Nguyễn Ngọc Mai	63.03.02	QTKD	01/11/2007	3.08	87	Khá	
2173	Cao Quỳnh Anh	63.03.02	QTKD	19/10/2007	2.73	85	Khá	
2174	Đậu Thị Mai Linh	63.03.02	QTKD	22/04/2007	2.77	88	Khá	
2175	Đặng Thị Hiền Lương	63.03.02	QTKD	29/04/2007	3.19	83	Khá	
2176	Đặng Trà My	63.03.02	QTKD	11/02/2007	3.04	84	Khá	
2177	Nguyễn Văn Ngọc	63.03.02	QTKD	21/06/2007	2.54	83	Khá	
2178	Đào Phương Anh	63.03.02	QTKD	27/07/2007	3.15	88	Khá	
2179	Nguyễn Thị Phương Anh	63.03.03	QTKD	20/05/2006	2.54	84	Khá	
2180	Bùi Tiến Đạt	63.03.03	QTKD	03/12/2007	3.15	82	Khá	
2181	Phạm Thị Huyền Trâm	63.03.03	QTKD	02/05/2007	2.81	85	Khá	
2182	Nguyễn Thùy Linh	63.03.03	QTKD	22/02/2007	3.15	85	Khá	
2183	Nguyễn Thị Hồng Hảo	63.03.03	QTKD	01/04/2007	3.15	89	Khá	
2184	Nguyễn Phương Thùy Dương	63.03.03	QTKD	26/02/2007	2.81	85	Khá	
2185	Trần Ngọc Linh	63.03.03	QTKD	05/01/2007	2.85	84	Khá	
2186	Mai Phương Thảo	63.03.03	QTKD	17/07/2007	2.88	89	Khá	
2187	Bùi Hoàng Ngọc Huy	63.03.03	QTKD	01/11/2007	3.15	82	Khá	
2188	Vũ Minh Châu	63.03.03	QTKD	14/04/2007	2.58	82	Khá	
2189	Đỗ Thu Hiền	63.03.03	QTKD	18/05/2007	3.08	83	Khá	
2190	Trần Thị Phương Anh	63.03.03	QTKD	14/11/2007	3.08	82	Khá	
2191	Nguyễn Thu Uyên	63.03.03	QTKD	20/10/2007	3.15	84	Khá	
2192	Phạm Quốc Bảo	63.03.03	QTKD	26/11/2007	2.96	82	Khá	
2193	Nguyễn Thị Minh Anh	63.03.03	QTKD	21/12/2007	2.88	86	Khá	
2194	Bùi Huyền My	63.03.03	QTKD	26/05/2007	2.54	82	Khá	
2195	Nguyễn Thị Huyền Trang	63.03.03	QTKD	08/08/2007	2.81	88	Khá	
2196	Lê Ngọc Khánh Ly	63.03.03	QTKD	26/03/2007	2.81	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2197	Dương Thị Đào	63.03.04	QTKD	27/07/2007	2.92	85	Khá	
2198	Đặng Thị Khánh Ngọc	63.03.04	QTKD	20/10/2007	2.85	88	Khá	
2199	Nguyễn Quốc Anh	63.03.04	QTKD	06/04/2007	2.81	84	Khá	
2200	Nguyễn Trang Mây	63.03.04	QTKD	29/03/2007	2.85	86	Khá	
2201	Nghiêm Thị Thu Uyên	63.03.04	QTKD	07/10/2007	2.88	85	Khá	
2202	Đinh Hoài Linh	63.03.04	QTKD	21/01/2007	2.96	84	Khá	
2203	Mai Phương Thảo	63.03.04	QTKD	18/08/2007	3.00	91	Khá	
2204	Phạm Lê Hoài Thu	63.03.04	QTKD	30/01/2007	2.85	85	Khá	
2205	Lê Hà Uyên Nhi	63.03.04	QTKD	18/06/2006	2.65	85	Khá	
2206	Mai Xuân Hải	63.03.04	QTKD	04/07/2006	2.73	83	Khá	
2207	Lê Quỳnh Chi	63.03.04	QTKD	23/03/2007	3.08	83	Khá	
2208	Dương Minh Hoàng	63.03.04	QTKD	29/03/2007	3.00	84	Khá	
2209	Nguyễn Thị Minh Thư	63.03.04	QTKD	30/06/2007	3.15	82	Khá	
2210	Phan Thế Quyền	63.03.04	QTKD	17/02/2007	2.50	82	Khá	
2211	Dương Gia Huy	63.03.04	QTKD	09/11/2007	2.77	83	Khá	
2212	Nguyễn Trung Anh	63.11.01.01	QTKD	30/10/2007	3.15	88	Khá	
2213	Nguyễn Thị Lan Anh	63.11.01.01	QTKD	08/12/2007	2.92	86	Khá	
2214	Phạm Tuấn Anh	63.11.01.01	QTKD	18/02/2007	3.08	83	Khá	
2215	Nguyễn Lê Bảo Trâm	63.11.01.01	QTKD	28/09/2007	2.88	88	Khá	
2216	Nguyễn Đoàn Duy Anh	63.11.01.01	QTKD	04/11/2007	2.85	84	Khá	
2217	Lưu Việt Long	63.11.01.01	QTKD	08/04/2007	3.19	84	Khá	
2218	Trần Ngọc Quang	63.11.01.01	QTKD	01/07/2007	2.77	84	Khá	
2219	Nguyễn Linh Tâm	63.11.01.01	QTKD	02/01/2007	2.85	84	Khá	
2220	Phạm Thị Xương Diệp	63.11.01.02	QTKD	21/01/2007	2.92	83	Khá	
2221	Hoàng Hoài An	63.11.01.02	QTKD	24/05/2007	3.00	88	Khá	
2222	Nguyễn Việt Tiến	63.11.01.02	QTKD	15/06/2007	2.88	88	Khá	
2223	Hà Thị Kiều Trang	63.11.01.02	QTKD	10/01/2007	3.19	88	Khá	
2224	Nguyễn Thị Hương	63.11.01.02	QTKD	24/03/2007	2.88	83	Khá	
2225	Đinh Thị Cẩm Tú	63.11.01.03	QTKD	19/06/2007	3.08	84	Khá	
2226	Trần Ngọc Quỳnh	63.11.01.03	QTKD	08/05/2007	3.08	83	Khá	
2227	Mai Nam Khánh	63.11.01.03	QTKD	17/04/2007	3.04	83	Khá	
2228	Nguyễn Cao Hiếu	63.11.01.03	QTKD	01/11/2007	3.04	82	Khá	
2229	Nguyễn Bảo Anh	63.11.01.03	QTKD	08/12/2007	3.00	84	Khá	
2230	Đoàn Thảo Anh	63.11.01.03	QTKD	08/12/2007	2.96	87	Khá	
2231	Nguyễn Tuấn Thành	63.11.01.03	QTKD	02/02/2007	3.19	83	Khá	
2232	Nguyễn Thị Vy	63.11.01.03	QTKD	16/07/2007	3.00	83	Khá	
2233	Trần Thị Thanh Lượng	63.11.01.03	QTKD	12/03/2007	2.69	83	Khá	
2234	Trần Thị Anh Thư	63.11.01.03	QTKD	07/12/2007	2.65	86	Khá	
2235	Vũ Ngọc Bảo Châm	63.11.01.03	QTKD	04/12/2007	3.15	82	Khá	
2236	Đỗ Kiều Oanh	63.11.01.03	QTKD	28/01/2007	3.12	86	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2237	Nguyễn Khánh Nhi	63.11.01.03	QTKD	28/02/2007	3.08	86	Khá	
2238	Nguyễn Thị Hạ Uyên	63.11.01.03	QTKD	18/08/2007	3.15	85	Khá	
2239	Nguyễn Nam Hải	63.11.01.04	QTKD	24/10/2007	3.08	86	Khá	
2240	Hồ Ngọc Trâm	63.11.01.04	QTKD	13/02/2007	3.19	82	Khá	
2241	Hoàng Vĩ Tâm	63.11.01.04	QTKD	21/11/2006	2.65	83	Khá	
2242	Ngô Quang Hưng	63.11.01.04	QTKD	12/10/2007	3.08	84	Khá	
2243	Ninh Thị Hồng Diệp	63.11.01.04	QTKD	14/03/2007	3.15	83	Khá	
2244	Bùi Hà Thư	63.11.01.04	QTKD	11/01/2007	2.92	84	Khá	
2245	Bùi Đức Ký	63.11.01.04	QTKD	23/03/2007	2.96	83	Khá	
2246	Lê Thị Quỳnh	63.11.01.04	QTKD	02/06/2007	2.92	82	Khá	
2247	Lê Trần Thanh Hằng	63.11.01.04	QTKD	29/08/2007	2.92	88	Khá	
2248	Lưu Thanh Giang	63.11.01.04	QTKD	06/12/2006	3.04	86	Khá	
2249	Quách Minh Châu	63.11.02QT.01	QTKD	12/08/2007	2.92	85	Khá	
2250	Nguyễn Anh Hào	63.11.02QT.01	QTKD	04/06/2007	2.88	85	Khá	
2251	Nguyễn Ngọc Tuấn Tú	63.11.02QT.01	QTKD	27/08/2007	2.92	83	Khá	
2252	Lê Chí Thành	63.11.02QT.01	QTKD	02/07/2007	2.58	86	Khá	
2253	Bùi Tùng Lâm	63.11.02QT.01	QTKD	11/04/2007	3.15	82	Khá	
2254	Tạ Văn Thái	63.11.02QT.01	QTKD	26/07/2007	2.88	83	Khá	
2255	Nguyễn Quang Anh	63.11.02QT.01	QTKD	07/04/2007	3.15	83	Khá	
2256	Đinh Đức Lâm	63.11.02QT.01	QTKD	11/07/2007	2.65	83	Khá	
2257	Ngô Hạnh Nguyên	63.11.02QT.01	QTKD	16/08/2007	3.00	82	Khá	
2258	Hoàng Thị Thu Giang	63.11.02QT.01	QTKD	05/02/2007	3.12	84	Khá	
2259	Hoàng Ngọc Khánh Linh	63.11.02QT.01	QTKD	12/01/2007	2.85	82	Khá	
2260	Bùi Đức Minh	63.11.02QT.01	QTKD	17/12/2007	2.88	83	Khá	
2261	Vũ Đan Lê	63.11.02QT.02	QTKD	04/11/2007	2.88	84	Khá	
2262	Đỗ Đức Khôi	63.11.02QT.02	QTKD	26/10/2007	3.04	82	Khá	
2263	Trần Thuỳ Trang	63.11.02QT.02	QTKD	13/05/2007	2.88	84	Khá	
2264	Đỗ Duy Hải	63.11.02QT.02	QTKD	17/01/2007	3.04	86	Khá	
2265	Dương Gia Phong	63.11.02QT.02	QTKD	27/05/2007	2.54	84	Khá	
2266	Nguyễn Hoài Phong	63.11.02QT.02	QTKD	15/11/2005	3.04	84	Khá	
2267	Nguyễn Phương Thùy	63.11.02QT.02	QTKD	16/03/2007	2.88	88	Khá	
2268	Trần Nhã Phương	63.11.02QT.02	QTKD	25/08/2007	3.04	85	Khá	
2269	Lê Hà Anh	63.11.02QT.02	QTKD	03/05/2007	2.65	88	Khá	
2270	Phạm Huy Sơn	63.11.02QT.02	QTKD	05/11/2007	3.04	84	Khá	
2271	Trần Khánh Vi	63.11.02QT.02	QTKD	13/10/2007	3.00	84	Khá	
2272	Nguyễn Bảo Lam	63.11.02QT.02	QTKD	01/09/2007	2.77	85	Khá	
2273	Nguyễn Vũ Anh Quân	63.11.02QT.02	QTKD	13/03/2007	3.04	86	Khá	
2274	Hoàng Lê Bảo Ngọc	63.11.02QT.03	QTKD	11/11/2007	2.96	83	Khá	
2275	Nguyễn Thị Ngọc Khanh	63.11.02QT.03	QTKD	30/03/2007	2.96	82	Khá	
2276	Lê Việt Hưng	63.11.02QT.03	QTKD	11/06/2007	3.12	86	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2277	Trần Trung Kiên	63.11.02QT.03	QTKD	18/06/2007	3.12	83	Khá	
2278	Nghiêm Chí Dũng	63.11.02QT.03	QTKD	18/10/2007	2.88	82	Khá	
2279	Nguyễn Thanh Hiền	63.11.02QT.03	QTKD	04/03/2007	2.69	85	Khá	
2280	Trần Tiến Hải	63.11.02QT.03	QTKD	07/11/2007	3.04	82	Khá	
2281	Hoàng Thiện Nhi	63.11.02QT.03	QTKD	15/08/2007	3.19	82	Khá	
2282	Vũ Trần Nam Khánh	63.11.02QT.03	QTKD	19/08/2007	3.19	82	Khá	
2283	Hoàng Đức Anh	63.11.02QT.03	QTKD	08/12/2007	3.08	82	Khá	
2284	Nguyễn Đức Anh	63.11.02QT.03	QTKD	19/11/2007	2.77	82	Khá	
2285	Ngô Đoàn Hương Linh	63.11.02QT.03	QTKD	26/06/2007	3.00	83	Khá	
2286	Trần Nguyễn Khôi Nguyên	63.11.02QT.03	QTKD	22/10/2007	2.65	82	Khá	
2287	Trần Hồng Ánh	63.11.02QT.03	QTKD	14/12/2007	2.88	82	Khá	
2288	Nguyễn Trầm Minh Anh	63.11.02QT.03	QTKD	27/01/2007	3.12	85	Khá	
2289	Hà Linh Nhi	63.11.02QT.03	QTKD	21/01/2007	2.65	82	Khá	
2290	Trần Vũ Long	63.11.02QT.04	QTKD	07/08/2007	3.00	82	Khá	
2291	Vũ Thái Thành	63.11.02QT.04	QTKD	20/09/2007	3.00	83	Khá	
2292	Dương Thu Phương	63.11.02QT.04	QTKD	19/11/2007	2.85	85	Khá	
2293	Nguyễn Hà Anh	63.11.02QT.04	QTKD	06/02/2007	3.12	82	Khá	
2294	Phạm Khánh Vy	63.11.02QT.04	QTKD	23/05/2007	3.04	86	Khá	
2295	Nguyễn Trà My	63.11.02QT.04	QTKD	24/09/2007	2.81	82	Khá	
2296	Nguyễn Mai Linh	63.11.02QT.04	QTKD	03/02/2007	3.08	86	Khá	
2297	Nguyễn Như Bảo Châu	63.11.02QT.04	QTKD	21/11/2007	2.92	82	Khá	
2298	Nguyễn Minh Châu	63.11.02QT.04	QTKD	27/10/2007	3.00	84	Khá	
2299	Bạch Bảo Duy	63.11.02QT.04	QTKD	04/11/2007	2.92	82	Khá	
2300	Trần Công Thành	63.11.02QT.04	QTKD	21/11/2007	2.96	82	Khá	
2301	Trần Thanh Thư	63.11.02QT.04	QTKD	03/11/2007	3.19	82	Khá	
2302	Đỗ Nguyễn Huyền Trang	63.11.02QT.04	QTKD	13/12/2007	2.96	84	Khá	
2303	Phí Xuân Hoàng	63.11.02QT.05	QTKD	11/01/2007	3.00	83	Khá	
2304	Phạm Ngọc Báu	63.11.02QT.05	QTKD	01/01/2007	2.62	83	Khá	
2305	Phạm Anh Thư	63.11.02QT.05	QTKD	03/04/2007	2.50	83	Khá	
2306	Lê Yến Nhi	63.11.02QT.05	QTKD	01/01/2006	3.04	84	Khá	
2307	Hà Kiều Anh	63.11.02QT.05	QTKD	17/04/2007	2.62	88	Khá	
2308	Vương Diễm Quỳnh	63.11.02QT.05	QTKD	14/02/2006	2.85	88	Khá	
2309	Nguyễn Minh Thúy	63.11.02QT.05	QTKD	03/12/2007	2.58	88	Khá	
2310	Vương Thị Tuyết Trinh	63.11.02QT.05	QTKD	01/10/2007	2.81	88	Khá	
2311	Bùi Thị Khánh Huyền	63.11.02QT.05	QTKD	13/05/2007	2.65	82	Khá	
2312	Bùi Bảo Trân	63.11.02QT.05	QTKD	21/10/2007	3.19	84	Khá	
2313	Nguyễn Hà Vy	63.11.02QT.05	QTKD	03/03/2007	2.69	82	Khá	
2314	Phan Phương Anh	63.11.02QT.05	QTKD	18/03/2007	2.81	88	Khá	
2315	Phùng Thị Lan Hương	63.11.02QT.05	QTKD	29/08/2006	2.96	82	Khá	
2316	Nguyễn Thị Thanh Tâm	63.11.02QT.05	QTKD	20/02/2007	2.77	88	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2317	Đặng Thị Minh Anh	63.11.02QT.05	QTKD	06/11/2007	3.08	84	Khá	
2318	Phạm Thị Như Quỳnh	63.11.02QT.05	QTKD	01/09/2007	2.92	86	Khá	
2319	Hoàng Hải Anh	63.11.02QT.06	QTKD	11/10/2007	2.58	82	Khá	
2320	Nguyễn Ngọc Linh	63.11.02QT.06	QTKD	02/01/2007	2.85	88	Khá	
2321	Nguyễn Thị Yến Vi	63.11.02QT.06	QTKD	03/04/2007	2.92	82	Khá	
2322	Lê Huy Nhất	63.11.02QT.06	QTKD	16/03/2007	3.12	82	Khá	
2323	Đàm Thùy Trang	63.11.02QT.06	QTKD	05/09/2007	2.73	88	Khá	
2324	Hoàng Thị Kiều Trinh	63.11.02QT.06	QTKD	12/02/2007	2.65	82	Khá	
2325	Trần Mai Giang	63.11.02QT.06	QTKD	19/03/2007	2.92	83	Khá	
2326	Bùi Sỹ Chiến	63.11.02QT.06	QTKD	26/06/2007	2.58	85	Khá	
2327	Đỗ Phan Thùy Linh	63.11.02QT.06	QTKD	27/08/2007	3.12	88	Khá	
2328	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	63.11.02QT.06	QTKD	24/09/2007	2.85	82	Khá	
2329	Vũ Minh Quang	63.11.02QT.06	QTKD	12/01/2007	2.92	88	Khá	
2330	Lê Việt Hà	63.11.02QT.06	QTKD	02/01/2007	2.73	88	Khá	
2331	Quang Phương Anh	63.11.02QT.06	QTKD	18/11/2007	2.85	82	Khá	
2332	Nguyễn Thị Hồng Nhung	63.11.02QT.07	QTKD	19/12/2007	3.15	89	Khá	
2333	Nguyễn Phương Dung	63.11.02QT.07	QTKD	24/05/2007	3.08	88	Khá	
2334	Nguyễn Anh Thư	63.11.02QT.07	QTKD	28/02/2007	2.81	82	Khá	
2335	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	63.11.02QT.07	QTKD	29/06/2007	3.19	83	Khá	
2336	Trần Thị Thu Quyên	63.11.02QT.07	QTKD	12/02/2007	2.69	85	Khá	
2337	Hoàng Hà Phương	63.11.02QT.07	QTKD	27/10/2007	2.96	85	Khá	
2338	Bùi Tuấn Đạt	63.11.02QT.07	QTKD	03/11/2007	3.12	84	Khá	
2339	Nguyễn Hoài Ngọc Anh	63.11.02QT.07	QTKD	19/06/2007	2.88	84	Khá	
2340	Lương Thị Tú Tâm	63.11.02QT.07	QTKD	15/10/2007	3.15	87	Khá	
2341	Đặng Huyền Trâm	63.11.02QT.07	QTKD	07/09/2007	2.58	84	Khá	
2342	Nguyễn Khánh Linh	63.11.02QT.07	QTKD	01/05/2007	2.92	89	Khá	
2343	Trần Thị Kiều Chinh	63.11.02QT.07	QTKD	01/10/2007	3.19	85	Khá	
2344	Trần Tiến Dũng	63.11.02QT.07	QTKD	07/01/2007	2.85	89	Khá	
2345	Nguyễn Tường Nhi	63.11.02QT.07	QTKD	30/08/2007	2.96	84	Khá	
2346	Nguyễn Thành Trung	63.11.02QT.07	QTKD	06/07/2007	2.85	83	Khá	
2347	Hà Quỳnh Anh	63.11.02QT.07	QTKD	10/07/2007	2.65	82	Khá	
2348	Nguyễn Thị Khánh Huyền	63.11.02QT.08	QTKD	20/04/2007	2.54	89	Khá	
2349	Phạm Vũ Linh Đan	63.11.02QT.08	QTKD	08/07/2007	3.19	88	Khá	
2350	Đặng Trà My	63.11.02QT.08	QTKD	23/05/2007	2.58	86	Khá	
2351	Đỗ Hồng Ân	63.11.02QT.08	QTKD	26/06/2007	2.62	87	Khá	
2352	Vương Thị Tuyết	63.11.02QT.08	QTKD	19/07/2007	2.92	86	Khá	
2353	Lê Phương Mai	63.11.02QT.08	QTKD	13/07/2007	2.96	83	Khá	
2354	Nguyễn Ngọc Linh	63.11.02QT.08	QTKD	09/08/2007	3.19	86	Khá	
2355	Nguyễn Thị Anh Thơ	63.11.02QT.08	QTKD	14/07/2007	2.73	86	Khá	
2356	Trần Hoàng Phương Trang	63.11.02QT.08	QTKD	15/11/2007	2.73	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2357	Trịnh Thị Kim Thư	63.11.02QT.08	QTKD	04/05/2007	2.88	84	Khá	
2358	Tạ Việt Hưng	63.11.02QT.08	QTKD	12/04/2007	3.12	84	Khá	
2359	Trương Quang Hưng	63.11.02QT.08	QTKD	02/08/2007	3.04	89	Khá	
2360	Đặng Thị Tuyết Mai	63.11.02QT.08	QTKD	22/02/2007	2.58	88	Khá	
2361	Đặng Thị Trà My	63.11.02QT.08	QTKD	28/07/2007	2.69	85	Khá	
2362	Phạm Thị Ngọc Khánh	63.11.02QT.08	QTKD	24/01/2007	2.85	85	Khá	
2363	Đỗ Thị Huyền Trang	63.11.02QT.08	QTKD	24/01/2007	2.96	84	Khá	
2364	Ngôn Trung Kiên	60/01.01	TCC	23/11/2004	2.98	82	Khá	
2365	Bùi Thanh Đức	60/01.01	TCC	02/04/2003	2.90	81	Khá	
2366	Lương Minh Trang	60/01.01	TCC	14/02/2004	2.95	82	Khá	
2367	Nguyễn Văn Đại	60/01.01	TCC	13/04/2004	3.03	86	Khá	
2368	Quách Hồng Ngọc	60/01.01	TCC	16/06/2004	2.78	82	Khá	
2369	Nguyễn Tiến Dũng	60/01.01	TCC	10/11/2004	2.93	84	Khá	
2370	Phạm Ngọc Minh	60/01.01	TCC	26/12/2004	2.68	83	Khá	
2371	Nguyễn Trung Nghĩa	60/01.02	TCC	29/05/2004	3.13	84	Khá	
2372	Vũ Quang Huy	60/01.02	TCC	22/12/2004	3.10	82	Khá	
2373	Nguyễn Trọng Gia Bảo	60/01.02	TCC	30/09/2004	3.10	83	Khá	
2374	Nguyễn Đức Hoàng	60/01.02	TCC	11/10/2004	3.15	82	Khá	
2375	Vũ Đình Hiếu	60/01.02	TCC	07/08/2004	2.83	84	Khá	
2376	Trương Thị Hiền	60/01.02	TCC	13/10/2004	3.03	83	Khá	
2377	Đoàn Thị Thanh Trà	60/01.02	TCC	17/03/2003	2.68	83	Khá	
2378	Tạ Hồng Ngọc	60/01.02	TCC	18/12/2003	3.03	84	Khá	
2379	Phạm Quang Hưng	60/18.01	TCC	11/08/2004	2.68	83	Khá	
2380	Trần Thị Kim Oanh	60/18.01	TCC	14/10/2004	3.03	82	Khá	
2381	Phùng Phương Uyên	60/18.01	TCC	15/10/2004	2.87	83	Khá	
2382	Doãn Thị Hải Quyên	60/18.01	TCC	01/01/2003	3.05	82	Khá	
2383	Vũ Phan Hà Vân	60/18.02	TCC	10/12/2004	2.84	83	Khá	
2384	Nguyễn Mai Phương	60/18.02	TCC	25/12/2004	2.58	82	Khá	
2385	Nguyễn Thu Hằng	60/18.02	TCC	24/04/2004	2.92	87	Khá	
2386	Nguyễn Cảnh Tùng	60/18.02	TCC	26/02/2004	3.11	83	Khá	
2387	Đỗ Quý Quỳnh Mai	60/18.02	TCC	11/07/2004	2.84	82	Khá	
2388	Đinh Quang Minh	60/23.01	TCC	15/07/2004	2.80	82	Khá	
2389	Mai Thị Như Hoa	60/23.02	TCC	08/01/2004	3.15	84	Khá	
2390	Lê Thị Mai Anh	60/23.02	TCC	02/09/2004	2.95	83	Khá	
2391	Hứa Lại Quốc Nhật	60/23.02	TCC	26/09/2003	3.08	83	Khá	
2392	Nguyễn Thu Giang	60/23.02	TCC	06/04/2004	3.05	85	Khá	
2393	Nguyễn Thu Ngân	60/23.02	TCC	05/01/2004	3.08	82	Khá	
2394	Trần Thị Phương Anh	60/23.02	TCC	30/12/2003	3.05	82	Khá	
2395	Nguyễn Hưng Thịnh	61/01.01	TCC	30/12/2005	3.03	86	Khá	
2396	Đinh Văn Nghĩa	61/01.01	TCC	12/07/2003	2.68	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2397	Nông Hải Yến	61/01.01	TCC	19/07/2004	2.83	83	Khá	
2398	Nguyễn Tấn Hùng	61/01.01	TCC	19/12/2005	2.93	82	Khá	
2399	Nguyễn Quang Bảo	61/01.01	TCC	19/08/2005	2.50	83	Khá	
2400	Bùi Doãn Thành	61/01.01	TCC	08/06/2005	2.75	83	Khá	
2401	Đặng Thùy Linh	61/01.01	TCC	07/09/2005	2.75	83	Khá	
2402	Vũ Ngọc Thạch	61/01.01	TCC	26/11/2005	3.03	83	Khá	
2403	Hoàng Vũ Dũng	61/01.02	TCC	31/12/2005	2.53	84	Khá	
2404	Hoàng Anh Vũ	61/01.02	TCC	05/10/2005	2.53	84	Khá	
2405	Nguyễn Lê Thái	61/01.02	TCC	07/12/2004	2.85	84	Khá	
2406	Nguyễn Thị Yến Nhi	61/01.02	TCC	14/01/2005	3.10	83	Khá	
2407	Nguyễn Thành Lâm	61/01.02	TCC	04/01/2005	2.73	85	Khá	
2408	Vy Như Bình	61/01.02	TCC	21/12/2005	2.98	83	Khá	
2409	Vũ Thu Hà	61/01.02	TCC	03/01/2005	3.18	84	Khá	
2410	Hoàng Hà Vy	61/01.03	TCC	08/11/2004	2.88	83	Khá	
2411	Phạm Nguyễn Bảo Anh	61/01.03	TCC	30/01/2005	2.85	85	Khá	
2412	Trần Bảo Linh	61/01.03	TCC	17/06/2005	2.55	83	Khá	
2413	Đặng Ngọc Anh	61/01.03	TCC	24/07/2005	2.90	88	Khá	
2414	Nguyễn Hoàng Sơn	61/01.03	TCC	29/05/2005	2.85	83	Khá	
2415	Phạm Đức Minh	61/01.03	TCC	05/01/2005	3.18	83	Khá	
2416	Hoàng Lê Thu Trang	61/01.03	TCC	07/04/2005	3.18	93	Khá	
2417	Nguyễn Thị Yến	61/01.04	TCC	30/03/2005	2.68	83	Khá	
2418	Trần Quang Anh	61/01.04	TCC	05/10/2005	2.73	85	Khá	
2419	Vũ Thế Hoàng	61/01.04	TCC	04/05/2005	3.10	84	Khá	
2420	Hoàng Anh Đức	61/01.04	TCC	31/01/2005	2.65	83	Khá	
2421	Đỗ Minh Ngọc	61/18.01	TCC	06/09/2005	2.61	84	Khá	
2422	Kiều Duy Anh	61/18.01	TCC	15/09/2005	3.03	83	Khá	
2423	Hoàng Anh	61/18.01	TCC	01/08/2005	3.00	88	Khá	
2424	Hoàng Xuân Lộc	61/18.01	TCC	26/10/2004	2.71	84	Khá	
2425	Nguyễn Anh Tuấn	61/18.01	TCC	16/01/2005	2.79	84	Khá	
2426	Nguyễn Anh Xuân Tùng	61/18.02	TCC	18/11/2005	2.74	86	Khá	
2427	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	61/18.02	TCC	11/08/2005	3.05	83	Khá	
2428	Vũ Khánh Linh	61/18.02	TCC	06/02/2005	2.53	83	Khá	
2429	Hoàng Lan Anh	61/18.02	TCC	06/06/2005	3.03	84	Khá	
2430	Trần Hoàng Hải	61/18.02	TCC	07/11/2005	2.66	87	Khá	
2431	Hoàng Tuấn Anh	61/23.01	TCC	03/10/2005	3.17	85	Khá	
2432	Nguyễn Lê Thanh	61/23.01	TCC	04/12/2005	3.19	91	Khá	
2433	Nguyễn Thu Hà	61/23.01	TCC	14/09/2005	2.83	83	Khá	
2434	Hoàng Ánh Dương	61/23.01	TCC	10/07/2005	2.89	83	Khá	
2435	Vũ Hoàng Yến Nhi	61/23.01	TCC	21/06/2005	2.94	86	Khá	
2436	Ngô Đức Việt	61/23.01	TCC	03/06/2004	2.58	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2437	Phạm Quang Hưng	61/23.01	TCC	23/01/2005	3.14	85	Khá	
2438	Nguyễn Bảo Ngọc	61/23.02	TCC	24/02/2005	3.00	83	Khá	
2439	Đinh Hồng Hạnh	61/23.02	TCC	08/01/2005	2.61	85	Khá	
2440	Hoàng Hà Vy	61/23.02	TCC	10/04/2005	2.50	87	Khá	
2441	Nguyễn Khánh Ly	61/23.02	TCC	18/02/2005	2.83	86	Khá	
2442	Mai Quang Huy	61/23.02	TCC	17/11/2005	3.00	85	Khá	
2443	Đào Thị Phương Hoa	61/23.02	TCC	16/01/2005	2.72	83	Khá	
2444	Nguyễn Tuấn Anh	62/01.01	TCC	20/07/2006	3.10	84	Khá	
2445	Trần Phương Linh	62/01.01	TCC	22/11/2006	3.12	85	Khá	
2446	Trần Thị Kim Oanh	62/01.01	TCC	03/11/2005	3.00	82	Khá	
2447	Nguyễn Lê Thu Hằng	62/01.01	TCC	06/08/2006	3.02	87	Khá	
2448	Lê Hồng Chinh	62/01.01	TCC	13/11/2006	3.17	84	Khá	
2449	Nguyễn Đình Thi	62/01.02	TCC	07/08/2006	2.86	89	Khá	
2450	Cao Gia Khánh	62/01.02	TCC	02/10/2006	3.14	82	Khá	
2451	Nguyễn Gia Bảo	62/01.02	TCC	05/10/2006	2.62	83	Khá	
2452	Nông Thị Thảo Anh	62/01.02	TCC	22/04/2006	2.67	84	Khá	
2453	Tống Ngọc	62/01.02	TCC	04/12/2006	2.60	85	Khá	
2454	Bùi Thị Hải Yến	62/01.02	TCC	25/03/2006	2.83	86	Khá	
2455	Trần Phương Linh	62/01.02	TCC	23/12/2006	2.83	83	Khá	
2456	Phạm Trần Thanh Ngân	62/01.02	TCC	04/03/2006	2.83	87	Khá	
2457	Nguyễn Quỳnh Anh	62/01.03	TCC	27/09/2006	2.55	89	Khá	
2458	Chu Khánh Linh	62/01.03	TCC	15/10/2006	2.74	85	Khá	
2459	Tô Đức Thắng	62/01.03	TCC	01/07/2006	2.69	83	Khá	
2460	Khương Trần Trí Đức	62/01.03	TCC	31/10/2006	2.64	84	Khá	
2461	Nguyễn Tuấn Hùng	62/01.03	TCC	10/06/2006	2.55	84	Khá	
2462	Nguyễn Phương Linh	62/01.03	TCC	21/09/2006	3.17	84	Khá	
2463	Đoàn Duy Khánh	62/01.03	TCC	22/11/2006	2.71	83	Khá	
2464	Dương Thị Ngọc Ánh	62/01.03	TCC	15/08/2006	2.52	83	Khá	
2465	Hà Bảo Vi	62/01.03	TCC	03/02/2006	2.62	83	Khá	
2466	Nguyễn Khánh Ly	62/01.03	TCC	16/11/2006	2.55	86	Khá	
2467	Vũ Hà Uyên San	62/01.03	TCC	08/08/2006	3.12	83	Khá	
2468	Nguyễn Tùng Chi	62/01.03	TCC	04/12/2006	2.93	84	Khá	
2469	Phùng Hải Yến	62/01.03	TCC	03/07/2006	2.86	85	Khá	
2470	Đỗ Hải Thuỳ	62/01.03	TCC	16/07/2005	3.10	86	Khá	
2471	Nguyễn Phương Linh	62/01.04	TCC	03/10/2006	3.00	88	Khá	
2472	Lương Kim Dịu	62/01.04	TCC	27/02/2005	2.76	84	Khá	
2473	Đặng An Nguyên	62/01.04	TCC	03/03/2006	2.67	88	Khá	
2474	Hoàng Mai Hương	62/01.04	TCC	25/10/2005	2.64	85	Khá	
2475	Lưu Hoàng Đức Việt	62/01.04	TCC	24/04/2006	2.67	89	Khá	
2476	Hán Hiền Trang	62/01.04	TCC	29/06/2006	3.00	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2477	Hoàng Hiếu Ngân	62/18.01	TCC	25/02/2006	3.02	85	Khá	
2478	Nguyễn Diệu Linh	62/18.01	TCC	23/03/2006	3.07	88	Khá	
2479	Lưu Kim Cương	62/18.01	TCC	18/11/2006	2.64	83	Khá	
2480	Vũ Thị Ngọc Hà	62/18.01	TCC	25/02/2006	2.95	89	Khá	
2481	Nguyễn Quang Thái	62/18.02	TCC	13/12/2006	2.62	84	Khá	
2482	Hồ Tuấn Khang	62/18.02	TCC	01/12/2006	2.71	87	Khá	
2483	Phạm Nguyễn Thanh Huyền	62/18.02	TCC	03/10/2006	2.88	89	Khá	
2484	Hoàng Hạnh Nguyên	62/18.02	TCC	04/05/2006	2.90	91	Khá	
2485	Nguyễn Ngọc Phương Anh	62/23.01	TCC	27/10/2006	2.75	85	Khá	
2486	Ngô Thị Thu Hương	62/23.01	TCC	23/08/2006	3.05	89	Khá	
2487	Nguyễn Thị Mỹ Dung	62/23.01	TCC	14/06/2006	3.05	86	Khá	
2488	Hoàng Nhật Nam	62/23.01	TCC	19/11/2006	2.98	84	Khá	
2489	Vũ Ngọc Linh	62/23.01	TCC	29/08/2006	2.60	85	Khá	
2490	Phạm Nguyễn Mai Duyên	62/23.01	TCC	31/08/2006	2.68	86	Khá	
2491	Vũ Phạm Ngọc Huyền	62/23.02	TCC	10/02/2006	3.18	85	Khá	
2492	Trần Tiến Thành	62/23.02	TCC	22/10/2006	2.98	82	Khá	
2493	Bùi Thị Khánh Linh	62/23.02	TCC	30/12/2006	2.90	83	Khá	
2494	Nguyễn Hải Đăng	62/23.02	TCC	07/08/2006	2.58	83	Khá	
2495	Hà Thị Hồng Ngọc	62/23.02	TCC	10/08/2006	3.15	84	Khá	
2496	Nguyễn Quỳnh Chi	62/23.02	TCC	08/11/2006	3.10	84	Khá	
2497	Nguyễn Hải Nam	62/23.02	TCC	11/12/2006	3.03	84	Khá	
2498	Trương Thị Thu Phương	62/23.02	TCC	13/07/2006	3.05	85	Khá	
2499	Nguyễn Minh Ánh	63.02.03QT.01	TCC	17/01/2007	2.96	85	Khá	
2500	Hoàng Thanh Ngân	63.02.03QT.01	TCC	24/04/2007	3.04	86	Khá	
2501	Lê Duy Mạnh	63.02.03QT.01	TCC	07/10/2007	2.83	86	Khá	
2502	Trịnh Nguyễn Thu Phương	63.02.03QT.01	TCC	26/10/2007	2.67	85	Khá	
2503	Nguyễn Duy Khánh	63.02.03QT.01	TCC	05/10/2007	2.71	86	Khá	
2504	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	63.02.03QT.01	TCC	20/03/2007	2.63	83	Khá	
2505	Vũ Bùi Hà My	63.02.03QT.01	TCC	14/05/2007	2.92	87	Khá	
2506	Nguyễn Ngọc Diệp	63.02.03QT.01	TCC	16/05/2007	3.04	86	Khá	
2507	Lê Anh Tuấn	63.02.03QT.01	TCC	24/09/2007	2.83	88	Khá	
2508	Đinh Mai Thục	63.02.03QT.01	TCC	17/12/2007	2.83	89	Khá	
2509	Nguyễn Thị Đan Hương	63.02.03QT.01	TCC	02/11/2007	2.71	85	Khá	
2510	Trần Thị Linh	63.02.03QT.01	TCC	15/05/2007	2.67	86	Khá	
2511	Phạm Thị Chi	63.02.13	TCC	09/01/2007	2.77	82	Khá	
2512	Lương Xuân Việt	63.02.13	TCC	20/01/2007	2.62	84	Khá	
2513	Trần Viết Anh	63.02.13	TCC	08/08/2007	2.58	83	Khá	
2514	Tạ Thu Quỳnh	63.02.13	TCC	13/10/2007	2.77	84	Khá	
2515	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	63.02.13	TCC	18/01/2007	3.12	89	Khá	
2516	Nông Thị Thảo	63.02.14	TCC	17/03/2006	3.15	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2517	Đàm Thị Ngọc Hà	63.02.14	TCC	13/01/2006	2.88	86	Khá	
2518	Lô Thúy Bằng	63.02.14	TCC	15/12/2006	2.81	87	Khá	
2519	Nhan Đức Tuấn	63.02.14	TCC	16/05/2006	2.73	84	Khá	
2520	Bùi Thị Hồng Thúy	63.02.14	TCC	04/09/2006	2.92	85	Khá	
2521	Hoàng Phương Thảo	63.02.14	TCC	10/11/2006	2.54	84	Khá	
2522	Lữ Thị Hoa	63.02.14	TCC	10/10/2006	3.00	84	Khá	
2523	Đoàn Thu Hằng	63.02.14	TCC	11/10/2007	3.15	85	Khá	
2524	Đèo Trần Hà Châu	63.02.14	TCC	28/12/2006	2.69	85	Khá	
2525	Hà Bế Linh Chi	63.02.14	TCC	08/03/2006	2.58	85	Khá	
2526	Triệu Thị Thanh Tuyền	63.02.14	TCC	17/02/2006	3.15	85	Khá	
2527	Nguyễn Thiên Thanh	63.02.14	TCC	30/07/2006	2.96	84	Khá	
2528	Nguyễn Phương Chi	63.02.14	TCC	18/09/2006	2.58	86	Khá	
2529	Nguyễn Thị Minh Hòa	63.02.14	TCC	28/12/2007	2.96	84	Khá	
2530	Triệu Vi Thảo	63.02.14	TCC	30/05/2006	2.88	83	Khá	
2531	Nông Minh Hiếu	63.02.14	TCC	26/02/2006	2.81	85	Khá	
2532	Đặng Bình An	63.07.01.01	TCC	09/03/2007	3.00	83	Khá	
2533	Tạ Nguyễn Tiến Phúc	63.07.01.01	TCC	23/04/2007	2.77	82	Khá	
2534	Nguyễn Đỗ Thanh Thảo	63.07.01.01	TCC	27/11/2007	2.81	86	Khá	
2535	Vy Ngọc Tuấn	63.07.01.01	TCC	15/09/2007	2.62	85	Khá	
2536	Hà Thảo My	63.07.01.01	TCC	16/12/2007	3.08	83	Khá	
2537	Vũ Nguyễn Thanh Dương	63.07.01.01	TCC	16/03/2007	2.58	82	Khá	
2538	Lương Thị Hải Phương	63.07.01.01	TCC	18/12/2007	2.81	86	Khá	
2539	Nguyễn Hương Giang	63.07.01.01	TCC	31/01/2007	2.85	86	Khá	
2540	Lê Phương Anh	63.07.01.01	TCC	01/11/2007	2.54	83	Khá	
2541	Quách Viết Chiến	63.07.01.01	TCC	15/11/2007	3.04	87	Khá	
2542	Trần Thị Thu Uyên	63.07.01.01	TCC	21/09/2007	3.04	83	Khá	
2543	Nguyễn Minh Anh	63.07.01.01	TCC	23/03/2007	3.12	85	Khá	
2544	Dương Yến Nhi	63.07.01.01	TCC	23/11/2007	3.08	83	Khá	
2545	Thái Thị Minh Trang	63.07.01.01	TCC	08/08/2007	3.15	84	Khá	
2546	Thái Văn Đan	63.07.01.02	TCC	12/01/2007	2.85	83	Khá	
2547	Văn Thị Hương Trà	63.07.01.02	TCC	07/03/2007	3.12	85	Khá	
2548	Phan Bích Phượng	63.07.01.02	TCC	23/10/2007	3.19	86	Khá	
2549	Nguyễn Đức Thọ	63.07.01.02	TCC	23/12/2007	2.92	83	Khá	
2550	Trần Gia Như	63.07.01.02	TCC	08/11/2007	2.77	83	Khá	
2551	Trịnh Phương Linh	63.07.01.02	TCC	08/05/2007	3.19	84	Khá	
2552	Nguyễn Phương Thảo	63.07.01.02	TCC	18/10/2007	3.19	87	Khá	
2553	Nguyễn Thị Diệp Anh	63.07.01.02	TCC	03/10/2007	2.58	86	Khá	
2554	Phạm Ngọc Mai	63.07.01.02	TCC	15/07/2007	2.81	82	Khá	
2555	Nguyễn Đình Thành	63.07.01.02	TCC	05/04/2006	3.12	85	Khá	
2556	Nguyễn Thuý Hằng	63.07.01.02	TCC	15/04/2007	2.92	87	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2557	Hồ Ngọc Tiến Anh	63.07.01.02	TCC	16/11/2007	2.96	85	Khá	
2558	Đỗ Đức Hiệp	63.07.01.02	TCC	17/10/2007	2.92	84	Khá	
2559	Trần Thị Kiều Chinh	63.07.01.02	TCC	08/01/2007	3.12	82	Khá	
2560	Giang Minh Cường	63.07.01.02	TCC	19/11/2007	2.54	84	Khá	
2561	Đoàn Đức Thành	63.07.01.02	TCC	23/10/2007	2.92	89	Khá	
2562	Vương Thị Yến Nhi	63.07.01.02	TCC	13/06/2007	2.85	83	Khá	
2563	Nguyễn Duy Mạnh	63.07.01.02	TCC	28/12/2007	2.54	81	Khá	
2564	Đinh Hoàng Long	63.07.01.02	TCC	21/06/2007	2.92	84	Khá	
2565	Đỗ Khánh Huyền	63.07.01.03	TCC	25/12/2007	2.85	85	Khá	
2566	Vũ Thu Hường	63.07.01.03	TCC	26/06/2007	3.12	87	Khá	
2567	Hà Tú Anh	63.07.01.03	TCC	10/05/2007	2.96	84	Khá	
2568	Ngô Thị Diệu Linh	63.07.01.03	TCC	20/12/2007	3.08	86	Khá	
2569	Lê Phương Huyền	63.07.01.03	TCC	23/09/2007	3.04	84	Khá	
2570	Nguyễn Thị Hà Anh	63.07.01.03	TCC	10/10/2007	2.77	84	Khá	
2571	Lê Hà Linh	63.07.01.03	TCC	29/12/2007	2.54	85	Khá	
2572	Nguyễn Đức Việt	63.07.01.03	TCC	26/10/2007	2.77	82	Khá	
2573	Vương Thị Thùy Trang	63.07.01.03	TCC	30/03/2005	3.19	83	Khá	
2574	Nguyễn Anh Dũng	63.07.01.03	TCC	21/12/2007	2.92	85	Khá	
2575	Nguyễn Quỳnh Trang	63.07.01.03	TCC	06/12/2007	2.88	86	Khá	
2576	Trần Mai Anh	63.07.01.03	TCC	29/05/2007	2.77	83	Khá	
2577	Trần Thu Minh	63.07.01.03	TCC	01/10/2007	3.15	83	Khá	
2578	Nguyễn Minh Hiếu	63.07.01.03	TCC	07/11/2007	2.88	82	Khá	
2579	Đỗ Thị Quỳnh Anh	63.07.01.03	TCC	25/10/2007	2.85	88	Khá	
2580	Triệu Ngọc Hà	63.07.01.04	TCC	02/12/2007	3.00	83	Khá	
2581	Lê Đăng Việt Hùng	63.07.01.04	TCC	23/04/2007	2.73	84	Khá	
2582	Bùi Đức Mạnh	63.07.01.04	TCC	22/07/2007	2.69	82	Khá	
2583	Trần Thu Trang	63.07.01.04	TCC	08/11/2007	3.00	85	Khá	
2584	Bế Phương Thùy	63.07.01.04	TCC	18/11/2007	3.19	82	Khá	
2585	Đoàn Diệu Linh	63.07.01.04	TCC	12/09/2007	3.12	84	Khá	
2586	Lã Thanh Thảo	63.07.01.04	TCC	23/11/2007	3.31	76	Khá	
2587	Trần Tuyết Chinh	63.07.01.04	TCC	24/10/2007	2.88	82	Khá	
2588	Vũ Bích Loan	63.07.01.04	TCC	03/11/2007	2.85	82	Khá	
2589	Nguyễn Khánh Huyền	63.07.01.04	TCC	29/04/2007	3.15	83	Khá	
2590	Nguyễn Trọng Bình	63.07.01.04	TCC	17/04/2007	2.69	82	Khá	
2591	Lê Thanh Thủy	63.07.01.04	TCC	03/06/2007	3.19	87	Khá	
2592	Nguyễn Gia Khánh	63.07.01.04	TCC	27/09/2007	2.96	83	Khá	
2593	Vũ Trung Đức	63.07.01.04	TCC	16/01/2007	2.77	84	Khá	
2594	Lê Thành Long	63.07.01.04	TCC	17/03/2007	2.65	84	Khá	
2595	Đặng Hải Linh	63.07.01.04	TCC	10/05/2007	2.96	85	Khá	
2596	Phạm Như Quỳnh	63.07.01.04	TCC	05/07/2007	2.69	87	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2597	Trịnh Thị Yến Trang	63.07.01.04	TCC	18/06/2007	2.88	83	Khá	
2598	Thái Thị Kim Khánh	63.07.01.04	TCC	02/09/2007	3.12	86	Khá	
2599	Trần Văn Lực	63.07.01.04	TCC	26/06/2007	2.92	84	Khá	
2600	Hà Minh Quân	60/09.01	TCDN	18/01/2004	3.11	88	Khá	
2601	Nguyễn Trường Sơn	60/09.01	TCDN	04/12/2004	2.71	82	Khá	
2602	Nguyễn Ngọc Minh	60/09.01	TCDN	23/11/2004	2.97	82	Khá	
2603	Nguyễn Quỳnh Anh	60/09.01	TCDN	10/09/2004	3.03	82	Khá	
2604	Trần Thị Khánh Linh	60/09.01	TCDN	06/09/2004	3.11	82	Khá	
2605	Trần Tiến Đạt	60/09.01	TCDN	05/09/2004	2.97	82	Khá	
2606	Phan Nam Việt Anh	60/09.01CLC	TCDN	13/01/2004	2.87	82	Khá	
2607	Phạm Vũ Lân	60/09.01CLC	TCDN	09/09/2004	3.18	84	Khá	
2608	Phạm Thu Trang	60/09.02	TCDN	21/11/2004	2.76	86	Khá	
2609	Nguyễn Ánh Dương	60/09.02	TCDN	18/03/2003	2.82	82	Khá	
2610	Nguyễn Thị Khánh Linh	60/09.02	TCDN	04/05/2004	3.00	83	Khá	
2611	Phan Thị Bích Trà	60/09.02	TCDN	19/11/2004	3.00	85	Khá	
2612	Đỗ Xuân Phương	60/09.02CLC	TCDN	03/11/2004	3.18	82	Khá	
2613	Đặng Hoàng Đức	60/09.03	TCDN	29/03/2004	3.00	83	Khá	
2614	Nguyễn Hồng Phúc	60/09.03	TCDN	21/07/2004	2.95	90	Khá	
2615	Nguyễn Đức Hiếu	60/09.03	TCDN	20/05/2004	3.05	85	Khá	
2616	Phạm Hoàng Mai Chi	60/09.03CLC	TCDN	23/01/2004	3.16	82	Khá	
2617	Nguyễn Trà Hương	60/09.04	TCDN	24/02/2004	3.11	82	Khá	
2618	Trần Diễm Liên	60/09.04	TCDN	30/12/2004	2.87	83	Khá	
2619	Lê Thị Thu Huyền	60/09.04	TCDN	26/03/2004	3.08	82	Khá	
2620	Vũ Hải Yến	60/09.04	TCDN	28/08/2004	3.11	85	Khá	
2621	Nguyễn Thị Cẩm Vân	60/09.04	TCDN	10/10/2004	3.13	84	Khá	
2622	Trần Hoàng Phúc	60/09.04	TCDN	17/09/2004	3.11	83	Khá	
2623	Đỗ Phương Thảo	60/09.04	TCDN	29/10/2004	3.03	84	Khá	
2624	Nguyễn Minh Thành Vũ	60/09.04CLC	TCDN	18/02/2004	2.89	82	Khá	
2625	Phí Quang Cường	60/11.01	TCDN	23/10/2004	2.50	82	Khá	
2626	Lý Quang Trung	60/11.01	TCDN	28/11/2003	2.76	82	Khá	
2627	Mạc Hải Yến	60/11.01	TCDN	28/12/2004	3.02	82	Khá	
2628	Lương Nguyễn Kiều Ngân	60/11.01	TCDN	22/01/2004	3.12	82	Khá	
2629	Nguyễn Vân Kiều	60/11.01	TCDN	03/04/2003	3.10	82	Khá	
2630	Trần Minh Quang	60/11.01	TCDN	31/03/2004	3.14	84	Khá	
2631	Nguyễn Quang Huy	60/11.01CLC	TCDN	11/08/2004	3.18	82	Khá	
2632	Hoàng Đức Dân	60/11.02	TCDN	11/09/2003	2.76	83	Khá	
2633	Phạm Hà Oanh	60/11.02	TCDN	11/01/2004	2.81	82	Khá	
2634	Nguyễn Gia Huy	60/11.02	TCDN	29/08/2004	2.90	82	Khá	
2635	Võ Đức Trung	60/11.02	TCDN	27/11/2004	2.64	82	Khá	
2636	Nguyễn Trịnh Mai Anh	60/11.02	TCDN	12/08/2004	3.02	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2637	Nguyễn Bá Quốc	60/11.02	TCDN	18/05/2004	2.55	82	Khá	
2638	Lò Việt Dũng	60/11.02	TCDN	12/04/2004	2.57	82	Khá	
2639	Nông Thị Mĩ Duyên	60/11.02	TCDN	17/09/2003	3.05	83	Khá	
2640	Nguyễn Duy Minh	60/11.02	TCDN	24/12/2004	2.86	82	Khá	
2641	Giang Tuấn Hưng	60/11.02	TCDN	07/01/2004	2.74	86	Khá	
2642	Nguyễn Hải Anh	60/11.02	TCDN	08/12/2004	3.02	82	Khá	
2643	Nguyễn Phương Thảo	60/11.02CLC	TCDN	22/11/2004	3.00	82	Khá	
2644	Trịnh Thu Hiền	60/11.03	TCDN	02/02/2003	3.00	82	Khá	
2645	Phạm Đình Việt Anh	60/11.03	TCDN	29/08/2004	2.90	82	Khá	
2646	Nguyễn Hoàng Phương Anh	60/11.03	TCDN	25/09/2004	3.10	84	Khá	
2647	Hoàng Thị Thanh Thủy	60/11.03	TCDN	22/08/2004	2.83	85	Khá	
2648	Lâm Thị Thu Hòa	60/11.03	TCDN	09/12/2003	3.12	82	Khá	
2649	Đặng Cẩm Tú	60/11.03	TCDN	12/10/2004	2.71	85	Khá	
2650	Tô Phương Thảo	60/11.03	TCDN	25/07/2003	3.05	82	Khá	
2651	Phạm Quang Huy	60/11.03	TCDN	05/04/2003	2.81	82	Khá	
2652	Lê Hữu Kiên	60/11.04	TCDN	06/01/2004	3.05	82	Khá	
2653	Nguyễn Quang Tuấn	60/11.04	TCDN	15/02/2004	2.79	83	Khá	
2654	Nguyễn Thị Kiều Chinh	60/11.04	TCDN	02/09/2004	2.93	83	Khá	
2655	Lê Công Phụng	60/11.04	TCDN	18/11/2004	2.86	82	Khá	
2656	Hoàng Thanh Huyền	60/11.04	TCDN	21/11/2004	3.14	83	Khá	
2657	Bùi Việt Linh	60/11.04	TCDN	01/04/2004	2.98	82	Khá	
2658	Phạm Phương Anh	60/11.04	TCDN	24/02/2004	3.12	82	Khá	
2659	Nông Như Quỳnh	60/11.04	TCDN	24/04/2003	2.95	82	Khá	
2660	Hoàng Quang Minh	60/11.04	TCDN	24/12/2003	2.74	82	Khá	
2661	Bùi Lan Hương	60/11.04	TCDN	04/12/2004	3.19	82	Khá	
2662	Lê Thùy Anh	60/11.04	TCDN	12/09/2004	2.90	83	Khá	
2663	Vũ Thị Ngân	60/11.04	TCDN	25/11/2004	3.14	83	Khá	
2664	Nguyễn Thị Thành An	60/11.04CLC	TCDN	07/07/2004	3.14	82	Khá	
2665	Nguyễn Đại Gia Huy	60/11.04CLC	TCDN	30/05/2004	2.83	82	Khá	
2666	Nguyễn Mạnh Cường	60/11.04CLC	TCDN	29/03/2004	3.19	82	Khá	
2667	Nguyễn Văn Thành	60/11.05	TCDN	02/06/2004	2.98	85	Khá	
2668	Cao Đức Hiển	60/11.05	TCDN	19/12/2004	2.93	82	Khá	
2669	Hoàng Mai Phương	60/11.05	TCDN	26/04/2004	3.10	82	Khá	
2670	Quách Hà Phương	60/11.05	TCDN	02/01/2003	3.02	83	Khá	
2671	Trần Hoàng Lâm	60/11.05CLC	TCDN	10/04/2004	3.17	81	Khá	
2672	Nguyễn Duy Linh	60/11.05CLC	TCDN	04/04/2004	3.07	83	Khá	
2673	Tống Phúc Thảo Nguyên	60/11.05CLC	TCDN	07/07/2004	3.02	82	Khá	
2674	Phạm Thành Thăng	60/11.05CLC	TCDN	14/02/2004	3.12	83	Khá	
2675	Hoàng Tố Như	60/11.06	TCDN	16/10/2004	3.17	82	Khá	
2676	Trần Đức Lương	60/11.06	TCDN	07/10/2004	2.86	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2677	Nguyễn Hoàng Kim Chi	60/11.06	TCDN	23/09/2004	2.88	82	Khá	
2678	Phùng Anh Thơ	60/11.06	TCDN	23/09/2004	2.95	83	Khá	
2679	Hoàng Thảo Quyên	60/11.06	TCDN	26/10/2003	3.10	82	Khá	
2680	Sầm Phương Dung	60/11.06	TCDN	10/01/2004	3.17	82	Khá	
2681	Bùi Thị Phương Thảo	60/11.06	TCDN	30/11/2004	3.19	83	Khá	
2682	Trần Cảnh Thái Dương	60/11.06	TCDN	03/09/2003	2.88	82	Khá	
2683	Hoàng Thu Trà	60/11.06	TCDN	29/03/2003	2.86	82	Khá	
2684	Nông Thị Thanh Nhường	60/11.06	TCDN	18/12/2004	2.95	82	Khá	
2685	Nguyễn Như Ý	60/11.06	TCDN	04/10/2004	2.98	82	Khá	
2686	Phạm Đình Vũ	60/11.06CLC	TCDN	11/06/2004	3.12	83	Khá	
2687	Trần Thị Minh Phương	60/11.06CLC	TCDN	24/08/2004	3.10	86	Khá	
2688	Bùi Lan Chi	60/11.06CLC	TCDN	12/07/2004	3.07	82	Khá	
2689	Hoàng Thị Cẩm Vân	60/11.08CLC	TCDN	15/02/2002	2.82	86	Khá	
2690	Phạm Quốc Thắng	60/11.08CLC	TCDN	08/10/2004	3.12	82	Khá	
2691	Trần Đình Tường	60/11.09CLC	TCDN	21/10/2004	2.98	82	Khá	
2692	Phạm Thị Thanh Ngân	60/11.10CLC	TCDN	22/12/2003	3.05	82	Khá	
2693	Đậu Lê Mai Anh	60/16.01	TCDN	25/04/2004	2.89	90	Khá	
2694	Đinh Tuấn Đạt	60/16.02	TCDN	01/01/2004	3.19	82	Khá	
2695	Nguyễn Cẩm Ly	60/16.02	TCDN	15/12/2004	2.89	84	Khá	
2696	Nguyễn Thị Hải An	60/16.02	TCDN	28/12/2003	3.00	82	Khá	
2697	Chu Thế Mạnh	60/16.02	TCDN	02/01/2004	2.86	82	Khá	
2698	Nguyễn Viết Mạnh	61/09.01	TCDN	10/08/2005	2.85	84	Khá	
2699	Nguyễn Đức Cảnh	61/09.01	TCDN	11/07/2005	2.95	86	Khá	
2700	Hoàng Đức Anh	61/09.01	TCDN	18/08/2005	2.53	86	Khá	
2701	Tưởng Nam Phong	61/09.01CLC	TCDN	22/11/2005	3.19	84	Khá	
2702	Nguyễn Hiền Trang	61/09.01CLC	TCDN	20/07/2005	2.67	84	Khá	
2703	Nguyễn Thị Thanh Nga	61/09.01CLC	TCDN	15/06/2005	3.14	84	Khá	
2704	Trần Phương Nhi	61/09.02	TCDN	12/10/2005	3.13	84	Khá	
2705	Đặng Đức Thiện	61/09.02	TCDN	09/05/2005	2.78	83	Khá	
2706	Nguyễn Mỹ Linh	61/09.02	TCDN	12/06/2005	3.10	90	Khá	
2707	Lê Nguyễn Thùy Linh	61/09.02	TCDN	06/01/2005	3.03	83	Khá	
2708	Đặng Văn Nghĩa	61/09.02	TCDN	25/02/2005	3.00	85	Khá	
2709	Phạm Thị Như Quỳnh	61/09.02	TCDN	06/01/2005	3.00	90	Khá	
2710	Lê Minh An	61/09.02	TCDN	16/09/2005	3.05	82	Khá	
2711	Nguyễn Vũ Việt Anh	61/09.02CLC	TCDN	05/07/2005	2.98	83	Khá	
2712	Tăng Đức Minh	61/09.02CLC	TCDN	09/04/2005	3.02	82	Khá	
2713	Mỵ Vũ Hạnh Nguyên	61/09.02CLC	TCDN	24/01/2005	3.10	83	Khá	
2714	Nguyễn Thị Thảo Hương	61/09.02CLC	TCDN	31/10/2005	3.05	84	Khá	
2715	Đỗ Mạnh Quân	61/09.02CLC	TCDN	29/09/2005	2.76	83	Khá	
2716	Trần Đại Lộc	61/09.02CLC	TCDN	26/09/2005	2.81	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2717	Hoàng Lê Vũ Long	61/09.02CLC	TCDN	18/06/2005	2.52	83	Khá	
2718	Trần Nguyễn Hưng Thịnh	61/09.02CLC	TCDN	27/01/2005	2.67	82	Khá	
2719	Đặng Đức Công	61/09.02CLC	TCDN	04/12/2004	2.83	82	Khá	
2720	Phạm Bình Dương	61/09.02CLC	TCDN	10/01/2005	2.76	83	Khá	
2721	Tạ Thị Tú Vân	61/09.02CLC	TCDN	31/12/2005	2.67	85	Khá	
2722	Bùi Thanh Bình	61/09.02CLC	TCDN	06/03/2005	3.17	84	Khá	
2723	Nguyễn Phú Thành	61/09.03	TCDN	23/03/2005	2.80	83	Khá	
2724	Vũ Ngọc Sơn	61/09.03	TCDN	17/05/2005	2.85	85	Khá	
2725	Phan Hà Chi	61/09.03	TCDN	10/12/2005	3.13	83	Khá	
2726	Trần Nhật Linh	61/09.03	TCDN	10/04/2005	2.88	85	Khá	
2727	Lý Khánh Linh	61/09.03	TCDN	29/08/2004	2.93	84	Khá	
2728	Nguyễn Viết Hiếu	61/09.03CLC	TCDN	25/09/2005	2.67	84	Khá	
2729	Nguyễn Đăng Kiên	61/09.03CLC	TCDN	12/03/2005	3.07	84	Khá	
2730	Nguyễn Đức Minh	61/09.03CLC	TCDN	20/01/2005	3.19	83	Khá	
2731	Hoàng Danh Đức	61/09.03CLC	TCDN	14/03/2005	2.52	81	Khá	
2732	Nguyễn Trà My	61/09.04	TCDN	12/09/2005	3.10	82	Khá	
2733	Nguyễn Ngọc Đức	61/09.04	TCDN	04/10/2005	2.58	82	Khá	
2734	Nguyễn Diệu Linh	61/09.04	TCDN	13/04/2004	3.13	83	Khá	
2735	Trần Châu Giang	61/09.04	TCDN	17/05/2005	2.83	84	Khá	
2736	Tô Nguyễn Thùy Dương	61/09.04	TCDN	20/10/2005	2.95	85	Khá	
2737	Trần Khắc An	61/09.04	TCDN	27/03/2004	3.13	86	Khá	
2738	Phạm Văn Lâm	61/09.04	TCDN	07/12/2005	2.98	83	Khá	
2739	Bùi Thị Yến Ngọc	61/09.04	TCDN	10/06/2005	2.95	84	Khá	
2740	Trần Minh Tân	61/09.04	TCDN	01/02/2005	2.93	84	Khá	
2741	Lê Hải Yến	61/09.04	TCDN	23/04/2005	2.88	82	Khá	
2742	Nguyễn Như Long	61/09.04	TCDN	05/07/2005	3.18	83	Khá	
2743	Vũ Trần Hà Vi	61/09.04CLC	TCDN	16/11/2005	2.57	83	Khá	
2744	Phạm Minh Đức	61/09.04CLC	TCDN	28/10/2005	3.12	82	Khá	
2745	Phạm Trần Minh Anh	61/09.04CLC	TCDN	17/04/2005	2.79	84	Khá	
2746	Nguyễn Thị Tường Vi	61/09.04CLC	TCDN	12/06/2005	3.07	82	Khá	
2747	Nguyễn Tùng Lâm	61/09.04CLC	TCDN	12/12/2004	3.19	84	Khá	
2748	Lưu Ngọc Hà	61/09.04CLC	TCDN	06/01/2005	2.76	85	Khá	
2749	Nguyễn Xuân Hoàng	61/09.04CLC	TCDN	18/06/2005	3.02	82	Khá	
2750	Dương Minh Toàn	61/11.01	TCDN	22/08/2004	3.13	84	Khá	
2751	Nguyễn Duy An	61/11.01	TCDN	17/01/2005	2.58	85	Khá	
2752	Nguyễn Quang Vinh	61/11.01	TCDN	01/03/2005	3.10	84	Khá	
2753	Chu Thái Tuấn	61/11.01	TCDN	27/05/2004	2.70	82	Khá	
2754	Vũ Quỳnh Anh	61/11.01	TCDN	25/03/2005	3.15	82	Khá	
2755	Tống Ngọc Hà	61/11.01	TCDN	17/01/2005	3.13	88	Khá	
2756	Vũ Lê Minh Hiếu	61/11.01	TCDN	21/02/2005	3.00	89	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2757	Đỗ Gia Hân	61/11.01CLC	TCDN	10/12/2005	3.14	83	Khá	
2758	Nguyễn Đăng Hải	61/11.01CLC	TCDN	08/10/2005	2.95	82	Khá	
2759	Nguyễn Ngọc Thành	61/11.01CLC	TCDN	10/11/2005	2.93	83	Khá	
2760	Trần Linh Chi	61/11.01CLC	TCDN	15/05/2005	2.98	87	Khá	
2761	Nguyễn Minh Anh	61/11.01CLC	TCDN	20/09/2005	2.83	83	Khá	
2762	Kim Hoàng An	61/11.01CLC	TCDN	31/12/2005	2.74	82	Khá	
2763	Nguyễn Thảo An	61/11.02	TCDN	29/11/2005	3.03	82	Khá	
2764	Đinh Phương Lam	61/11.02	TCDN	02/12/2004	3.08	82	Khá	
2765	Nguyễn Huy Hiệu	61/11.02	TCDN	16/01/2005	2.93	88	Khá	
2766	Lê Vũ Thiên Ngọc	61/11.02	TCDN	26/02/2005	2.95	83	Khá	
2767	Nguyễn Nguyễn Hải Đăng	61/11.02	TCDN	06/09/2005	2.73	83	Khá	
2768	Trần Hoàng Thanh Hằng	61/11.02	TCDN	09/09/2005	2.85	82	Khá	
2769	Võ Thùy Linh	61/11.02CLC	TCDN	18/03/2005	3.12	87	Khá	
2770	Hoàng Mai Phương	61/11.03	TCDN	07/02/2005	3.10	85	Khá	
2771	Dương Minh Đạt	61/11.03	TCDN	28/12/2005	3.13	83	Khá	
2772	Nguyễn Mạnh Cường	61/11.03	TCDN	30/10/2005	2.73	82	Khá	
2773	Vũ Quang Minh	61/11.03	TCDN	08/01/2005	3.10	83	Khá	
2774	Hoàng Hà Vy	61/11.03	TCDN	10/03/2005	2.98	84	Khá	
2775	Lê Vũ Quỳnh Anh	61/11.03	TCDN	30/09/2005	3.00	89	Khá	
2776	Lương Tất Toàn	61/11.03	TCDN	20/06/2005	2.53	83	Khá	
2777	Vũ Thế Minh Chiến	61/11.03CLC	TCDN	04/06/2005	3.10	84	Khá	
2778	Nguyễn Trần Hoàng Sơn	61/11.04	TCDN	13/07/2004	2.50	83	Khá	
2779	Lê Ngọc Minh	61/11.04	TCDN	06/07/2005	2.60	83	Khá	
2780	Nguyễn Thị Thu Giang	61/11.04	TCDN	16/12/2005	3.00	84	Khá	
2781	Đinh Bảo Long	61/11.04CLC	TCDN	29/01/2005	3.19	82	Khá	
2782	Nguyễn Tiến Hùng	61/11.04CLC	TCDN	13/02/2005	3.12	82	Khá	
2783	Vũ Tấn Khang	61/11.04CLC	TCDN	08/11/2005	3.02	82	Khá	
2784	Nguyễn Quang Huy	61/11.04CLC	TCDN	26/11/2005	2.98	82	Khá	
2785	Nguyễn Anh Dũng	61/11.04CLC	TCDN	18/10/2005	3.05	82	Khá	
2786	Lê Hoàng Lan	61/11.04CLC	TCDN	25/06/2005	3.07	88	Khá	
2787	Phùng Văn Quân	61/11.04CLC	TCDN	16/04/2005	2.83	84	Khá	
2788	Cồ Khắc Thắng Lộc	61/11.05	TCDN	08/11/2005	2.80	83	Khá	
2789	Nguyễn Khánh Linh	61/11.05	TCDN	26/10/2005	3.10	86	Khá	
2790	Đào Minh Tú	61/11.05	TCDN	13/08/2004	2.63	83	Khá	
2791	Vũ Kiều Linh Nhi	61/11.05	TCDN	26/08/2005	3.05	89	Khá	
2792	Đỗ Minh Anh	61/11.05CLC	TCDN	28/03/2005	3.07	87	Khá	
2793	Kiều Minh Thái	61/11.05CLC	TCDN	28/10/2005	2.81	82	Khá	
2794	Phạm Gia Huy	61/11.05CLC	TCDN	22/11/2005	2.62	82	Khá	
2795	Nguyễn Ngọc Linh	61/11.05CLC	TCDN	12/05/2005	3.19	82	Khá	
2796	Võ Khánh Linh	61/11.05CLC	TCDN	14/07/2005	3.12	87	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2797	Lê Nguyễn Lam Cầm	61/11.05CLC	TCDN	07/02/2005	2.57	81	Khá	
2798	Lâm Hà Phương	61/11.05CLC	TCDN	01/07/2005	2.90	82	Khá	
2799	Đỗ Duy Vinh	61/11.06	TCDN	24/08/2005	2.50	84	Khá	
2800	Bùi Tuấn Long	61/11.06	TCDN	19/05/2005	2.80	85	Khá	
2801	Nguyễn Thị Thu Thảo	61/11.06	TCDN	01/09/2005	2.83	84	Khá	
2802	Hà Linh Chi	61/11.06	TCDN	26/04/2005	2.58	85	Khá	
2803	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	61/11.06	TCDN	16/09/2005	2.63	88	Khá	
2804	Văn Đức Thắng	61/11.06	TCDN	31/08/2005	2.88	86	Khá	
2805	Lê Mai Linh	61/11.06	TCDN	13/05/2005	3.10	83	Khá	
2806	Lưu Ngân Thương	61/11.06	TCDN	15/09/2004	2.73	83	Khá	
2807	Lại Ngọc Thái	61/11.06CLC	TCDN	01/06/2005	3.12	87	Khá	
2808	Nguyễn Hoàng Quân	61/11.06CLC	TCDN	18/07/2005	3.14	82	Khá	
2809	Đỗ Đăng Quang	61/11.06CLC	TCDN	30/05/2005	3.17	86	Khá	
2810	Công Hà Phương	61/11.07CLC	TCDN	30/07/2005	2.69	84	Khá	
2811	Nguyễn Mai Hà Phương	61/11.07CLC	TCDN	25/06/2005	3.14	82	Khá	
2812	Phạm Minh Hoàng	61/11.07CLC	TCDN	17/05/2005	2.95	83	Khá	
2813	Dương Hoàng Lân	61/11.07CLC	TCDN	13/01/2005	3.17	83	Khá	
2814	Nguyễn Huyền My	61/11.07CLC	TCDN	26/10/2005	3.14	84	Khá	
2815	Vũ Minh Anh	61/11.07CLC	TCDN	16/10/2005	3.02	83	Khá	
2816	Nguyễn Hải Linh	61/11.07CLC	TCDN	27/12/2005	3.05	83	Khá	
2817	Nguyễn Hữu Việt	61/11.07CLC	TCDN	30/07/2005	3.05	83	Khá	
2818	Ngô Hải Anh	61/11.08CLC	TCDN	02/12/2005	3.05	84	Khá	
2819	Lại Quang Huy	61/11.08CLC	TCDN	02/06/2005	3.19	83	Khá	
2820	Nguyễn Đức Nam	61/11.08CLC	TCDN	28/12/2005	3.12	82	Khá	
2821	Trịnh Đức Vinh	61/11.08CLC	TCDN	22/11/2005	2.88	83	Khá	
2822	Nguyễn Minh Trí	61/11.08CLC	TCDN	08/09/2005	3.07	89	Khá	
2823	Nguyễn Mậu Trường Thịnh	61/11.08CLC	TCDN	29/07/2005	2.84	83	Khá	
2824	Nguyễn Lê Song Châm	61/11.08CLC	TCDN	02/04/2005	2.93	82	Khá	
2825	Nguyễn Hải Vân	61/11.09CLC	TCDN	03/12/2005	2.74	82	Khá	
2826	Nguyễn Trọng Khôi	61/11.09CLC	TCDN	17/04/2005	3.07	83	Khá	
2827	Vũ Thu Huyền	61/11.09CLC	TCDN	09/01/2005	3.17	82	Khá	
2828	Nguyễn Thị Quỳnh Liên	61/11.09CLC	TCDN	01/03/2005	3.12	85	Khá	
2829	Dương Hùng Anh	61/11.09CLC	TCDN	22/12/2005	2.79	81	Khá	
2830	Lê Thái Hưng	61/11.10CLC	TCDN	13/09/2005	3.00	82	Khá	
2831	Phạm Hoàng Lân	61/11.10CLC	TCDN	29/03/2005	2.79	84	Khá	
2832	Lương Kim Chi	61/11.11CLC	TCDN	19/11/2004	3.12	83	Khá	
2833	Tạ Minh Trí	61/11.11CLC	TCDN	06/12/2005	3.12	82	Khá	
2834	Triệu Đức Nhật	61/11.11CLC	TCDN	09/06/2005	2.64	81	Khá	
2835	Nguyễn Mậu Thái	61/11.11CLC	TCDN	10/01/2005	2.98	84	Khá	
2836	Nguyễn Thị Ngọc Lan	61/11.11CLC	TCDN	20/02/2005	3.14	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2837	Trần Hoàng Tuấn	61/11.11CLC	TCDN	03/10/2005	3.07	81	Khá	
2838	Đỗ Thùy Trang	61/11.11CLC	TCDN	19/11/2005	2.90	83	Khá	
2839	Nguyễn Đình Thức	61/11.12CLC	TCDN	27/08/2005	2.57	82	Khá	
2840	Lê Diệu Linh	61/16.01	TCDN	29/06/2005	3.03	88	Khá	
2841	Vương Thị Khánh Linh	61/16.01	TCDN	11/07/2005	3.15	83	Khá	
2842	Lưu Thị Hương Giang	61/16.01	TCDN	27/09/2005	2.65	82	Khá	
2843	Trần Anh Vũ	61/16.01	TCDN	19/11/2005	2.73	84	Khá	
2844	Nguyễn Ngọc Mai Anh	61/16.01	TCDN	31/07/2005	3.08	88	Khá	
2845	Nguyễn Đức An	61/16.01	TCDN	02/05/2005	2.68	83	Khá	
2846	Trần Thị Tuyết Trinh	61/16.01	TCDN	29/01/2005	2.75	82	Khá	
2847	Lê Châu Anh	61/16.01	TCDN	25/10/2005	3.10	88	Khá	
2848	Nguyễn Trần Quang Minh	61/16.01	TCDN	03/03/2005	2.70	83	Khá	
2849	Lê Thị Quỳnh Trang	61/16.02	TCDN	16/12/2005	3.10	83	Khá	
2850	Nguyễn Phương Nhung	61/16.02	TCDN	07/07/2005	3.03	84	Khá	
2851	Đào Ngọc Khánh Vy	61/16.02	TCDN	12/09/2005	3.05	86	Khá	
2852	Trần Thu Trang	61/16.02	TCDN	29/08/2005	2.88	83	Khá	
2853	Nguyễn Phương Thảo	61/16.02	TCDN	27/10/2005	3.00	82	Khá	
2854	Nguyễn Trung Hải	62/09.01	TCDN	26/03/2006	3.00	88	Khá	
2855	Lương Đình Thắng	62/09.01	TCDN	27/01/2006	2.90	85	Khá	
2856	Nguyễn Trần Mạnh Dũng	62/09.01	TCDN	13/12/2006	2.88	85	Khá	
2857	Kiều Minh Trang	62/09.01QT	TCDN	13/03/2006	2.91	89	Khá	
2858	Dương Liên Hương	62/09.01QT	TCDN	11/05/2006	3.18	90	Khá	
2859	Nguyễn Hải Dương	62/09.01QT	TCDN	18/06/2006	2.82	84	Khá	
2860	Bùi Mai Phương	62/09.01QT	TCDN	04/11/2006	3.02	88	Khá	
2861	Nguyễn Thành Long	62/09.01QT	TCDN	25/08/2006	2.52	82	Khá	
2862	Bùi Thị Phương Hà	62/09.02	TCDN	03/03/2006	3.07	83	Khá	
2863	Cam Lương Hằng	62/09.02	TCDN	14/12/2006	3.07	84	Khá	
2864	Trần Thu Hiền	62/09.02	TCDN	28/10/2006	3.10	83	Khá	
2865	Nguyễn Minh Tuấn	62/09.02	TCDN	19/07/2006	2.86	82	Khá	
2866	Võ Thị Hạnh	62/09.02	TCDN	30/01/2006	2.60	85	Khá	
2867	Trần Việt Dũng	62/09.02	TCDN	31/10/2006	3.14	85	Khá	
2868	Tăng Thùy Dương	62/09.02	TCDN	02/10/2006	2.88	82	Khá	
2869	Tống Thùy Trang	62/09.02	TCDN	31/12/2006	3.05	82	Khá	
2870	Phạm Hanh Đức	62/09.02QT	TCDN	31/07/2006	2.66	83	Khá	
2871	Hoàng Phương Linh	62/09.02QT	TCDN	03/10/2006	3.16	88	Khá	
2872	Nguyễn Thu Trang	62/09.02QT	TCDN	12/12/2005	3.02	83	Khá	
2873	Đỗ Văn Ngọc	62/09.02QT	TCDN	27/06/2006	2.73	84	Khá	
2874	Trần Minh Châu	62/09.02QT	TCDN	17/05/2006	2.66	84	Khá	
2875	Lưu Hà Anh	62/09.03	TCDN	01/11/2006	3.12	82	Khá	
2876	Trương Thục Lam	62/09.03	TCDN	10/11/2006	3.14	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2877	Nguyễn Lệ Minh	62/09.03	TCDN	10/03/2006	3.19	85	Khá	
2878	Nguyễn Đan Phương	62/09.03	TCDN	13/10/2006	2.57	92	Khá	
2879	Trần Thúy Ngọc	62/09.03	TCDN	28/04/2006	3.07	83	Khá	
2880	Hoàng Quốc Việt	62/09.03	TCDN	14/09/2003	3.14	85	Khá	
2881	Nguyễn Phương Duy	62/09.03	TCDN	24/11/2006	3.10	89	Khá	
2882	Hoàng Hải Minh	62/09.03QT	TCDN	27/08/2006	2.98	86	Khá	
2883	Ngô Minh Hiền	62/09.03QT	TCDN	29/12/2006	3.05	85	Khá	
2884	Phạm Thùy Trang	62/09.03QT	TCDN	13/05/2006	2.91	82	Khá	
2885	Đinh Trí Khang	62/09.03QT	TCDN	29/12/2006	2.95	82	Khá	
2886	Nguyễn Tôn Quyên	62/09.03QT	TCDN	28/10/2006	2.98	82	Khá	
2887	Hoàng Quang Minh	62/09.03QT	TCDN	06/10/2006	2.80	84	Khá	
2888	Nông Quang Huy	62/09.03QT	TCDN	30/11/2006	3.05	84	Khá	
2889	Vũ Minh Hiếu	62/09.03QT	TCDN	13/05/2006	2.91	82	Khá	
2890	Nguyễn Tuấn Dũng	62/09.03QT	TCDN	10/09/2006	2.55	82	Khá	
2891	Trần Trung Hiếu	62/09.04	TCDN	09/11/2006	2.67	82	Khá	
2892	Trần Thị Thùy Dương	62/09.04	TCDN	10/12/2006	2.67	82	Khá	
2893	Đặng Lê Vũ Nguyên	62/09.04	TCDN	12/06/2006	3.19	85	Khá	
2894	Vũ Bích Hà	62/09.04	TCDN	10/11/2006	2.57	84	Khá	
2895	Phạm Kim Dương	62/09.04	TCDN	27/12/2006	3.19	86	Khá	
2896	Chu Thúy Quỳnh	62/09.04	TCDN	12/04/2006	3.10	86	Khá	
2897	Phạm Thanh Vân	62/09.04	TCDN	24/12/2006	3.00	82	Khá	
2898	Đỗ Ngọc Minh Tâm	62/09.04QT	TCDN	17/06/2006	3.05	82	Khá	
2899	Trịnh Thùy An	62/09.04QT	TCDN	18/09/2006	2.98	88	Khá	
2900	Lê Thị Trang Linh	62/09.04QT	TCDN	07/12/2006	3.05	91	Khá	
2901	Bùi Thế Sơn	62/09.04QT	TCDN	16/11/2006	3.07	82	Khá	
2902	Trần Minh Chiến	62/09.04QT	TCDN	17/02/2006	3.14	82	Khá	
2903	Tô Mai Khanh	62/09.04QT	TCDN	17/10/2006	2.64	82	Khá	
2904	Nguyễn Quỳnh Thy	62/09.04QT	TCDN	08/07/2006	2.52	82	Khá	
2905	Nguyễn Khánh Linh	62/09.04QT	TCDN	03/05/2006	3.18	84	Khá	
2906	Hoàng Khánh Linh	62/09.05QT	TCDN	25/04/2006	2.73	86	Khá	
2907	Nguyễn Phạm Phương Nhi	62/09.05QT	TCDN	21/04/2006	3.18	89	Khá	
2908	Vũ Thảo Nguyên	62/09.05QT	TCDN	17/02/2006	2.98	86	Khá	
2909	Trần Bảo Trân	62/09.05QT	TCDN	03/12/2006	3.11	84	Khá	
2910	Văn Thị Tuệ Minh	62/09.05QT	TCDN	29/09/2006	3.09	87	Khá	
2911	Nguyễn Mỹ Uyên	62/09.05QT	TCDN	27/10/2006	2.57	82	Khá	
2912	Nguyễn Thanh Hưng	62/09.05QT	TCDN	05/08/2006	2.93	83	Khá	
2913	Lê Quang Thái Dương	62/09.05QT	TCDN	21/01/2006	2.52	82	Khá	
2914	Phan Minh Phương	62/09.06QT	TCDN	29/07/2006	2.77	86	Khá	
2915	Lê Thu Trà	62/09.06QT	TCDN	30/09/2006	2.77	90	Khá	
2916	Đinh Duy Tùng	62/09.06QT	TCDN	16/04/2006	2.52	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2917	Dương Cao Như Quỳnh	62/09.06QT	TCDN	17/05/2006	2.61	89	Khá	
2918	Nguyễn Minh Quân	62/09.06QT	TCDN	07/06/2006	3.09	89	Khá	
2919	Đỗ Mai Trang	62/09.06QT	TCDN	30/10/2006	2.98	84	Khá	
2920	Nguyễn Trí Trung	62/09.06QT	TCDN	23/09/2006	2.93	85	Khá	
2921	Phạm Phương Uyên	62/09.06QT	TCDN	20/05/2006	2.75	87	Khá	
2922	Nguyễn Thị Thanh Ngân	62/09.06QT	TCDN	01/09/2006	3.07	83	Khá	
2923	Phạm Việt Đức	62/09.06QT	TCDN	17/01/2006	2.61	83	Khá	
2924	Nguyễn Mạnh Đức	62/09.06QT	TCDN	02/01/2006	2.57	83	Khá	
2925	Nguyễn Phương Linh	62/11.01	TCDN	17/07/2006	3.10	86	Khá	
2926	Ngô Thị Thùy Trang	62/11.01	TCDN	09/12/2006	2.74	85	Khá	
2927	Lê Bảo Ninh	62/11.01	TCDN	24/04/2006	2.90	84	Khá	
2928	Phan Thị Phương Linh	62/11.01	TCDN	14/03/2006	3.10	85	Khá	
2929	Lương Minh Ngọc	62/11.01	TCDN	10/01/2006	3.10	82	Khá	
2930	Hoàng Bảo Linh	62/11.01	TCDN	12/12/2006	2.86	83	Khá	
2931	Ngô Quang Thái	62/11.01	TCDN	21/09/2006	3.17	83	Khá	
2932	Lưu Vũ Hà Trang	62/11.01QT	TCDN	04/09/2006	2.69	82	Khá	
2933	Trần Phạm Phương Thảo	62/11.01QT	TCDN	08/03/2006	2.83	83	Khá	
2934	Nguyễn Tuấn Anh	62/11.01QT	TCDN	23/04/2006	2.79	88	Khá	
2935	Đồng Đức Minh	62/11.01QT	TCDN	26/06/2006	3.02	83	Khá	
2936	Trần Thị Minh Châu	62/11.01QT	TCDN	17/06/2006	2.55	84	Khá	
2937	Phùng Gia Bảo	62/11.01QT	TCDN	29/12/2006	2.85	82	Khá	
2938	Vũ Thị Khánh Linh	62/11.01QT	TCDN	31/12/2006	2.65	84	Khá	
2939	Nguyễn Anh Minh	62/11.01QT	TCDN	25/05/2006	2.52	83	Khá	
2940	Nguyễn Thiên Hương	62/11.01QT	TCDN	25/06/2006	3.02	89	Khá	
2941	Nguyễn Mai Anh	62/11.02	TCDN	22/08/2006	3.07	82	Khá	
2942	Nguyễn Khánh Linh	62/11.02	TCDN	14/10/2006	3.14	82	Khá	
2943	Lê Minh Đức	62/11.02	TCDN	12/02/2006	2.67	83	Khá	
2944	Vũ Thu Trang	62/11.02	TCDN	06/10/2006	3.05	82	Khá	
2945	Vũ Ngọc Minh	62/11.02	TCDN	08/07/2006	2.81	82	Khá	
2946	Lương Quý Ngọc	62/11.02QT	TCDN	10/03/2006	3.02	90	Khá	
2947	Trịnh Tuệ Nhi	62/11.02QT	TCDN	29/08/2006	3.00	85	Khá	
2948	Hoàng Huyền Nhi	62/11.02QT	TCDN	11/11/2006	2.60	83	Khá	
2949	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	62/11.02QT	TCDN	16/04/2006	3.13	86	Khá	
2950	Nguyễn Ngọc Anh	62/11.02QT	TCDN	21/12/2006	2.80	84	Khá	
2951	Nguyễn Đức Quang	62/11.02QT	TCDN	21/11/2006	2.50	83	Khá	
2952	Trần Phương Thảo	62/11.03	TCDN	11/02/2005	2.76	83	Khá	
2953	Nguyễn Tuấn Khôi	62/11.03	TCDN	11/09/2006	2.60	85	Khá	
2954	Trần Hà Linh Nhi	62/11.03	TCDN	18/06/2006	2.50	83	Khá	
2955	Vũ Hoàng Hà	62/11.03	TCDN	30/08/2006	3.14	82	Khá	
2956	Bùi Bảo Nhi	62/11.03	TCDN	30/06/2006	3.12	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2957	Nguyễn Bảo Ngọc	62/11.03	TCDN	16/12/2006	2.60	83	Khá	
2958	Nguyễn Thị Bảo Trang	62/11.03	TCDN	03/06/2006	3.14	82	Khá	
2959	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	62/11.03	TCDN	17/03/2006	2.76	82	Khá	
2960	Nguyễn Văn Huy	62/11.03QT	TCDN	29/08/2006	3.13	83	Khá	
2961	Nguyễn Khánh An	62/11.03QT	TCDN	17/10/2006	2.81	85	Khá	
2962	Nguyễn Thị Yến Vi	62/11.03QT	TCDN	23/08/2006	2.60	83	Khá	
2963	Nguyễn Vũ An Nguyên	62/11.03QT	TCDN	06/11/2006	2.52	82	Khá	
2964	Trần Khánh Duy	62/11.03QT	TCDN	01/11/2005	2.96	82	Khá	
2965	Trần Đặng Tấn Phát	62/11.03QT	TCDN	12/07/2006	2.98	84	Khá	
2966	Phùng Khánh Linh	62/11.03QT	TCDN	16/12/2006	3.08	89	Khá	
2967	Nguyễn Thành Luân	62/11.03QT	TCDN	17/10/2006	3.00	83	Khá	
2968	Lương Trung Hiếu	62/11.03QT	TCDN	16/06/2006	2.83	84	Khá	
2969	Nguyễn Quỳnh Mai	62/11.03QT	TCDN	10/06/2006	3.10	89	Khá	
2970	Nguyễn Hoàng Lâm	62/11.04	TCDN	05/12/2006	3.14	82	Khá	
2971	Lê Vũ Quỳnh Anh	62/11.04	TCDN	02/09/2006	3.12	88	Khá	
2972	Thân Nguyễn Việt Ngân	62/11.04	TCDN	03/11/2006	3.00	83	Khá	
2973	Nguyễn Ngọc Linh	62/11.04	TCDN	31/01/2006	3.19	82	Khá	
2974	Lưu Quý Bảo	62/11.04	TCDN	19/07/2006	3.02	86	Khá	
2975	Phạm Thị Hải Vân	62/11.04	TCDN	01/06/2005	2.71	82	Khá	
2976	Ngô Ngọc Mai	62/11.04	TCDN	20/04/2005	3.07	84	Khá	
2977	Lê Hồng Hải	62/11.04	TCDN	18/01/2006	3.05	82	Khá	
2978	Nguyễn Minh Tâm	62/11.04	TCDN	22/06/2006	3.19	82	Khá	
2979	Nguyễn Minh Ngọc	62/11.04	TCDN	13/04/2006	2.95	84	Khá	
2980	Phạm Diệu Linh	62/11.04	TCDN	14/11/2006	3.17	83	Khá	
2981	Trương Đỗ Ánh Nguyệt	62/11.04QT	TCDN	14/01/2006	2.90	87	Khá	
2982	Nguyễn Tiến Thành	62/11.04QT	TCDN	17/07/2006	2.77	83	Khá	
2983	Chu Phương Thúy	62/11.04QT	TCDN	14/10/2006	2.58	87	Khá	
2984	Phùng Nguyễn Bảo Anh	62/11.04QT	TCDN	26/12/2006	3.06	86	Khá	
2985	Vũ Nhật Quang	62/11.04QT	TCDN	12/05/2006	2.65	88	Khá	
2986	Nguyễn Phương An	62/11.04QT	TCDN	17/09/2006	2.67	85	Khá	
2987	Lê Minh Khôi	62/11.04QT	TCDN	21/06/2006	2.58	83	Khá	
2988	Nguyễn Phương Anh	62/11.04QT	TCDN	02/01/2006	3.19	86	Khá	
2989	Tạ Hoàng Diệu Linh	62/11.04QT	TCDN	16/09/2006	2.69	83	Khá	
2990	Đào Thái Khang	62/11.05	TCDN	15/05/2006	2.69	84	Khá	
2991	Nguyễn Thị Hà My	62/11.05	TCDN	02/08/2006	2.69	87	Khá	
2992	Nguyễn Hương Giang	62/11.05	TCDN	18/01/2006	3.05	88	Khá	
2993	Trần Khánh Phương	62/11.05	TCDN	28/10/2006	2.74	82	Khá	
2994	Lê Thị Thu Hà	62/11.05	TCDN	06/03/2006	3.10	84	Khá	
2995	Phạm Phương Linh	62/11.05	TCDN	19/12/2006	2.83	91	Khá	
2996	Võ Hoàng Dung	62/11.05	TCDN	28/01/2006	3.07	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
2997	Bế Hoàng Hùng	62/11.05	TCDN	09/03/2006	3.12	86	Khá	
2998	Trương Cẩm Vân	62/11.05	TCDN	06/10/2006	3.19	82	Khá	
2999	Lưu Trần Minh Anh	62/11.05	TCDN	22/09/2006	3.19	89	Khá	
3000	Lê Vĩnh Phúc	62/11.05QT	TCDN	04/06/2006	2.92	85	Khá	
3001	Trần Đình Thành	62/11.05QT	TCDN	08/01/2006	3.15	83	Khá	
3002	Lưu Hiếu Ngân	62/11.05QT	TCDN	19/03/2006	2.81	85	Khá	
3003	Tạ Phúc Khánh Linh	62/11.05QT	TCDN	11/12/2006	3.19	87	Khá	
3004	Trần Mai Chi	62/11.05QT	TCDN	16/09/2006	2.54	85	Khá	
3005	Nguyễn An Quốc	62/11.05QT	TCDN	15/11/2006	2.69	83	Khá	
3006	Lê Mậu Gia Bảo	62/11.05QT	TCDN	05/01/2006	2.50	86	Khá	
3007	Trịnh Phương Ly	62/11.05QT	TCDN	13/11/2006	2.81	89	Khá	
3008	Vũ Hoàng Anh	62/11.05QT	TCDN	31/05/2006	2.65	84	Khá	
3009	Tô Thùy Châm	62/11.05QT	TCDN	07/03/2006	2.63	83	Khá	
3010	Nguyễn Lê Khánh Linh	62/11.05QT	TCDN	31/03/2006	3.15	92	Khá	
3011	Ngô Khánh Huyền	62/11.05QT	TCDN	06/02/2006	2.92	89	Khá	
3012	Nguyễn Yến Nhi	62/11.06	TCDN	01/10/2006	2.95	89	Khá	
3013	Nguyễn Bảo Khánh	62/11.06	TCDN	17/03/2006	2.97	83	Khá	
3014	Trần Đức Trung	62/11.06	TCDN	25/01/2006	2.88	82	Khá	
3015	Dương Ngọc Linh	62/11.06	TCDN	16/09/2006	2.86	83	Khá	
3016	Phạm Thùy Linh	62/11.06	TCDN	10/08/2006	3.02	82	Khá	
3017	Nguyễn Linh Giang	62/11.06	TCDN	05/01/2006	2.64	83	Khá	
3018	Trần Bảo Hân	62/11.06QT	TCDN	22/08/2006	2.88	82	Khá	
3019	Hồ Trần Minh Châu	62/11.06QT	TCDN	26/09/2006	2.75	88	Khá	
3020	Nguyễn Minh Huyền	62/11.06QT	TCDN	17/09/2006	3.00	83	Khá	
3021	Phan Hà Vy	62/11.06QT	TCDN	13/05/2006	2.56	82	Khá	
3022	Ngô Đăng Chính	62/11.06QT	TCDN	18/11/2006	2.96	82	Khá	
3023	Võ Văn Toàn	62/11.06QT	TCDN	02/01/2006	2.96	89	Khá	
3024	Lê Minh Đức	62/11.06QT	TCDN	20/06/2006	2.69	84	Khá	
3025	Phạm Thùy Linh	62/11.06QT	TCDN	13/09/2006	2.52	82	Khá	
3026	Phạm Trung Dũng	62/11.06QT	TCDN	11/06/2006	2.92	82	Khá	
3027	Nguyễn Ngọc Linh	62/11.06QT	TCDN	29/09/2006	2.96	87	Khá	
3028	Phùng Hải Minh	62/11.07QT	TCDN	24/05/2006	2.92	84	Khá	
3029	Nguyễn Thành Công	62/11.07QT	TCDN	05/01/2006	2.83	84	Khá	
3030	Nguyễn Dương Bảo Châu	62/11.07QT	TCDN	26/09/2006	3.04	84	Khá	
3031	Trần Đức Trung	62/11.07QT	TCDN	15/01/2006	3.19	83	Khá	
3032	Hoàng Minh Khang	62/11.07QT	TCDN	02/12/2006	2.75	82	Khá	
3033	Đỗ Gia Minh Ngọc	62/11.07QT	TCDN	18/12/2006	3.06	85	Khá	
3034	Phạm Ngọc Bảo Trâm	62/11.07QT	TCDN	26/03/2006	3.15	90	Khá	
3035	Trương Mỹ Linh	62/11.07QT	TCDN	11/08/2006	2.69	86	Khá	
3036	Nguyễn Thị Vân Anh	62/11.08QT	TCDN	06/02/2006	2.69	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3037	Phạm Việt Hưng	62/11.08QT	TCDN	20/10/2006	2.75	83	Khá	
3038	Trịnh Bảo An Chi	62/11.08QT	TCDN	03/04/2006	2.50	86	Khá	
3039	Nguyễn Hải Yến	62/11.08QT	TCDN	11/10/2005	3.10	86	Khá	
3040	Phạm Khánh Linh	62/11.08QT	TCDN	31/01/2006	3.06	82	Khá	
3041	Đoàn Minh Anh	62/11.08QT	TCDN	21/07/2006	2.94	85	Khá	
3042	Hồ Anh Tuấn	62/11.08QT	TCDN	01/06/2006	2.81	82	Khá	
3043	Nguyễn Hoàng Việt Đức	62/11.08QT	TCDN	20/10/2006	3.17	83	Khá	
3044	Nguyễn Thị Thùy Dung	62/11.08QT	TCDN	24/04/2006	2.68	83	Khá	
3045	Nguyễn Phú Hưng	62/11.09QT	TCDN	04/07/2006	3.13	82	Khá	
3046	Nguyễn Lê Khánh Huyền	62/11.09QT	TCDN	15/11/2006	2.67	83	Khá	
3047	Đỗ Hải Lâm	62/11.09QT	TCDN	04/07/2006	2.73	84	Khá	
3048	Trần Bùi Khánh Ngọc	62/11.09QT	TCDN	26/03/2006	3.13	84	Khá	
3049	Nguyễn Hữu Đạt	62/11.09QT	TCDN	13/03/2006	3.17	85	Khá	
3050	Bùi Phương Dung	62/11.09QT	TCDN	15/03/2006	2.90	87	Khá	
3051	Bùi Thị Thu Hiền	62/11.09QT	TCDN	08/09/2005	2.81	86	Khá	
3052	Phí Kim Khánh	62/11.09QT	TCDN	29/10/2006	2.54	84	Khá	
3053	Nguyễn Quang Minh	62/11.09QT	TCDN	28/01/2006	3.15	88	Khá	
3054	Hoàng Gia Hân	62/11.09QT	TCDN	08/10/2006	2.85	87	Khá	
3055	Đoàn Phương Ngân	62/11.09QT	TCDN	15/08/2005	3.04	85	Khá	
3056	Tạ Bích Phương	62/11.09QT	TCDN	25/07/2006	3.00	88	Khá	
3057	Nguyễn Văn Hải Linh	62/11.10QT	TCDN	29/04/2006	3.02	89	Khá	
3058	Nguyễn Ngọc Diệp	62/11.10QT	TCDN	07/12/2006	3.13	88	Khá	
3059	Hoàng An Khang	62/11.10QT	TCDN	19/01/2006	3.02	82	Khá	
3060	Trần Vũ Hoàng Long	62/11.10QT	TCDN	15/02/2006	3.19	85	Khá	
3061	Nguyễn Hoàng Dương	62/11.10QT	TCDN	15/11/2006	2.75	84	Khá	
3062	Phùng Bích Ngọc	62/11.10QT	TCDN	13/03/2006	2.88	88	Khá	
3063	Lê Tuấn Minh	62/11.10QT	TCDN	28/03/2006	2.83	87	Khá	
3064	Đỗ Thị Thanh Hương	62/11.10QT	TCDN	05/11/2005	2.94	83	Khá	
3065	Cao Trần Quỳnh Vân	62/11.11QT	TCDN	06/08/2006	2.94	87	Khá	
3066	Trần Thùy Trang	62/11.11QT	TCDN	19/09/2006	2.85	81	Khá	
3067	Ngô Thùy Trang	62/11.11QT	TCDN	29/07/2006	3.17	89	Khá	
3068	Lê Phạm Minh Phương	62/11.11QT	TCDN	06/03/2006	3.15	82	Khá	
3069	Trần Mai Trang	62/11.11QT	TCDN	16/11/2006	2.60	83	Khá	
3070	Trần Minh Phương Thảo	62/11.11QT	TCDN	11/10/2005	2.52	82	Khá	
3071	Nguyễn Quang Huy	62/11.11QT	TCDN	09/12/2006	3.08	88	Khá	
3072	Nguyễn Thị Yến Nhi	62/11.11QT	TCDN	22/04/2006	2.50	83	Khá	
3073	Nguyễn Minh Long	62/11.11QT	TCDN	15/12/2006	2.98	82	Khá	
3074	Nguyễn Thu Trang	62/11.11QT	TCDN	06/02/2006	2.79	85	Khá	
3075	Trần Ngọc Minh	62/11.11QT	TCDN	09/07/2006	3.00	88	Khá	
3076	Đỗ Thanh Tuyền	62/11.11QT	TCDN	11/07/2006	3.15	86	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3077	Tống Minh Tuấn	62/11.11QT	TCDN	29/04/2006	2.81	81	Khá	
3078	Trần Thành Công	62/11.12QT	TCDN	27/06/2006	2.73	83	Khá	
3079	Vũ Thanh Huyền	62/11.12QT	TCDN	13/11/2006	3.19	84	Khá	
3080	Hoàng Anh Quân	62/11.12QT	TCDN	20/07/2006	3.17	82	Khá	
3081	Đoàn Đức Hùng	62/11.12QT	TCDN	14/05/2006	2.65	88	Khá	
3082	Nguyễn Khánh Linh	62/11.12QT	TCDN	09/05/2006	2.63	83	Khá	
3083	Lê Hiển Long	62/11.13QT	TCDN	17/11/2006	2.58	82	Khá	
3084	Phạm Phương Anh	62/11.13QT	TCDN	05/06/2006	3.04	84	Khá	
3085	Vũ Dũng	62/11.13QT	TCDN	08/03/2006	2.71	85	Khá	
3086	Trần Ngọc Quỳnh Anh	62/11.13QT	TCDN	12/01/2006	2.63	89	Khá	
3087	Tống Khánh Linh	62/11.13QT	TCDN	17/10/2006	2.56	85	Khá	
3088	Lê Quỳnh Anh	62/11.13QT	TCDN	21/04/2006	3.08	88	Khá	
3089	Lê Nam Khánh	62/11.13QT	TCDN	25/05/2006	2.73	84	Khá	
3090	Hoàng Mỹ Hà	62/11.13QT	TCDN	22/11/2006	2.73	83	Khá	
3091	Nguyễn Đức Anh	62/11.13QT	TCDN	07/04/2006	2.54	82	Khá	
3092	Đỗ Phan Minh Huyền	62/11.13QT	TCDN	23/01/2006	2.58	84	Khá	
3093	Nguyễn Thu Phương	62/11.14QT	TCDN	08/09/2006	2.65	82	Khá	
3094	Trần Huyền Anh	62/11.14QT	TCDN	28/07/2006	2.85	87	Khá	
3095	Nguyễn Tâm Tuệ	62/11.14QT	TCDN	21/10/2006	2.85	82	Khá	
3096	Trần Quỳnh Phương	62/11.14QT	TCDN	06/03/2006	2.83	87	Khá	
3097	Nguyễn Mai Trang	62/11.14QT	TCDN	12/08/2006	3.08	84	Khá	
3098	Nguyễn Hà Phương	62/11.14QT	TCDN	14/04/2006	2.83	83	Khá	
3099	Nguyễn Trúc Linh Đan	62/11.14QT	TCDN	11/01/2006	2.88	86	Khá	
3100	Đặng Minh Thái	62/11.14QT	TCDN	08/12/2006	3.08	84	Khá	
3101	Dương Quỳnh Chi	62/16.01	TCDN	27/11/2006	3.00	83	Khá	
3102	Lê Thị Khánh Huyền	62/16.01	TCDN	02/11/2006	2.67	82	Khá	
3103	Phạm Hoàng Gia Linh	62/16.01	TCDN	09/11/2006	2.74	84	Khá	
3104	Triệu Bích Diệp	62/16.01	TCDN	11/10/2006	2.88	82	Khá	
3105	Trịnh Phương Loan	62/16.01	TCDN	01/04/2006	2.83	84	Khá	
3106	Nguyễn Đặng Dũng	62/16.01	TCDN	15/06/2006	2.95	82	Khá	
3107	Lê Minh Phương	62/16.01	TCDN	06/09/2006	2.83	82	Khá	
3108	Phan Anh Huy	62/16.02	TCDN	10/05/2006	3.07	80	Khá	
3109	Hoàng Anh Thư	62/16.02	TCDN	07/06/2006	2.95	82	Khá	
3110	Phó Đức Minh Tân	62/16.02	TCDN	28/12/2006	3.07	84	Khá	
3111	Nghiêm Minh Ngọc	62/16.02	TCDN	07/11/2006	2.76	83	Khá	
3112	Nguyễn Thùy Trang	62/16.02	TCDN	15/01/2004	3.19	82	Khá	
3113	Lưu Thanh Thảo	62/16.02	TCDN	13/03/2006	3.12	85	Khá	
3114	Lê Quang Minh	63.01.09	TCDN	10/09/2007	3.15	88	Khá	
3115	Hoàng Minh Ngọc	63.01.09	TCDN	21/09/2007	3.08	83	Khá	
3116	Đồng Uyên Nhi	63.01.09	TCDN	20/08/2007	2.73	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3117	Nguyễn Hùng Minh	63.01.09	TCDN	18/05/2007	2.65	83	Khá	
3118	Hoàng Quang Anh	63.01.09QT.01	TCDN	22/01/2007	2.54	82	Khá	
3119	Chu Minh Tiệp	63.01.09QT.01	TCDN	09/03/2007	3.00	84	Khá	
3120	Dương Đức Mạnh	63.01.09QT.01	TCDN	02/06/2007	3.04	84	Khá	
3121	Ngô Phước Nguyên	63.01.09QT.01	TCDN	26/12/2007	3.17	84	Khá	
3122	Nguyễn Thu Minh	63.01.09QT.01	TCDN	02/09/2007	3.08	86	Khá	
3123	Ngô Thùy Trang	63.01.09QT.01	TCDN	26/06/2007	2.71	83	Khá	
3124	Ngô Nhật Uyên	63.01.09QT.02	TCDN	10/11/2007	3.13	85	Khá	
3125	Nguyễn Thị Tường Vy	63.01.09QT.02	TCDN	10/02/2007	3.17	88	Khá	
3126	Phạm Mạnh Hùng	63.01.09QT.02	TCDN	05/03/2007	2.50	85	Khá	
3127	Nguyễn Huy Anh	63.01.09QT.02	TCDN	14/10/2007	3.08	83	Khá	
3128	Lương Nguyễn Anh Quân	63.01.09QT.02	TCDN	15/08/2007	2.92	83	Khá	
3129	Vũ Đức Dũng	63.01.09QT.02	TCDN	26/04/2007	3.17	89	Khá	
3130	Lê Khánh Ngọc	63.01.09QT.02	TCDN	22/01/2007	3.17	86	Khá	
3131	Nguyễn Huyền Linh	63.01.09QT.02	TCDN	20/12/2007	2.79	87	Khá	
3132	Nguyễn Tâm Đan	63.01.09QT.03	TCDN	30/05/2007	3.08	84	Khá	
3133	Đỗ Minh Đức	63.01.09QT.03	TCDN	02/09/2007	3.13	83	Khá	
3134	Nguyễn Hạnh Ngọc Diệp	63.01.09QT.03	TCDN	12/04/2007	2.75	83	Khá	
3135	Nguyễn Diệp Chi	63.01.09QT.03	TCDN	01/09/2007	3.00	89	Khá	
3136	Nguyễn Nhật Minh	63.01.09QT.03	TCDN	30/09/2007	3.13	83	Khá	
3137	Lê Hồng Dung	63.01.09QT.03	TCDN	13/11/2007	2.67	85	Khá	
3138	Nguyễn Việt Đăng Khoa	63.01.09QT.03	TCDN	06/11/2007	3.13	85	Khá	
3139	Dương Nhật Minh	63.01.09QT.04	TCDN	05/12/2007	2.83	83	Khá	
3140	Nguyễn Văn Huy	63.01.09QT.04	TCDN	12/05/2007	3.08	88	Khá	
3141	Vũ Hoàng Long	63.01.09QT.04	TCDN	11/08/2007	2.83	83	Khá	
3142	Phạm Thu Trang	63.01.09QT.04	TCDN	04/02/2007	2.92	84	Khá	
3143	Mai Nhật Minh	63.01.09QT.04	TCDN	19/02/2007	2.96	88	Khá	
3144	Nguyễn Trung Sỹ	63.01.09QT.04	TCDN	27/04/2007	2.63	83	Khá	
3145	Đỗ Xuân An	63.01.09QT.04	TCDN	07/12/2007	3.04	84	Khá	
3146	Đồng Minh Ngọc	63.01.09QT.04	TCDN	10/11/2007	3.13	84	Khá	
3147	Phạm Bảo Ngân	63.01.09QT.04	TCDN	13/02/2007	3.13	85	Khá	
3148	Nguyễn Thu Thảo	63.01.09QT.05	TCDN	30/09/2007	3.08	82	Khá	
3149	Vũ Hồng Thủy	63.01.09QT.05	TCDN	04/06/2007	2.79	84	Khá	
3150	Nguyễn Uyển Nhi	63.01.09QT.05	TCDN	20/11/2007	2.75	82	Khá	
3151	Nguyễn Thị Minh Thư	63.01.09QT.05	TCDN	23/07/2007	2.75	85	Khá	
3152	Nguyễn Thị Hải Yến	63.01.09QT.05	TCDN	05/03/2007	2.83	89	Khá	
3153	Nguyễn Nhật Anh	63.01.09QT.05	TCDN	18/09/2007	2.96	82	Khá	
3154	Phạm Ngọc Ánh	63.01.09QT.05	TCDN	18/02/2006	2.67	86	Khá	
3155	Nguyễn Minh Anh	63.01.09QT.05	TCDN	18/12/2007	2.83	86	Khá	
3156	Vương Thị Thanh Tú	63.01.09QT.05	TCDN	21/07/2007	2.96	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3157	Phạm Trà My	63.01.09QT.05	TCDN	22/02/2007	2.75	88	Khá	
3158	Dương Uyển Nhi	63.01.09QT.05	TCDN	24/02/2007	2.58	83	Khá	
3159	Hà Thị Quỳnh Trâm	63.01.09QT.05	TCDN	04/07/2007	2.63	84	Khá	
3160	Đinh Thảo Vi	63.01.09QT.05	TCDN	30/03/2007	2.75	86	Khá	
3161	Trần Ngọc Sơn	63.01.09QT.05	TCDN	27/01/2007	2.88	88	Khá	
3162	Trần Ngọc Minh	63.01.09QT.05	TCDN	21/10/2007	2.63	84	Khá	
3163	Phạm Hải Đăng	63.01.09QT.06	TCDN	07/06/2007	2.58	86	Khá	
3164	Nguyễn Hà Anh Tuấn	63.01.09QT.06	TCDN	13/02/2007	2.71	82	Khá	
3165	Trần Duy Anh	63.01.09QT.06	TCDN	21/09/2007	2.71	84	Khá	
3166	Nguyễn Đường Sơn	63.01.09QT.06	TCDN	30/03/2007	2.96	82	Khá	
3167	Nguyễn Huy Hoàng	63.01.09QT.06	TCDN	04/03/2007	2.88	82	Khá	
3168	Trương Xuân Hoàng	63.01.09QT.06	TCDN	07/09/2007	3.08	82	Khá	
3169	Hoàng Đình Đăng	63.01.09QT.06	TCDN	31/03/2007	2.71	85	Khá	
3170	Hà Thị Thùy Trinh	63.01.09QT.06	TCDN	31/01/2007	3.17	84	Khá	
3171	Lại Thị Minh Huyền	63.01.09QT.06	TCDN	02/03/2007	2.88	84	Khá	
3172	Dương Thanh Thảo	63.01.09QT.06	TCDN	24/09/2007	3.04	85	Khá	
3173	Nguyễn Thị Khánh Huyền	63.01.09QT.06	TCDN	01/05/2007	2.63	84	Khá	
3174	Nguyễn Ngọc My	63.01.09QT.06	TCDN	20/04/2007	3.08	82	Khá	
3175	Trương Thị Nhật Linh	63.01.09QT.06	TCDN	19/09/2004	2.71	83	Khá	
3176	Đinh Văn Toàn	63.01.09QT.06	TCDN	28/09/2007	2.83	89	Khá	
3177	Nguyễn Tấn Dũng	63.01.09QT.06	TCDN	30/12/2007	2.92	85	Khá	
3178	Phạm Thị Hồng Phượng	63.01.09QT.06	TCDN	09/12/2007	2.54	84	Khá	
3179	Khổng Đức Thọ	63.01.09QT.06	TCDN	25/03/2007	3.17	83	Khá	
3180	Nguyễn Khánh Linh	63.01.10	TCDN	09/02/2007	3.12	82	Khá	
3181	Nguyễn Huy Hoàn	63.01.10	TCDN	08/12/2007	2.50	83	Khá	
3182	Nguyễn Công Hoàng	63.01.10	TCDN	14/08/2007	2.54	82	Khá	
3183	Nguyễn Tuấn Kiệt	63.01.10	TCDN	26/05/2007	3.12	82	Khá	
3184	Nguyễn Thái Hà	63.01.10	TCDN	27/04/2007	3.12	86	Khá	
3185	Trịnh Văn Hưng	63.01.10	TCDN	12/11/2007	2.69	83	Khá	
3186	Nguyễn Đình Hoàng Hải	63.01.10	TCDN	04/09/2007	3.08	82	Khá	
3187	Phí Lê Minh	63.01.10	TCDN	26/10/2007	3.00	82	Khá	
3188	Nguyễn Kim Ngân	63.01.11	TCDN	21/11/2007	3.19	83	Khá	
3189	Lưu Minh Vũ	63.01.11	TCDN	27/06/2007	3.15	82	Khá	
3190	Trương Quang Duy	63.01.11	TCDN	25/08/2007	3.12	83	Khá	
3191	Ngô Thái Phong	63.01.11	TCDN	30/09/2007	3.00	83	Khá	
3192	Phùng Bá Mạnh	63.01.11	TCDN	19/04/2007	3.00	81	Khá	
3193	Nguyễn Thị Mai Phương	63.01.11	TCDN	27/08/2007	3.08	85	Khá	
3194	Trần Anh Kiên	63.01.11	TCDN	02/08/2007	3.04	83	Khá	
3195	Trịnh Phương Thảo	63.01.11	TCDN	11/11/2007	2.85	86	Khá	
3196	Bùi Phương Thảo	63.01.11	TCDN	01/10/2007	3.08	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3197	Ngô Phương Anh	63.01.11	TCDN	16/02/2007	3.19	84	Khá	
3198	Nguyễn Đình Bách	63.01.11QT.01	TCDN	10/11/2007	2.50	83	Khá	
3199	Nguyễn Doanh Doanh	63.01.11QT.01	TCDN	01/01/2007	3.12	85	Khá	
3200	Trần Khôi Nguyên	63.01.11QT.01	TCDN	19/09/2007	3.08	82	Khá	
3201	Nguyễn Ngọc Linh	63.01.11QT.01	TCDN	06/12/2007	3.12	84	Khá	
3202	Võ Quý Dũng	63.01.11QT.01	TCDN	27/03/2007	2.92	81	Khá	
3203	Nguyễn Minh Huy	63.01.11QT.02	TCDN	20/08/2007	2.88	84	Khá	
3204	Nguyễn Đăng Ninh	63.01.11QT.02	TCDN	30/12/2007	2.96	82	Khá	
3205	Đặng Quang Anh	63.01.11QT.02	TCDN	10/03/2007	3.15	82	Khá	
3206	Nguyễn Duy Trọng	63.01.11QT.02	TCDN	29/06/2007	2.73	83	Khá	
3207	Trương Thục Anh	63.01.11QT.02	TCDN	22/02/2007	2.85	83	Khá	
3208	Nguyễn Tuấn Phong	63.01.11QT.02	TCDN	14/02/2007	3.12	88	Khá	
3209	Phạm Vũ Hồng An	63.01.11QT.02	TCDN	07/09/2007	3.04	83	Khá	
3210	Trần Tuấn Minh	63.01.11QT.02	TCDN	26/10/2007	3.00	84	Khá	
3211	Hoàng Văn Chiến	63.01.11QT.03	TCDN	15/05/2007	3.12	83	Khá	
3212	Nguyễn Gia Khánh	63.01.11QT.03	TCDN	08/05/2007	2.88	86	Khá	
3213	Lê Anh Khôi	63.01.11QT.03	TCDN	20/10/2007	3.08	83	Khá	
3214	Đinh An Như	63.01.11QT.03	TCDN	18/07/2007	2.96	84	Khá	
3215	Vũ Khánh Toàn	63.01.11QT.03	TCDN	20/11/2007	3.04	83	Khá	
3216	Đặng Minh Việt	63.01.11QT.03	TCDN	14/12/2007	3.00	85	Khá	
3217	Trần Hải Hoàng	63.01.11QT.04	TCDN	14/11/2007	2.96	85	Khá	
3218	Tô Khánh Huy	63.01.11QT.04	TCDN	14/08/2007	2.96	84	Khá	
3219	Hoàng Hải Nam	63.01.11QT.04	TCDN	02/11/2007	3.08	88	Khá	
3220	Nguyễn Tuấn Anh	63.01.11QT.04	TCDN	28/12/2007	3.08	84	Khá	
3221	Bùi Việt Dũng	63.01.11QT.04	TCDN	25/10/2007	2.77	87	Khá	
3222	Nguyễn Lâm Chi	63.01.11QT.04	TCDN	19/01/2007	3.15	83	Khá	
3223	Lê Thành Phát	63.01.11QT.05	TCDN	01/02/2007	3.00	86	Khá	
3224	Hà Thanh Mai	63.01.11QT.05	TCDN	06/11/2007	3.15	86	Khá	
3225	Bùi Thu Hằng	63.01.11QT.05	TCDN	05/07/2007	3.19	87	Khá	
3226	Hoàng Lê Quỳnh Anh	63.01.11QT.05	TCDN	08/12/2007	2.88	88	Khá	
3227	Nguyễn Thế Minh	63.01.11QT.05	TCDN	25/10/2007	2.77	86	Khá	
3228	Nguyễn Hữu Hoàng Anh	63.01.11QT.06	TCDN	26/06/2007	3.12	86	Khá	
3229	Nguyễn Trung Quân	63.01.11QT.06	TCDN	02/11/2007	2.77	84	Khá	
3230	Nguyễn Phạm Giang Nam	63.01.11QT.06	TCDN	05/09/2007	2.85	88	Khá	
3231	Nguyễn Thái Anh	63.01.11QT.06	TCDN	10/01/2007	2.69	83	Khá	
3232	Trần Dương Gia Bảo	63.01.11QT.06	TCDN	28/06/2007	2.54	85	Khá	
3233	Trần Quỳnh Chi	63.01.11QT.06	TCDN	11/10/2007	2.96	86	Khá	
3234	Nguyễn Tùng Lâm	63.01.11QT.06	TCDN	15/07/2007	3.12	85	Khá	
3235	Triệu Khánh Chi	63.01.11QT.06	TCDN	16/02/2007	2.92	84	Khá	
3236	Nguyễn Ngọc Dung	63.01.11QT.06	TCDN	11/07/2007	3.19	88	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3237	Nguyễn Tuấn Cường	63.01.11QT.06	TCDN	29/12/2007	2.88	84	Khá	
3238	Nguyễn Khánh Vy	63.01.11QT.07	TCDN	16/11/2007	3.19	83	Khá	
3239	Cao Diệp Linh	63.01.11QT.07	TCDN	20/11/2007	2.85	88	Khá	
3240	Đào Khánh An	63.01.11QT.07	TCDN	13/05/2007	3.08	86	Khá	
3241	Dương Gia Linh	63.01.11QT.07	TCDN	10/04/2007	2.73	83	Khá	
3242	Trần Bảo An	63.01.11QT.07	TCDN	07/12/2007	2.65	87	Khá	
3243	Dương Quỳnh Anh	63.01.11QT.07	TCDN	22/10/2007	2.50	83	Khá	
3244	Nguyễn Hữu Tuấn Hùng	63.01.11QT.07	TCDN	23/03/2007	2.73	84	Khá	
3245	Đoàn Đức Anh	63.01.11QT.07	TCDN	09/11/2007	2.96	86	Khá	
3246	Hà Ngọc Linh	63.01.11QT.07	TCDN	01/10/2007	2.69	83	Khá	
3247	Nguyễn Đức Tâm	63.01.11QT.07	TCDN	02/08/2007	2.92	85	Khá	
3248	Nguyễn Tuấn Đạt	63.01.11QT.07	TCDN	22/11/2007	2.69	85	Khá	
3249	Hoàng Huy Anh	63.01.11QT.07	TCDN	31/10/2007	3.00	83	Khá	
3250	Ngô Thu Hằng	63.01.11QT.07	TCDN	06/01/2007	3.08	88	Khá	
3251	Đinh Tiến Đạt	63.01.11QT.07	TCDN	06/08/2007	2.69	85	Khá	
3252	Triệu Minh Anh	63.01.11QT.07	TCDN	27/10/2007	2.92	85	Khá	
3253	Lê Thuần Anh Quang	63.01.11QT.08	TCDN	10/10/2007	3.19	88	Khá	
3254	Phạm Thu Hương	63.01.11QT.08	TCDN	18/02/2007	2.88	84	Khá	
3255	Quách Tường Vy	63.01.11QT.08	TCDN	02/12/2007	3.19	86	Khá	
3256	Nguyễn Quang Minh	63.01.11QT.08	TCDN	22/10/2007	2.85	84	Khá	
3257	Trần Gia Bách	63.01.11QT.08	TCDN	23/05/2007	2.73	88	Khá	
3258	Vũ Ngân An	63.01.11QT.08	TCDN	20/01/2007	2.96	87	Khá	
3259	Phạm Anh Thư	63.01.11QT.09	TCDN	19/10/2007	3.04	88	Khá	
3260	Nguyễn Nhật Minh Anh	63.01.11QT.09	TCDN	25/09/2007	2.69	84	Khá	
3261	Nguyễn Túc An	63.01.11QT.09	TCDN	16/08/2007	3.12	88	Khá	
3262	Phạm Hương Giang	63.01.11QT.09	TCDN	03/09/2007	2.92	85	Khá	
3263	Trần Anh Tú	63.01.11QT.09	TCDN	07/06/2007	3.08	84	Khá	
3264	Phan Đoàn Phương Thủy	63.01.11QT.09	TCDN	11/03/2007	3.08	84	Khá	
3265	Đoàn Khánh Chi	63.01.11QT.09	TCDN	20/12/2007	3.19	83	Khá	
3266	Trần Lan Phượng	63.01.11QT.09	TCDN	13/09/2007	2.92	83	Khá	
3267	Nguyễn Phương Diện	63.01.11QT.10	TCDN	09/07/2007	3.19	88	Khá	
3268	Phạm Vũ Nam	63.01.11QT.10	TCDN	31/01/2007	3.12	82	Khá	
3269	Đặng Phương Anh	63.01.11QT.10	TCDN	01/01/2007	3.12	84	Khá	
3270	Hoàng Cẩm Linh	63.01.11QT.10	TCDN	19/10/2007	3.12	88	Khá	
3271	Nguyễn Minh Tâm	63.01.11QT.10	TCDN	13/02/2007	2.73	84	Khá	
3272	Đào Thị Thùy Linh	63.01.11QT.10	TCDN	23/04/2007	3.04	85	Khá	
3273	Đào Khánh Linh	63.01.11QT.10	TCDN	10/04/2007	3.12	87	Khá	
3274	Hoàng Khánh Linh	63.01.11QT.10	TCDN	09/03/2007	2.85	82	Khá	
3275	Vũ Minh Duy	63.01.11QT.10	TCDN	11/11/2007	3.12	82	Khá	
3276	Hoàng Văn Chinh	63.01.11QT.10	TCDN	14/10/2007	2.96	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3277	Vũ Thị Minh Hằng	63.01.11QT.11	TCDN	24/12/2007	3.19	83	Khá	
3278	Cao Minh Hoàng	63.01.11QT.11	TCDN	01/01/2007	3.12	85	Khá	
3279	Phan Văn Minh	63.01.11QT.11	TCDN	28/02/2007	3.08	86	Khá	
3280	Nguyễn Khánh Chi	63.01.11QT.11	TCDN	24/12/2007	3.12	85	Khá	
3281	Nguyễn Thiện Dương	63.01.11QT.11	TCDN	12/08/2007	2.85	83	Khá	
3282	Hoàng Thị Bảo Ngọc	63.01.11QT.11	TCDN	10/01/2007	3.08	84	Khá	
3283	Bùi Quang Hiếu	63.01.11QT.11	TCDN	26/11/2007	2.77	84	Khá	
3284	Nguyễn Hoàng Ánh Dương	63.01.11QT.11	TCDN	22/08/2007	3.12	82	Khá	
3285	Ngô Hà Phan	63.01.11QT.11	TCDN	19/11/2007	3.19	82	Khá	
3286	Mạc Thành Đạt	63.01.11QT.11	TCDN	12/02/2007	2.73	82	Khá	
3287	Phùng Minh Đức	63.01.11QT.11	TCDN	08/01/2007	3.00	82	Khá	
3288	Dương Tiến Duy	63.01.11QT.11	TCDN	05/05/2007	2.85	84	Khá	
3289	Nguyễn Vũ Hoàng	63.01.11QT.12	TCDN	01/11/2007	2.65	82	Khá	
3290	Vũ Thị Tâm Anh	63.01.11QT.12	TCDN	01/11/2007	3.04	82	Khá	
3291	Phan Nhật Hoàng	63.01.11QT.12	TCDN	06/08/2007	3.19	83	Khá	
3292	Vương Thị Quỳnh Trang	63.01.11QT.12	TCDN	05/02/2007	2.77	82	Khá	
3293	Lê Phương Anh	63.01.11QT.12	TCDN	29/10/2007	3.12	82	Khá	
3294	Nguyễn Trần Nam Khánh	63.01.11QT.12	TCDN	16/10/2007	3.15	82	Khá	
3295	Khuất Quang Khánh	63.01.11QT.12	TCDN	19/08/2007	3.00	86	Khá	
3296	Hồ Đăng Quang	63.01.11QT.12	TCDN	15/07/2007	2.85	84	Khá	
3297	Vũ Linh Nhi	63.01.11QT.12	TCDN	03/01/2007	2.58	84	Khá	
3298	Bùi Chí Bách	63.01.11QT.13	TCDN	11/08/2007	3.15	84	Khá	
3299	Vương Thị Minh Thư	63.01.11QT.13	TCDN	29/05/2007	2.73	85	Khá	
3300	Đỗ Hoàng Minh	63.01.11QT.13	TCDN	02/12/2007	2.92	86	Khá	
3301	Vũ Quỳnh Anh	63.01.11QT.13	TCDN	10/09/2007	2.77	83	Khá	
3302	Nguyễn Anh Minh	63.01.11QT.13	TCDN	20/07/2007	2.77	83	Khá	
3303	Phan Anh Thư	63.01.11QT.13	TCDN	17/04/2007	3.04	89	Khá	
3304	Đỗ Thị Hạnh Nguyên	63.01.11QT.13	TCDN	27/10/2007	3.19	83	Khá	
3305	Nguyễn Thị Thùy	63.01.11QT.13	TCDN	12/08/2007	2.81	84	Khá	
3306	Ngô Thu Giang	63.01.11QT.13	TCDN	11/07/2007	2.58	86	Khá	
3307	Lại Thị Thanh Thảo	63.01.11QT.13	TCDN	11/07/2007	3.00	85	Khá	
3308	Nguyễn Thị Ngọc Minh	63.01.11QT.13	TCDN	13/01/2007	2.88	85	Khá	
3309	Nguyễn Nam Hưng	63.01.11QT.13	TCDN	18/07/2007	2.73	87	Khá	
3310	Nguyễn Minh Phương	63.01.11QT.13	TCDN	19/05/2007	3.12	88	Khá	
3311	Bùi Lê Thiên Hương	63.01.11QT.13	TCDN	18/04/2007	3.08	86	Khá	
3312	Tạ Anh Thư	63.01.11QT.14	TCDN	31/08/2007	3.08	85	Khá	
3313	Nguyễn Phương Vy	63.01.11QT.14	TCDN	28/09/2007	2.85	85	Khá	
3314	Hà Phương Linh	63.01.11QT.14	TCDN	15/12/2007	2.85	86	Khá	
3315	Phạm Linh Trang	63.01.11QT.14	TCDN	10/02/2007	3.15	86	Khá	
3316	Nguyễn Hà Vy	63.01.11QT.14	TCDN	01/05/2007	2.85	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3317	Phạm Gia Bách	63.01.11QT.14	TCDN	26/04/2007	2.77	83	Khá	
3318	Bùi Khánh Linh	63.01.11QT.14	TCDN	22/08/2007	2.96	88	Khá	
3319	Phí Quang Khải	63.01.11QT.14	TCDN	15/03/2007	3.08	83	Khá	
3320	Đỗ Lê Thu Hà	63.01.11QT.14	TCDN	14/11/2007	2.77	87	Khá	
3321	Trần Thị Diệu Linh	63.01.11QT.14	TCDN	09/06/2007	2.81	85	Khá	
3322	Hoàng Đức Vinh	63.01.11QT.14	TCDN	26/07/2007	2.69	85	Khá	
3323	Vũ Hồng Anh	63.01.11QT.14	TCDN	30/03/2007	2.96	83	Khá	
3324	Nguyễn Hải Long	63.01.11QT.14	TCDN	30/12/2004	2.58	83	Khá	
3325	Trần Tiến Đạt	63.01.11QT.14	TCDN	31/10/2007	2.62	87	Khá	
3326	Phạm Thu Hương	63.01.11QT.14	TCDN	05/06/2007	2.50	84	Khá	
3327	Nguyễn Tùng Dương	63.01.11QT.14	TCDN	06/11/2007	2.69	86	Khá	
3328	Dương Thị Liên Hoa	63.01.11QT.15	TCDN	12/02/2007	2.88	84	Khá	
3329	Cao Kiều Anh	63.01.11QT.15	TCDN	18/11/2007	2.65	85	Khá	
3330	Nguyễn Thị Huyền	63.01.11QT.15	TCDN	14/07/2007	2.88	84	Khá	
3331	Đỗ Hà My	63.01.11QT.15	TCDN	05/03/2007	2.69	82	Khá	
3332	Lê Mỹ Hoa	63.01.11QT.15	TCDN	26/09/2007	2.77	83	Khá	
3333	Nguyễn Ngọc Phương Linh	63.01.11QT.15	TCDN	14/08/2007	2.96	85	Khá	
3334	Nguyễn Thu Hiền	63.01.11QT.15	TCDN	18/07/2007	3.00	84	Khá	
3335	Đỗ Lê Kiên	63.01.11QT.15	TCDN	23/10/2007	2.54	85	Khá	
3336	Nguyễn Thị Yến Nhi	63.01.11QT.15	TCDN	23/05/2007	3.15	87	Khá	
3337	Nguyễn Hương Giang	63.01.11QT.15	TCDN	05/02/2007	2.50	84	Khá	
3338	Phan Khánh Linh	63.01.11QT.15	TCDN	22/11/2007	2.58	82	Khá	
3339	Nguyễn Mạnh Quyến	63.01.11QT.15	TCDN	29/08/2007	2.54	85	Khá	
3340	Nguyễn Kim Anh	63.01.11QT.15	TCDN	18/09/2007	3.15	86	Khá	
3341	Đoàn Vũ Minh Thư	63.01.11QT.15	TCDN	22/03/2007	2.62	83	Khá	
3342	Phạm Thị Kim Ngân	63.01.11QT.15	TCDN	27/11/2007	3.19	84	Khá	
3343	Bùi Trần Kim Hiền	63.01.11QT.16	TCDN	02/11/2007	2.58	83	Khá	
3344	Trần Ngọc Phương Linh	63.01.11QT.16	TCDN	27/08/2007	2.62	82	Khá	
3345	Phạm Trung Kiên	63.01.11QT.16	TCDN	02/04/2007	2.54	82	Khá	
3346	Nguyễn Quốc Anh	63.01.11QT.16	TCDN	17/12/2007	2.81	82	Khá	
3347	Dương Thị Thanh Tâm	63.01.11QT.16	TCDN	28/05/2006	3.15	84	Khá	
3348	Hồ Khánh Linh	63.01.11QT.16	TCDN	14/07/2007	2.96	84	Khá	
3349	Nguyễn Phương Linh	63.01.11QT.16	TCDN	23/07/2007	2.92	85	Khá	
3350	Ngô Thùy Linh	63.01.12	TCDN	23/09/2007	3.08	84	Khá	
3351	Hoàng Việt Anh	63.01.12	TCDN	07/03/2007	2.96	82	Khá	
3352	Nguyễn Thị Mai Hoa	63.01.12	TCDN	05/10/2006	3.15	82	Khá	
3353	Nguyễn Thị Lê Na	63.01.12	TCDN	20/04/2007	3.15	84	Khá	
3354	Nguyễn Mai Khanh	63.01.13	TCDN	02/05/2007	3.00	82	Khá	
3355	Phạm Thùy Trang	63.01.14	TCDN	25/09/2007	3.12	81	Khá	
3356	Tạ Thị Minh Phượng	63.01.14	TCDN	27/02/2007	3.08	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3357	Đinh Thị Quỳnh Trang	63.01.14	TCDN	28/03/2007	3.19	86	Khá	
3358	Trần Tuấn Anh	63.01.15	TCDN	19/01/2007	3.08	84	Khá	
3359	Dương Quốc Toàn	63.01.15	TCDN	23/08/2007	2.65	82	Khá	
3360	Trịnh Công Minh	63.01.15	TCDN	15/02/2007	2.77	83	Khá	
3361	Bùi Vương Thanh Thảo	63.01.16	TCDN	13/09/2006	2.73	84	Khá	
3362	Đỗ Khắc Nam	63.01.16	TCDN	27/03/2007	3.08	83	Khá	
3363	Vương Quỳnh Hương	63.01.16	TCDN	25/06/2006	2.69	84	Khá	
3364	Lâm Quốc Toản	63.01.16	TCDN	18/03/2006	2.88	82	Khá	
3365	Nông Thị Thoa	63.01.16	TCDN	13/01/2006	3.00	82	Khá	
3366	Ma Thị Ngọc Ly	63.01.16	TCDN	03/01/2006	2.77	83	Khá	
3367	Hà Huyền Nhung	63.01.16	TCDN	16/10/2006	3.12	83	Khá	
3368	Hoàng Thị Thu Hiền	63.01.16	TCDN	08/09/2006	2.92	83	Khá	
3369	Đỗ Quỳnh Trang	63.01.16	TCDN	15/05/2006	3.19	85	Khá	
3370	Nguyễn Thị Minh Ánh	63.09.01.01	TCDN	14/12/2007	2.96	82	Khá	
3371	Vũ Thị Kim Chi	63.09.01.01	TCDN	25/06/2007	3.19	82	Khá	
3372	Phạm Viết Đạo	63.09.01.01	TCDN	30/06/2007	2.73	86	Khá	
3373	Trần Thanh Hạ	63.09.01.01	TCDN	29/10/2007	2.81	82	Khá	
3374	Nguyễn Quỳnh Anh	63.09.01.01	TCDN	24/09/2007	3.15	82	Khá	
3375	Lê Anh Duy	63.09.01.01	TCDN	10/05/2007	2.77	85	Khá	
3376	Đặng Quý Vương	63.09.01.01	TCDN	25/11/2007	2.54	82	Khá	
3377	Phạm Hồng Ánh	63.09.01.01	TCDN	26/02/2007	3.04	82	Khá	
3378	Nguyễn Phương Thảo	63.09.01.01	TCDN	17/06/2007	2.65	84	Khá	
3379	Nguyễn Đăng Linh	63.09.01.01	TCDN	20/11/2007	2.81	86	Khá	
3380	Lê Huy Mạnh	63.09.01.01	TCDN	11/09/2007	3.08	84	Khá	
3381	Nguyễn Như Quỳnh	63.09.01.01	TCDN	10/08/2007	3.12	84	Khá	
3382	Lê Gia Huy	63.09.01.01	TCDN	30/03/2007	2.65	85	Khá	
3383	Phan Thanh Nhân	63.09.01.01	TCDN	25/04/2007	2.85	83	Khá	
3384	Nguyễn Thị Phương Linh	63.09.01.01	TCDN	11/07/2006	2.81	82	Khá	
3385	Trần Mai Khanh	63.09.01.01	TCDN	06/10/2007	3.00	82	Khá	
3386	Nguyễn Thị Trâm Anh	63.09.01.01	TCDN	30/11/2007	3.12	85	Khá	
3387	Bùi Tấn Đạt	63.09.01.01	TCDN	25/02/2007	2.85	82	Khá	
3388	Phan Ngọc Linh	63.09.01.01	TCDN	30/01/2007	3.04	82	Khá	
3389	Nguyễn Hương Giang	63.09.01.01	TCDN	17/12/2006	2.88	82	Khá	
3390	Phạm Thùy Anh	63.09.01.01	TCDN	12/12/2007	2.81	82	Khá	
3391	Vũ Phương Nhung	63.09.01.01	TCDN	14/09/2007	2.88	82	Khá	
3392	Đào Khánh Linh	63.09.01.02	TCDN	14/09/2007	2.88	84	Khá	
3393	Đặng Thị Hồng Nhung	63.09.01.02	TCDN	13/04/2007	2.54	85	Khá	
3394	Kiều Đức Chính	63.09.01.02	TCDN	30/07/2007	2.62	85	Khá	
3395	Nguyễn Thị Hương	63.09.01.02	TCDN	08/09/2007	3.12	84	Khá	
3396	Nguyễn Anh Vũ	63.09.01.02	TCDN	21/02/2007	3.12	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3397	Phùng Thị Thanh Thảo	63.09.01.02	TCDN	10/08/2007	2.69	84	Khá	
3398	Trần Đức Thắng	63.09.01.02	TCDN	08/02/2007	3.19	84	Khá	
3399	Nguyễn Ngọc Như Ý	63.09.01.02	TCDN	14/10/2007	3.00	83	Khá	
3400	Nguyễn Thị Bắc	63.09.01.02	TCDN	08/04/2007	2.85	82	Khá	
3401	Cao Thị Hoài Linh	63.09.01.02	TCDN	20/11/2007	2.92	85	Khá	
3402	Nguyễn Tuấn Minh	63.09.01.02	TCDN	08/08/2005	2.96	83	Khá	
3403	Nguyễn Trần Minh Hà	63.09.01.02	TCDN	08/12/2007	2.58	84	Khá	
3404	Tạ Kim Thu	63.09.01.02	TCDN	11/11/2007	2.58	82	Khá	
3405	Vũ Đỗ Ngọc Trang	63.09.01.02	TCDN	12/09/2007	2.77	84	Khá	
3406	Nguyễn Hữu Tuấn Anh	63.09.01.02	TCDN	09/10/2007	2.88	82	Khá	
3407	Nguyễn Thành Đô	63.09.01.02	TCDN	18/09/2007	2.58	88	Khá	
3408	Trần Nhật Minh	63.09.01.02	TCDN	09/09/2007	3.00	82	Khá	
3409	Nguyễn Diệu Linh	63.09.01.02	TCDN	02/02/2006	2.96	82	Khá	
3410	Vũ Thành An	63.09.01.02	TCDN	08/09/2007	3.00	82	Khá	
3411	Nguyễn Nam Phương	63.09.01.02	TCDN	15/01/2007	2.85	86	Khá	
3412	Đỗ Thị Trang	63.09.01.02	TCDN	18/09/2004	3.19	83	Khá	
3413	Bùi Thúy Hằng	63.09.01.02	TCDN	20/10/2007	3.12	83	Khá	
3414	Đinh Trung Sơn	63.09.01.02	TCDN	03/12/2007	3.08	84	Khá	
3415	Đinh Minh Hiếu	63.09.01.02	TCDN	07/07/2007	2.62	82	Khá	
3416	Hoàng Bình Minh	63.09.01.02	TCDN	29/01/2007	3.19	88	Khá	
3417	Nguyễn Thành Long	63.09.01.02	TCDN	01/05/2007	3.04	82	Khá	
3418	Mai Phương Thúy	63.09.01.02	TCDN	10/03/2007	2.88	83	Khá	
3419	Bùi Mỹ Nhật Anh	63.09.01.02	TCDN	14/10/2007	3.15	84	Khá	
3420	Đỗ Phương Thảo	63.09.01QT.01	TCDN	16/06/2007	2.83	85	Khá	
3421	Nguyễn Đức Thành	63.09.01QT.01	TCDN	28/09/2007	2.63	82	Khá	
3422	Bùi Hoàng Anh	63.09.01QT.01	TCDN	02/01/2007	2.92	82	Khá	
3423	Phạm Phương Anh	63.09.01QT.01	TCDN	03/08/2007	3.00	83	Khá	
3424	Phạm Tuấn Bảo	63.09.01QT.01	TCDN	22/02/2007	3.04	86	Khá	
3425	Trịnh Quang Minh	63.09.01QT.01	TCDN	15/07/2007	3.17	87	Khá	
3426	Bùi Thị Như Ý	63.09.01QT.01	TCDN	11/07/2007	2.96	82	Khá	
3427	Hoàng Cảnh Khoa	63.09.01QT.01	TCDN	08/09/2007	2.50	83	Khá	
3428	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	60/08.01	TCQT	20/08/2004	2.85	84	Khá	
3429	Hoàng Trung Hải	60/08.01	TCQT	22/06/2004	2.83	83	Khá	
3430	Phan Khanh Bảo Thy	60/08.01	TCQT	15/08/2004	2.88	83	Khá	
3431	Nguyễn Quang Dũng	60/08.01	TCQT	02/02/2004	2.65	82	Khá	
3432	Nguyễn Thị Phương Hà	60/08.01	TCQT	18/11/2004	2.95	82	Khá	
3433	Cao Diệu Hoa	60/08.01	TCQT	29/10/2004	2.83	82	Khá	
3434	Nguyễn Thị Ngọc Anh	60/08.01	TCQT	07/08/2004	2.63	81	Khá	
3435	Nguyễn Văn Kiên	60/08.01	TCQT	07/10/2004	2.75	80	Khá	
3436	Dương Thuỳ Dung	60/08.01	TCQT	15/05/2004	2.83	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3437	Vũ Thị Thu Huyền	60/08.01	TCQT	31/03/2003	3.10	86	Khá	
3438	Nguyễn Thị Thu Trang	60/08.01	TCQT	27/09/2004	2.98	83	Khá	
3439	Vũ Ngọc Tiến	60/08.02	TCQT	18/09/2004	2.63	82	Khá	
3440	Hà Tuấn Việt	60/08.02	TCQT	22/10/2004	3.00	83	Khá	
3441	Nguyễn Khắc Tùng Dương	60/08.02	TCQT	06/09/2004	2.95	83	Khá	
3442	Đào Duy Anh	60/08.02	TCQT	18/12/2004	2.65	81	Khá	
3443	Tạ Ngọc Kim	60/08.02	TCQT	03/06/2004	3.05	81	Khá	
3444	Trần Hải Linh	60/08.02	TCQT	22/12/2003	2.88	82	Khá	
3445	Bùi Minh Ngọc	60/08.03	TCQT	02/02/2004	2.90	87	Khá	
3446	Nguyễn Minh Quân	60/08.03	TCQT	02/09/2003	2.80	80	Khá	
3447	Lê Nguyên Vũ	60/08.03	TCQT	05/11/2004	3.05	83	Khá	
3448	Nguyễn Quốc Huy	60/08.03	TCQT	27/12/2004	2.60	83	Khá	
3449	Nguyễn Hà Thương	60/08.03	TCQT	23/06/2004	2.88	82	Khá	
3450	Nông Minh Hà	60/08.03	TCQT	15/07/2004	3.13	82	Khá	
3451	Nguyễn Lâm Cường	60/08.03	TCQT	13/12/2004	2.93	83	Khá	
3452	Lê Anh Dũng	60/08.04	TCQT	27/10/2004	2.93	80	Khá	
3453	Phạm Thùy Linh	60/08.04	TCQT	24/07/2004	3.15	83	Khá	
3454	Bùi Thị Dung	60/08.04	TCQT	30/05/2003	2.70	86	Khá	
3455	Dương Quang Hiếu	60/08.04	TCQT	02/02/2004	2.60	85	Khá	
3456	Lê Quốc Trọng	60/08.04	TCQT	25/08/2003	3.13	84	Khá	
3457	Bùi Thị Phương Linh	60/08.04	TCQT	01/01/2004	3.00	82	Khá	
3458	Lê Trung Kiên	60/08.04	TCQT	17/12/2004	3.18	83	Khá	
3459	Nguyễn Thu Phương	60/08.04	TCQT	28/05/2004	2.90	84	Khá	
3460	La Ngọc Linh	61/08.01	TCQT	08/12/2005	3.15	83	Khá	
3461	Nguyễn Thị Khánh Linh	61/08.01	TCQT	13/09/2005	3.05	88	Khá	
3462	Nguyễn Trần Lệ Quyên	61/08.01	TCQT	15/07/2005	2.93	85	Khá	
3463	Lê Phương Thảo	61/08.01	TCQT	29/05/2005	3.18	82	Khá	
3464	Nguyễn Đức Thịnh	61/08.01	TCQT	05/09/2005	3.00	86	Khá	
3465	Lê Mai Phương	61/08.01	TCQT	29/01/2005	2.85	87	Khá	
3466	Phạm Thị Trà Mai	61/08.01	TCQT	08/01/2004	3.18	85	Khá	
3467	Hoàng Cẩm Dương	61/08.01	TCQT	15/07/2005	2.90	82	Khá	
3468	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	61/08.01	TCQT	09/12/2005	2.95	87	Khá	
3469	Tạ Phương Anh	61/08.01	TCQT	28/02/2005	3.03	83	Khá	
3470	Lý Thu Trang	61/08.01	TCQT	15/07/2005	2.93	82	Khá	
3471	Phạm An Khanh	61/08.02	TCQT	25/04/2005	3.18	81	Khá	
3472	Vương Thị Dung	61/08.02	TCQT	29/01/2005	3.03	87	Khá	
3473	Đỗ Bảo Ngọc	61/08.02	TCQT	23/05/2005	2.88	88	Khá	
3474	Dương Ngọc Uyên Nhi	61/08.02	TCQT	18/09/2005	2.90	83	Khá	
3475	Ngô Bùi Phương Thảo	61/08.02	TCQT	07/01/2005	2.60	80	Khá	
3476	Nguyễn Thị Thùy Linh	61/08.02	TCQT	10/12/2005	2.70	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3477	Nông Phương Anh	61/08.02	TCQT	24/11/2005	2.63	84	Khá	
3478	Nguyễn Phương Ly	61/08.02	TCQT	15/10/2005	2.63	84	Khá	
3479	Nguyễn Vân Oanh	61/08.02	TCQT	10/11/2005	2.78	87	Khá	
3480	Hoàng Thu Ngọc	61/08.03	TCQT	05/09/2005	2.80	83	Khá	
3481	Hoàng Duy Khánh	61/08.03	TCQT	03/04/2005	3.08	84	Khá	
3482	Nguyễn Thị Bích Phượng	61/08.03	TCQT	15/05/2005	3.03	88	Khá	
3483	Trần Khánh Linh	61/08.03	TCQT	19/04/2005	3.18	84	Khá	
3484	Hồ Việt Hằng	61/08.03	TCQT	22/03/2005	2.85	85	Khá	
3485	Phạm Gia Minh	61/08.04	TCQT	02/07/2005	2.50	85	Khá	
3486	Nguyễn Lê Anh Quân	61/08.04	TCQT	15/01/2005	2.65	84	Khá	
3487	Trịnh Ngọc Ánh	61/08.04	TCQT	06/05/2005	2.50	85	Khá	
3488	Nguyễn Thị Thanh Thảo	61/08.04	TCQT	30/07/2005	2.90	84	Khá	
3489	Vũ Minh Ngân	61/08.04	TCQT	17/11/2005	2.98	84	Khá	
3490	Vũ Khánh Huyền	61/08.04	TCQT	05/10/2005	3.00	88	Khá	
3491	Nguyễn Thiện Trung	61/08.04	TCQT	28/03/2005	3.03	83	Khá	
3492	Phùng Gia Linh	62/08.01	TCQT	12/10/2006	3.14	81	Khá	
3493	Lê Minh Đức	62/08.01	TCQT	05/07/2003	2.69	81	Khá	
3494	Trần Bảo Ngọc	62/08.01	TCQT	22/05/2006	3.05	88	Khá	
3495	Nguyễn Phùng Thanh Thanh	62/08.01	TCQT	24/05/2006	3.17	88	Khá	
3496	Hoàng Thu Huyền	62/08.01	TCQT	10/08/2005	3.05	83	Khá	
3497	Nguyễn Hà Linh	62/08.02	TCQT	05/02/2006	2.83	82	Khá	
3498	Trần Mai Anh	62/08.02	TCQT	19/12/2006	2.90	89	Khá	
3499	Chu Nguyên Chương	62/08.02	TCQT	11/02/2006	2.81	83	Khá	
3500	Nguyễn Doãn Hùng	62/08.02	TCQT	07/05/2006	2.95	85	Khá	
3501	Hoàng Thị Ánh Tuyết	62/08.02	TCQT	16/07/2006	2.93	85	Khá	
3502	Nguyễn Mỹ Hà	62/08.02	TCQT	15/12/2006	3.14	88	Khá	
3503	Lê Thị Giang	62/08.03	TCQT	28/04/2006	2.86	83	Khá	
3504	Nguyễn Thảo Nguyên	62/08.03	TCQT	28/01/2006	3.14	88	Khá	
3505	Vũ Ngọc Ánh	62/08.03	TCQT	09/07/2006	3.10	86	Khá	
3506	Trần Thị Kiều Trang	62/08.03	TCQT	29/03/2006	3.12	85	Khá	
3507	Nguyễn Đức Đạt	62/08.03	TCQT	02/11/2006	2.60	83	Khá	
3508	Nguyễn Thị Thu Nhuần	62/08.03	TCQT	29/03/2006	3.19	83	Khá	
3509	Hoàng Đức Minh	62/08.03	TCQT	30/07/2006	2.90	83	Khá	
3510	Nguyễn Xuân Lâm	62/08.03	TCQT	16/11/2006	2.93	82	Khá	
3511	Nguyễn Đức Kiên	62/08.03	TCQT	25/03/2006	3.12	85	Khá	
3512	Nguyễn Phương Minh	62/08.04	TCQT	29/04/2006	2.71	83	Khá	
3513	Phạm Thế Lâm	62/08.04	TCQT	25/02/2006	3.17	84	Khá	
3514	Trần Thị Thùy Trang	62/08.04	TCQT	01/03/2006	2.98	88	Khá	
3515	Vũ Anh Thư	62/08.04	TCQT	20/09/2006	3.19	83	Khá	
3516	Đặng Thị Ánh Nguyệt	62/08.04	TCQT	16/03/2006	2.64	83	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3517	Nguyễn Thị Mỹ Anh	62/08.04	TCQT	21/01/2006	2.88	83	Khá	
3518	Thái Phương Thảo	63.01.07	TCQT	03/12/2007	3.12	83	Khá	
3519	Lê Dương Khánh Ly	63.01.07	TCQT	09/08/2007	3.08	83	Khá	
3520	Lê Thị Diễm Quỳnh	63.01.07	TCQT	20/08/2007	3.19	82	Khá	
3521	Hà Kim Dung	63.01.07	TCQT	01/08/2007	3.19	83	Khá	
3522	Nguyễn Ngọc Anh	63.01.07	TCQT	24/10/2007	2.88	83	Khá	
3523	Nguyễn Lê Minh Đức	63.01.07	TCQT	23/10/2007	3.08	83	Khá	
3524	Vũ Thị Ngọc Anh	63.01.07	TCQT	23/09/2007	3.00	83	Khá	
3525	Nguyễn Minh Đức	63.01.08	TCQT	06/04/2006	2.73	83	Khá	
3526	Hà Thị Kim Cúc	63.01.08	TCQT	18/01/2006	3.04	83	Khá	
3527	Vũ Minh Hiền	63.01.08	TCQT	25/10/2006	3.04	84	Khá	
3528	Dương Thị Thanh Tâm	63.01.08	TCQT	27/01/2006	3.15	83	Khá	
3529	La Thị Sông	63.01.08	TCQT	28/10/2006	3.12	83	Khá	
3530	Nguyễn Huy Hoàng	63.01.08	TCQT	22/03/2005	2.62	83	Khá	
3531	Lý Thị Hồng Vân	63.01.08	TCQT	09/12/2006	3.00	83	Khá	
3532	Phạm Văn Phan	63.01.08	TCQT	14/08/2006	2.62	83	Khá	
3533	Lường Cầm Huy	63.01.08	TCQT	05/12/2006	3.15	84	Khá	
3534	Nông Thị Thủy Tiên	63.01.08	TCQT	15/10/2006	3.00	84	Khá	
3535	Thái Phương Thảo	63.01.08	TCQT	04/11/2007	2.62	82	Khá	
3536	Trần Lê Sơn Tùng	63.15.01QT.01	TCQT	25/09/2007	2.96	83	Khá	
3537	Phạm Đức Hùng	63.15.01QT.01	TCQT	28/11/2007	3.19	84	Khá	
3538	Đào Gia Khiêm	63.15.01QT.01	TCQT	09/06/2007	2.92	82	Khá	
3539	Trần Nguyên Hạnh	63.15.01QT.01	TCQT	06/06/2007	3.15	82	Khá	
3540	Phạm Thị Thanh Trúc	63.15.01QT.02	TCQT	17/04/2007	3.08	88	Khá	
3541	Đoàn Thị Phương Hà	63.15.01QT.02	TCQT	02/01/2007	2.85	81	Khá	
3542	Trần Ngọc Dũng	63.15.01QT.02	TCQT	04/12/2007	3.19	89	Khá	
3543	Đỗ Hưng Thịnh	63.15.01QT.02	TCQT	28/10/2007	3.12	81	Khá	
3544	Phạm Minh Quang	63.15.01QT.02	TCQT	17/12/2007	3.08	87	Khá	
3545	Hà Ngọc Khánh	63.15.01QT.03	TCQT	07/02/2007	3.08	84	Khá	
3546	Trần Khánh	63.15.01QT.03	TCQT	05/08/2007	3.08	83	Khá	
3547	Phan Thị Phương Diệp	63.15.01QT.03	TCQT	27/09/2007	3.12	83	Khá	
3548	Ngô Tuấn Hùng	63.15.01QT.04	TCQT	26/04/2007	3.19	90	Khá	
3549	Vũ Quốc Hùng	63.15.01QT.04	TCQT	20/11/2007	2.77	88	Khá	
3550	Trần Lê An Na	63.15.01QT.04	TCQT	21/01/2007	2.92	83	Khá	
3551	Nguyễn Thị Thu Hương	63.15.01QT.04	TCQT	23/12/2007	3.12	88	Khá	
3552	Trần Thị Thùy Linh	63.15.01QT.04	TCQT	13/06/2007	2.92	87	Khá	
3553	Vũ Thị Thảo Uyên	63.15.01QT.04	TCQT	23/04/2007	3.19	88	Khá	
3554	Trần Minh Hiếu	63.15.01QT.04	TCQT	18/06/2007	2.85	88	Khá	
3555	Lê Huyền Chi	60/02.01	T&HQ	28/11/2004	2.95	84	Khá	
3556	Lê Thu Trang	60/02.01	T&HQ	29/10/2004	3.05	86	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3557	Lê Thị Nhật Lệ	60/02.01	T&HQ	21/07/2004	2.83	82	Khá	
3558	Lê Ngọc Hân	60/02.01	T&HQ	10/03/2004	3.13	82	Khá	
3559	Nguyễn Tiến Đức	60/02.01	T&HQ	14/06/2004	2.55	82	Khá	
3560	Hà Thị Vinh	60/02.01	T&HQ	17/02/2004	3.10	84	Khá	
3561	Mai Anh Quân	60/02.01	T&HQ	27/07/2004	2.90	88	Khá	
3562	Đỗ Thành Đạt	60/02.01	T&HQ	20/09/2004	2.68	88	Khá	
3563	Nguyễn Nam Thắng	60/02.02	T&HQ	17/04/2004	3.05	85	Khá	
3564	Bùi Văn Lượng	60/02.02	T&HQ	10/02/2004	3.10	85	Khá	
3565	Phùng Duy Phú	60/02.02	T&HQ	13/08/2004	2.75	85	Khá	
3566	Lê Thị Bích Ngọc	60/02.02	T&HQ	02/02/2004	3.08	84	Khá	
3567	Nguyễn Hồng Hạnh	60/02.02	T&HQ	26/12/2003	2.63	83	Khá	
3568	Hoàng Ngọc Hà	60/02.02	T&HQ	05/09/2003	2.73	82	Khá	
3569	Nguyễn Tiến Huy	60/02.02	T&HQ	26/05/2004	3.00	84	Khá	
3570	Nguyễn Trà My	60/02.02	T&HQ	17/07/2004	2.83	83	Khá	
3571	Triệu Xuân Mai	60/02.02	T&HQ	26/01/2003	3.18	83	Khá	
3572	Đồng Mai Chi	60/02.02	T&HQ	28/07/2004	2.70	83	Khá	
3573	Lê Thị Phương	60/02.02	T&HQ	24/07/2004	2.83	82	Khá	
3574	Phạm Thị Mai Anh	60/02.02	T&HQ	15/01/2004	3.03	87	Khá	
3575	Đỗ Quang Thiên Bằng	60/05.01	T&HQ	25/01/2004	2.83	84	Khá	
3576	Nguyễn Trọng Minh	60/05.01	T&HQ	16/09/2004	3.07	83	Khá	
3577	Nguyễn Quốc Hùng	60/05.01	T&HQ	11/03/2004	2.64	82	Khá	
3578	Nguyễn Lê Diệu Anh	60/05.01	T&HQ	13/07/2004	3.14	82	Khá	
3579	Nguyễn Minh Phương	60/05.01	T&HQ	06/03/2004	3.10	87	Khá	
3580	Thái Lưu Thu Ngân	60/05.01	T&HQ	18/08/2004	2.88	82	Khá	
3581	Trịnh Hoàng Hiệp	60/05.02	T&HQ	17/06/2004	3.10	82	Khá	
3582	Dương Công Minh	60/05.02	T&HQ	27/12/2004	3.17	83	Khá	
3583	Quyền Hải Lâm	60/05.02	T&HQ	03/09/2004	3.14	83	Khá	
3584	Trần Thu Trang	60/05.02	T&HQ	15/12/2004	3.19	82	Khá	
3585	Sầm Hoàng Việt Trung	60/05.02	T&HQ	28/09/2003	3.17	84	Khá	
3586	Vũ Minh Đức	60/05.02	T&HQ	08/02/2004	3.02	82	Khá	
3587	Bùi Diệp Linh	61/02.01	T&HQ	29/11/2005	2.63	85	Khá	
3588	Nguyễn Ngọc Hân	61/02.01	T&HQ	10/08/2005	2.98	83	Khá	
3589	Nguyễn Đức Huy	61/02.01	T&HQ	10/08/2005	3.18	86	Khá	
3590	Nguyễn Phương Ngân	61/02.01	T&HQ	25/08/2005	3.05	86	Khá	
3591	Hoàng Bích Ngọc	61/02.01	T&HQ	30/06/2005	3.03	83	Khá	
3592	Vũ Thị Luyến	61/02.01	T&HQ	25/04/2005	3.08	82	Khá	
3593	Ngô Tiến Anh	61/02.01	T&HQ	14/08/2005	3.15	82	Khá	
3594	Nguyễn Minh Ngọc	61/02.01	T&HQ	01/10/2005	2.88	85	Khá	
3595	Lưu Văn Nguyễn	61/02.01	T&HQ	16/07/2003	3.13	84	Khá	
3596	Ngô Lan Phương	61/02.01	T&HQ	01/10/2005	3.00	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3597	Trần Tiến Đạt	61/02.01	T&HQ	25/04/2004	2.55	83	Khá	
3598	Nguyễn Hương Thảo	61/02.01	T&HQ	03/03/2005	2.85	83	Khá	
3599	Vũ Huy Hoàng	61/02.01	T&HQ	25/06/2005	3.13	82	Khá	
3600	Nguyễn Hạnh Quyên	61/02.02	T&HQ	02/08/2005	2.78	87	Khá	
3601	Đào Thị Oanh	61/02.02	T&HQ	03/01/2005	2.83	80	Khá	
3602	Đào Duy Anh	61/02.02	T&HQ	08/10/2005	2.95	83	Khá	
3603	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	61/02.02	T&HQ	12/06/2005	3.00	86	Khá	
3604	Nguyễn Bảo Trúc	61/02.02	T&HQ	20/07/2004	2.70	84	Khá	
3605	Nguyễn Thị Thu Hoài	61/02.02	T&HQ	25/01/2005	3.15	83	Khá	
3606	Lôi Thu Hiền	61/02.03	T&HQ	24/12/2005	2.63	82	Khá	
3607	Lê Thị Yến Nhi	61/02.03	T&HQ	14/01/2005	3.13	86	Khá	
3608	Trịnh Ngọc Anh	61/02.04	T&HQ	28/08/2005	3.03	85	Khá	
3609	Hứa Phạm Quang Minh	61/02.04	T&HQ	04/11/2002	2.88	86	Khá	
3610	Nguyễn Thu Hà	61/02.04	T&HQ	29/01/2005	2.68	83	Khá	
3611	Hoàng Thu Huyền	61/02.04	T&HQ	02/11/2004	2.93	83	Khá	
3612	Lê Hồng Phương	61/02.04	T&HQ	09/01/2005	3.08	82	Khá	
3613	Nguyễn Nam Khánh	61/02.04	T&HQ	12/01/2005	2.75	82	Khá	
3614	Ma Thị Bích Phượng	61/02.04	T&HQ	30/07/2005	2.95	82	Khá	
3615	Phạm Minh Trung	61/02.04	T&HQ	30/06/2005	2.83	83	Khá	
3616	Lê Vy Linh	61/02.04	T&HQ	23/10/2005	3.08	85	Khá	
3617	Lừu Văn Ngọc	61/02.04	T&HQ	08/04/2005	3.13	84	Khá	
3618	Dương Hải Yến	61/05.01	T&HQ	16/04/2005	3.18	83	Khá	
3619	Hoàng Phương Uyên	61/05.01	T&HQ	14/01/2005	3.15	82	Khá	
3620	Đỗ Thanh Bình	61/05.01	T&HQ	19/03/2005	2.73	85	Khá	
3621	Nguyễn Kiều Anh	61/05.01	T&HQ	07/03/2005	2.68	83	Khá	
3622	Quách Thị Thùy Linh	61/05.01	T&HQ	16/02/2005	2.83	83	Khá	
3623	Vũ Thiên Thưởng	61/05.01	T&HQ	21/02/2005	2.93	86	Khá	
3624	Hồ Thị Minh Tú	61/05.02	T&HQ	31/08/2005	2.85	85	Khá	
3625	Bùi Thu Hà	61/05.02	T&HQ	17/12/2005	2.68	83	Khá	
3626	Mai Danh Hoàng Nam	61/05.02	T&HQ	08/01/2005	3.18	82	Khá	
3627	Lê Thị Hằng Nga	61/05.02	T&HQ	20/01/2005	2.75	83	Khá	
3628	Nguyễn Sơn Nam	61/05.02	T&HQ	20/02/2005	2.68	89	Khá	
3629	Vũ Ngọc Linh	61/05.02	T&HQ	05/06/2005	3.03	84	Khá	
3630	Vũ Hải Đăng	61/06.01CLC	T&HQ	23/11/2005	2.55	82	Khá	
3631	Lê Vĩnh Lịch	61/06.01CLC	T&HQ	19/02/2005	3.12	82	Khá	
3632	Nguyễn Mạnh Hoàng	61/06.01CLC	T&HQ	08/04/2005	2.55	82	Khá	
3633	Nguyễn Trọng Nghĩa	61/06.01CLC	T&HQ	05/07/2005	2.98	82	Khá	
3634	Bùi Phương Anh	61/06.01CLC	T&HQ	28/01/2005	3.10	84	Khá	
3635	Nguyễn Ngọc Minh	61/06.01CLC	T&HQ	05/05/2005	3.00	82	Khá	
3636	Cao Hoàng Hiệp	61/06.01CLC	T&HQ	24/10/2005	2.93	87	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3637	Quách Hoàng Anh	61/06.01CLC	T&HQ	13/09/2005	3.17	82	Khá	
3638	Nguyễn Vinh Gia Khánh	61/06.02CLC	T&HQ	22/02/2005	2.90	85	Khá	
3639	Nguyễn Việt Bách	61/06.02CLC	T&HQ	24/01/2005	2.95	84	Khá	
3640	Phạm Thùy Dương	61/06.02CLC	T&HQ	27/09/2005	3.19	84	Khá	
3641	Vũ Gia Huy	61/06.02CLC	T&HQ	10/03/2005	3.14	83	Khá	
3642	Đinh Trần Ngọc Bảo	61/06.02CLC	T&HQ	28/02/2005	2.95	86	Khá	
3643	Ngô Nam Khánh	61/06.02CLC	T&HQ	18/08/2005	2.79	84	Khá	
3644	Lê Ngọc Hải	61/06.02CLC	T&HQ	22/12/2005	3.00	85	Khá	
3645	Phạm Trung Kiên	61/06.03CLC	T&HQ	19/08/2005	3.07	85	Khá	
3646	Trần Linh Chi	61/06.03CLC	T&HQ	26/01/2005	2.86	86	Khá	
3647	Nguyễn Anh Tú	61/06.03CLC	T&HQ	01/06/2005	3.07	83	Khá	
3648	Phí Trà My	61/06.03CLC	T&HQ	12/12/2005	3.07	90	Khá	
3649	Phạm Tuấn Hiệp	61/06.03CLC	T&HQ	08/01/2005	3.10	84	Khá	
3650	Tạ Thùy Dung	61/06.03CLC	T&HQ	27/06/2005	2.76	89	Khá	
3651	Vũ Minh Ngọc	61/06.03CLC	T&HQ	23/12/2005	3.19	90	Khá	
3652	Vũ Hoàng Châu	61/06.04CLC	T&HQ	10/07/2005	3.00	83	Khá	
3653	Nguyễn Nguyệt Minh	61/06.04CLC	T&HQ	11/12/2003	2.98	81	Khá	
3654	Nguyễn Thị Như Quỳnh	61/06.04CLC	T&HQ	18/01/2005	2.95	89	Khá	
3655	Nguyễn Thảo Linh	61/06.04CLC	T&HQ	05/03/2005	3.02	83	Khá	
3656	Lưu Vũ Ánh Ngọc	61/06.04CLC	T&HQ	12/05/2005	3.17	85	Khá	
3657	Nguyễn Thảo Linh	61/06.04CLC	T&HQ	03/06/2005	3.17	83	Khá	
3658	Nguyễn Cẩm Nhung	61/06.04CLC	T&HQ	16/01/2005	3.14	83	Khá	
3659	Trần Khánh Ngọc	61/06.04CLC	T&HQ	13/09/2005	3.10	83	Khá	
3660	Nguyễn Khoa Học	61/06.05CLC	T&HQ	02/09/2005	2.83	83	Khá	
3661	Nguyễn Thanh Thảo	61/06.05CLC	T&HQ	26/08/2004	2.60	85	Khá	
3662	Lê Duy Thành	61/06.05CLC	T&HQ	16/08/2005	3.10	89	Khá	
3663	Trần Ngọc Quang Huy	61/06.06CLC	T&HQ	05/04/2005	2.74	85	Khá	
3664	Bùi Hồng Chuyên	61/06.06CLC	T&HQ	24/12/2005	2.62	82	Khá	
3665	Dương Thiên Ngân	61/06.06CLC	T&HQ	05/12/2005	2.95	83	Khá	
3666	Trần Xuân Phước	61/06.06CLC	T&HQ	02/03/2005	2.90	82	Khá	
3667	Phạm Lê Khánh Linh	61/06.06CLC	T&HQ	08/11/2005	2.76	88	Khá	
3668	Nguyễn Anh Thư	62/02.01	T&HQ	26/03/2006	3.19	85	Khá	
3669	Trần Hoàng Gia	62/02.01	T&HQ	21/12/2006	3.00	83	Khá	
3670	Lê Thị Thùy Trang	62/02.01	T&HQ	25/04/2006	2.69	83	Khá	
3671	Tống Chung Kiên	62/02.01	T&HQ	11/09/2006	2.50	87	Khá	
3672	Mai Đình Hiếu	62/02.01	T&HQ	28/11/2005	2.79	83	Khá	
3673	Lê Thị Việt Trinh	62/02.01	T&HQ	26/01/2006	2.71	87	Khá	
3674	Nông Tô Lan Anh	62/02.01	T&HQ	22/10/2005	2.57	86	Khá	
3675	Nguyễn Ngọc Tân	62/02.01	T&HQ	04/04/2006	3.07	83	Khá	
3676	Phạm Thị Bảo Thư	62/02.02	T&HQ	02/09/2006	2.69	86	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3677	Nguyễn Thị Thảo	62/02.02	T&HQ	21/01/2006	3.17	82	Khá	
3678	Hà Thị Thảo Linh	62/02.02	T&HQ	24/06/2006	3.10	84	Khá	
3679	Nguyễn Đức Duy	62/02.02	T&HQ	19/09/2006	3.19	85	Khá	
3680	Phí Hồng Châu	62/02.02	T&HQ	19/01/2006	3.19	83	Khá	
3681	Bùi Thị Thái Thanh	62/02.02	T&HQ	18/06/2006	2.64	85	Khá	
3682	La Thị Khánh Huyền	62/02.02	T&HQ	17/12/2005	2.98	87	Khá	
3683	Diêm Thị Như Hiền	62/02.02	T&HQ	15/01/2006	3.05	86	Khá	
3684	Nguyễn Đặng Khánh Ngọc	62/02.02	T&HQ	27/12/2006	2.83	84	Khá	
3685	Phạm Thanh Nam	62/02.02	T&HQ	14/02/2006	2.88	85	Khá	
3686	Nguyễn Khánh Duy	62/02.03	T&HQ	21/08/2006	2.71	84	Khá	
3687	Trần Anh Thư	62/02.03	T&HQ	18/08/2006	3.10	84	Khá	
3688	Nguyễn Thị Diệu Linh	62/02.03	T&HQ	07/04/2006	3.07	84	Khá	
3689	Nguyễn Thị Trang	62/02.03	T&HQ	29/01/2006	3.19	88	Khá	
3690	Nguyễn Thị Phương Thu	62/02.03	T&HQ	21/07/2006	2.93	86	Khá	
3691	Nguyễn Thị Thảo Tiên	62/02.03	T&HQ	22/07/2005	2.81	84	Khá	
3692	Nguyễn Thị Lâm Nhi	62/02.03	T&HQ	08/01/2006	3.17	88	Khá	
3693	Nguyễn Thị Thu Thảo	62/02.03	T&HQ	05/09/2006	3.14	84	Khá	
3694	Nguyễn Tuấn Anh	62/02.04	T&HQ	22/05/2006	2.83	84	Khá	
3695	Đặng Thị Khánh Linh	62/02.04	T&HQ	06/01/2006	3.05	84	Khá	
3696	Quách Khánh Ly	62/02.04	T&HQ	15/10/2006	2.76	83	Khá	
3697	Vũ Thị Hiền	62/02.04	T&HQ	15/12/2005	2.69	89	Khá	
3698	Tạ Mỹ Duyên	62/02.04	T&HQ	16/11/2006	2.62	87	Khá	
3699	Phan Diệu Linh	62/02.04	T&HQ	19/01/2005	2.50	83	Khá	
3700	Nguyễn Thị Phương	62/02.04	T&HQ	07/07/2006	3.17	88	Khá	
3701	Ngô Phi Yến	62/05.01	T&HQ	15/12/2006	2.60	84	Khá	
3702	Trần Trung Kiên	62/05.01	T&HQ	01/12/2005	2.69	83	Khá	
3703	Đặng Minh Phương	62/05.01	T&HQ	14/06/2006	3.19	83	Khá	
3704	Lương Anh Dũng	62/05.01	T&HQ	31/10/2006	2.88	86	Khá	
3705	Trần Kim Chi	62/05.01	T&HQ	16/09/2005	2.69	85	Khá	
3706	Trịnh Minh Hằng	62/05.01	T&HQ	02/08/2006	2.93	82	Khá	
3707	Nguyễn Phương Thảo	62/05.01	T&HQ	26/05/2006	3.19	84	Khá	
3708	Phan Thành Vinh	62/05.01	T&HQ	19/05/2006	2.74	88	Khá	
3709	Vũ Huyền Anh	62/05.01	T&HQ	30/06/2006	2.79	84	Khá	
3710	Vũ Duy Việt Hùng	62/05.01	T&HQ	04/03/2006	3.14	84	Khá	
3711	Đoàn Minh Đức	62/05.01	T&HQ	15/09/2006	2.93	85	Khá	
3712	Trần Thị Yến	62/05.02	T&HQ	30/07/2006	2.98	83	Khá	
3713	Nguyễn Thị Bằng Linh	62/05.02	T&HQ	24/05/2006	3.02	87	Khá	
3714	Trịnh Đức Phúc	62/05.02	T&HQ	23/12/2006	3.14	85	Khá	
3715	Nguyễn Thái Hồng Ánh	62/05.02	T&HQ	26/08/2006	3.17	94	Khá	
3716	Phan Y Linh	62/05.02	T&HQ	19/07/2006	3.10	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3717	Vương Thu Trà	62/05.02	T&HQ	20/07/2006	2.88	83	Khá	
3718	Vũ Hoàng Minh Nhật	62/05.02	T&HQ	03/04/2006	3.10	83	Khá	
3719	Lê Như Quỳnh	62/05.02	T&HQ	27/09/2006	3.05	85	Khá	
3720	Ngô Thế Mạnh	62/05.02	T&HQ	23/08/2006	2.67	84	Khá	
3721	Lưu Hoàng Đức	62/05.02	T&HQ	01/03/2006	2.62	85	Khá	
3722	Vũ Bảo Phương	62/05.03	T&HQ	17/03/2006	3.00	88	Khá	
3723	Nguyễn Quý Nam	62/05.03	T&HQ	28/08/2005	3.02	86	Khá	
3724	Bùi Thu Trang	62/05.03	T&HQ	01/09/2006	3.02	82	Khá	
3725	Đỗ Gia Huệ	62/05.03	T&HQ	05/02/2006	2.79	83	Khá	
3726	Đặng Minh Hiếu	62/05.03	T&HQ	09/03/2006	2.86	86	Khá	
3727	Lê Thị Thùy Dung	62/05.03	T&HQ	08/01/2006	2.95	85	Khá	
3728	Nguyễn Hải Đăng	62/05.04	T&HQ	01/02/2006	3.10	85	Khá	
3729	Hoàng Thanh Vân	62/05.04	T&HQ	19/08/2006	3.10	84	Khá	
3730	Lê Hoàng Anh	62/05.04	T&HQ	24/07/2006	2.86	84	Khá	
3731	Nguyễn Huy Quang	62/05.04	T&HQ	28/08/2006	2.67	85	Khá	
3732	Phạm Khánh Ly	62/05.04	T&HQ	28/04/2006	2.74	85	Khá	
3733	Vũ Thị Khánh Huyền	62/05.04	T&HQ	14/08/2006	2.76	83	Khá	
3734	Vũ Duy Đạt	62/05.04	T&HQ	10/09/2006	3.12	85	Khá	
3735	Nguyễn Khánh Linh	62/05.04	T&HQ	24/08/2006	2.95	85	Khá	
3736	Hồ Thị Thùy Trang	62/05.04	T&HQ	24/06/2006	3.02	83	Khá	
3737	Nguyễn Duy Hiếu	62/05.04	T&HQ	12/09/2006	3.02	83	Khá	
3738	Vũ Lê Minh Ánh	62/05.04	T&HQ	28/11/2006	3.12	83	Khá	
3739	Trần Thị Vân Anh	62/05.04	T&HQ	08/10/2006	2.69	90	Khá	
3740	Đặng Ngọc Linh	62/06.01QT	T&HQ	19/04/2006	3.16	84	Khá	
3741	Nguyễn Thị Bảo Linh	62/06.01QT	T&HQ	07/12/2006	3.11	85	Khá	
3742	Phan Minh Hiếu	62/06.01QT	T&HQ	10/05/2006	2.66	84	Khá	
3743	Nguyễn Xuân Nam	62/06.01QT	T&HQ	29/08/2006	3.18	86	Khá	
3744	Nguyễn Thị Hà Anh	62/06.01QT	T&HQ	10/04/2006	3.14	85	Khá	
3745	Đoàn Tùng Dương	62/06.01QT	T&HQ	22/12/2006	2.89	84	Khá	
3746	Hoàng Hải Anh	62/06.01QT	T&HQ	10/05/2006	3.18	85	Khá	
3747	Bùi Mai Yến Chi	62/06.01QT	T&HQ	20/11/2006	2.95	85	Khá	
3748	Bùi Ngọc Duy Anh	62/06.01QT	T&HQ	29/11/2006	3.05	84	Khá	
3749	Nguyễn Gia Huy	62/06.01QT	T&HQ	25/11/2006	2.61	84	Khá	
3750	Hoàng Xuân Long	62/06.01QT	T&HQ	10/01/2006	3.16	87	Khá	
3751	Lưu Hải An	62/06.01QT	T&HQ	18/02/2006	3.18	85	Khá	
3752	Dương Nam Phong	62/06.01QT	T&HQ	07/11/2006	3.07	90	Khá	
3753	Ngô Hải An	62/06.02QT	T&HQ	26/07/2006	3.05	83	Khá	
3754	Phạm Minh Anh	62/06.02QT	T&HQ	18/09/2006	3.14	84	Khá	
3755	Lê Quỳnh Anh	62/06.02QT	T&HQ	15/07/2006	2.89	84	Khá	
3756	Đỗ Cát Linh	62/06.02QT	T&HQ	29/07/2006	2.70	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3757	Vũ Ngọc Minh	62/06.02QT	T&HQ	26/11/2006	2.66	90	Khá	
3758	Vũ Trọng Bình	62/06.02QT	T&HQ	31/01/2006	2.73	90	Khá	
3759	Trịnh Minh Dương	62/06.02QT	T&HQ	07/10/2006	2.73	83	Khá	
3760	Nguyễn Thùy Dương	62/06.03QT	T&HQ	10/04/2006	3.02	84	Khá	
3761	Nguyễn Đức Khải	62/06.03QT	T&HQ	28/07/2006	2.86	82	Khá	
3762	Nguyễn Nhật Minh	62/06.03QT	T&HQ	21/12/2006	3.05	88	Khá	
3763	Lê Thị Hiền Anh	62/06.03QT	T&HQ	02/04/2006	2.98	89	Khá	
3764	Lã Đinh Khánh Huyền	62/06.03QT	T&HQ	05/11/2006	2.86	87	Khá	
3765	Nguyễn Minh Đức	62/06.03QT	T&HQ	03/03/2006	3.11	87	Khá	
3766	Đoàn Việt Hoàng	62/06.03QT	T&HQ	02/10/2006	3.05	83	Khá	
3767	Nguyễn Minh Quang	62/06.03QT	T&HQ	11/12/2006	3.09	82	Khá	
3768	Vũ Tú Minh	62/06.03QT	T&HQ	19/08/2006	3.09	83	Khá	
3769	Bùi Gia Hân	62/06.03QT	T&HQ	10/06/2006	3.05	82	Khá	
3770	Nguyễn Cao Khải Hưng	62/06.03QT	T&HQ	25/08/2006	2.89	83	Khá	
3771	Ngô Hải Đăng	62/06.03QT	T&HQ	06/07/2006	2.80	83	Khá	
3772	Đỗ Phương Linh	62/06.03QT	T&HQ	15/06/2006	3.07	85	Khá	
3773	Lê Bích Ngọc	62/06.04QT	T&HQ	05/04/2006	3.09	83	Khá	
3774	Hoàng Ngô Duy Mạnh	62/06.04QT	T&HQ	26/02/2006	2.82	84	Khá	
3775	Hoàng Hạnh Nguyên	62/06.04QT	T&HQ	20/12/2006	2.91	89	Khá	
3776	Nguyễn Minh Hiếu	62/06.04QT	T&HQ	20/05/2006	2.64	83	Khá	
3777	Đoàn Tuấn Hùng	62/06.04QT	T&HQ	29/12/2006	3.05	83	Khá	
3778	Nguyễn Minh Ngọc	62/06.04QT	T&HQ	12/08/2006	2.91	85	Khá	
3779	Phạm Thị Khánh Linh	62/06.04QT	T&HQ	25/06/2006	2.82	88	Khá	
3780	Nguyễn Đức Hoàng	62/06.04QT	T&HQ	31/05/2006	2.86	82	Khá	
3781	Nguyễn Thị Phương Chinh	62/06.04QT	T&HQ	10/09/2006	2.98	84	Khá	
3782	Nguyễn Minh Hằng	62/06.05QT	T&HQ	10/06/2006	3.05	84	Khá	
3783	Lê Tuấn Anh	62/06.05QT	T&HQ	02/04/2006	3.02	84	Khá	
3784	Hồ Thị Huyền Linh	62/06.05QT	T&HQ	20/08/2006	3.11	84	Khá	
3785	Phạm Tuấn Việt	62/06.05QT	T&HQ	21/11/2006	3.09	84	Khá	
3786	Nguyễn Thị Diệp Anh	62/06.05QT	T&HQ	25/10/2006	2.84	83	Khá	
3787	Ngụy Quốc Dũng	62/06.05QT	T&HQ	29/11/2006	2.77	83	Khá	
3788	Đặng Huy Mạnh	62/06.05QT	T&HQ	22/06/2006	3.16	82	Khá	
3789	Lê Hồng Minh	62/06.05QT	T&HQ	25/08/2006	2.93	83	Khá	
3790	Nguyễn Nghĩa Hiếu	62/06.05QT	T&HQ	25/08/2005	2.82	87	Khá	
3791	Nguyễn Công Minh	62/06.06QT	T&HQ	07/01/2006	3.02	85	Khá	
3792	Nguyễn Văn Nam	62/06.06QT	T&HQ	07/09/2006	2.64	83	Khá	
3793	Đỗ Việt Anh	62/06.06QT	T&HQ	29/10/2006	2.55	85	Khá	
3794	Nguyễn Ngọc Linh	62/06.06QT	T&HQ	30/10/2006	3.05	89	Khá	
3795	Trịnh Yến Nhi	62/06.06QT	T&HQ	21/10/2006	3.11	88	Khá	
3796	Phạm Hương Giang	62/06.06QT	T&HQ	17/05/2006	2.95	88	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3797	Trần Lê Tuấn Anh	62/06.06QT	T&HQ	27/03/2006	2.70	84	Khá	
3798	Nguyễn Vũ Cẩm Tú	62/06.07QT	T&HQ	29/11/2006	2.66	85	Khá	
3799	Vũ Tài Đức	62/06.07QT	T&HQ	30/11/2006	2.89	87	Khá	
3800	Vũ Quang Vinh	62/06.07QT	T&HQ	14/04/2006	2.91	84	Khá	
3801	Phạm Minh Tâm	62/06.07QT	T&HQ	24/07/2006	3.14	86	Khá	
3802	Phạm Xuân Quý	62/06.07QT	T&HQ	16/09/2006	2.68	82	Khá	
3803	Nguyễn Quý Tùng	62/06.07QT	T&HQ	04/02/2006	2.95	83	Khá	
3804	Nguyễn Bảo Anh	62/06.07QT	T&HQ	21/10/2006	2.86	88	Khá	
3805	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	62/06.07QT	T&HQ	17/08/2006	3.07	90	Khá	
3806	Nguyễn Đức Thịnh	62/06.07QT	T&HQ	19/03/2006	2.86	84	Khá	
3807	Nguyễn Thanh Hằng	62/06.07QT	T&HQ	18/08/2006	3.16	84	Khá	
3808	Nguyễn Đình Sỹ	62/06.07QT	T&HQ	15/10/2006	2.98	84	Khá	
3809	Đoàn Minh Hùng	62/06.08QT	T&HQ	19/06/2006	2.84	83	Khá	
3810	Nông Thanh Huyền	62/06.08QT	T&HQ	05/07/2006	2.75	87	Khá	
3811	Nguyễn Đức Thiện	62/06.08QT	T&HQ	08/02/2006	2.86	84	Khá	
3812	Mai Lê Quang	62/06.08QT	T&HQ	19/01/2006	2.95	83	Khá	
3813	Phạm Thùy Dương	62/06.08QT	T&HQ	13/11/2006	2.84	83	Khá	
3814	Võ Lê Kim Ngân	62/06.09QT	T&HQ	13/01/2006	3.02	86	Khá	
3815	Vũ Nam Phong	62/06.09QT	T&HQ	22/02/2006	2.95	88	Khá	
3816	Phạm Việt Cường	62/06.09QT	T&HQ	31/03/2006	3.11	82	Khá	
3817	Nguyễn Đức Trung	62/06.09QT	T&HQ	15/05/2006	2.75	83	Khá	
3818	Trần Minh Ngọc	62/06.09QT	T&HQ	03/08/2006	2.82	85	Khá	
3819	Nguyễn Thị Ngọc Mai	62/06.09QT	T&HQ	28/07/2006	2.91	88	Khá	
3820	Vũ Thùy Trang	62/06.09QT	T&HQ	19/09/2006	2.98	83	Khá	
3821	Trần Tuấn Long	62/06.09QT	T&HQ	15/05/2006	2.66	84	Khá	
3822	Nguyễn Hoàng Minh	62/06.10QT	T&HQ	12/12/2006	3.18	83	Khá	
3823	Hoàng Mai Trang	62/06.10QT	T&HQ	21/10/2006	2.64	82	Khá	
3824	Nguyễn Quỳnh Trang	62/06.10QT	T&HQ	25/05/2006	3.11	89	Khá	
3825	Vương Ngọc Hiệp	62/06.10QT	T&HQ	01/12/2006	2.68	90	Khá	
3826	Trần Thùy Trang	62/06.10QT	T&HQ	14/05/2006	2.98	88	Khá	
3827	Nguyễn Vũ Thảo Hiền	62/06.10QT	T&HQ	09/03/2006	3.02	87	Khá	
3828	Trần Minh Anh	63.01.01	T&HQ	30/01/2007	2.96	83	Khá	
3829	Dương Bảo Minh	63.01.01	T&HQ	25/05/2007	3.15	86	Khá	
3830	Trần Quang Anh	63.01.01	T&HQ	23/08/2007	2.92	87	Khá	
3831	Đỗ Ngọc Linh	63.01.01	T&HQ	03/08/2007	2.50	85	Khá	
3832	Trần Hà Anh	63.01.01	T&HQ	06/05/2007	3.19	84	Khá	
3833	Nguyễn Phan Huyền My	63.01.01	T&HQ	09/10/2007	3.08	83	Khá	
3834	Nguyễn Huyền Trang	63.01.01	T&HQ	31/12/2007	3.19	85	Khá	
3835	Lê Thị Quỳnh Chi	63.01.01	T&HQ	26/12/2007	3.19	88	Khá	
3836	Đinh Huyền Trân	63.01.01	T&HQ	07/07/2007	3.15	86	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3837	Nguyễn Công Vinh	63.01.01	T&HQ	22/04/2007	2.81	86	Khá	
3838	Nguyễn Danh Hoàng Tùng	63.01.01	T&HQ	01/08/2007	3.15	85	Khá	
3839	Nguyễn Văn Đức	63.01.01	T&HQ	10/10/2007	3.08	85	Khá	
3840	Trần Việt Anh	63.01.01	T&HQ	19/01/2007	2.88	84	Khá	
3841	Nguyễn Vũ Khánh Chi	63.01.01QT.01	T&HQ	20/06/2007	3.00	87	Khá	
3842	Trần Xuân Nam	63.01.01QT.01	T&HQ	07/10/2007	3.17	88	Khá	
3843	Trần Nam Khánh	63.01.01QT.01	T&HQ	18/05/2007	2.54	84	Khá	
3844	Trần Thị Thu Hà	63.01.01QT.02	T&HQ	10/08/2007	2.88	84	Khá	
3845	Võ Thị Lam Giang	63.01.01QT.02	T&HQ	08/07/2007	3.04	86	Khá	
3846	Doãn Minh Cường	63.01.01QT.02	T&HQ	21/02/2007	2.83	85	Khá	
3847	Đỗ Trung Dũng	63.01.01QT.02	T&HQ	16/04/2007	2.67	86	Khá	
3848	Phạm Phan Hoài Anh	63.01.01QT.02	T&HQ	30/03/2007	2.50	84	Khá	
3849	Trần Minh Vũ	63.01.02	T&HQ	24/05/2007	3.19	83	Khá	
3850	Nguyễn Hồng Phong	63.01.02	T&HQ	11/05/2007	2.85	84	Khá	
3851	Nguyễn Thùy Linh	63.01.02	T&HQ	08/07/2007	3.04	84	Khá	
3852	Nguyễn Trà My	63.01.02	T&HQ	30/05/2007	3.08	83	Khá	
3853	Vũ Đỗ Hữu Đạt	63.01.02	T&HQ	08/10/2007	2.88	83	Khá	
3854	Trần Khánh Linh	63.01.02	T&HQ	02/04/2007	2.54	87	Khá	
3855	Trần Vân Ngọc	63.01.02	T&HQ	05/08/2007	3.08	85	Khá	
3856	Trần Đức Minh	63.01.02	T&HQ	08/03/2007	2.88	85	Khá	
3857	Nguyễn Thủy Tiên	63.01.02	T&HQ	15/11/2007	3.00	88	Khá	
3858	Trần Bảo Châu	63.01.03	T&HQ	21/03/2007	3.19	83	Khá	
3859	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	63.01.03	T&HQ	10/04/2007	3.19	84	Khá	
3860	Trần Vũ Thu Hà	63.01.03	T&HQ	11/05/2007	3.04	84	Khá	
3861	Trần Khánh Linh	63.01.03	T&HQ	28/12/2007	3.12	84	Khá	
3862	Vũ Chí Nguyên	63.01.03	T&HQ	15/06/2007	3.12	83	Khá	
3863	Nguyễn Hoàng Yến	63.01.03	T&HQ	19/07/2007	2.92	87	Khá	
3864	Lê Thị Thu Hiền	63.01.04	T&HQ	02/02/2007	3.08	86	Khá	
3865	Ngô Thị Thu Phương	63.01.05	T&HQ	30/04/2007	3.08	87	Khá	
3866	Nguyễn Hà Trang	63.01.05	T&HQ	08/06/2007	3.00	84	Khá	
3867	Dương Thị Thu Phương	63.01.05	T&HQ	10/11/2007	3.08	86	Khá	
3868	Nguyễn Anh Thư	63.01.05	T&HQ	30/12/2007	3.19	85	Khá	
3869	Bùi Quang Phát	63.01.05	T&HQ	04/12/2007	3.19	85	Khá	
3870	Nguyễn Thị Lan Anh	63.01.05	T&HQ	14/03/2007	3.04	85	Khá	
3871	Phạm Phương Thảo	63.01.06	T&HQ	03/07/2007	3.19	85	Khá	
3872	Lê Thị Phương Linh	63.01.06QT.01	T&HQ	03/04/2007	3.17	85	Khá	
3873	Dương Ngọc Linh	63.01.06QT.01	T&HQ	20/10/2007	2.92	83	Khá	
3874	Nguyễn Ngọc Minh Châu	63.01.06QT.01	T&HQ	10/11/2007	3.08	88	Khá	
3875	Nguyễn Mai Phương	63.01.06QT.01	T&HQ	26/03/2007	2.83	82	Khá	
3876	Nguyễn Trí Dũng	63.01.06QT.02	T&HQ	02/08/2007	3.04	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3877	Nguyễn Thanh Tùng	63.01.06QT.02	T&HQ	05/10/2007	2.92	83	Khá	
3878	Đào Hải Thắng	63.01.06QT.02	T&HQ	22/04/2007	2.96	85	Khá	
3879	Đinh Hoàng Anh Tuấn	63.01.06QT.02	T&HQ	12/05/2007	2.88	83	Khá	
3880	Vũ Minh Khôi	63.01.06QT.02	T&HQ	10/09/2007	3.17	82	Khá	
3881	Vũ Dư Quốc Khánh	63.01.06QT.03	T&HQ	02/09/2007	3.17	84	Khá	
3882	Vũ Tuấn Kiệt	63.01.06QT.03	T&HQ	17/11/2007	2.92	84	Khá	
3883	Trương Quế Anh	63.01.06QT.03	T&HQ	26/12/2007	3.13	86	Khá	
3884	Vũ Minh Hiếu	63.01.06QT.03	T&HQ	12/12/2007	3.08	83	Khá	
3885	Nguyễn Đức Vượng	63.01.06QT.03	T&HQ	21/07/2007	2.92	82	Khá	
3886	Đỗ Nguyễn Ánh Dương	63.01.06QT.04	T&HQ	09/11/2007	3.17	83	Khá	
3887	Nguyễn Gia Long	63.01.06QT.04	T&HQ	05/12/2007	2.54	83	Khá	
3888	Nguyễn Đức An	63.01.06QT.04	T&HQ	04/04/2007	3.17	83	Khá	
3889	Phạm Nguyễn Hà My	63.01.06QT.04	T&HQ	27/01/2007	3.17	85	Khá	
3890	Nguyễn Đức Long	63.01.06QT.04	T&HQ	04/09/2007	3.00	83	Khá	
3891	Đặng Nguyễn Kim Ngân	63.01.06QT.05	T&HQ	28/01/2007	3.13	84	Khá	
3892	Vương Tuấn Sơn	63.01.06QT.05	T&HQ	16/10/2007	3.04	84	Khá	
3893	Bùi Minh Khôi	63.01.06QT.05	T&HQ	01/02/2007	3.00	83	Khá	
3894	Vũ Công Minh	63.01.06QT.05	T&HQ	10/10/2007	2.96	84	Khá	
3895	Trần Văn Huy	63.01.06QT.05	T&HQ	21/03/2007	3.08	84	Khá	
3896	Nguyễn Huy Hoàng	63.01.06QT.05	T&HQ	20/02/2007	3.17	84	Khá	
3897	Ngô Minh Việt	63.01.06QT.06	T&HQ	23/07/2007	3.00	83	Khá	
3898	Phạm Đình Quang Minh	63.01.06QT.06	T&HQ	09/01/2007	3.17	82	Khá	
3899	Nguyễn Gia Huy	63.01.06QT.06	T&HQ	14/06/2007	3.04	83	Khá	
3900	Nguyễn Quang Trường	63.01.06QT.06	T&HQ	16/03/2007	2.92	84	Khá	
3901	Đỗ Duy Đức	63.01.06QT.07	T&HQ	30/11/2007	3.17	84	Khá	
3902	Nguyễn Quốc Thái	63.01.06QT.08	T&HQ	13/10/2007	2.92	84	Khá	
3903	Nguyễn Hồng Phúc	63.01.06QT.09	T&HQ	18/10/2006	3.17	84	Khá	
3904	Đỗ Minh Đức	63.01.06QT.09	T&HQ	31/12/2007	2.96	86	Khá	
3905	Đỗ Hồ Nam	63.01.06QT.09	T&HQ	18/05/2007	2.96	86	Khá	
3906	Hà Huy Tiến	63.01.06QT.09	T&HQ	13/06/2007	3.04	87	Khá	
3907	Đinh Lê Đại Thắng	63.01.06QT.09	T&HQ	04/11/2007	3.17	87	Khá	
3908	Đinh Anh Minh Trí	63.01.06QT.09	T&HQ	28/07/2007	3.04	85	Khá	
3909	Phạm Quang Minh	63.01.06QT.09	T&HQ	14/10/2007	2.88	83	Khá	
3910	Nguyễn Tuyết Anh	63.01.06QT.10	T&HQ	10/02/2007	2.88	85	Khá	
3911	Lê Đỗ Anh Kiệt	63.01.06QT.10	T&HQ	30/10/2007	3.08	82	Khá	
3912	Đinh Yến Ngọc	63.01.06QT.10	T&HQ	03/12/2007	3.04	84	Khá	
3913	Phạm Quang Dũng	63.01.06QT.10	T&HQ	02/12/2007	2.92	82	Khá	
3914	Bùi Đức Anh	63.01.06QT.10	T&HQ	01/01/2007	2.92	87	Khá	
3915	Nguyễn Như Nguyệt	63.01.06QT.10	T&HQ	05/10/2007	3.08	84	Khá	
3916	Lê Quang Hải	63.01.06QT.10	T&HQ	03/07/2007	3.04	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3917	Lê Huyền Anh	63.01.06QT.10	T&HQ	20/01/2007	3.17	84	Khá	
3918	Nguyễn Tuyết Nhi	63.01.06QT.10	T&HQ	13/06/2007	3.08	88	Khá	
3919	Võ Min Gia Lin	63.01.06QT.10	T&HQ	23/10/2007	2.92	86	Khá	
3920	Ngũ Tuấn Hưng	63.01.06QT.10	T&HQ	10/12/2007	2.71	86	Khá	
3921	Đặng Gia Bảo	63.01.06QT.10	T&HQ	11/04/2007	3.00	82	Khá	
3922	Hoàng Anh Tuấn	63.01.06QT.11	T&HQ	12/08/2007	3.00	85	Khá	
3923	Nguyễn Đương Nam	63.01.06QT.11	T&HQ	06/07/2007	3.17	84	Khá	
3924	Nguyễn Trung Anh	63.01.06QT.11	T&HQ	07/07/2007	2.92	82	Khá	
3925	Nguyễn Tâm Anh	63.01.06QT.11	T&HQ	23/09/2007	2.92	82	Khá	
3926	Phạm Thị Minh Phượng	63.01.06QT.11	T&HQ	11/01/2007	3.04	85	Khá	
3927	Ngô Quý Trường An	63.01.06QT.11	T&HQ	21/08/2007	2.88	82	Khá	
3928	Hoàng Minh Hiếu	63.01.06QT.11	T&HQ	11/07/2007	2.75	82	Khá	
3929	Lê Thái Sơn	63.01.06QT.11	T&HQ	12/07/2007	2.88	82	Khá	
3930	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	63.01.06QT.11	T&HQ	28/10/2007	2.83	84	Khá	
3931	Nguyễn Thị Phương Thanh	63.01.06QT.11	T&HQ	25/01/2007	3.13	83	Khá	
3932	Nguyễn Minh Hiếu	63.01.06QT.12	T&HQ	02/10/2007	3.13	87	Khá	
3933	Nguyễn Hoàng Hà	63.01.06QT.12	T&HQ	04/03/2007	3.17	85	Khá	
3934	Đinh Vũ Hoàng	63.01.06QT.12	T&HQ	30/11/2007	3.13	87	Khá	
3935	Nguyễn Thành Nam	63.01.06QT.12	T&HQ	31/07/2007	3.13	82	Khá	
3936	Vũ Trang Nhung	63.01.06QT.12	T&HQ	29/05/2007	3.13	87	Khá	
3937	Phạm Vân Khánh	63.01.06QT.12	T&HQ	17/08/2007	3.08	82	Khá	
3938	Bùi Thùy Dương	63.01.06QT.13	T&HQ	01/11/2007	2.79	82	Khá	
3939	Mạc Thị Phương Thảo	63.01.06QT.13	T&HQ	03/06/2007	2.79	84	Khá	
3940	Nguyễn Hương Thảo	63.01.06QT.13	T&HQ	21/12/2007	3.17	82	Khá	
3941	Phạm Ngọc Hà	63.01.06QT.13	T&HQ	09/04/2007	3.13	83	Khá	
3942	Nguyễn Quang Minh	63.01.06QT.13	T&HQ	18/05/2007	2.83	83	Khá	
3943	Trần Thị Khánh Huyền	63.01.06QT.14	T&HQ	09/11/2007	2.83	86	Khá	
3944	Hoàng Mạnh Dũng	63.01.06QT.14	T&HQ	16/04/2006	2.54	82	Khá	
3945	Ngô Linh Nhi	63.01.06QT.14	T&HQ	21/05/2007	2.58	84	Khá	
3946	Trịnh Khánh Linh	63.01.06QT.14	T&HQ	03/03/2007	2.92	86	Khá	
3947	Vũ Minh Anh	63.01.06QT.14	T&HQ	10/01/2007	3.08	84	Khá	
3948	Nguyễn Khánh Linh	63.01.06QT.14	T&HQ	13/03/2007	3.00	83	Khá	
3949	Lê Minh Nhật	63.01.06QT.14	T&HQ	12/07/2007	2.79	86	Khá	
3950	Ngô Thị Xuân Hoa	63.01.06QT.14	T&HQ	30/11/2007	2.71	86	Khá	
3951	Nguyễn Thị Phương Anh	63.01.06QT.14	T&HQ	08/11/2007	3.04	85	Khá	
3952	Lê Thị Hà Chi	63.01.06QT.14	T&HQ	24/12/2007	2.71	85	Khá	
3953	Nguyễn Vân Anh	63.01.06QT.14	T&HQ	02/04/2007	3.17	84	Khá	
3954	Nguyễn Đức Luân	63.01.06QT.14	T&HQ	07/05/2007	2.75	83	Khá	
3955	Phan Bảo Thanh	63.01.06QT.14	T&HQ	27/11/2007	3.00	83	Khá	
3956	Nguyễn Minh Tuấn	63.01.06QT.14	T&HQ	14/02/2007	3.13	84	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3957	Nguyễn Thị Yến Nhi	63.01.06QT.14	T&HQ	18/07/2007	2.67	83	Khá	
3958	Phan Thị Minh Thư	63.01.06QT.15	T&HQ	08/08/2006	3.04	86	Khá	
3959	Trần Hoàng Nam	63.01.06QT.15	T&HQ	08/08/2007	3.13	83	Khá	
3960	Bàn Thị Khánh Vân	63.01.06QT.15	T&HQ	02/03/2007	2.67	87	Khá	
3961	Mai Thùy Dương	63.01.06QT.15	T&HQ	09/02/2007	3.04	85	Khá	
3962	Hà Khánh Linh	63.01.06QT.15	T&HQ	17/12/2007	2.92	85	Khá	
3963	Phạm Thanh Tùng	63.01.06QT.15	T&HQ	18/06/2007	2.96	85	Khá	
3964	Chu Hiền Trang	63.01.06QT.15	T&HQ	17/08/2007	3.08	85	Khá	
3965	Nguyễn Phương Thủy	63.01.06QT.15	T&HQ	24/09/2007	2.92	85	Khá	
3966	Lê Thị Thủy	63.01.06QT.15	T&HQ	10/09/2006	3.04	84	Khá	
3967	Nguyễn Văn Sang	63.01.06QT.15	T&HQ	18/02/2007	2.92	83	Khá	
3968	Nguyễn Hồng Quân	63.01.06QT.15	T&HQ	13/09/2007	3.08	82	Khá	
3969	Đinh Thị Như Quỳnh	63.01.06QT.15	T&HQ	29/09/2007	3.08	86	Khá	
3970	Trần Bảo Phương	63.01.06QT.15	T&HQ	07/08/2007	2.92	84	Khá	
3971	Ngô Thị Thu Hiền	63.01.06QT.16	T&HQ	08/10/2007	2.88	85	Khá	
3972	Lê Thị Quỳnh Trang	63.01.06QT.16	T&HQ	30/07/2007	2.92	84	Khá	
3973	Đỗ Thị Vân Linh	63.01.06QT.16	T&HQ	02/05/2007	2.75	84	Khá	
3974	Lương Thị Hải Yến	63.01.06QT.16	T&HQ	16/10/2007	2.71	83	Khá	
3975	Phan Lê Quốc Huy	63.01.06QT.16	T&HQ	13/02/2007	2.63	84	Khá	
3976	Nguyễn Bành Gia Chinh	63.01.06QT.16	T&HQ	21/01/2007	2.67	82	Khá	
3977	Nguyễn Thị Ánh Dương	63.01.06QT.16	T&HQ	26/12/2007	2.83	86	Khá	
3978	Bùi Tuấn Anh	63.01.06QT.16	T&HQ	15/08/2007	2.75	83	Khá	
3979	Ngô Thị Bảo Quyên	63.01.06QT.16	T&HQ	14/12/2007	3.04	85	Khá	
3980	Nguyễn Tuệ Minh	63.01.06QT.16	T&HQ	21/04/2007	3.04	87	Khá	
3981	Lê Minh Trang	63.01.06QT.16	T&HQ	23/10/2007	3.04	84	Khá	
3982	Đỗ Thị Minh Hiền	63.01.06QT.17	T&HQ	22/06/2007	3.17	85	Khá	
3983	Trần Kiều Trang	63.01.06QT.17	T&HQ	04/09/2007	2.96	83	Khá	
3984	Nguyễn Hà Bảo Hân	63.01.06QT.17	T&HQ	18/02/2007	3.00	86	Khá	
3985	Đinh Ngọc Minh	63.01.06QT.17	T&HQ	23/08/2007	2.79	84	Khá	
3986	Vũ Khánh Ly	63.01.06QT.17	T&HQ	02/10/2007	2.75	87	Khá	
3987	Trần Hương Giang	63.01.06QT.17	T&HQ	25/02/2007	2.92	83	Khá	
3988	Nguyễn Phương Anh	63.01.06QT.17	T&HQ	16/02/2007	2.58	87	Khá	
3989	Đậu Kim Anh	63.01.06QT.17	T&HQ	31/07/2007	2.75	88	Khá	
3990	Cấn Thị Chúc Anh	63.01.06QT.17	T&HQ	23/11/2007	3.13	87	Khá	
3991	Đỗ Thảo Linh	63.01.06QT.17	T&HQ	03/10/2007	2.79	84	Khá	
3992	Lê Cao Tiến Đạt	63.01.06QT.17	T&HQ	29/05/2007	2.63	87	Khá	
3993	Đặng Trần Yến Ngọc	63.01.06QT.17	T&HQ	20/08/2007	2.79	84	Khá	
3994	Nguyễn Hoàng Tú	63.01.06QT.17	T&HQ	09/01/2007	2.83	85	Khá	
3995	Lương Diệp Tuyền	63.01.06QT.17	T&HQ	11/11/2007	2.63	88	Khá	
3996	Nguyễn Thế Anh Tuấn	63.01.06QT.17	T&HQ	18/09/2007	3.00	82	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
3997	Nguyễn Văn Dũng	63.01.06QT.17	T&HQ	09/11/2007	3.00	87	Khá	
3998	Bùi Thế Huy	63.01.06QT.18	T&HQ	27/09/2007	2.54	81	Khá	
3999	Hứa Trường Giang	63.01.06QT.18	T&HQ	23/01/2007	2.79	86	Khá	
4000	Trần Việt Hoàng	63.01.06QT.18	T&HQ	23/12/2007	3.13	88	Khá	
4001	Bùi Ngọc Diệp	63.01.06QT.18	T&HQ	03/05/2007	2.88	88	Khá	
4002	Nguyễn Huy Hiếu	63.01.06QT.18	T&HQ	07/12/2007	2.75	86	Khá	
4003	Phạm Thị Kim Chi	63.01.06QT.18	T&HQ	24/09/2007	3.08	87	Khá	
4004	Ngô Nữ Khánh Chi	63.01.06QT.18	T&HQ	03/05/2007	2.75	90	Khá	
4005	Ngô Duy Tú	63.01.06QT.18	T&HQ	11/12/2007	2.92	88	Khá	
4006	Đặng Văn Đoàn	63.01.06QT.18	T&HQ	17/11/2007	3.04	83	Khá	
4007	Đinh Tú Anh	63.01.06QT.18	T&HQ	24/05/2007	2.92	87	Khá	
4008	Đỗ Thị Hải Anh	63.01.06QT.18	T&HQ	07/10/2007	3.08	84	Khá	
4009	Phương Thị Bình An	63.01.06QT.18	T&HQ	20/09/2007	3.04	87	Khá	
4010	Đỗ Lan Anh	63.01.06QT.18	T&HQ	08/08/2007	2.96	85	Khá	
4011	Tống Gia Khoa	63.01.06QT.18	T&HQ	11/10/2007	2.88	82	Khá	
4012	Lưu Thị Yến Nhi	63.01.06QT.18	T&HQ	01/01/2007	2.54	89	Khá	
4013	Đỗ Huyền Linh	63.01.06QT.18	T&HQ	23/05/2007	2.79	85	Khá	
4014	Nguyễn Đỗ Tùng Lâm	63.01.06QT.18	T&HQ	25/12/2007	2.83	81	Khá	
4015	Trương Vũ Gia Linh	63.01.06QT.18	T&HQ	29/10/2007	2.63	86	Khá	
4016	Bùi Phan Phương Linh	63.01.06QT.18	T&HQ	16/06/2007	3.00	86	Khá	
4017	Đinh Thị Hải My	63.01.06QT.19	T&HQ	04/06/2007	2.71	87	Khá	
4018	Nguyễn Phương Linh	63.01.06QT.19	T&HQ	02/11/2007	2.88	87	Khá	
4019	Bùi Thùy Dương	63.01.06QT.19	T&HQ	05/02/2007	3.17	84	Khá	
4020	Vũ Gia Hân	63.01.06QT.19	T&HQ	19/09/2007	3.13	83	Khá	
4021	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi	63.01.06QT.19	T&HQ	05/11/2007	2.83	86	Khá	
4022	Trần Hảo An	63.01.06QT.19	T&HQ	08/11/2007	2.96	84	Khá	
4023	Tạ Thúy Nga	63.01.06QT.19	T&HQ	13/09/2007	2.67	84	Khá	
4024	Phạm Thị Thùy Dung	63.01.06QT.19	T&HQ	23/06/2007	2.92	84	Khá	
4025	Phạm Thanh Hương	63.01.06QT.19	T&HQ	05/10/2007	2.71	84	Khá	
4026	Trần Minh Đức	63.01.06QT.19	T&HQ	02/07/2007	2.58	82	Khá	
4027	Nguyễn Huy Thịnh	63.01.06QT.19	T&HQ	28/11/2007	2.75	86	Khá	
4028	Nguyễn Minh Quang	63.01.06QT.19	T&HQ	14/06/2007	2.92	88	Khá	
4029	Nguyễn Duy Anh	63.01.06QT.19	T&HQ	11/09/2007	2.63	83	Khá	
4030	Phạm Thị Khánh Chi	63.01.06QT.19	T&HQ	28/08/2007	3.00	89	Khá	
4031	Nguyễn Đức Anh	63.01.06QT.19	T&HQ	09/09/2007	2.79	82	Khá	
4032	Chu Thị Ngọc Mai	63.01.06QT.19	T&HQ	08/10/2007	3.13	91	Khá	
4033	Dương Thu Bông	63.01.06QT.20	T&HQ	04/01/2007	2.83	85	Khá	
4034	Võ Hoàng Bảo Trang	63.01.06QT.20	T&HQ	06/01/2007	3.17	87	Khá	
4035	Đỗ Nhật Huy	63.01.06QT.20	T&HQ	10/09/2007	3.13	87	Khá	
4036	Xèn Thị Ngân	63.01.06QT.20	T&HQ	09/03/2007	2.88	85	Khá	

STT	Họ và tên	Tên lớp	Tên khoa	Ngày sinh	TBCHT	Điểm RL	Xếp loại TD	Ghi chú
4037	Trần Thị Thu Thủy	63.01.06QT.20	T&HQ	10/09/2007	3.00	82	Khá	
4038	Bùi Hương Giang	63.01.06QT.20	T&HQ	01/01/2007	3.08	86	Khá	
4039	Đào Minh Triết	63.01.06QT.20	T&HQ	26/11/2007	3.04	89	Khá	
4040	Nguyễn Ngọc Huyền	63.01.06QT.20	T&HQ	24/11/2007	2.79	88	Khá	
4041	Hoàng Minh Nhật	63.01.06QT.20	T&HQ	03/12/2007	2.88	82	Khá	
4042	Nguyễn Duy Hiếu	63.01.06QT.20	T&HQ	31/10/2007	2.79	88	Khá	
4043	Nguyễn Đức Triều	63.01.06QT.20	T&HQ	26/10/2007	2.83	82	Khá	
4044	Phan Minh Hiếu	63.01.06QT.20	T&HQ	10/03/2007	2.58	86	Khá	
4045	Đàm Thị Yến Hương	63.01.06QT.20	T&HQ	16/08/2007	2.63	83	Khá	

(Danh sách này gồm 4.045 sinh viên)